NĂM THỨ MƯỜI BỐN • # 161 • SEPTEMBER 2002

THẾ KỶ 21

14771 MORAN ST., WESTMINSTER CA 92683 - USA • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

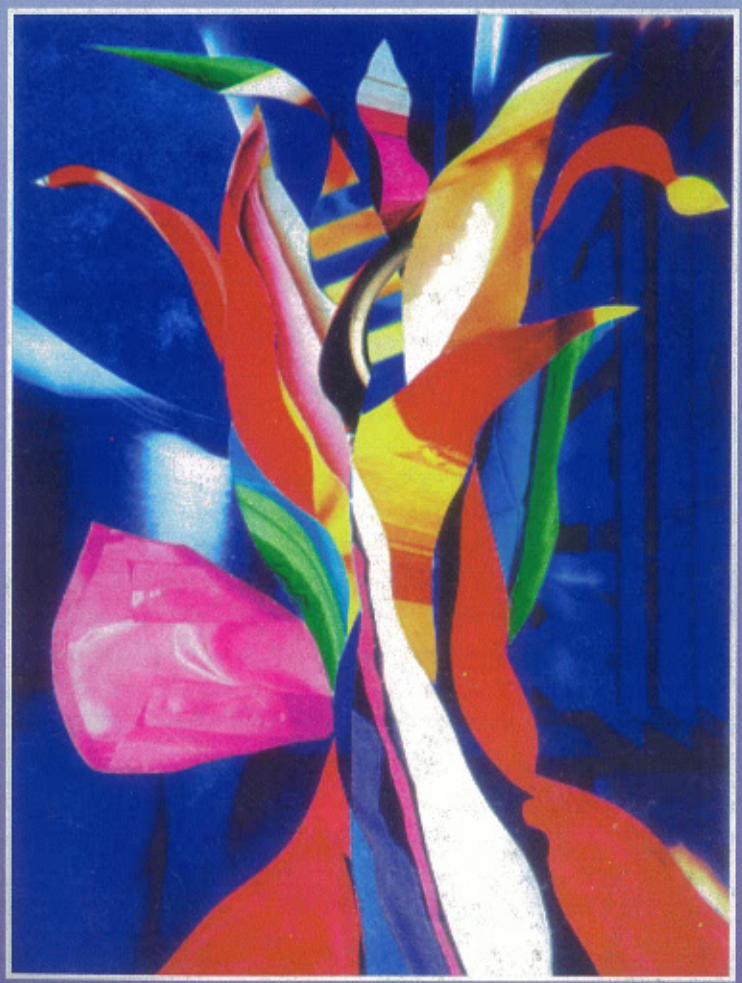

TRẦN ĐỘ, NGƯỜI CHÂN THÀNH VÀ TỬ TẾ **ĐINH QUANG ANH THÁI**

HRT VÀ NỖI OAN THỊ KÍNH **NGUYỄN VĂN TUẤN**

NĂM NGÀY LÊU LỔNG Ở PARIS **PHAN THANH TÂM**

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

www.newyorklife.com

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

FOUNTAIN VALLEY:	17330 Brookhurst St., Ste. 220	Fountain Valley, CA 92708	(714) 962-4440
IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste.180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành.

©2001 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved.

Phi Ma™

ĐÀI TRANG

hân hạnh giới thiệu

白蓮茶 Bạch Liên Trà

100% *Natural Herb Tea*

- *Bạch Liên Trà là loại trà độc đáo nhất bảo vệ sức khỏe hữu hiệu nhất.*
- *Bạch Liên Trà được bào chế tại Hoa Kỳ. 100% dược thảo thiên nhiên.*
- *Bổ Can*
- *Tống Độc*
- *Kích thích tiêu hoá và tiêu thải mỡ thừa*
- *Tinh khiết, đúng tiêu chuẩn vệ sinh*
- *Dễ sử dụng, chế nước sôi vào là uống được ngay.*

Ca Sĩ Đài Trang

Các đại lý xin liên lạc sớm với chúng tôi để có những ưu đãi đặc biệt. Cơ sở thương mại của quý vị sẽ cùng được quảng cáo trên các đài truyền hình, đài phát thanh và trên các báo.

Quý vị có thể tìm mua dầu San Ling và Bạch Liên Trà ở các tiệm thuốc Bắc, các nhà thuốc Tây, các siêu thị, các chợ vải, các tiệm tạp hóa, các tiệm bán quần áo trong vùng quý vị cư ngụ.

SỨC KHỎE CỦA MỌI GIA ĐÌNH

Distributed by PHI-MA, Inc. U.S.A.

Mọi chi tiết xin liên lạc Đại Lý Độc Quyền Phúc An Đường Inc.

Tel: (714) 775-4172 / (714) 534-6528 Fax: (714) 534-6597

Phi Ma™

SAN LING®

EFC
EASTERN FALCON Corp

三

MEDICATED OIL
DẦU GIÓ

三靈油
DẦU NÓNG

ĐÀI TRANG hân hạnh giới thiệu đến quý đồng hương khách hàng 3 loại dầu nóng đặc biệt hiệu SAN LING do Công Ty Phi Mã và Phúc An Đường độc quyền phân phối:

Quý vị có thể tìm mua dầu San Ling và Bạch Liên Trà ở các tiệm thuốc Bắc, các nhà thuốc Tây, các siêu thị, các chợ vải, các tiệm tạp hóa, các tiệm bán quần áo trong vùng quý vị cư ngụ.

Các đại lý xin liên lạc sớm với chúng tôi để có những ưu đãi đặc biệt. Cơ sở thương mại của quý vị sẽ cùng được quảng cáo trên các đài truyền hình, đài phát thanh và trên các báo.

Ca Sĩ Đài Trang

- **Dầu Xanh**
- **Dầu Vàng**
- **Dầu Trắng**

Cả 3 loại dầu nóng SAN LING đều có công hiệu như: trị nhức đầu, giảm đau lưng, nhức mỏi, xoa dịu cơn đau bụng, chữa nghẹt mũi, cảm cúm, tê thấp, trúng gió, bị côn trùng chích...

Distributed by PHI-MA, Inc. U.S.A. & EASTERN FALCON Corp.

Mọi chi tiết xin liên lạc Đại Lý Độc Quyền Phúc An Đường Inc. Tel: (714) 775-4172 / (714) 534-6528 Fax: (714) 534-6597

Dầu San Ling đem cảm giác thoải mái, ấm áp đến với mọi người.

Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO CẢI LƯƠNG
HẢI ÂU PHI XỨ

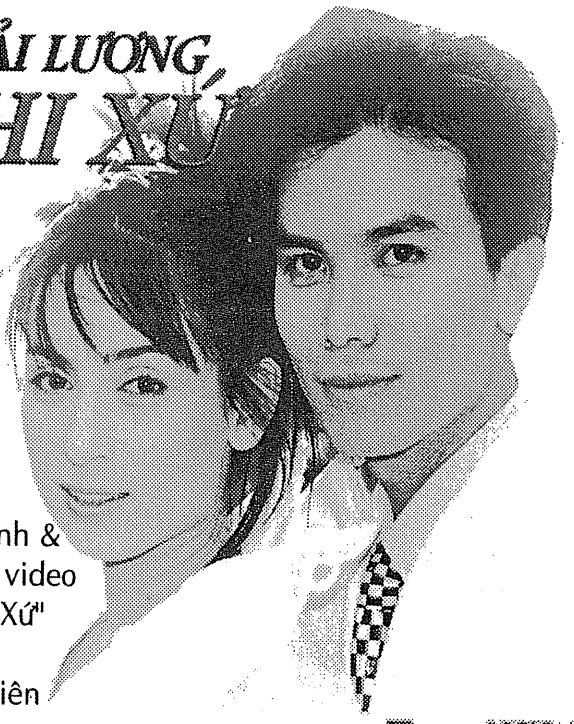

Một cuốn Video được thực hiện
rất công phu và tốn kém
như một cuốn phim
với rất nhiều ngoại cảnh,
chắc chắn sẽ làm
quý vị hài lòng.

Tháng 5-2002 vừa qua, Mạnh Quỳnh &
Phi Nhung đã thực hiện xong cuốn video
tuồng cải lương xã hội "Hải Âu Phi Xứ"
dựa theo một cuốn tiểu thuyết của
Quỳnh Dao, với thành phần diễn viên
hùng hậu.

Video cải lương "HẢI ÂU PHI XỨ" do trung tâm Thúy Nga
độc quyền, và đã phát hành vào ngày 1 tháng 9 năm 2002.

MẠNH QUỲNH & PHI NHUNG

HẢI ÂU PHI XỨ

LIÊN LẠC TRUNG TÂM THÚY NGA
714-894-5811

PHIẾU MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Giá áp dụng từ 1 tháng 8 năm 2002

Quà tặng đầy ý nghĩa

Ngày..... Tháng..... Năm.....

Họ Tên Độc giả:(người nhận tạp chí).:.....

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:.....Quốc gia.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )..... Sở Làm:( )*.....

MUA THẾ KỶ 21 : *từ số* ----------đến ----------

☐ 6 tháng ☐1 năm ☐ 2 năm bắt đầu số ---------

	6 Tháng		12 Tháng		24 Tháng		
	Media Mail	1st Class Air mail	Media Mail	1st Class Air mail	Media Mail	1st Class Air mail	Tên Quốc Gia
Giá	*US$ 25.00*	*US$32.00*	*US$ 50.00*	*US$68.00*	*US$ 90.00*	*US$120.00*	Hoa kỳ & Canada
Giá		*US$48.00*		*US$90.00 85 Euro*		*US$170.00 160 Euro*	Pháp Đức Bỉ Hòa-Lan..Tây âu
Giá		*US$35.00*		*US$65.00*		*US$112.00*	Nga, Tiệp, Ba lan.. Đông âu
Giá		*US$55.00*		*US$100.00*		*US$194.00*	*Á châu, Úcchâu, Việt nam*

Qúi Vị có thể trả bằng chi phiếu, ngân phiếu hoặc bằng thẻ tín dụng để mua báo Tạp Chí Thế Kỷ 21 theo ba cách:

Chi phiếu, ngân phiếu , thẻ tín dụng xin ghi trả cho Tạp Chí Thế Kỷ 21 và gửi về địa chỉ :

14771 Moran St. Westminster CA.92683. USA. (mới)

Liên lạc Ban trị sự: / Phát hành, gửi báo, báo thất lạc,trả tiền bằng Visa, Master Card.. Phone: (714) 425-7965 (12am-7pm PCT) Fax=714-775-0891 (24/24) Liên Lạc đăng quảng cáo : (714)775-6301 .

Liên Lạc về bài vở tòa soạn: (714) 839-8746 (Chủ bút)

. ĐIỆN THƯ: Xin điền đầy đủ vào các chi tiết trong phiếu và FAX về số (714) 775-0891

. ĐIỆN THOẠI: Tổ chức, phát hành: 714-585-4666 (Chủ nhiệm) ; Billing/ Ads 714-425-7965(Kế-toán)

NGỌC NỮ LADY BELLE *Beauty Clinic*

Là 1 trung tâm làm đẹp lớn và sang trọng nhất; Đã được tín nhiệm của quí thân chủ trong suốt 15 năm qua

*Chuyên tẩy xóa nám,tàn nhang,mụn cóc,nốt ruồi,hột thịt dư,bớt bẩm sinh, đồi mồi.Tẩy vết thâm của mụn.Tẩy trắng da mặt,da cổ,da cơ thể.

* Chữa mụn kinh niên,thẹo lồi,lỗ chân lông to,vết nứt của bụng trước và sau khi sanh.Làm mờ vết thẹo của mụn,vết nhăn trên mặt.Chữa da dầu,da khô.

* Xóa xâm mình,xóa xâm chân mày bị hư.

*CHỈ CẦN 90 PHÚT SĂN SÓC DA,QUÍ VỊ SẼ HÀI LÒNG VỚI KẾT QUẢ TRÔNG THẤY:

- 35% những vết nhăn,lỗ chân lông mờ đi,khuôn mặt thon,gọn
- 35% những vết nám,tàn nhang mờ đi
- 40% mụn cám,mụn mủ bị diệt
- 80% những đường gân máu đỏ biến mất.

FACIAL-ACNE (Treatment)

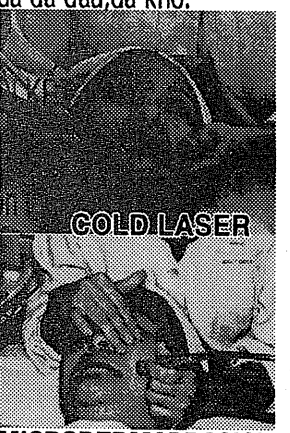

COLD LASER

MICRODERMABRASION

Lady Belle NHẬP CẢNG TRỰC TIẾP NHỮNG LOẠI KEM DANH TIẾNG CỦA PHÁP,ĐỨC,NHẬT RẤT CÔNG HIỆU KẾT QUẢ NHANH CHÓNG

SACHIKO - BIODERMA - ROSANCE X 18 - CLAIRISSIME
F&W PARIS - OBAGI - DERMALOGICA

XĂM THẨM MỸ

- XĂM CHÂN MÀY,MÍ MẮT,VIỀN MÔI....
Xăm rất đẹp,tự nhiên,dùng mực tốt,thay kim và dụng cụ cho mỗi lần xăm

BẢO ĐẢM VIỆC CHỮA TRỊ NÁM,TÀN NHANG,MỤN TRONG VÒNG 4 ĐẾN 10 TUẦN - LÀM CAM ĐOAN TRÊN GIẤY TỜ:
CHỮA KHÔNG KẾT QUẢ SẼ HOÀN TIỀN LẠI.

FREE
Được làm thử:Tẩy 1 vết đồi mồi hoặc 1 tàn nhang hay 1 gân máu
DM

LỘT DA MẶT BẰNG DƯỢC THẢO
Lột dậy chỉ cần trong vòng 5 ngày sẽ lột,tẩy hết lớp da cũ-Trang điểm,sinh hoạt bình thường.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ
-Cắt mắt,hạ mí,lấy mỡ,cắt da mí dưới
-Sửa mũi cao thon gọn, đẹp tự nhiên
-Căng da mặt,trán,cổ,nâng chân mày
-Hút mỡ dưới cằm,mặt;Hút mỡ và căng da bụng
-Sửa và nâng ngực mềm mại tự nhiên

DO 1 NHÓM BÁC SỸ VIỆT,MỸ TRÊN 20 NĂM KINH NGHIỆM ĐẢM TRÁCH.Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ CHỖ Ở

COUPON
ĐẶC BIỆT:Chỉ có $20 cho FACIAL với coupon này
DM

13872 BROOKHURST ST.,GARDEN GROVE,CA 92843 (Cạnh Century TV)
Tel: (714) 534-4500 Toll free: 1(888) 270-1234
Mở cửa hàng ngày từ 10AM đến 6:30 PM (nghỉ thứ ba)

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
Đặc biệt: Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

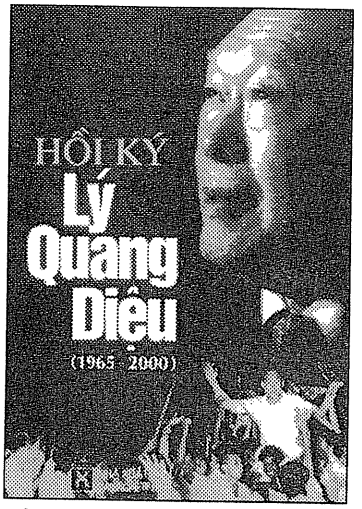

HỒI KÝ LÝ QUANG DIỆU (1965-2000)
Bản dịch **Phạm Viêm Phương** và **Huỳnh Văn Thanh**
Kinh nghiệm quý báu của một nhà lãnh đạo Singapore để đưa đất nước tiến lên; lợi tức đầu người từ 400 USD vào năm 1959 thành 12,200 USD năm 1990 và 22,000 USD vào năm 1999.- 935 trang. Giá 25 Mỹ kim.

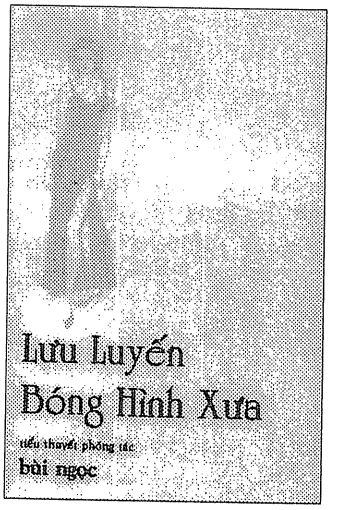

LƯU LUYẾN BÓNG HÌNH XƯA
Tiểu thuyết phóng tác của **BÙI NGỌC**
Độc giả sẽ nhìn thấy cuộc sống của những người cưu mang nhiều nguyện ước. Hình như ham muốn và đau khổ luôn đi sát bên nhau... Một cuốn tiểu thuyết đầy hào hứng và đam mê. 570 trang. Giá 20 Mỹ kim.

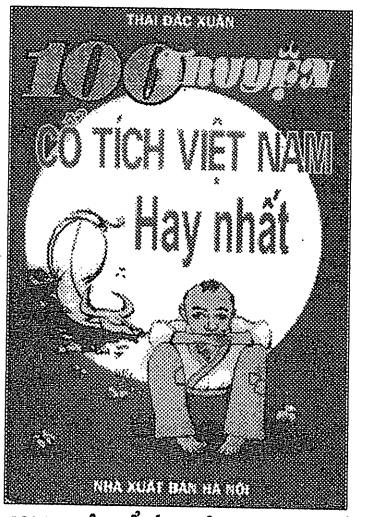

100 TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM HAY NHẤT
THÁI ĐẮC XUÂN sưu tầm
Truyện cổ tích chứa đựng tâm hồn của dân tộc, có tác dụng xây dựng đời sống tinh thần và tình cảm cho bao thế hệ nhỏ tuổi kế tiếp nhau của dân tộc đó. Nuôi dưỡng văn hóa Việt nơi con cái không gì bằng cho chúng nghe truyện cổ tích Việt Nam. Giá 13 Mỹ kim.

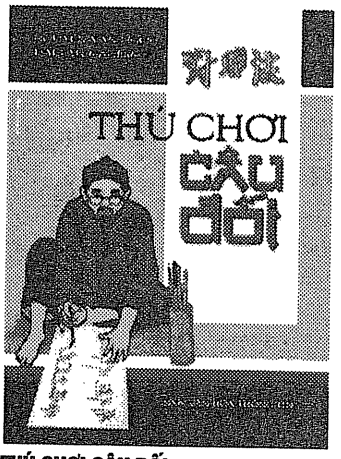

THÚ CHƠI CÂU ĐỐI
NGUYỄN VĂN NGỌC
Câu đối là một hình thái trò chơi của ngôn từ. Học tiếng Việt, phải biết thế nào là câu đối, để khám phá ra những cái lắt léo, hay ho của ngôn ngữ Việt. Giá 9 Mỹ kim.

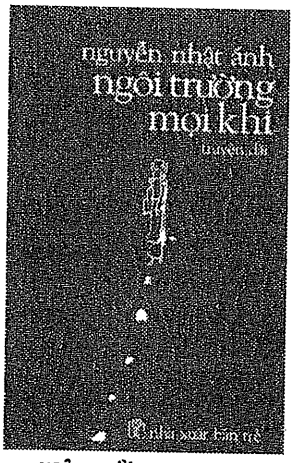

NGÔI TRƯỜNG MỌI KHI
NGUYỄN NHẬT ÁNH
Truyện của lứa tuổi học trung học. Chưa lớn hẳn, nhưng không còn là con nít. Dí dỏm, nghịch ngợm, nhưng lúc nào cũng dễ thương. Lứa tuổi học trò đọc đã đành, người lớn đọc cũng thích lắm... Giá 7.50 Mỹ kim.

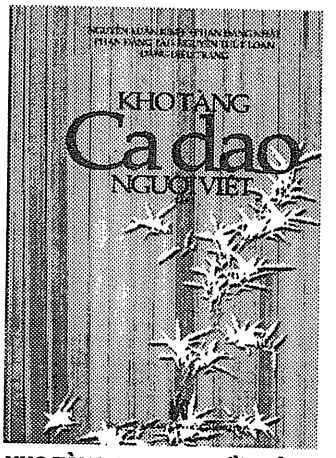

KHO TÀNG CA DAO NGƯỜI VIỆT
Một cuốn sách lớn, có tham vọng thâu tóm càng nhiều câu ca dao càng tốt. Kết quả của một cuộc sưu tầm dày công. Trọn bộ hai cuốn, tổng số trang là 3080. Đây là một sưu tập đầy đủ nhất từ trước đến nay về ca dao. Giá 95 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quân,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiêu Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Tĩnh vật hoa* của họa sĩ **Rừng**. Sơn dầu trên bố, 1998. 100 x 880 cm.
Trình bày bìa: **Nguyễn Thị Hợp** và **Nguyễn Đồng**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Hý họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành, Phạm Cường**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 161 Tháng Chín 2002

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
10. Thực vi văn hiến chi bang – **Ngô Nhân Dụng**
14. Từ cái chết của Trần Độ đến tương lai của ĐCSVN – **Đoàn Viết Hoạt**
20. Trần Độ, người chân thành và tử tế – **Đinh Quang Anh Thái**
25. Tiếng vỗ tay trong đám tang – **Hoàng Tiến**
HỒI TƯỞNG
29. Lisa Beamer, người góa phụ can đảm – **Nguyễn Ngọc Minh**
32. Những người hành khách can đảm... – **Nguyễn Hà Sơn**
LỊCH SỬ – XÃ HỘI
55. Tìm hiểu đảng Cộng sản Hoa Kỳ – **Nguyenphuc Bửu Tập**
63. Yếu tố thành công của người phụ nữ di dân – **Bùi Bích Hà** phỏng vấn **Ngô Tú Anh**
76. Đừng bao giờ quên – **Nguyễn Ái Nhân**
78. Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ – **Trần Anh Tuấn**
90. Bước đầu bị đẩy ra khỏi đảng – **Trần Độ**
109. Cuốn tiểu sử Hồ Chí Minh đầy đủ nhất – **Minh Võ**
KHOA HỌC
33. HRT và nỗi oan Thị Kính – **Nguyễn Văn Tuấn**
37. Viện Đại học Cần Thơ, đồng bằng sông Cửu Long và con sông Mekong – **Ngô Thế Vinh**
86. Làm bom và cuộc săn năng lượng – **Nguyễn Đức Tường**
VĂN HỌC – NGHỆ THUẬT
65. Nhất Linh, Giòng Sông Thanh Thủy – **Thụy Khuê**
114. F.O.B.: cuộc triển lãm của thế hệ trẻ – **Thơ Thơ** phỏng vấn **Lê Trâm**
VĂN
59. Năm ngày lêu lổng ở Paris – **Phan Thanh Tâm**
69. Thoáng hương xưa – **Trần Huy Sao**
75. Bạn về xứ bạn – **Phạm Thành Châu**
83. Dấu nhớ – **Lô**
96. Gia phả – **Trần Trị Chi**
106. Mộng mị – **Xuân Đỗ**
THƠ
67. Viết trước ngày sinh nhật – **Lưu Vỹ Bửu**. 71. Những vùng đất khổ – **Khánh Hà**. 81. Khúc tháng sáu – **Du Tử Lê**. 84. Đà Nẵng lần đầu – **Huỳnh Liễu Ngạn**. 93. Tìm lại mình - **Mạc Phương Đình**. 99. Từ chiến trường xa – **Song Nhị**. 103. Bắt chước Nguyễn Bính – **Chu Vương Miện**. 108. Nước. Mây. Mưa – **Lĩnh Hàn**
MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết
9. Tòa soạn & Bạn đọc
9. Thư trị sự
42. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
48. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
117. Chân trời VHNT – **Anh Thành, Thủy Tiên**

Thêm vài đính chính

Đọc Thế Kỷ 21 số 160 (tháng Tám 2002), phần Bạn Đọc Viết, tôi rất cám ơn anh Nguyễn Tường Thạch đã nói rõ lại một điểm tôi đã nhớ sai (trong bài "Tưởng nhớ về Nhất Linh" của Trương Kim Anh, TK 21 số 159): địa điểm họa sĩ Nguyễn Gia Trí bị an trí là Thủ Dầu Một chứ không phải Thủ Đức. Xin cám ơn anh Thạch. Nhờ nhận xét của anh, tôi mới có dịp nhìn ra một số điểm cần đính chính nữa:

- Bức ảnh Nhất Linh với bé Kim Anh trong vườn Tao Đàn (trang 62, số 159) được chụp vào năm 1954. (Chú thích dưới ảnh chỉ nói là đầu thập niên 1950).

- Trong bài "Tưởng nhớ Nhất Linh" nói trên, trang 62, cột thứ hai, có dòng chữ: "Nhất Linh-Tặng Trương Kim Anh- Năm Ất Sửu (1961)" xin đọc là năm TÂN Sửu.

Ngoài ra trong bài "Những kỷ niệm riêng với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam" của Trương Bảo Sơn, cuối trang 21 có dòng chữ: *"Cũng ở cái động và căn lều này, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam ngồi viết văn và khuyến khích Nguyễn Thị Vinh viết cuốn Thương Yêu và Linh Bảo viết cuốn Gió Bấc,"* theo thân mẫu của tôi là nhà văn Nguyễn Thị Vinh thì thời đó Linh Bảo không có mặt tại căn lều ấy. Nguyễn Thị Vinh chỉ gặp Linh Bảo tại Cửu Long, Linh Bảo chưa bao giờ lên núi gặp Nguyễn Tường Tam.

Trương Kim Anh *(*Na Uy*)*

Sốt ruột hay không sốt ruột...

Tôi là Nguyễn Văn Thà, người đã viết một số truyện mà Đỗ Quang Nghĩa - Lê Minh Hà cho là đã góp phần cho "phần văn nghệ của tạp chí (TK 21) bắt đầu đa giọng," rồi nhị vị còn cà khịa: "đọc phần văn nghệ của TK 21 (trước đó) có cảm giác bước giật lùi lại thời Tự lực văn đoàn. Ở thời đó mà đọc văn chương đó thì thích, chứ thời này thì sốt ruột."

Bùi Bích Hà phản ứng: "Viết được như TLVĐ đâu có dễ nhỉ?" và nhà văn này còn thêm mấy câu thiệt rùng rợn: "Đa dạng và loại bỏ vốn triệt tiêu nhau và ý niệm loại bỏ bao hàm triệt tiêu luôn cả tự do, phải không ạ?

Xin làm ơn chia sẻ, đừng đóng dấu, cho những ngòi bút được thở."

Và mới đây có Lê Quang Bình, hồi trẻ đọc văn TLVĐ không thích lắm, và 40 năm sau thì: "Bây giờ 'tôi' thấy TLVĐ 'hay' mới chết chứ!"

Thưa quí vị,

Thà này có bạn đồng nghiệp người Na Uy tên Lars Danielsen; thua Thà tới 10 tuổi (cách Thà chưa tới 1/2 thế hệ); tốt nghiệp cao học ngành khảo cứu văn chương. Dịch mấy truyện ngắn của NVT cho hắn đọc, hắn phê bình: "Truyện của anh đọc *kjedelig* (mà tiếng Mỹ gọi là *boring*, còn người Bắc kỳ kêu là sốt ruột). Na Uy người ta gọi văn chương kiểu của anh là văn chương tiệm chạp phô (*kiosklitteratur*), vì về đề tài thì chẳng có gì mới lạ, người Tây họ đã nói từ thế kỷ 18 rồi; còn lối dàn dựng truyện và văn thì nhiều tính chất của kịch xà phòng (*soap opera*: cải lương). Trong giòng văn chương chính thống Tây phương hiện nay người ta hầu như không còn viết như thế nữa."

Thực ra người La Mã tự thủa xa lơ xa lắc đã nói: "Về màu sắc và thức ăn, thì tùy cảm quan, khẩu vị từng người." Mà người thì sống trong những thời đại, những nền văn hoá khác nhau, nhưng người Âu Mỹ trong mọi lãnh vực, kể cả lãnh vực văn chương, xem ra họ áp dụng cái thuyết biến dịch Yin Yang ngon lành hơn người ở trong những cái xứ sở đã đẻ ra thuyết ấy.

Ngoài ra, tôi tin là các vị trong TLVĐ hẳn sẽ cười mãn nguyện, khi thấy có kẻ hậu sinh biết cảm thấy sốt ruột lúc đọc văn chương của họ, vì để có cái cảm giác sốt ruột của đứa con chóng lớn ấy, đứa con hẳn đã được (cha) mẹ mớm cho thức ăn tốt lành, mà TLVĐ đã mớm cho các thế hệ sau một điều rất quan trọng, đó là sự khai phá.

Nguyễn Văn Thà *(*Na uy*)*

Jung người nước nào?

Trong Thế Kỷ 21 số 157, bài "Carl Jung – Thiền và Tâm lý trị liệu pháp" tác giả Lưu Văn Vịnh cho rằng bác sĩ tâm thần Carl Jung là người Đức (trang 32). Theo chỗ chúng tôi hiểu, C. Jung là người Thụy Sĩ chứ không phải Đức. Chắc hẳn ông bác sĩ tâm thần này ở vào vùng nói tiếng Đức của nước Thụy Sĩ, nên có thể sách ông viết bằng tiếng Đức, khiến nhiều người tưởng ông là người Đức.

Mrs. T *(*Internet*)*

Câu đối, thuốc độc

Thế Kỷ 21 số 159 tháng Bảy 2002 tưởng niệm Nhất Linh, bài "Nhất Linh người định nghĩa Sống và định nghĩa Chết" của tác giả Lưu Văn Vịnh có ghi lại một vế câu đối viếng của thi sĩ Vũ Hoàng Chương:

Nhất khả đoạn, **nhị** khả tuyệt, nhi **tam** bất hủ

Tôi nhớ vào sáng sớm ngày 8 tháng 7 năm 1963, tất cả các nhật báo xuất bản ở Sài Gòn đều đăng nơi trang nhứt tin nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã tự tử vào đêm 7 tháng 7 năm 1963 trước khi Tòa án Quân sự Đặc biệt mở phiên xử các nhân sĩ dính líu đến cuộc đảo chánh ngày 11.11.1960 gồm các ông Nguyễn

Tường Tam, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Trần Văn Văn, Nguyễn Xuân Chữ... vào sáng ngày hôm sau.

Ngay sáng hôm đó hoặc sáng hôm sau 9.7.1963, tôi nhớ cũng đọc thấy câu đối viếng của thi sĩ Vũ Hoàng Chương bằng Hán văn lẫn Việt văn. Tuy nhiên vì thời gian đã lâu, tôi chỉ nhớ như dưới đây, không biết có đúng không, dám mong quý độc giả nào còn nhớ vui lòng bổ túc cho:

Song thất dạ, thanh thiên lạc phượng

Tiền Phong Hóa, hậu Văn Hóa, thử phượng lập ngôn (1)

. . . . . .

***Bút** khả đoạn, **mặc** khả tuyệt, **nhi danh** bất hủ* (2)

Phần Việt văn:

Đêm mùng 7 tháng 7, trời xanh vừa rớt phượng

Trước có Phong Hóa, sau có Văn Hóa, thôi rồi phượng đã lập ngôn

. . . . . .

Bút có thể dứt, mực có thể cạn, mà danh kia bất hủ.

Tiện đây, xin ghi ra một câu đối viếng nữa, nhưng không nhớ tên tác giả, xin vị nào biết, chỉ dùm cho:

Đời mưa gió lạnh lùng anh phải sống

Hai buổi chiều vàng đâu nhẻ nắng thu? (3)

Nơi trang 83, ông Lưu Văn Vịnh có ghi lại câu nói của chính khách Nguyễn Tường Tam: "Tôi mà tự tử thì chẳng ai biết tôi dùng loại độc dược nào." Về điểm nầy, thật tình tôi chưa thấy sách báo nào đề cập đến. Nay tôi mạo muội ghi ra điều tôi biết về loại độc dược mà ông Nguyễn Tường Tam đã dùng để tự tử.

Vào tháng 8 năm 1963, một số anh em Biên Tập Viên Cảnh sát tân tuyển chúng tôi đến tập sự tại Sở Giáo Nghiệm thuộc Nha Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia, tọa lạc tại số 258 đường Võ Tánh, Quận 2, Sài Gòn. Chúng tôi được ông Chánh Sở Giáo Nghiệm là Quận Trưởng Cảnh Sát Nguyễn Công Chánh và một cộng sự viên là ông Trần Xuân Hương tiếp và hướng dẫn đến xem một bình thủy tinh đựng cái bao tử mà bên ngoài ghi là của ông Nguyễn Tường Tam. Hai ông ấy nói rằng vì không phát hiện một thứ thuốc độc nào bên cạnh thi hài cũng như trong nhà của người quá cố mà theo thủ tục điều tra hình sự, điều tra viên cần phải biết cái gì gây ra cái chết, tức phải biết ông Nguyễn Tường Tam đã uống loại thuốc độc gì để lập biên bản phúc trình Tòa án, nên Sở Giáo Nghiệm phải phân tích chất thuốc độc trong bao tử và trong thành bao tử của người quá cố. Đáp câu hỏi của chúng tôi, ông Nguyễn Công Chánh cho biết ông Nguyễn Tường Tam đã dùng loại độc dược có tên chữ Pháp là CYANURE, SEL DE L'ACIDE CYANHYDRIQUE. Theo ông Chánh, đó là một chất thuốc độc gây cái chết cho người uống rất mau lẹ, chỉ trong vài phút mà thôi.

Sự việc xảy ra đã gần 40 năm nên những điều tôi trình bày trên đây chắc chắn có điều sai sót, xin quý độc giả nào am tường nội vụ, vui lòng đính chính và bổ túc cho. Xin đa tạ.

Tân Văn Hồng

(Santa Ana tháng 7 năm 2002)

(1) Nhà văn Nhất Linh chủ trương tờ Phong Hóa từ năm 1932 và tờ Văn Hóa Ngày Nay năm 1958.

(2) Riêng về vế câu đối nầy, tôi thuộc lòng cho đến ngày hôm nay, khác với vế của ông Lưu Văn Vịnh ghi ra ở các chữ thứ 1, 4 và 8.

(3) Câu đối nầy được ghép lại bằng tên của năm quyển tiểu thuyết của nhà văn Nhất Linh: *Đời Mưa Gió* (viết chung với Khái Hưng), *Lạnh Lùng, Anh Phải Sống* (viết chung với Khái Hưng), *Hai Buổi Chiều Vàng, Nắng Thu.*

Phá bỏ xiềng xích trí tuệ

Đọc bài "Nhìn người lại nghĩ đến ta" của Nguyễn Văn Thà trong Thế Kỷ 21 số 160 tôi rất tán đồng cái ý chính của tác giả, là không có việc gì, người nào trong lịch sử mà không nên xem xét với một thái độ và chứng liệu khách quan. Người mình thì hay có tật suy tôn hoặc hạ bệ theo cảm tính, và dễ "về hùa" với nhau để chửi rủa hoặc tâng bốc, chẳng hạn một nhân vật, một tác phẩm, mà mình chưa hề gặp chưa hề biết hoặc chưa đọc lấy một chữ. Cái thói ấy rất tệ, làm trì trệ đầu óc của chúng ta, làm mất sự độc lập trong suy nghĩ. Rồi lại thêm những tổ chức toàn trị càng quấn thêm nhiều vòng xiềng xích vào tinh thần của dân ta, như tôn giáo thì chỉ được tụng đọc những loại kinh bổn do giáo hội chọn lựa sẵn chứ không được tự ý tìm hiểu toàn bộ kinh sách cũng như cuộc đời của giáo chủ, đảng chính trị thì chỉ được "học tập" một ít điều sơ đẳng được soạn sẵn chứ không bao giờ được cung cấp đầy đủ toàn bộ lý thuyết để người ta nghiên cứu... Dĩ nhiên muốn toàn trị thì họ phải làm như vậy, phải ngu dân, phải che hai bên mắt để chỉ nhìn một khoảng không gian be bé trước mặt, như thế tha hồ muốn dẫn dắt đi đâu mặc tình. Đã đến lúc người Việt Nam tự mình tháo gỡ những loại xiềng xích ấy, để có thái độ, "đừng tin, nếu chính mình chưa chứng nghiệm."

Ít ra, loài người đã chứng nghiệm được cái thiên đường hạ giới của Các Mác chỉ là bánh vẽ. Nhưng tình trạng của người Việt Nam thì còn thảm lắm. Trích câu của Nguyễn Văn Thà: "Chỉ có những suy tư độc lập, suy tư nhà nghề, 'đa nguyên,' mới cứu rỗi được đất nước mình, nói riêng, và nhân loại nói chung. Một Tây Âu, một Bắc Mỹ giàu có, và hạnh

phúc (tuy chưa toàn vẹn) đã chứng minh điều vừa nói."

Vũ Đình Hà (Long Beach CA)

Những việc làm quá lỗi thời

Trong tháng qua báo chí đã đăng tin nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia tại Hà Nội gửi thư cho nhà xuất bản Hyperion Books ở New York để xin phép dịch cuốn Tiểu sử Hồ Chí Minh của William J. Duiker, nhưng lại thòng thêm một câu, là xin "bỏ đi một vài đoạn không phù hợp với những thông tin hiện có trong hồ sơ của chúng tôi." Chắc ai cũng đoán được "vài đoạn không phù hợp" đó hầu hết liên quan đến cuộc đời ái tình của ông Hồ, với những vụ lấy Nguyễn Thị Minh Khai, lấy Tăng Tuyết Minh người Trung Quốc, lấy Nông Thị Xuân rồi cho đàn em giết đi...

Cung cách của nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia trong đề nghị này thật là lạ. Không phù hợp với hồ sơ của các anh thì mắc mớ gì đến chúng tôi mà các anh đòi cắt tác phẩm của chúng tôi ra? Chúng tôi viết sách đâu có phải là để phục vụ cho nhu cầu tuyên truyền của các anh? Qua thế kỷ 21 rồi mà vẫn giở trò bưng bít tuyên truyền thì thật là một chế độ đáng ghê sợ.

Tôi có đọc cuốn "Hồi Ký Lý Quang Diệu," bản dịch, do nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh ấn hành. Trong chương 19, đoạn nói về Việt Nam, tất cả những nhân vật chính trị của Việt Nam được tác giả nhắc đến đều có một chữ "ngài" đi trước: ngài Võ Văn Kiệt, ngài Phan Văn Khải, ngài Đỗ Mười... Tôi ngờ ngợ, thấy tác giả gốc Tàu này sao mà lễ phép quá, luôn luôn gọi các nhà lãnh đạo quốc tế một cách rất cung kính, bèn coi lại các chương khác thì không nơi nào có chữ "ngài" cả. Lý Quang Diệu đã gặp hàng lãnh đạo hầu như là của tất cả các quốc gia trên thế giới, và theo bản dịch này thì đều gọi bằng tên trống trơn: Bush, Reagan, Chu Dung Cơ, Suharto... Chỉ có Việt Nam thì ông ta đặc biệt kính cẩn dùng chữ ngài, chứ không dám kêu thẳng tên các "lãnh đạo kính mến" ra!

Tôi tự hỏi thêm thắt trong bản dịch như thế để làm gì. Tại sao không để cho người Việt Nam quen với sự bình đẳng một cách tự nhiên như bao người dân khác trên thế giới. Tại sao lúc nào cũng cần thần thánh hóa lãnh tụ, dù biết là làm một việc không trung thực. Mà lãnh tụ đó có thần thánh gì cho cam, anh nào cũng ăn cắp, hối lộ như điên, chuyển ra ngoại quốc tỉ tỉ đôla, làm cho đất nước ngóc đầu không nổi!

Nguyễn Tất Hùng (San Diego CA)

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Nguyễn Gia Tiến, Lý Thừa Nghiệp, Đinh Quang Anh Thái, Tâm Dũng, Khánh Hà, Lưu Vỹ Bửu, Du Tử Lê, Chu Vương Miện, Đoàn Viết Hoạt, Trần Huy Sao, Phan Thanh Tâm, Nguyễn Ngọc Minh, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Minh Võ, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Minh Cần, Thơ Thơ, Nguyễn Ái Nhân, Trần Trị Chi.

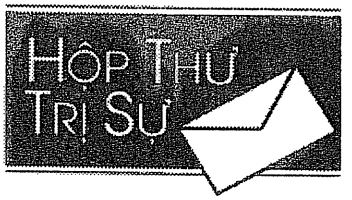

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Đo Xuan Cung (CA), Truong Van Manh (VA), Ewing Diep (FL), Nguyen Quy Bong (CANADA). Vu Ngoc Co (OH), Vu Phan Cuong (MD), Nguyen Minh Huan (PA), Doan Dan Thanh (VA), Ha Q. Bao (WA), Nguyen Toi Lac (VA), Nguyen Van Hien (CA), Dang Hieu Kinh (VA), Le Van Tam (CA), Khuu Kim Thanh (OR), Ton Nu Thu Nga (CA), Nguyen Quang Hien (TX), Dang T Ly (TX), Le M. Hung (LA-thanh toan), Le Van Tam (CA), Le Dung Dan (CA), Culver City Julian Dixon Library (CA), Nguyen Can (FL), Do Linh (TX), Do Trung Thanh (CA-special order), Tran Huynh Minh (CA)

Ho Manh Son (FL), Nguyen V. Tha (CA), Ha Van Tai (MA), Trinh Tay (CA), Hoang Huu (CA), Tran Hai Tan (CA), Phan Thanh Nguyen (CA), Hua Thuan (MO), Tran V Quang (CA), Huỳnh Ngọc Anh (CA), Tran Ngoc Ba (IL), Bui Kim Hau (LA), Tran Phi (FL), Nguyen N. Kim (NY), Vu V. Minh (IA), Pham Thi Hao (VA), Nguyen Minh Thong (Germany), Vu That (MD), Nguyen Ngoc Chi (CA-thanh toan), Nguyen N Phung (CA), Nguyen Kim Lien (MN), Tran Duc Chi (Canada), Luu Phuong (TX), Nguyen Gia Khanh (Paris), Nguyen Phan (HI), Nguyen H. Tieu (CA), Hoang Cam (FL), Phung Ngọc Hieu (WA), Nha Sach Tu Luc (NY), Luong Minh Duc (CA), Nguyen Van Nha (Oslo), Lien Huong Hanlon (TX), Suzan Lam (VA), Duc Pho (GA).

Độc giả thay đổi địa chỉ:

Đang Thi Nham (Falls Church), Kieu Chinh (Garden Grove), Salt Lake Public Lib. EBSCO (UT), Buu Uy (OR).

Văn Hữu yểm trợ:

Le Van (CA), Tran Tuan (Richardson TX), Bui Duc Thuat (MN), Dang Tran Huan (CA). Cung Tien (MN), Le Tat Dieu (CA), Nguyen T Binh (VA), Ngo Dinh Van (CA), Dang C. Hoang (VA).

THỰC VI VĂN HIẾN CHI BANG

NGÔ NHÂN DỤNG

Cuối tháng trước ban hợp xướng Ngàn Khơi làm một đêm văn nghệ chủ đề "Việt Nam Minh Châu Trời Đông," dùng nhan đề một bài hát thời 1945 của Hùng Lân, khi nhà nhạc sĩ tuyên bố người Việt Nam sẽ "đem vinh quang sáng soi bên Thái Bình Dương." Ban hợp xướng cũng hát "Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ" của Nguyễn Đức Quang, được sáng tác khoảng 20 năm sau đó, nhạc sĩ vẫn tự hào về dân tộc "triệu con tim này còn triệu khối kiêu hùng!" Và tất nhiên mọi người đã cùng nhau hát bài "Việt Nam! Việt Nam!" của Phạm Duy, với những lời ca ngợi dân tộc Việt như, "Việt Nam trên đường tương lai, lửa thiêng soi toàn thế giới! Việt Nam ta nguyền tranh đấu cho đời."

Phải công nhận người Việt Nam có một đức tính, là rất tin tưởng ở dân tộc, ở giòng giống của mình. Nhiều người Việt sẽ cảm thấy đức khiêm tốn của mình bị xúc phạm khi nghe những lời ngợi ca đó. Có thật sự dân tộc mình đáng tự hào như vậy hay không?

Nguyễn Trãi viết rằng "Nước Đại Việt ta, thực là một nước văn hiến." Lâu ngày chúng ta không nhớ nền nếp văn hiến đó như thế nào, tôi xin dẫn lời một nhân chứng người ngoại quốc. Ông này không hề chịu ảnh hưởng những lời "quảng cáo" của các nhạc sĩ Hùng Lân, Phạm Duy hay Nguyễn Đức Quang. Vì ông ta sống ở Việt Nam vào cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19.

Nhà truyền giáo De La Bissachère hồi đầu thế kỷ 19 viết cuốn sách nhan đề là *État Actuel du Tunkin, de la Cochinchine, et des Royaumes de Cambodge, Laos, et Lac Tho*," (Tình trạng đương thời ở xứ Đàng ngoài, Đàng trong, và các vương quốc Cam Bốt, Lào, Lạc Thổ [là miền Thượng du Việt Nam]). Sách in năm 1812 ở Paris tuy nhiên đã được in ở Luân Đôn từ năm trước. De La Bissachère viết cuốn này sau 18 năm sinh sống ở các xứ này, sau khi Gia Long đã xưng hoàng đế, tuy nhiên ông vẫn dùng các tên cũ: Tunkin (sic) và Cochinchine quen thuộc đối với người Tây phương thời đó để gọi Đàng Ngoài và Đàng Trong. Ông trình bầy về đời sống, phong tục, cách ăn mặc, nhà cửa, làng xóm, tổ chức chính quyền, tôn giáo, đạo đức, giáo dục, ngôn ngữ, v.v., một báo cáo đủ mọi phương diện.

Hãy nghe nhân chứng De La Bissachère nói về người Việt như thế nào. "Người tunkinois (nguyên văn) được phú một đức tính trung trực bẩm sinh (rectitude naturelle) trong tình cảm cũng như trong tư tưởng; hướng về tất cả những gì có tính chất khôn ngoan, công bằng, lương hảo (sage, juste, bon)." (Câu này trích từ tập II, trang 36)

Tiếp sau đó tác giả nói đến quyền tư hữu, ông thấy nạn trộm cướp, vi phạm tài sản của người khác, là những thói xấu thông thường ở khắp nơi, nhưng ông thấy "ở Tunkin ít hơn ở phần lớn các nước Á châu khác." (tác giả đặc biệt nhắc đến tên một nước Á châu nhưng chúng tôi không ghi ở đây để khỏi xúc phạm người dân nước khác.)

De La Bissachère không thiên vị mà có khi cũng chê người Việt: "Trong các giao thiệp về thương mại giữa những dân cư ở Lac Tho (miền Thượng du Trung phần ngày nay), Lào, với những người dân ở Tunkin (Đằng Ngoài) và ở Cochinchine (Đằng Trong) cũng có vài vụ lừa đảo, thường là do người các xứ sau gây ra (tức là người Việt mình!)"

Nhưng sau đó ông lại khen người Việt Nam nói chung còn tốt hơn người xứ khác, ông viết "Tuy nhiên người ta không hề thấy ở các dân tộc này (Đằng Trong và Đằng Ngoài) cái tính lừa đảo mà người ta vẫn chê trách người dân xứ ... (xin dấu tên) ..., (họ) kết ước rồi không giữ lời, làm hàng hóa giả mạo, cân gian lận bằng cách dùng hai cán cân, một cái cân để bán, một cái để mua, coi thường tính chung thủy, bán quá giá, v.v.."

De La Bissachère cũng nói đến một đặc tính của người Việt Nam là không thích đổ máu và rất ghét chuyện giết người. Ông viết "... khi những người bình dân cãi cọ mà đánh nhau thì họ cũng tránh không đánh những đòn có thể làm người ta chết." (trang 39). Một đức tính chúng ta có thể hãnh diện là tính thương người, ông kể là người Việt "với tâm hồn mẫn cảm, không những không muốn làm hại người khác mà khi thấy ai đau đớn, khổ sở thì không thể dửng dưng được. Người đau khổ có thể tin là thế nào cũng có người cứu giúp,

mà việc cứu giúp được coi như là một hành động do tính công bằng mà ra."

"Cái tính giúp người và rộng lượng đó thể hiện ngay ở lớp người mà gia sản nghèo khó khiến họ không thể thực hành đức tính đó được. Người nghèo nhất mà khi đi câu hay đi săn được thứ gì cũng không hưởng thụ trọn vẹn nếu không đem chia sẻ với người khác."

Một nền tảng của nền đạo lý dân tộc ở Việt Nam là đạo hiếu, thể hiện qua tục thờ cúng tổ tiên. De La Bissachère ghi nhận người Việt Nam thờ cúng tổ tiên và "coi họ như những người ở trên trời, những thần linh bậc nhì còn săn sóc và bảo vệ gia đình họ," và tin rằng "tổ tiên lúc sống càng thánh thiện bao nhiêu thì lúc chết càng có sức mạnh linh thiêng bấy nhiêu." Có lẽ đây là một cách diễn tả niềm tin về "phúc đức ông bà" của người Việt. De La Bissachère viết, "Người già cả được tôn kính với thái độ giống như trong tôn giáo." Ông nhận xét rằng ngoài chính sách cấm đạo của vua chúa thì đây là một trở ngại cho việc truyền đạo Thiên chúa ở Việt Nam, "tục thờ cúng tổ tiên, việc thờ cúng có vẻ ngoài như một tín ngưỡng. Các vị thừa sai thuộc dòng Tên đã chấp nhận phong tục này, mà họ thấy không thể cắt lìa phong tục đó khỏi các dân tộc này được; ... mà trong các bổn phận đối với tổ tiên đó, tất cả chỉ là để tỏ tình thương và lòng tôn kính, nhưng Rome không thể chấp thuận ý tưởng khoan dung đó."

Một tác giả khác người Anh, trong cuốn hồi ký ra đời 100 năm sau cuốn sách của De La Bissachère, cũng viết về các tín ngưỡng bình dân ở Việt Nam, mà bà cho là việc thờ cúng chư thần "có địa vị thấp so với tục thờ cúng tổ tiên, đó là điểm tập trung của tất cả niềm tin nhiệt thành của người dân. Tục thờ cúng này là nền tảng của mọi quy tắc đạo lý và phong tục, và nó quy định tất cả đời sống xã hội và gia đình." Tác giả những lời trên là bà Gabrielle M. Vassal, theo chồng là một bác sĩ người Pháp đến làm việc ở Nha Trang (cùng Bác sĩ Yersin) vào đầu thế kỷ 20, bà viết cuốn *On & Off Duty in Annam*, do William Heinemann xuất bản ở London năm 1910.

Bà Vassal nhận xét tục thờ cúng tổ tiên "May mắn có ảnh hưởng hoàn toàn tốt. Một giáo điều chính là săn sóc, kính trọng đối với những người lớn tuổi trong gia đình. Người chủ gia đình dù già cả và yếu ớt đến đâu cũng cai quản gia đình với cây roi sắt. Ngay cả người phụ nữ, khi thành một *bà già* (chữ Việt trong nguyên văn) thì có uy quyền nhiều hơn lúc còn trẻ. Một người đàn ông theo lời mẹ nhiều hơn lời vợ." Bà còn thấy ảnh hưởng của đạo hiếu đến đời sống xã hội, "Một hệ quả khác của tục thờ cúng tổ tiên là tình yêu dành cho trẻ em. Người An Nam (sic) là những bậc cha mẹ tận tụy bậc nhất, và nếu họ không dốt nát về các phép vệ sinh thì họ đã là những người cha và người mẹ kiểu mẫu." Lòng hiếu thảo cũng được De La Bissachère coi là đức tính căn bản của người Việt. Ông viết: "Chúng ta biết (người Đàng Ngoài) coi tổ tiên như các vị thần; mà, người cha là một vị thần sống. Nhờ sự hướng dẫn của người cha, các người trẻ tuổi có sự kiềm chế chống lại những đam mê, những chứng xấu trong đạo đức mà thường tuổi trẻ nào cũng vướng mắc." Ông cũng viết "Mặt khác, đức Hiếu của con cái được khơi dậy do đức Từ của người cha (Tập II, trang 41)

Đó là những lời chứng của một người Pháp đã sống ở các xứ Việt Nam, Lào, Cam Bốt trong 18 năm. Không biết ông có thiên vị đối với người Việt hay không? Nhưng trong cuốn sách này nhà truyền giáo cũng nói đến những vụ cấm đạo và cảnh giết chóc các giáo sĩ và giáo dân. Như vậy khó nói rằng ông lúc nào cũng thấy người Việt tử tế cả. Cho nên chúng ta có thể tin ở những nhận xét của ông.

Như vậy thì các nhạc sĩ ca tụng dân tộc Việt Nam chắc cũng có chứng cớ! Một dân tộc có nhiều đức tính như vậy cũng xứng đáng coi là một hòn ngọc minh châu! Một dân tộc gồm những người sống lương hảo, thuần thảo và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau, riêng điều đó cũng đủ cho chúng ta hãnh diện!

Niềm tự hào dân tộc

Trong phần cuối tập 2 của cuốn sách, De La Bissachère tổng kết: "Dân tộc này, nếu phán xét dựa trên phong tục của họ, rất đáng chú ý và đáng kính trọng. Người ta thấy nơi họ rất nhiều đức tính xã hội, lòng nhân hậu, hòa nhã, trọng bổn phận, lương thiện trong các giao dịch, ghê sợ sự đổ máu, thương xót người đau khổ, rộng lượng khi cứu giúp họ." (Tập II, trang 220.)

Tác giả đã sống ở nước ta trong thời gian cuối của cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn, qua nội chiến giữa nhà Tây Sơn với Nguyễn Ánh, nhưng ông nhận xét: "Mặc dù có lúc sống trong tình trạng cuồng nhiệt và kinh hoàng vì các tranh chấp chính trị (khiến) dân tộc này bị vấy nhơ bẩn vì rất nhiều cảnh tàn bạo, ngoài những lúc mê muội đó, thì

tính lương thiện và tình nhân đạo lúc nào cũng thể hiện ở các xứ này một cách hoàn toàn, đặc biệt là ở một số tổng mà các xã có đội tuần canh hoạt động (cùng trang 220). De La Bissachère đi truyền đạo, tất nhiên không nghĩ rằng các tôn giáo dân gian đang thịnh hành ở Việt Nam là đúng, nhưng ông vẫn công nhận, "Nền đạo đức này được xác định bởi tôn giáo dân tộc mà, mặc dù rất phi lý, giúp xóa bỏ các tính xấu và củng cố các đức tính."

Một đặc tính khác được De La Bissachère nhấn mạnh là phong tục thuần hậu của người dân Việt. Ở những làng có tuần canh tự vệ, "với những luật lệ khôn ngoan (sage), kiểm soát và thi hành một cách cẩn mật, cho nên, trong phạm vi trách nhiệm của họ có một trật tự rất cao; một người đàn ông không dám bước vào nhà một phụ nữ khi chồng của bà ta vắng mặt, không dám bước vào nhà bất cứ ai trước khi được cho phép. Tất cả các tài sản đều được bảo vệ, người ta không đụng tới những trái cây trồng ở ngoài đường cũng như những cây trồng trong vườn."

"Trước khi xẩy ra những cuộc nội chiến làm thay đổi phong tục khiến người ta quen thói bạo lực và tội ác, rất hiếm khi thấy họ phạm tội trộm cắp đáng kể, lại càng hiếm có chuyện giết người. Ngay cả bây giờ ở Đàng Trong cũng như Đàng Ngoài có những tổng mà bao nhiêu năm người dân không ai phạm một tội nặng nào; người ta ước lượng rằng trong toàn xứ Đàng Ngoài vào lúc bình thường mỗi năm chỉ có nhiều nhất là 20 đến 30 người bị đem ra xử về tội hình." (Tập I, trang 293)

Bản tính thuần hậu đó không có nghĩa là người Việt Nam yếu đuối. De La Bissachère nhận xét rằng người Đàng Ngoài (tức là từ sông Gianh, tỉnh Quảng Bình ra ngoài bắc) tính tình rất dũng cảm và chiến đấu rất giỏi. Ông khen ngợi chiến lược của vua Quang Trung khi đem quân ra Bắc là phi thường (très-extraordinaire). Bà Grabielle Vassal kể một câu chuyện dân một làng ở gần Nha Trang, nơi chồng bà làm việc, đã bảo vệ các cô gái bị bắt cóc. Lâu lâu bà theo chồng vào nhà tù thăm người bệnh nên biết ông lý trưởng làng này. Một buổi tối có một người Âu châu đậu thuyền bên làng này để đi tìm muối. Những thủy thủ người bản xứ đã bắt cóc mấy cô gái đem lên thuyền. Dân làng xông tới giải cứu. Trong cuộc đánh lộn, người Âu Tây cũng tham dự, hắn ta bị bắt, bị trói lại. Nhưng vì một người Âu châu (chắc là người Pháp) bị làm nhục cho nên tội đổ lên đầu ông lý trưởng, và ông ta bị bỏ tù! Bà Vassal tỏ ra rất kính trọng vị lý trưởng này, "mặc dù đeo gông gỗ trên cổ, ông ta vẫn có tư cách và bề ngoài đặc biệt" khiến bà nhận ra ngay trong đám tù tội." (*On & Off Duty in Annam,* trang 149.)

Mặc dù người Việt bất khuất trước bạo lực nhưng tình cảm dịu dàng được De La Bissachère coi là tính bẩm sinh của dân Việt. Ông sống ở Đàng Ngoài nhiều hơn, nhận xét "Người Đàng Ngoài (tunkinois) biết nhu cầu những tình cảm êm dịu, nhu cầu yêu và được yêu; không phải chỉ là tình yêu nẩy ra giữa hai tính phái nhưng là tình cảm nối kết những tâm hồn độc lập đối với các giác quan, một tình thân mật thuần khiết, ... Xứ Tunkin là tổ quốc của tình bằng hữu; nơi đó tình bạn được biểu lộ với những dấu hiệu cao quý nhất, thể hiện bằng những cách rộng lượng nhất; sự khác biệt về địa vị được xóa nhòa, sự phân biệt về tài sản cũng biến đi..." (Tập II trang 40).

Người ta có thể coi những đức tính mà De La Bissachère nêu ra có tính chất mềm yếu, không giống như những tính quật cường, bất khuất mà nhiều người Việt Nam vẫn lấy làm tự hào về tổ tiên mình. Nhưng chúng ta không quên rằng De La Bissachère khi ở Việt Nam đã chứng kiến các cuộc nội chiến, suốt mấy chục năm. Nhưng sau bao nhiêu năm mà người Việt đã trải qua những nạn đói ghê gớm và chiến tranh không ngừng, điều mà nhà truyền giáo này thấy đáng nêu lên nhất lại là những đức tính dịu dàng, lương thiện, thân hữu, thương người và sẵn sàng cứu giúp người hoạn nạn, như các tính chất nổi bật của tổ tiên chúng ta. Ngày nay, hơn một phần tư thế kỷ sau khi chiến tranh chấm dứt chúng ta thấy các đức tính đó vẫn còn hiếm hoi.

Gần đây nhiều người chỉ đề cao tinh thần chiến đấu kiên cường của người Việt. Có người viết rằng Việt Nam là nơi "đi ra ngõ là gặp anh hùng." Nhưng đối với một dân tộc, để được người nước khác nhìn vào và kính trọng thì chúng ta cần một xã hội bình thường "đi ra ngõ là gặp người lương hảo." Đó mới là một điều khó thực hiện, vì cần thời gian. Và đó cũng là điều cho ta một niềm tự hào về quê hương bền bỉ, lâu dài. Xây dựng một xã hội có những người cha, người con lương hảo, một xã hội mà người l- mặt gặp nhau ở ngoài đường ai cũng có thể tin tưởng, sẵn sàng giúp đỡ nhau - thay vì lo lắng bị trấn lột hoặc bị lừa đảo. Được như vậy chúng ta mới xứng đáng là con cháu của những người Việt mà De La Bissachère đã gặp trước đây hơn 200 năm!

TỪ CÁI CHẾT CỦA TRẦN ĐỘ ĐẾN TƯƠNG LAI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐOÀN VIẾT HOẠT

Hiện nay cuộc vận động dân chủ ở trong nước đã trở nên công khai và do nhiều cán bộ, đảng viên cộng sản lão thành và trí thức trẻ chủ trương. Cựu trung tướng Trần Độ, trong nhiều năm nay, từ một cán bộ lãnh đạo cộng sản cao cấp, đã trở thành một người tiêu biểu cho phong trào dân chủ trong nước. Ngày 9 tháng 8 vừa qua ông đã qua đời sau nhiều tháng lâm trọng bệnh. Cái chết của ông là một mất mát to lớn cho phong trào dân chủ trong nước, cũng như cho những người cộng sản lão thành. Tiếng nói phản kháng của ông không những giúp đẩy cuộc vận động dân chủ trong nước sang một giai đoạn vững mạnh, mà còn ảnh hưởng to lớn đến chính đảng cộng sản. Tôi tin rằng ông Trần Độ đã nêu một tấm gương sáng cho những người cộng sản chân chính. Tôi muốn nhấn mạnh chữ "chân chính" với ý nghĩa là theo cộng sản vì lý tưởng, chứ không phải vì danh lợi. Những người cộng sản chân chính tất nhiên không thể làm ngơ khi thấy rằng con đường cộng sản mà họ đã tin theo nay trở thành con đường bế tắc, và những người lãnh đạo họ nay đang phản lại chính những lý tưởng mà vì đó họ đã tận tụy hy sinh. Tôi tin rằng cái chết của ông Trần Độ sẽ tạo một khúc quanh mới không những cho phong trào dân chủ trong nước, mà cho chính phong trào cộng sản Việt Nam trong thời gian tới. Những người dân chủ trong nước, bất luận xuất thân từ quá khứ nào, đang có những thuận lợi chính trị và tư tưởng để đẩy cuộc vận động dân chủ sang một giai đoạn công khai có tổ chức. Còn những người cộng sản, đồng tình hay không đồng tình với đường lối lãnh đạo hiện nay, đều đang phải đối diện với những thách đố nghiêm trọng cho tương lai của đảng cộng sản nói riêng và con đường phát triển đất nước theo chủ nghĩa cộng sản nói chung. Bản thân cái chết "không thanh thản" của một người cộng sản lão thành như Trần Độ là một thách đố cho tương lai của chính đảng cộng sản và chủ nghĩa cộng sản tại Việt Nam.

Tình hình nước ta trong hơn nửa thế kỷ qua gắn liền với sự hình thành và phát triển của đảng CS VN. Mà đất nước thân yêu của chúng ta, trong hơn nửa thế kỷ qua, là một đất nước đầy bom đạn, chết chóc, hận thù, nghèo nàn lạc hậu và độc đoán. Từ 1975 tới nay, bom đạn đã hết nhưng hận thù, lạc hậu và độc đoán vẫn còn. Đó là một điều bất hạnh lớn cho dân tộc. Nếu có thể "làm lại" được lịch sử chắc chúng ta không ai muốn đất nước phải trải qua một thời kỳ bi thương như thế. Phải chăng những thắng lợi vinh quang của đảng cộng sản đã không phải là những vinh quang thắng lợi của dân tộc? Vấn đề này chắc chắn sẽ gặp nhiều tranh luận nhưng càng ngày càng nhiều người tin rằng nếu cuộc chiến đấu dành độc lập không bị cột chặt vào phong trào CS quốc tế thì vận mệnh dân tộc ta đã đổi khác đi rất nhiều. Tôi chia xẻ những suy nghĩ như thế. Nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả các quốc gia láng giềng của chúng ta, không rơi vào quĩ đạo của CS quốc tế, đã dành được độc lập từ lâu mà không phải mất nhiều thời gian và xương máu như chúng ta. Họ cũng đã có nhiều thời gian và cơ hội hơn để phát triển đất nước, và kết quả là ngày nay họ đã vượt xa chúng ta hàng mấy thập niên.

Khách quan mà nói những người Việt Nam yêu nước vào những năm 1930, 1940, trong đó có Trần Độ, khi tham gia phong trào CS đều nghĩ rằng chủ nghĩa Mác Lê là con đường tốt nhất để giải phóng dân tộc, vừa khỏi cảnh nô lệ vừa khỏi kiếp sống nghèo đói lạc hậu. Do đó những người khởi xướng phong trào CS tại VN đã tích cực vận động khối quần chúng nông dân đông đảo, kích động được lòng yêu nước cùng nỗi căm giận vì cảnh sống khốn cùng của họ, để lôi cuốn họ vào hai cuộc chiến tranh thảm khốc kéo dài suốt ba

thập niên. Khi hiểu được hậu quả nguy hại do ban lãnh đạo đảng CS gây ra cho dân tộc, những người yêu nước, trong đó có những người quốc gia không cộng sản và cả nhiều người CS, đã không ngừng tranh đấu chống lại đường lối của ban lãnh đạo cộng sản. Ngay từ khi cuộc kháng chiến chống Pháp chưa chấm dứt, vào những năm 1950, 1951, Hồ Chí Minh, theo chỉ thị của Đệ Tam Quốc Tế, cụ thể là của Staline, bắt đầu gắn liền cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vào cuộc đấu tranh giai cấp qua chính sách "cải cách ruộng đất," thì nhiều trí thức và nhà văn yêu nước đã phải rời bỏ hàng ngũ kháng chiến để tạm lánh sang vùng đất do người Pháp cai trị. Từ đó lực lượng dân tộc bị chia rẽ và tình hình đất nước bị tác động mạnh mẽ bởi cuộc tương tranh lưỡng cực quốc tế. Lòng yêu nước trong sáng của hàng triệu người Việt, kể cả nhiều người CS, đã bị ban lãnh đạo đảng CS lợi dụng để độc chiếm chính quyền và biến nước ta thành tiền đồn cho quốc tế vô sản. Và do đó, khi đất nước còn bị chia cắt, ngoài cuộc chiến đấu chống lại CS tại miền Nam, ngay tại miền Bắc dưới chế độ CS, nhiều người, cả cộng sản và không cộng sản, đã bắt đầu chống đối lại đường lối của ban lãnh đạo đảng CS (1). Đặc biệt, sau khi chế độ CS xụp đổ tại LX và khối CS đệ tam quốc tế tan vỡ, ngày càng có thêm nhiều người CS lão thành chống đối lại đường lối của ban lãnh đạo CS.

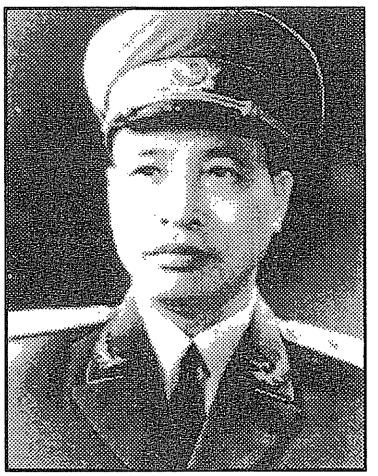
Cựu Tướng Trần Độ

Thực ra con đường mà ban lãnh đạo đảng CS, bằng cả bạo lực và mưu kế, muốn đẩy dân tộc vào, đã là con đường cụt ngay trong bản chất và nội dung của chủ nghĩa Mác Lê. Thực tế đã chứng minh điều đó. Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác đã được đảng CS tuyên truyền sâu rộng ở VN suốt thời gian mấy chục năm qua. Nó đã tác động khá sâu đậm vào phương pháp tư duy và làm việc của nhiều thế hệ. Do đó việc phê phán chủ nghĩa Mác một cách căn bản là cần thiết để làm trong sáng lại bầu không khí chính trị và văn hóa đã bị ô nhiễm bởi chính sách độc tôn văn hóa và chính trị của ban lãnh đạo đảng CSVN. Đây là một công việc mang nặng tính chất lý luận, và đòi hỏi nhiều công sức. Nó cần được thực hiện trong tinh thần thân ái, cởi mở, và khách quan, đặt quyền lợi dân tộc lên trên mọi tranh chấp phe phái nhằm hóa giải mọi khuynh hướng độc tôn tư tưởng đã và vẫn đang làm vẩn đục bầu khí chính trị và văn hóa ở Việt Nam suốt nhiều thập niên qua. Trong tinh thần đó, những yếu kém và sai lầm của mọi phía, kể cả phía quốc gia không cộng sản, đều cần được kiểm điểm một cách nghiêm chỉnh. Vì phạm vi bài viết này liên quan đến đảng cộng sản nhân cái chết của ông Trần Độ nên tôi tập trung thảo luận về con đường cộng sản tại Việt Nam —thảo luận nhằm tìm giải đáp cho vấn đề căn bản nhất của dân tộc chúng ta, đó là vấn đề văn hóa tư tưởng. Đây là vấn đề chung của dân tộc, không phải riêng của phe quốc gia hay phe cộng sản. Do đó, mọi cố gắng để nhận xét và phê phán bất cứ một trào lưu tư tưởng nào trong giai đoạn phát triển hiện nay và tương lai của đất nước để giải quyến vấn đề văn hóa tư tưởng này đều cần thiết, và phải là công việc chung của tất cả những ai quan tâm tới tiền đồ đất nước, dù xuất phát từ quá khứ và quan điểm chính trị khác biệt nhau như thế nào.

Tôi cho rằng dân tộc ta không thể phục hưng và phát triển bền vững và tương xứng với tiềm năng và bề dầy lịch sử nếu không định hướng và định hình được con đường phát triển của đất nước trong thế kỷ mới. Khi du nhập chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam những người cộng sản đã tin rằng đây là con đường tốt đẹp nhất cho dân tộc. Ngày nay đường hướng đó đã tan vỡ trên toàn thế giới. Nhưng một mặt, vẫn còn những người cộng sản tin rằng đây chỉ là giai đoạn "thoái trào" của phong trào cộng sản thế giới. Mặt khác, ngay cả khi đã thấy rõ đường lối cộng sản không còn thích hợp, việc đi tìm một định hướng mới cho dân tộc lại càng trở nên cấp thiết. Do đó, nhìn lại chủ nghĩa Mác và con đường cộng sản Việt Nam nhân cái chết của một cựu đảng viên cộng sản lão thành không phải nhằm công kích hay phê phán, mà nhằm rút tỉa kinh nghiệm, và nhất là nhằm cùng nhau suy tư về một con đường mới để phát triển đất nước trong thiên niên kỷ mới. Hiện nay, vì tính cấp bách của công cuộc vận động cho tự do dân chủ, nên ở đây tôi chỉ xin trình bầy một số điểm nhận xét tổng quát về chủ nghĩa Mác và về đảng CSVN nhân dịp tưởng nhớ đến

ông Trần Độ.

Trước hết về chủ nghĩa Mác. Trong tài liệu soạn thảo và công bố ở trong nước vào giữa năm 1989 với tựa đề "Toàn Dân Vận Động Cho Dân Chủ," và được in lại ở hải ngoại vào giữa năm 1990 dưới tựa đề "Thư Quốc Nội," tôi đã viết: "Chính sự thành công của CS lại minh chứng cho sự sai lầm của sử quan Mác. Từ sau cách mạng tháng 10 Nga, cách mạng vô sản nổ ra không phải như là một diễn biến nội tại tất nhiên của xã hội tư bản đã chín mùi, mà như là kết quả của bạo lực quân đội và hồng quân Nga, hay của phong trào yêu nước." (2) Và: "Bản thân chủ nghĩa Mác đã bị tu chính nhiều lần bởi chính các lãnh tụ CS quốc tế và cả những nhà lý luận CS Âu Mỹ." (3)

Chúng ta hãy thử phân tích hai điểm nhận xét này. Trước hết, theo sử quan duy vật Mác xít thì lịch sử loài người phải tiến qua giai đoạn tư bản mới lên được giai đoạn cộng sản, vì chỉ trong xã hội tư bản mới có đủ các yếu tố cần thiết cho cuộc cách mạng vô sản thành công với thành phần công nhân công nghiệp có trình độ khoa học và kỹ thuật cao, và có số lượng đông đảo và tập trung. Chính vì thế mà Mác mới tiên liệu nước có nhiều khả năng lên cộng sản nhất là nước Anh. Riêng về nước Nga Sa Hoàng Mác đặt ít triển vọng nhất. Thực tế đã diễn tiến khác hẳn. Nước đầu tiên thành cộng sản lại là nước Nga, một nước mà công nghiệp chưa phát triển. Nước thứ hai là Mông Cổ vẫn còn du mục! Các nước Đông Âu thành cộng sản dưới gót dầy xâm lấn của hồng quân Liên Xô. Còn các nước khác như VN, đảng CS đã thành công nhờ gắn liền với phong trào giải phóng dân tộc. Trong khi đó, cho tới nay, hơn 150 năm kể từ ngày Tuyên Ngôn CS ra đời, chưa hề có một nước tư bản nào thành cộng sản dù đảng cộng sản được hoạt động tự do và công khai. Riêng ở nước Anh, một trong những nước có đảng cộng sản hoạt động sớm nhất trên thế giới, mùa hè năm 1976, Tổng Bí thư đảng CS Anh từ chức, ra khỏi đảng, và tuyên bố đảng cộng sản không còn vai trò gì nữa trong xã hội Anh! Rõ ràng là lịch sử đã không diễn tiến theo sử quan duy vật mác xít.

Về nhận xét thứ hai, chủ nghĩa Mác đã bị xét lại ít nhất hai lần. Lần thứ nhất là Lê-nin. Trong Luận Cương Về Chế Độ Thuộc Địa —tài liệu đã đưa HCM, và sau đó là cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc của Việt Nam, vào quĩ đạo của cộng sản đệ tam quốc tế — Lê-nin đã tu chỉnh luận điểm quan trọng của Mác là phải tiến qua giai đoạn tư

TIỂU SỬ TRẦN ĐỘ

Trước khi thành một người đấu tranh cho tự do dân chủ chống lại đảng cộng sản, Trần Độ đã có một quá trình tham gia xây dựng đảng này. Sau đây là một vài nét về cuộc đời của ông.

- Sinh ngày 23 tháng 9 năm 1923, tên khai sinh là Tạ Ngọc Phách. Học Tiểu học ở Thái Bình.
- 1937 học Trung học tại Hà Nội. Đến năm thứ hai thì bỏ dở việc học, tham gia hoạt động cách mạng.
- 1940 gia nhập đảng cộng sản.
- 1941 bị bắt, bị kết án 15 năm khổ sai.
- 1943 trốn khỏi tù, hoạt động ở vùng Bắc Thái và Hà Nội ngày nay.
- 1945 chỉ đạo cướp chính quyền huyện Đông Anh, rồi tham gia bộ đội. Từ đây có tên Trần Độ.
- 1947 lên Việt Bắc làm Phó phòng Tuyên huấn Cục chính trị Quân đội. Chủ nhiệm báo Vệ Quốc Quân.
- Từ 1950 đến 1954 làm Chính ủy nhiều đơn vị lớn quân đội, tham gia nhiều chiến dịch đánh Pháp mà sau cùng là Điện Biên Phủ.
- 1958 được phong quân hàm Thiếu tướng.
- 1965 vào B2 (miền Nam), tham gia Trung ương cục.
- 1975 được thăng quân hàm Trung tướng.
- 1976 được bầu Ủy viên Trung ương chính thức ĐCSVN, làm Thứ trưởng bộ Văn hóa.
- 1981 Đại biểu Quốc hội khóa VII, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Giáo dục của Quốc hội.
- 1986 Trưởng ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương.
- 1987 Đại biểu Quốc hội khóa VIII, Phó Chủ tịch Quốc hội.
- Từ 1992 nghỉ hết các chức vụ và công việc. Từ nay cho đến ngày qua đời lao vào công cuộc tranh đấu tự do dân chủ cho Việt Nam.
- 1999 bị khai trừ khỏi đảng.
- Qua đời ngày 9 tháng 8 năm 2002.

Một số tác phẩm đã xuất bản:

- *Kể chuyện Điện Biên, Lòng Tin* (truyện vừa), *Thù nhà nợ nước, Lý tưởng ước mơ nghĩa vụ, Anh bộ đội* (tùy bút), *Bên sông đón súng...*
- Xuất bản ở hải ngoại: *Hồi Ký Trần Độ.*

bản mới lên cộng sản được. Theo Lê-nin thì vào thời kỳ Mác chủ nghĩa tư bản chưa biến thành chủ nghĩa đế quốc, chưa bành trướng thế lực ra những nước nông nghiệp lạc hậu. Lê-nin cho rằng phải và có thể phát triển cộng sản ở ngay những thuộc địa của các nước tư bản. Từ đó Lê-nin đưa ra điểm tu chỉnh quan trọng: có thể tiến lên cộng sản không cần thông qua giai đoạn tư bản. Điều này phù hợp với thực tế là Liên Xô đã tiến lên cộng sản khi vẫn còn là một nước nông nghiệp. Nhưng điểm quan trọng là sở dĩ cộng sản thành công tại LX cũng như tại các nước theo mô hình Lê-nin vì có một tổ chức đảng chặt chẽ với kỷ luật sắt và kỹ thuật hoạt động bí mật cao độ, và một chính quyền chuyên chế tuyệt đối. Kết quả là lịch sử đã bị cưỡng chế chứ không phát triển theo qui luật tất yếu tự nhiên như Mác dự kiến. Và tất nhiên, mọi cưỡng chế cuối cùng đều thất bại, dù đã kéo dài được hơn 70 năm.

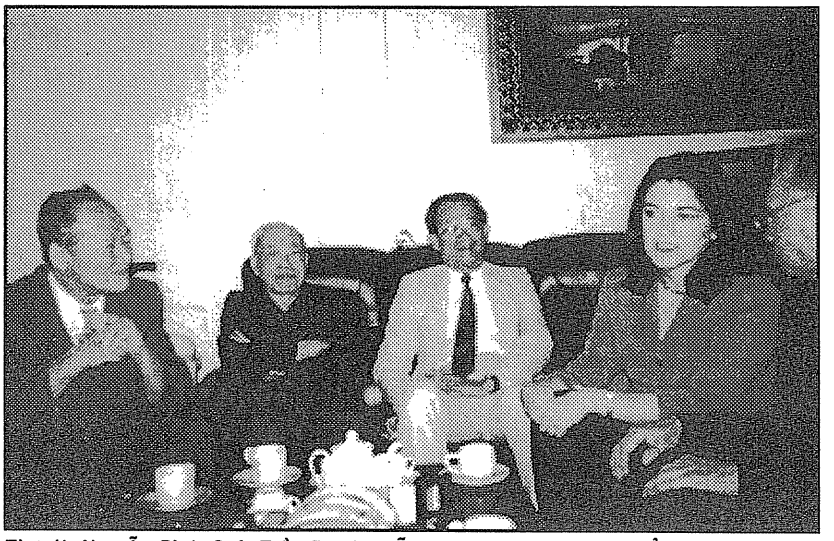

Từ trái: Nguyễn Đình Quý, Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang và Dân biểu HOa Kỳ Loretta Sanchez tại Hà Nội ngày 18-11-2002.

Mao Trạch Đông là người tu chỉnh chủ nghĩa Mác lần thứ hai. Lần này Mao tu chỉnh chính qui luật căn bản của học thuyết Mác: luật mâu thuẫn. Mao trình bầy luận điểm của ông trong một tài liệu mỏng nhưng quan trọng mang tựa đề *Mâu Thuẫn Luận* biên soạn năm 1937, xuất bản năm 1952. Ngay trong câu mở đầu Mao đã viết: luật mâu thuẫn chính là luật thống nhất những đối lập ("the law of the unity of opposites") (4). Mao cho rằng mâu thuẫn phải được tìm hiểu và vận dụng trong bối cảnh diễn tiến của thực tại. Và trong quan hệ với thực tại như thế mâu thuẫn có thể diễn tiến dưới nhiều hình thái khác nhau. Có mâu thuẫn lâu dài, có mâu thuẫn tạm thời; có mâu thuẫn chính, có mâu thuẫn phụ. Áp dụng vào các vấn đề chính trị và cách mạng của Trung Quốc lúc Nhật xâm lăng Trung quốc, Mao cho rằng mâu thuẫn chính lúc đó là mâu thuẫn giữa dân tộc Trung Hoa và bọn quân phiệt xâm lược Nhật Bản, còn mâu thuẫn Quốc-Cộng là mâu thuẫn phụ. Do đó Mao đưa ra chủ trương "Quốc-Cộng liên minh kháng Nhật." Vào thập niên 60, khi Trung Cộng chống lại ý đồ khống chế của LX, Mao cho rằng mâu thuẫn giữa LX và TQ là mâu thuẫn chính và mâu thuẫn giữa TQ và Mỹ là mâu thuẫn phụ, nên đưa ra khẩu hiệu: "Bắc cự LX, Đông hòa Mỹ quốc, cận thân Nhật Bản." Trên bình diện toàn cầu thì, trong khuôn khổ của học thuyết mâu thuẫn mới đó, Mao đưa ra thuyết "ba thế giới": thế giới thứ nhất gồm hai siêu cường Nga-Mỹ, thế giới thứ hai gồm các nước công nghiệp phát triển, và thế giới thứ ba gồm tất cả các nước kém phát triển. Trung quốc đứng về khối các nước thuộc thế giới thứ ba, tất nhiên với ý đồ liên kết các nước này, tìm sự hỗ trợ của các nước phát triển để đánh đổ hai siêu cường Nga-Mỹ. Với quan điểm tu chính rất thực tế như thế, luật mâu thuẫn của Mác đã mất đi tính chất đấu tranh giai cấp cứng ngắc và mang nặng tính chất dân tộc sinh tồn Đại Hán vốn có của các triều đại phong kiến Trung Hoa. Đường lối Đại Hán hiện đại này được vận dụng trong chính sách "hiện đại hóa" do Đặng Tiểu Bình đưa ra và trong kế hoạch xây dựng "chủ nghĩa xã hội mang tính chất Trung Quốc" của ban lãnh đạo cộng sản Trung Hoa hiện nay và trong chủ trương "ba đại diện" do Giang Trạch Dân đưa ra gần đây.

Đấy là hai lần tu chỉnh chủ nghĩa Mác ngay tại hai nước cộng sản lớn nhất. Còn tại những nước tư bản, vì là những nước tự do, đảng cộng sản được hoạt động công khai nên chủ nghĩa Mác lại càng biến thể nhanh chóng và mạnh mẽ hơn nữa, từ lý luận căn bản tới phương pháp hoạt động. Trong khi những đảng cộng sản chính thống tại

các nước nhỏ do Liên Xô hay Trung Cộng chi phối chủ trương cách mạng bạo động và lật đổ thì tại các nước Âu Mỹ các đảng cộng sản hoạt động bất bạo động, công khai và hợp pháp bằng phương thức tranh cử và đấu tranh nghị trường. Sau khi Liên Xô xụp đổ và khối Cộng sản quốc tế tan vỡ các đảng cộng sản này, cũng như hầu hết các đảng cộng sản khác trên thế giới, đều lần lượt suy yếu hoặc phải đổi tên thành đảng dân chủ xã hội.

Tại sao phong trào cộng sản quốc tế đã một thời phát triển mạnh mẽ trên một nửa quả địa cầu lại tan rã nhanh chóng như thế? Phải chăng tại vì những sai lầm trong hàng ngũ lãnh đạo của đảng cộng sản Liên Xô? Và phải chăng tình trạng hiện nay chỉ là bước "thoái trào" tạm thời của phong trào cộng sản quốc tế như những nhà lý luận cộng sản VN đang cố giải thích để làm yên lòng những đảng viên đang lung lay niềm tin? Có thể là như thế, thậm chí một số đảng cộng sản được phục hồi tại Nga và một số nước khác có thể trở lại cầm quyền. Nhưng ngay tại mỗi nước mà đảng cộng sản có thể trở lại nắm quyền hành thì chế độ chính trị tại những nơi đó đã và sẽ vẫn là một chế độ dân chủ, trong đó mọi đảng phái, kể cả đảng cộng sản, đều được quyền hoạt động tự do và bình đẳng, và trong đó người dân, chứ không phải bất cứ đảng nào, có quyền quyết định chọn lựa những người lãnh đạo đất nước. Đảng cộng sản vẫn có thể, và luôn luôn vẫn có quyền tồn tại trong chế độ dân chủ như bất cứ đảng chính trị nào khác, nếu vẫn có người theo. Nhưng chế độ cộng sản thì không bao giờ có thể phục hồi lại được, chế độ cộng sản với ba nội dung cụ thể: độc quyền về văn hóa tư tưởng, độc đảng về chính trị, và kinh tế chỉ huy ưu tiên cho quốc doanh và tập thể. Còn những lý tưởng mà Mác muốn thực hiện, tức là bình đẳng, tự do, hạnh phúc, không còn người bóc lột người, các dân tộc sống chan hòa với nhau... thì, trước hết, không phải là lý tưởng đặc thù riêng của Mác, mà của bất cứ ai có lương tri trên trái đất này. Hơn thế nữa, những lý tưởng đó đã và đang được thực hiện không phải bởi những phương thức do Mác đề ra, mà bởi những phương thức mà Mác muốn loại bỏ. Và không phải những bởi những đệ tử của Mác mà bởi chính những người mà Mác cho rằng phải tiêu diệt.

Đúng như thế. Xã hội tư bản có rất nhiều điều bất cập, cần phải được phê phán và sửa đổi, không những trước đây, bây giờ, mà còn mãi mãi không ngừng, như là qui luật chung đối với bất cứ hình thái xã hội nào khác. Nhưng xã hội tư bản có một đặc tính quan trọng mà xã hội cộng sản không có: đó là tự do. Sự tự do đó cho phép con người sửa đổi được cả bản thân con người lẫn những cơ chế xã hội mà con người đặt ra, kể cả cơ chế tư bản. Và điều đáng nói hơn thế nữa là sự tự do đó đã cho phép mỗi cá nhân điều chỉnh ngay chính cả sự tự do của mình! Để nhờ đó đã có thể chuyển đổi từ thời kỳ tư bản bóc lột, —với sự tự do cạnh tranh theo kiểu rừng rú, mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé, lợi nhuận cá nhân trên lợi ích công cộng— sang được thời kỳ tư bản xã hội ngày nay (mà về mặt kinh tế có người gọi là nền kinh tế thị trường xã hội, social market economy) với các biện pháp về luật lệ và thuế má, ngăn ngừa độc quyền kinh doanh, bảo vệ quyền lợi của người dân bình thường, cũng là người tiêu thụ, đồng thời vẫn bảo đảm được môi trường cạnh tranh tự do, bình đẳng, thúc đẩy tiến bộ.

Chế độ cộng sản không những đã tước đoạt mất của mỗi con người, mỗi người dân, sự tự do và tự chủ, vốn là đặc tính vô cùng quí báu trong bản chất của loài người. Tệ hơn, nó còn triệt tiêu cả cơ hội xây dựng và phát triển sự tự do điều chỉnh và kiểm tra tự động lẫn nhau của chính cơ chế xã hội. Bản thân Mác và những người theo ông tự cho mình đã tìm ra được chân lý và qui luật duy nhất đúng về sự hình thành và phát triển của con người và xã hội. Họ đã tự cho mình cái quyền triệt tiêu mọi cơ hội cho sự tìm tòi và phát triển chân lý và quy luật khác. Họ đã thiết lập nên một cơ chế xã hội sơ cứng, máy móc và tàn bạo, "nuôi người và trị người như sắt với muối trong phòng thí nghiệm," như ong với kiến ngoài thiên nhiên. Kết quả là cơ chế xã hội đó phải bị chính con người trong cơ chế đó đào thải, và trong thực tế chế độ cộng sản đã bị xụp đổ bởi chính những người cộng sản đã tỉnh ngộ, và ngay tại chính trung tâm quốc tế của nó.

Lý do căn bản của sự sai lầm tai hại này chính vì Mác cho rằng con người được tự nhiên (Nature) và xã hội qui định trước khi có thể qui định lại tự nhiên và xã hội, đồng thời môi trường xã hội là yếu tố quyết định không những bản thân mỗi cá nhân mà ngay cả hành sử của mỗi cá nhân với người khác và với thiên nhiên. Bị ảnh hưởng bởi những khám phá còn rất thô sơ của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào giữa thế kỷ 19, Mác đã không thấy rằng con người từ tự nhiên mà ra, cũng thuộc loài sinh vật, nhưng lại được

thiên nhiên phú bẩm cho khả năng đặc thù. Đó là khả năng tự tách ra khỏi tự nhiên, khám phá và điều chỉnh lại tự nhiên, trong tiến trình xây dựng và không ngừng cải thiện cuộc sống chung, để chuyển từ bầy đoàn theo tự nhiên sang xã hội loài người khác với bầy đoàn ong kiến. Hay nói một cách khác, Mác chỉ thấy tính thống nhất, mà không thấy tính đối lập, giữa người với tự nhiên. Sự khác biệt giữa con người với thiên nhiên và với các loài sinh vật khác là một sự khác biệt rất căn bản và quyết định. Sự khác biệt đó nằm ngay trong hệ thống gien tự nhiên của loài người với 23 cặp nhiễm sắc thể so với 24 cặp của loài người vượn (chimpanzee), và đặc tính đó ngày càng được phát triển thêm trong quá trình phát triển của xã hội (5). Nó giải thích không những tại sao con người không ngừng tiến hoá mà tiến hóa ngày một nhanh hơn và nhiều hơn. Nó cũng cho thấy không những xã hội là sản phẩm không ngừng được cải tiến bởi con người và cho con người, mà chính tự nhiên có con người can thiệp vào cũng không ngừng được cải tiến bởi con người và cho con người, khác hẳn với khu vực tự nhiên chưa có sự khám phá và can thiệp của con người —kể cả tự nhiên ngoài vũ trụ lẫn tự nhiên trong mỗi con người và trong xã hội (các hiện tượng tự phát). Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học nhân văn, qua nhiều ngành nghiên cứu ngày một đa dạng và vi tế hơn, đã và đang đạt được những khám phá sâu rộng về con người, tự nhiên và xã hội. Những khám phá này cung cấp cho nhân loại những kiến thức, khả năng và khí cụ thực tiễn để cải thiện ngày một hữu hiệu hơn mọi mặt đời sống con người, từ cá nhân, tới xã hội và toàn thể nhân loại. Tất nhiên khoa học thời Mác chưa thể cung cấp cho Mác những hiểu biết chính xác và vi tế về tự nhiên, con người và xã hội. Do đó, Mác đã có những nhận định sai lầm căn bản về tính chất đặc thù cũng như mối quan hệ hỗ tương của ba phạm trù tư duy nền tảng này. Những nhận thức sai lầm đó đã dẫn tư tưởng Mác xa rời thực tại đời sống con người. Và khi, bằng độc đoán và bạo lực, đem áp đặt những sai lầm này vào việc xây dựng đời sống con người, các đệ tử của Mác đã gây nên bao đau khổ cho hàng triệu cá nhân, và hàng chục dân tộc. Sai lầm văn hóa quả đã gây tác hại muôn đời.

Hồ Chí Minh và các đệ tử tài giỏi của ông khi đem chủ nghĩa Mác-Lê truyền bá vào Việt Nam đã tạo được khí thế mới cho cuộc chiến đấu dành độc lập dân tộc lúc đó đang bế tắc. Họ đã thành công trong việc gắn liền nỗi nhục mất nước vào cảnh cùng khổ của người dân, đặc biệt là nông dân. Nhờ đó đã kích động và lôi cuốn được đa số nhân dân, những người không có gì để mất, ngoài chính sinh mạng vốn đã khốn cùng của họ. Nhưng, cũng giống như sự thành công của Lê-nin ở Nga Sa-Hoàng đã chứng thực cho sự sai lầm của sử quan Mác, sự thành công của Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã chứng thực cho sự nguy hại của

mô hình chính trị và kiến thiết của Lê-Nin và đệ tử của ông, đặc biệt là Staline. Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 là một nước lầm than nghèo khổ, mất chủ quyền và không có tự do. Việt Nam vào cuối thế kỷ 20 vẫn không có tự do và vẫn lầm than nghèo khổ vào loại nhất nhì thế giới. Mà nền độc lập đã dành được sau ba thập niên chiến tranh, chết chóc và đổ nát, chẳng còn mấy ý nghĩa khi người dân vẫn nghèo khổ và vẫn chưa có quyền tự do quyết định vận mệnh chung của đất nước và vận mệnh riêng của mình. Đảng CSVN đã thành công trong việc dành được độc quyền cai trị đất nước nhưng nhân dân Việt Nam đã thất bại trong việc tranh đòi lại độc lập, tự do và hạnh phúc chân chính và bền vững cho mình và cho dân tộc.

Ngày nay, những đổi thay to lớn của tình hình thế giới đang đặt ra cho mọi người Việt quan tâm tới đất nước, cả cộng sản lẫn không cộng sản, những thách đố to lớn. Kinh tế thị trường, văn hóa tự do và thể chế dân chủ trong một xã hội dân sự ổn định –đó là xu thế phát triển chung của thời đại. Việt Nam cần nhanh chóng hội nhập vào xu thế đó. Một nước Việt Nam mới với những tính chất như thế phải nhanh chóng ra đời để mở đường tiến hóa chung cho toàn dân Việt trong thời đại mới. Ban lãnh đạo cộng sản, hơn ai hết, có trách nhiệm nhanh chóng thay đổi để mở ra con đường tiến hóa đó cho dân tộc. Nếu không, những biến đổi kinh tế, văn hóa, xã hội của quần chúng tự bản thân nó đòi hỏi thay đổi cơ chế chính trị, và sẽ tự "bung phá" để khai thông con đường tiến hóa. Mà để mở đường tiến hóa không thể không thực hiện tiến trình dân chủ, hay nói như Trần Độ, "Muốn có tự do hạnh phúc phải có dân chủ." Và để thực hiện tiến trình dân chủ, không thể không chính thức công nhận những tiếng nói đối lập và cho phép ra đời những tổ chức chính trị độc lập. Tôi tin rằng trong ban lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay nhiều người đã thấy rằng con đường cộng sản là con đường hỏng rồi. Nhưng ham muốn quyền lực chính trị vẫn còn ám ảnh họ nên họ chưa dứt khoát tiến hành những thay đổi căn bản về văn hóa và chính trị để chấp nhận tiến trình dân chủ. Theo tôi, họ cần hiểu rằng vào đầu thế kỷ 21 này con đường nắm giữ quyền lực chính trị tốt nhất và bền vững nhất là con đường dân chủ, không phải con đường bạo lực hay độc quyền. Chỉ qua sự chấp thuận của người dân quyền lực mới có giá trị. Do đó, bản thân đảng cộng sản Việt Nam cũng cần chuyển đổi để ít nhất cũng thành một đảng cộng sản "kiểu mới" như vài đảng cộng sản còn xót lại trong những nước dân chủ. Và điều này cần được nhanh chóng thực hiện. Dân tộc ta đã để mất quá nhiều thời gian và cơ hội rồi.

Mong rằng những gì đã xảy ra ở Nam Hàn, Đài Loan trước đây, Indonesia gần đây, và nhất là Myanmar hiện nay, là những kinh nghiệm bổ ích cho ban lãnh đạo đảng cộng sản. Trong tình cảm thiêng liêng đối với người quá cố, cũng mong rằng cái chết trong niềm u uất vì dân chủ của một cựu đảng viên cộng sản như ông Trần Độ sẽ giúp đẩy nhanh hơn nữa tiến trình dân chủ một cách êm thắm để đất nước không phải trải qua một thời kỳ rối loạn. Con đường đẹp nhất cho đất nước là con đường chuyển đổi từ độc tài sang dân chủ một cách hòa bình. Biến chuyển của thế giới và khu vực hiện nay đang rất thuận lợi để đất nước chúng ta tiến vào con đường đó. Và bước khởi đầu trên con đường đó là <u>đối thoại dân tộc</u> giữa những người đang cầm quyền với những người đối lập trong tinh thần anh em, tôn trọng khác biệt, để cùng nhau tìm giải pháp tối ưu cho đất nước. Hơn ai hết, ban lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay đang ở vị thế thuận lợi nhất, đồng thời có trách nhiệm để chủ động mở ra con đường đó. Đó cũng là con đường tốt nhất cho tương lai của chính đảng cộng sản "kiểu mới" trong chế độ dân chủ pháp trị bắt buộc phải đến tại Việt Nam. Họ không còn lựa chọn nào khác nếu họ không muốn đảng cộng sản của họ bị lịch sử và toàn dân đào thải ra khỏi tiến trình phát triển chung của dân tộc trong một nước Việt Nam mới đang ra đời –một nước Việt tự do và phồn vinh cho mọi người Việt.

(8/2002 - nhân dịp tưởng niệm ông Trần Độ)

GHI CHÚ

(1) Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, những cá nhân như Nguyễn Minh Cần, Hoàng Minh Chính, Vũ Thư Hiên, Nguyễn Chí Thiện...và hàng ngàn người dân vô danh khác.

(2) Đoàn Viết Hoạt Và Nhóm Diễn Đàn Tự Do. The Case of Freedom Forum. California: Trăm Hoa, 1993, tr. 38.

(3) Sđd., tr. 39.

(4) Stuart Schram (ed.). *The Political Thought of Mao-Tse-tung.* NY: Praeger Publishers, 1971, p. 194.

(5) Đây là những điểm căn bản nhất trong quá trình phê phán tư tưởng Mác, mà vì giới hạn của bài viết chưa thể đề cập hết được. Riêng về nguyên nhân gây ra sự khác biệt trong hệ thống gien của người (23 cặp nhiễm sắc thể) và của người vượn (24 cặp) vẫn đang là đề tài nghiên cứu khoa học quan trọng. Nhiều giả thuyết khoa học đã được đưa ra để tìm cái "missing link" giữa 23 và 24 cặp nhiễm sắc thể đó.

TRẦN ĐỘ, NGƯỜI CHÂN THÀNH VÀ TỬ TẾ

ĐINH QUANG ANH THÁI

Lần tiếp xúc đầu tiên của tôi với ông Trần Độ phải qua trung gian hai ba người chứ không phải tự nhiên mà ông Độ trả lời điện thoại một người lạ sống ở Mỹ, nhất là một nhân viên Ban Việt ngữ Đài Á Châu Tự Do, đài phát thanh bị cộng sản Hà Nội quy chụp là chống phá chế độ.

Đầu đuôi câu chuyện bắt nguồn từ việc ông Trần Độ bị đảng cộng sản khai trừ ngày bốn tháng Giêng năm 1999. Ngay khi biết tin, Ban Việt ngữ Đài Á Châu Tự Do (RFA) lập tức gọi điện thoại về hỏi thăm ông Độ và được ông xác nhận tin này là đúng, nhưng ông không đưa ra lời bình luận nào. Một ngày sau, mới tờ mờ sáng ở Washinngton DC, Giám đốc Ban Việt ngữ RFA là giáo sư Nguyễn Ngọc Bích điện thoại bảo tôi tìm cách liên lạc với những người quen ở Hà Nội để tìm hiểu nguồn tin nói rằng có một đại tá đảng viên cộng sản 50 năm đã trả thẻ đảng để phản đối việc ông Trần Độ bị khai trừ.

Qua cuộc nói chuyện bằng điện thoại với nhà văn Hoàng Tiến, tôi được biết người trả thẻ đảng là cựu đại tá Phạm Quế Dương, nguyên Tổng biên tập Tạp chí Lịch Sử Quân Sự thuộc Viện Lịch sử Quân Sự, Tổng Cục Chính Trị của cộng sản Việt Nam. Nói chuyện với nhà văn Hoàng Tiến, tôi hỏi ông sau khi ông viết những bài ủng hộ cựu trung tướng Trần Độ, tình trạng an ninh của ông ra sao, ông Hoàng Tiến cho biết là ông bị công an *"săn sóc"* tận tình lắm, dù vậy, ông và những *"anh em dân chủ khác"* luôn luôn chuẩn bị tinh thần cho tình huống xấu nhất, để nếu có việc gì xẩy ra thì về mặt tâm lý, mọi người không thấy có gì hỗn loạn cả. Ông Hoàng Tiến còn tâm sự rằng, *"phải chịu đựng thôi, vì bao giờ cũng thế, cái gì cũng phải trả giá, nhất là dân chủ và tự do phải trả giá lớn chứ không phải nhỏ. Thôi thì cứ làm cho hết cái lương tâm của mình. Anh em đều nghĩ như thế, vì đây là cái nghĩa cả, cái nghĩa lớn ấy mà. Đất nước mình không thể thua các nước khác được. Bây giờ cả thế giới sống trong trào lưu dân chủ thì mình sống trong cái ốc đảo sao được. Làm sao cho quyền làm người, quyền làm dân được hiểu đúng thì lúc đó khó ai mà o ép dân được."*

Tôi hỏi ông có gặp tướng Trần Độ không, ông cho biết ngay sau khi đảng cộng sản khai trừ ông Trần Độ, ông có đến thăm và thấy ông Độ đã chuẩn bị hết cả rồi, vì ông Độ sống bằng lương tâm đối với cái nghĩa lớn của đất nước nên rất thanh thản, không có gì vướng bận cả.

Ông Hoàng Tiến cho tôi số điện thoại của ông Phạm Quế Dương, còn dặn dò là tôi gọi về ngay, và cứ bảo do Hoàng Tiến giới thiệu.

Tôi gọi về, sau vài phút dè dặt, ông Dương đã hề hà nói chuyện rất thân thiện. Ông gọi tôi là cậu và xưng tớ. Ông bảo, ông quen cung cách nhà binh như thế rồi, vả lại, ông nói, vậy mới thân tình. Hỏi tại sao ông trả thẻ đảng và trả luôn cả huân chương Hồ Chí Minh để phản đối việc ông Độ bị khai trừ, ông Dương cười thoải mái kể nguyên văn rằng, *"ông Độ từng là cấp chỉ huy của tớ, và trong một phiên gác thời mới vào bộ đội trong cuộc chiến chống Pháp, chính ông Độ đã đề nghị gác thay cho tớ vì thấy tớ buồn ngủ quá. Từ đó, tớ yêu kính ông Độ. Nhưng trên tất cả, tớ thấy ông Độ rất anh dũng khi dám nói lên thực trạng hiện nay của đất nước và dám nêu vấn đề dân chủ với lãnh đạo đảng. Cho nên khi nghe tin ông bị khai trừ, tớ đến ngay nhà ông và bảo ông rằng, anh luônluôn trong trái tim em, bây giờ em ra trụ sở đảng để trả thẻ đảng viên 50 năm và huân chương Hồ Chí Minh đây. Tớ cho rằng sống với nhau phải có tình có nghĩa, thế thôi, nhất là việc ông Độ tranh đấu cho dân chủ là đúng quá chứ có gì sai trái đâu"*.

Tôi nói với ông Dương là có cách nào giúp để tôi phỏng vấn được ông Độ không, ông Dương bảo *"để tớ gọi ngay cho anh ấy, chắc được thôi"*.

Thế mà vẫn không được. Qua điện thoại, rõ ràng ông Độ có cởi mở hơn chứ không dè dặt như lần trước, nhưng ông bảo, cứ nói chuyện với nhau thôi, đừng thâu âm làm gì, vì ông cần cân nhắc trước khi trả lời các đài phát thanh nước ngoài, nhất là ông đang muốn thuyết phục những đảng

viên khác còn trong đảng. Nói chuyện với ông Độ hơn nửa tiếng, tôi hỏi ông rất nhiều vấn đề, nhất là thắc mắc của tôi là ông chống đảng để cứu đảng hay chống đảng để cứu dân. Ông bảo, đọc các bài viết của ông thì tất rõ chứ đừng để ông phải giải thích. Cảm tưởng của tôi thôi, chứ chưa chắc đã đúng, là ông Độ vẫn còn lưu luyến với đảng CS, tổ chức mà ông đã hết mực gắn bó gần cả đời người, dù nó có đối xử tàn tệ với ông. Có lẽ nói đúng hơn, là ông quyến luyến với những đảng viên mà trong các bài viết của ông, ông gọi họ là những người còn có tấm lòng.

Không hỏi trực tiếp được ông Độ thì tôi hỏi những người khác về ông Độ. Giáo sư Lữ Phương ở Sài Gòn, người từng là thứ trưởng của "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam" và sau này đã bỏ đảng CS, nhận định rằng, đấu tranh trong nước phải quyền biến lắm, chống đảng để cứu đảng hay chống đảng để cứu dân, ranh giới của hai lập trường này rất khó phân định, mà cũng chả ai nói huỵch toẹt ra đâu, ai muốn đoán sao thì đoán. Tại sao ấy à, ông Lữ Phương giải thích, xã hội CS nào cũng thế, người ta nghĩ một đằng nói một nẻo, nên cứ phải từ từ thì mới hiểu được ai là ai, ai là người thế nào. Một nhận định của ông Lữ Phương về ông Trần Độ trong cuộc nói chuyện bằng điện thoại khiến tôi chú ý nhiều, là ông Trần Độ dấn thân vì lòng yêu nước, chứ trình độ hiểu biết của ông Độ về chủ nghĩa Mác Lê còn hời hợt lắm. Ông Phương nói nguyên văn rằng *"đối với chủ nghĩa Mác, ông Độ chỉ là người đứng ngoài ngõ nhìn vào thôi, chứ chưa bước chân vào nhà."* Nhưng, cũng theo lời ông Phương, những người như ông Độ trong đảng chiếm đa số. Trả lời câu hỏi của tôi về ảnh hưởng việc ông Độ bị khai trừ, ông Lữ Phương nói, cứ nhìn vào số tướng lãnh vẫn đến thăm ông Độ thì biết là ông Độ còn được nhiều người yêu kính lắm. Mà không riêng gì quân đội đâu, ông Lữ Phương bảo, văn nghệ sĩ cũng nhiều người có cảm tình với ông tướng nhà văn này. Vì năm 1986, khi còn giữ chức Trưởng ban Văn hóa Văn nghệ của Trung ương đảng cộng sản, ông Độ đã được các văn nghệ sĩ hoan nghênh với câu nói *"nhân dân Việt Nam không cần ai chọn món ăn tinh thần cho mình. Nhân dân đủ thông minh để chọn lấy."* Vì câu nói ấy, và vì chủ trương cởi mở đối với sinh hoạt văn nghệ, ông Độ bị mất chức. Một số người cho rằng, nếu không có Trần Độ thì khó lòng có những tác phẩm nói sự thật về cuộc sống Xã hội Chủ nghĩa của các tác giả Phùng Gia Lộc, Dương Thu Hương, Bảo Ninh, Nguyễn Huy Thiệp và nhiều nhà văn khác.

Tết năm 2000, tôi có dịp kiểm chứng lời ông Lữ Phương. Chiều mùng Hai, do đi công tác cho Đài Á Châu Tự Do ở Thái Lan nên từ Bangkok, tôi điện thoại về mừng tuổi ông Độ. Cuộc nói chuyện rất ngắn, vì nhà ông đang có khách, tiếng cười nói rất ồn. Ông bảo, một số thuộc cấp ngày xưa của ông đến chúc Tết, họ hiện đang nắm các sư đoàn. Tôi hỏi, họ không sợ khi đến thăm một người bị khai trừ hay sao, ông nói, cũng có người sợ không dám đến, nhưng nhiều anh em vẫn giữ được tình cảm có trước có sau.

Trở lại việc tìm hiểu tâm tư ông Trần Độ qua những người quen thân ông Độ, ngày 13 tháng Giêng 1999, tôi điện thoại thăm ông Hoàng Minh Chính, cựu viện trưởng Viện Triết học Mác Lê và là nạn nhân nổi tiếng nhất của vụ án mà đảng cộng sản gọi là Vụ Xét Lại Chống Đảng. Ông cho biết, hôm mùng Bẩy, tức là ba ngày sau khi ông Trần Độ bị khai trừ, ông có đến gặp ông Độ. Ông Chính nói *"Tôi thấy anh ấy thanh thản, và hình như anh ấy thấy đã được giải phóng khỏi một cái vòng kim cô. Nếu như tôi không lầm thì anh ấy thanh thoát, và quyết tâm vững vàng để phục vụ tổ quốc và nhân dân."*

Tôi hỏi ông Chính là số người đồng ý những bài viết đòi tự do dân chủ của ông Độ có đông không, ông Chính nói, nhiều cán bộ cấp thứ trưởng nghỉ hưu, nhiều người còn tại chức mang cấp vụ trưởng, các sĩ quan cấp tá, thậm chí cấp tướng nữa, cũng đồng tình với những điều triết để do ông Độ nêu ra. Thế còn giới lãnh đạo đảng thì sao, tôi hỏi ông Chính, ông bảo, lãnh đạo của đảng bị ở thế giữa ngã ba đường. Nếu không phê phán bài của ông Trần Độ thì không được. Thế mà phê phán thì 30, 40 bài đăng trên báo Nhân Dân bị người ta chê là dưới tầm, nội dung yếu. Mà vấn đề ông Trần Độ đề ra là vấn đề lớn nhất của đất nước khiến lãnh đạo cao nhất của đảng phải suy ngẫm. Thế nên lãnh đạo mới lo. Lo mà để yên thì sẽ có các bài khác ủng hộ ông Trần Độ, mà đã có một loạt bài rồi. Vì thế nên mới ngăn chặn, rồi dẫn đến khai trừ ông Độ.

Tiến sĩ Địa vật lý Nguyễn Thanh Giang cũng cho tôi nhiều nhận định lý thú về ông Độ. Cùng ngày nói chuyện với ông Hoàng Minh Chính, tôi được ông Giang cho biết qua điện thoại, là ông đã đến thăm và nói với ông Độ rằng, ông Độ nên xem việc bị khai trừ là bình thường, và ông Trần Độ thế nào thì cứ là ông Trần Độ như thế thì ông

Độ sẽ đi vào lịch sử. Ông Giang còn cho biết là ông đã nói cho giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam biết là họ đừng làm thế, chẳng có lợi gì cho họ, vì chỉ gây nhiều buồn phiền cho những người có thiện tâm, những người sống có tình có nghĩa vì ai cũng đều thấy việc ông Trần Độ lên tiếng cho tự do dân chủ là đáng làm. Ông Giang bảo, chẳng riêng ông Phạm Quế Dương trả thẻ đảng, mà còn có đảng viên khác đã tỏ sự ủng hộ ông Trần Độ, nhưng ông Giang không quan tâm lắm đến vấn đề này, vì trong đất nước ta hiện nay còn có nhiều vấn đề khác đáng lo hơn nhiều. Ông Trần Độ chỉ là một trong những vấn đề nổi cộm trong nhiều vấn đề khác phải lo lắng. Đó là các vấn đề ấy ai cũng biết rồi. Vụ Thái Bình, Uy Nỗ, những thứ ấy đều là vấn đề cả chứ. Ông Giang bảo, nhiều người hỏi ông là trong tình huống hiện nay, liệu Việt Nam có yếu tố Gorbachev không, có yếu tố Ceaucescu không, có yếu tố Thiên An Môn không, ông trả lời họ rằng chả cái gì rõ cả, nhưng cái gì cũng có, cũng giống như ngành địa chất học, nhiều chỗ tưởng không có mỏ, nhưng nếu huy động đủ trí tuệ thì có khi nó bùng nổ thành cuộc cách mạng đại kỹ nghệ. Ông Giang cười sảng khoái khi nhận định như thế.

Về chính bản thân ông Trần Độ, ông nghĩ gì khi bị khai trừ khỏi cái tổ chức mà ông đã dành gần trọn đời người để hy hiến và tận tụy với nó? Lá thư phản kháng dài sáu trang đánh máy của ông đề ngày 22 tháng 7.1999 gởi cho các cấp lãnh đạo đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam cho ta thấy phần nào tâm tư của ông. Một đoạn trong thư, ông viết: *"Tôi là đảng viên bị khai trừ. Tôi bị khai trừ là phải. Nếu không khai trừ tôi, có lúc tôi phải xin ra khỏi cái đảng này. Tôi không thể chấp nhận và thừa nhận cái đường lối nhiều mâu thuẫn nửa vời, lằng nhằng, nặng chất giáo điều, bảo thủ, khó cho đất nước phát triển. Tôi cũng không thể chấp nhận phương thức lãnh đạo của đảng. Đó là một phương thức độc tôn, toàn trị chuyên chế, phản dân chủ. Còn với chủ nghĩa xã hội, tôi không hề chống. Tôi chỉ không tán thành cái thứ chủ nghĩa xã hội đã thất bại trên thế giới và đã gây nên nghèo đói ở Việt Nam."*

Nhưng có lẽ rõ ràng và dứt khoát hơn cả là bốn câu thơ ông Trần Độ viết trong thiên bút ký "Một cái nhìn trở lại" vào tháng Chín năm 1988 khi ông vừa tròn 75 tuổi:

Những mơ xóa ác ở trên đời (lúc bắt đầu)
Ta phó thân ta với đất trời (dấn thân)
Ác xóa đi, thay bằng cực thiện (thắng lợi)
Tháng ngày biến hóa, ác luân hồi (trở lại ác)

(*ghi chú: những chữ trong ngoặc là của chính ông Trần Độ).

Trong thiên bút ký, ông còn nhấn mạnh rằng, *"dân tộc Việt Nam không nên lệ thuộc vào bất cứ chủ nghĩa nào, học thuyết nào. Đảng cộng sản có quyền có học thuyết của mình, nhưng không được bắt tất cả mọi người phải theo học thuyết đó. Vì mọi người, nhất là người Việt Nam hiện nay đã đủ trình độ để nhận xét chân lý và đạo lý."*

Đọc những đoạn trên, tôi có cảm tưởng nghe được tiếng thở dài, ray rứt của ông Độ. Trong một đoạn khác của cuốn thiên bút ký, ông đã giãn trải rất rõ ràng tâm sự của mình. Ông viết: *"Tôi có nhiều cái để chống. Tội chống năm cái. Đó là thói quan liêu. Tệ tham nhũng. Thói lừa dối mưu mẹo, thủ đoạn để mưu lợi và hại người. Tệ cơ hội, nịnh hót. Bệnh độc đoán, thiếu dân chủ, khinh thường nhân dân. Các ông có những cái ấy thì tôi chống. Tôi thấy cái bộ máy cai trị Việt Nam hiện nay là một bộ máy đàn áp, bóp nghẹt, không muốn nghe một tiếng nói nào."*

Cuối tháng 11 năm 2000, Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton viếng thăm Việt Nam. Ngày Bốn tháng 12, tôi điện thoại xin phỏng vấn ông Trần Độ. Lần này ông đồng ý cho thâu âm để phát thanh. Cuộc phỏng vấn xoay quanh nhiều vấn đề, nguyên văn một vài đoạn như sau:

-Hỏi: Tổng thống Bill Clinton vừa viếng thăm Hà Nội và đã trở về Washington. Ông nhận định như thế nào về chuyến công du Việt Nam của vị nguyên thủ Hoa Kỳ?

-Ông Trần Độ: *Tôi đánh giá rất tốt chuyến đi của ông Clinton, vì nó biểu hiện một xu thế chung của thế giới hiện nay là mọi người đều mong muốn hòa bình và hòa giải. Việt Nam với Mỹ trước đây vốn là hai nước đã đối địch với nhau trong một cuộc chiến tranh ác liệt, thì nay lại có sự thăm hỏi bình thường quan hệ với nhau, thế là tốt lắm và đáng mừng lắm. Tôi tin chắc chắn là qua cuộc quan hệ này, qua Hiệp định thương mại giữa Việt Nam và Mỹ, Việt Nam sẽ phát triển tốt hơn. Thế cho nên tôi rất hoan nghênh chuyến viếng thăm của tổng thống Clinton.*

-Hỏi: Ngay sau khi tổng thống Clinton rời Việt Nam, một vị tướng của Hà Nội là trung tướng Lê Văn Dũng, Tổng tham mưu trưởng kiêm Thứ trưởng quốc phòng đã có một bài xã luận đăng

trên báo của đảng, nói rằng bộ đội của đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam quyết tâm đập tan mọi diễn biến hòa bình trước khi chúng trở thành sự thật. Ông có nghĩ rằng lời phát biểu của tướng Lê Văn Dũng phản ảnh quan điểm của đảng cộng sản Việt Nam và khi nói "diễn biến hòa bình" là Hà Nội muốn ám chỉ Hoa Kỳ không ạ?

-Ông Trần Độ: *Tôi không đọc bài đó. Ít lâu nay tôi cũng không đọc báo Nhân Dân và báo Quân Đội Nhân Dân. Nhưng mà tôi nghe các đài thì có nói đến bài đó và chắc chắn ông Lê Văn Dũng phải nói lên quan điểm của đảng cộng sản rồi. Quan điểm của tôi thì khác. Tôi thấy bây giờ không có cái trò diễn biến hòa bình đâu. Chỉ những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam mới tưởng tượng những cái trò như thế, bầy đặt ra như thế để hạn chế dân chủ trong nước, chứ không có diễn biến hòa bình đâu.*

-Hỏi: Trong những bài viết gần đây của ông, người đọc nhận thấy rằng, càng ngày ông càng dứt khoát và cả quyết dấn thân cho lý tưởng đấu tranh cho dân chủ –tự do của Việt Nam. Điều này có đúng không ạ?

-Ông Trần Độ: N*ước Việt Nam mà không dân chủ thì không phát triển được. Và tôi rất muốn đất nước tôi được phát triển tốt đẹp. Vì vậy tôi cho rằng phải có dân chủ mới phát triển được. Còn chế độ hiện nay là một chế độ không dân chủ và phản dân chủ.*

-Hỏi: Trả lời một cuộc phỏng vấn của đài truyền hình CNN, vị nguyên thủ Hoa Kỳ phát biểu rằng, tự do và dân chủ tại Việt Nam là một tiến trình không thể đảo ngược được. Ông nghĩ sao về lời phát biểu này?

-Ông Trần Độ: *Tôi cũng cho là như thế. Bởi vì càng ngày, nhất là giới trẻ càng cần phải có dân chủ. Và tiến trình dân chủ cứ diễn ra mà không cưỡng lại được.*

-Hỏi: Cuộc chiến Việt Nam đã chấm dứt cách đây 25 năm và di sản đất nước giờ phút này đang phải gánh chịu là tình trạng tụt hậu về mọi lãnh vực, từ tinh thần, vật chất lẫn nhân phẩm của người dân. Ông đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng của đảng cộng sản, thế thì nếu trong một trường hợp nào đó, ông được gặp gỡ một vị sĩ quan mang cùng cấp bậc với ông trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa hoặc là một người sống trong chế độ miền Nam cũ, ông sẽ nói điều gì với những người đã từng đối nghịch chiến tuyến với ông?

-Ông Trần Độ: *Nếu tôi có gặp, thì bây giờ tôi sẽ coi họ là một người Việt Nam và nói chuyện bình thường với nhau. Và họ muốn nói chuyện gì tôi cũng sẽ nói chuyện với họ như những người Việt Nam nói chuyện với nhau.*

Những ngày ông Trần Độ hấp hối bên giường bệnh, tôi điện thoại thường xuyên về Hà Nội thăm hỏi những người bạn ông để biết rõ tình trạng của ông. Sáng sớm ngày 9 tháng Tám giờ tại Hoa Kỳ, tức là đã vào buổi chiều tính theo giờ tại Hà Nội, tôi điện thoại về thì được tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang báo cho biết là ông Trần Độ đã từ trần.

Ông Trần Độ ra đi để lại sự thương tiếc cho nhiều người, và đồng thời cũng để lại nhiều tranh cãi cho những người khác.

Cựu thiếu tướng Việt Nam Cộng Hòa Trần Văn Nhựt hiện đang sống tại California, trong cuộc phỏng vấn dành cho đài Little Sàigon Radio ngày

Các bạn tranh đấu cho Tự Do Dân Chủ của Trần Độ:

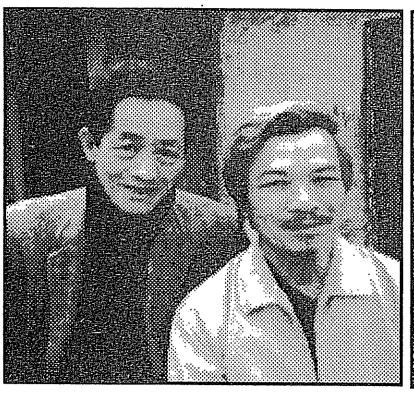

Vũ Huy Cường và Hà Sĩ Phu

Ông Bà Phạm Quế Dương

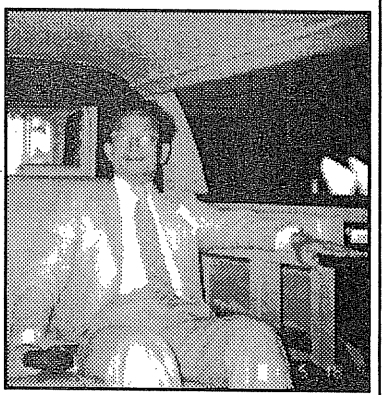

Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang

23 tháng Tám đã lên tiếng ca ngợi ông Trần Độ. Ông Nhựt nói rằng, ông Độ mất đi là một thiệt hại cho phong trào đấu tranh dân chủ tại Việt Nam.

Với tôi, ông Trần Độ là người chân thành và tử tế. Ông chân thành vì dám đeo đuổi và hy sinh cho điều gì ông cho là đúng. Lúc tin là cộng sản đúng, ông theo cộng sản. Lúc nhận chân ra rằng cộng sản không có khả năng xây dựng đất nước và độc tài, ông can đảm lên tiếng chống lại và đấu tranh cho tự do dân chủ. Ông tử tế vì ông là người có trước có sau.

Nhà đạo diễn Trần Văn Thủy, trong cuốn phim mang tựa đề "Chuyện tử tế" đã phát biểu rằng, hai chữ nhân dân mang ý nghĩa thật thiêng liêng. Chẳng thế mà nhân dân có mặt ở khắp nơi. Về văn hóa thì có nghệ sĩ nhân dân, hiệu sách nhân dân, giáo viên nhân dân, nhà hát nhân dân, báo nhân nhân. Ở những cơ quan nghiêm mật thì có hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, công an nhân dân, quân đội nhân dân. Trần Văn Thủy còn nhận xét rằng, có một thời, đảng cộng sản đã có những lời ca về nhân dân thực sự xúc động lòng người. Tỷ như vì nhân dân quên mình, vì nhân dân hy sinh. Nhiều khẩu hiệu đã trở thành tâm niệm của một lớp người như là phục vụ nhân dân, đầy tớ nhân dân và cao hơn nữa là hiếu với dân.

Cựu trung tướng Trần Độ cũng thuộc lớp người từng mang tâm niệm ấy. Nói theo cách của nhà thơ Bùi Minh Quốc, ông Trần Độ đã góp công đúc nên cỗ máy cai trị hiện nay. Nhưng nhân dân mà tướng Trần Độ từng phục vụ hiện nay đã bị guồng máy của đảng cộng sản bóc lột, chèn ép. Trong thư phản kháng đề ngày 22 tháng 7.1999, ông Trần Độ viết rằng *"Các ông vẫn hô uống nước nhớ nguồn. Nhưng các ông có lúc nào tự cảm thấy mình là đầy tớ nhân dân hay không? Các ông đối xử với nhân dân như thế à? Các ông đã chống lại nhân dân. Ta nói nước ta nghèo, đó là sự thật. Nhưng tôi hỏi ai nghèo? Tôi thấy rằng chỉ có dân là nghèo. Còn nhà nước và các quan cai trị không nghèo. Các quan có ô tô, phòng khách, máy lạnh, biệt thự, khách sạn. Đảng bây giờ là đảng gì? Đảng của ai? Đảng đang làm gì có lợi cho dân và đảng đang làm gì hại cho dân?"*

Những câu hỏi đớn đau của tướng Trần Độ cũng là những thắc mắc của rất nhiều người đang bị cai trị bằng những chính sách hà khắc của chế độ. Trong phim Chuyện tử tế, Trần Văn Thủy đã ngậm ngùi nói rằng, khi chưa có chính quyền trong tay, thì nhân vật của văn nghệ chủ yếu là những người nghèo khổ: một bác phu xe, một bé bán báo, một bé đi ở, một bà mẹ nghèo, một tiếng rao đêm. Ngày nay, khi quyền hành đã về một mối, thì những người nghèo khổ, bất hạnh trong văn nghệ bỗng dưng biến mất. Y như đồng bào của chúng ta bây giờ rất xa lạ với sự nghèo khổ, hoặc giả những người nghèo khổ đã chạy sang thế giới bên kia cả rồi. Trần Văn Thủy kết luận rằng, ăn ở với nhau như vậy thì không những không được tử tế mà còn đáng sợ.

Ông Trần Độ đã phẫn nộ với cỗ máy cai trị hiện nay. Và ông đã chấp nhận cái giá phải trả. Ngày tang của ông, bộ máy đã dùng đủ mọi thủ đoạn đê tiện để cốt hạ nhục ông. Thậm chí, một người nho nhã như tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang mà còn phải phẫn uất mắng nhiếc rằng *"chúng nó không còn là con người nữa, khi chúng đối xử với ông Trần Độ như thế."*

Đảng cộng sản không có quyền phán xét công hay tội của ông Trần Độ. Đây là việc làm của lịch sử mai sau. Nhưng ngay từ khi ông còn sống và ngay lúc ông vừa lìa đời, đã có rất nhiều người thương tiếc ông, mà điều đáng nói, những người này đều là những người chân thành và tử tế./.

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

TIẾNG VỖ TAY TRONG MỘT ĐÁM TANG

Tường thuật của nhà văn HOÀNG TIẾN

Đám tang ai mà có chuyện lạ vậy? Xin thưa, đó là đám tang tướng quân nhà văn Trần Độ tổ chức ngày 14-8-2002 tại nhà tang lễ Bộ Quốc phòng số 5 Trần Thánh tông.

Trung tướng Trần Độ là một vị lão thành cách mạng, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong bộ máy Đảng và Nhà nước cũng như trong tổ chức quân đội, những năm cuối đời ông có nhiều kiến nghị về dân chủ mong cho đất nước phát triển. Ông bị khai trừ khỏi Đảng, bị chính quyền coi là phần tử nguy hiểm, và công an gây nhiều phiền hà.

Cho nên đám tang ông khiến mọi người rất quan tâm. Nghĩa tử là nghĩa tận. Người ta chú ý xem lãnh đạo cư xử với đám tang ông ra sao?

Ông mất từ hôm mồng 9-8, việc đưa tin trên báo và tivi rất chậm. Mãi đến ngày 13-8 báo chí mới loan tin, và tối ngày 13-8 cô phát thanh viên trên tivi mới đọc tin tang lễ. Cô vẫn mặc áo màu hoa đẹp hàng ngày, không mặc áo tang đen. Đưa tin sát ngày như thế, thì người các tỉnh xa, trong đó có nhiều đồng đội, đồng nghiệp, và những người ái mộ ông không thể về kịp, vì ngày mai 14 đã lễ tang rồi.

Ngày 14, từ 8 giờ sáng bắt đầu lễ viếng. Tuy nhiên những người yêu quý ông Độ ở Hà Nội và những tỉnh sát Hà Nội đã về kịp. Họ đi cá nhân, hoặc thành nhóm. Không thấy những viên chức cao cấp đương nhiệm, hoặc các cơ quan đoàn thể đến viếng. Hình như có chỉ thị của Ban Bí thư (có người nói của Bộ Chính trị) gửi các cơ quan đoàn thể về tang lễ này, hạn chế sự tham gia.

Các vòng hoa đề chữ *Vô cùng thương tiếc trung tướng Trần Độ* bị ách lại từ ngoài cổng. Phải bỏ chữ *Vô cùng thương tiếc* và quân hàm *trung tướng* đi. Thắc mắc thì anh em nhà tang lễ giải thích: "Chúng cháu chỉ biết làm theo lệnh ở trên." (!)

Vòng hoa của đại tướng Võ Nguyên Giáp đề hàng chữ: *"Vô cùng thương tiếc trung tướng Trần Độ. Đại tướng Võ Nguyên Giáp"* cũng bị ách lại, đưa vào phòng đợi ngoài cổng, và đề nghị sửa (có anh em chuyên môn sửa ngay). Nghĩa là phải bỏ hàng chữ *Vô cùng thương tiếc*, và các quân hàm *trung tướng, đại tướng*, chỉ còn là *ông Võ Nguyên Giáp viếng ông Trần Độ*. Thư ký của đại tướng là ông Huyên, phản đối. Chuyện đôi co lằng nhằng, hai bên đều phải xin ý kiến cấp trên của mình. Mỗi bên đều xuống thang một chút. Cuối cùng vòng hoa còn là: *"Thương tiếc trung tướng Trần Độ. Đại tướng Võ Nguyên Giáp"*. Có lẽ là vòng hoa duy nhất được giữ gần như nguyên vẹn lời viếng. Nhưng khi Ban tang lễ gọi loa đọc tên người viếng thì lại gọi là: "Vòng hoa của ông Võ Nguyên Giáp viếng ông Trần Độ."

Những người đứng đợi trong sân nhà tang lễ, nghe thấy thế, đều xì xào bàn tán. Ông Kim Sơn, một lão thành cách mạng, tham gia từ hồi quân giải phóng, không chịu nổi đã tiến lên cự nự Ban tang lễ. Quân hàm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là do Bác Hồ phong. Ai dám tự ý tước bỏ? Sao các anh làm ăn bậy bạ thế? Vòng hoa vẫn đề chữ *đại tướng*, mà các anh đọc sai đi là nghĩa sao?

Thì quân hàm *trung tướng* của ông Trần Độ cũng thế, muốn tước bỏ phải có quyết định của quốc hội hoặc chủ tịch nước. Báo chí vẫn đăng là *trung tướng*, mà tang lễ lại bỏ đi. Thật chẳng ra làm sao! Rõ là trống đánh xuôi kèn thổi ngược!

Lại nói đến vòng hoa của thượng tướng Lê Ngọc Hiền đề là *đồng chí Trần Độ*, cũng bị bỏ đi chữ *đồng chí*. Chắc sự chỉ đạo ở trên cho rằng, ông Trần Độ đã bị khai trừ khỏi Đảng thì không còn gọi là đồng chí nữa. Nhưng họ đã lầm, theo điều lệnh của quân đội, thì từ binh nhì đến tướng lĩnh đều xưng hô với nhau là *đồng chí*. Ông Lê Ngọc Hiền mặc quân phục, đeo quân hàm thượng tướng trang nghiêm, đến viếng ông Trần Độ, mà cũng chỉ được giới thiệu trên loa là *ông Lê Ngọc Hiền đến viếng ông Trần Độ*.

Trung tướng Nguyễn Hoà cũng quân phục, quân hàm, huân chương đầy đủ và cũng chịu cảnh ngộ như trên.

Vòng hoa của anh em dân chủ Hải Phòng đề là *"Vô cùng kính phục và thương nhớ bác Trần Độ. Các bạn đồng hành ở Hải Phòng"* phải sửa thành *"Kính viếng bác Trần Độ. Các bạn đồng hành ở Hải Phòng"*. Vòng hoa cá nhân Vũ Cao Quận, đi cùng đoàn Hải Phòng, đề *"Kính viếng lão tướng Trần Độ. Người lính già Vũ Cao Quận"* bị giữ lại. Tranh cãi hồi lâu, không có cụm từ *vô cùng thương tiếc*, không có *trung tướng* hay *đồng chí*, lại không có gì sai phạm về ngữ pháp tiếng Việt, vậy cớ gì phải sửa, ai sửa được đúng hơn,

xin mời. Mãi rồi cũng được vào.

Những vòng hoa mẫu mực có băng chữ ghi phải là "*Vòng hoa của ông Nguyễn Văn An kính viếng ông Trần Độ*", "*Vòng hoa của ông Lê Đức Anh kính viếng ông Trần Độ*", "*Vòng hoa của Văn phòng Quốc hội kính viếng ông Trần Độ*" v.v... Không thấy vòng hoa của ông Nông Đức Mạnh.

Chúng tôi để ý thấy nhiều bức trướng chữ vàng trên nền đỏ vẫn đề *trung tướng, tướng quân, danh tướng* v.v... không thể gỡ bỏ vì đã thêu bằng chỉ vàng bám chắc trên vải. Trong đó nổi bật bức trướng của các cụ dân chủ, trướng dài khổ to sát đất phải có gậy treo lên, thêu tám chữ vàng "*Nhân văn danh tướng. Trung dũng vẹn toàn*". Bên dưới ghi tên tuổi các vị kính viếng. Trưởng đoàn là cụ Lê Giản, rồi đến các ông Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang v.v..., hơn hai mươi ông. Mọi người xúm lại xem. Chụp ảnh. Quay phim. Có tiếng gọi bằng máy di động, đề nghị tịch thu. Rồi cũng không thấy gì. Mọi việc vẫn êm trôi. Tịch thu bức trướng trưởng đoàn là cụ Lê Giản thì cũng phiền đấy. Hơn nữa các cụ dân chủ đã đứng vây quanh bức trướng. Công an dùng bạo lực thì lôi thôi to.

Đoàn của các cụ dân chủ chỉ bị kìm lại thôi. Nhiều đoàn đăng ký sau đã vào trước. Ban tang lễ gây khó khăn cho các cụ phải đứng chờ dưới bóng cây, nắng chang chang, nhưng lại có cái hay là nhờ thế, mọi người hết tốp này tốp khác đến chiêm ngưỡng, bàn tán về các bức trướng. Bức trướng của nhà nghiên cứu Trần Khuê bị quản chế từ Sài Gòn gửi ra:

*Công thần không làm **phách***
Danh toại chẳng cầu nhàn
*Bút thần vung mấy **độ***
Đáng mặt đại nghĩa nhân.

(Ta chú ý bài thơ có chữ **phách** và chữ **độ**. Tên khai sinh là Tạ Ngọc Phách, tên tham gia cách mạng là Trần Độ).

Bức trướng của nhà thơ Bùi Minh Quốc bị quản chế từ Đà Lạt gửi ra, người anh ruột là cụ Bùi Minh Đức gần 90 tuổi, cựu chiến binh chống Pháp, thay mặt em mang đến:

Vì đại nghĩa nhân chân, thân mấy độ trần thân
Tướng dẫu không nguyên giáp, hồn vẫn vẹn tình dân.

(Người chân chính vì nghĩa lớn, cái thân mình bị mấy lần vùi dập
Viên tướng không còn nguyên giáp, tâm hồn ông vẫn trọn vẹn tình dân)

Bức trướng của tiến sĩ khoa học Hà Sĩ Phu cũng bị quản chế, từ Đà Lạt gửi ra, viết bằng chữ Hán, do các cụ trong nhóm thư pháp Cảo Thơm thực hiện:

Văn võ tung hoành, trung tướng phong trần, thế sự song kiên song trọng đảm
Bắc Nam xuất nhập, đại quân tế độ, hùng binh nhất trượng nhất đan tâm.

(Câu đối vế trên có Trần vế dưới có Độ. Trung tướng phong trần là trung tướng gian nan, lại có thể hiểu là ông Trần được phong trung tướng. Đại quân tế độ là đội quân cứu đời, tức quân giải phóng miền Nam. Đây nhắc đến việc ông Trần Độ là phó tư lệnh quân giải phóng miền Nam. Vậy câu đối trên có thể tạm dịch là:

Văn võ dọc ngang, ông Trần được phong hàm trung tướng, việc đời hai vai gánh vác hai trách nhiệm lớn;

Nam Bắc vào ra, tướng Độ chỉ huy quân giải phóng , cứu nước một gậy trường sơn một trái tim hồng.)

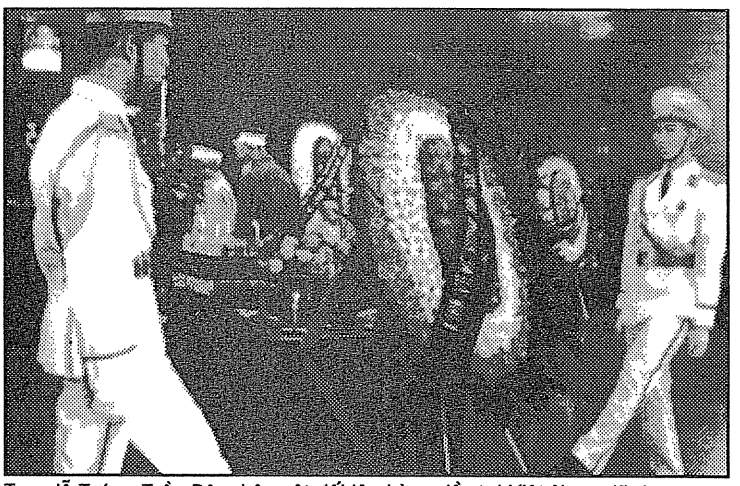

Tang lễ Tướng Trần Độ, nhân vật đối lập hàng đầu tại Việt Nam, đã được cử hành tại Hà Nội, ngày thứ Tư, 14-8-2002.

Bức trướng của nhóm Cảo Thơm trên nền giấy bồi khổ lớn đề ba chữ đại tự "Vị dân tâm" (Tấm lòng vì dân), với hàng phụ đề bằng những câu thơ chữ Hán ca ngợi tướng quân Trần Độ. Ông Tú Sót mái đầu bạc phơ, trong nhóm thư pháp Cảo Thơm, luôn miệng giải thích cho mọi người rõ nghĩa:

Vô tình vị tất chân hào kiệt
Hữu độ phương vi đại trượng phu.

(Nghĩa là: Sống vô tình (như chủ nghĩa MACKENO[Mặc-kệ-nó]

bây giờ), không phải là người hào kiệt. Có đức độ [vì dân vì nước] mới đáng mặt gọi trượng phu).

Lại nghe được tin, cụ Độ vừa mất, công an đến đòi khám nhà, không có lệnh. Bà Độ phản đối. Công an đe dọa những người con, bắt hai con trai lên đồn, gây căng thẳng. Cuối cùng gia đình phải nộp năm thùng sách vở của cụ Độ. Mọi người nghe tin đều phẫn nộ. Quá thể! Gia đình người ta đang tang gia bối rối. Thật nhẫn tâm!

12 giờ 15 phút, lễ truy điệu bắt đầu. Giới thiệu vị đại diện Văn phòng Quốc hội là ông Vũ Mão đọc điếu văn. Ông Mão có nhắc đến lý lịch, quê quán, ngày sinh, quá trình tham gia cách mạng và những chức vụ ông Trần Độ đã đảm nhiệm. Phần hai, ông ta nói rất tiếc là ông Trần Độ cuối đời đã mắc những lỗi lầm nghiêm trọng... Phần hai tuy không dài, nhưng cả hội trường lặng đi. Không khí như nén lại, ngột ngạt.

Đến mục gia đình lên đáp từ, người con trưởng cụ Độ là anh Thắng, sau khi kể những tình cảm về người bố, và sau khi cám ơn tất cả các cụ, các ông, bà, chú, bác, các anh chị... đến tham dự tang lễ, lời cuối của bài đáp từ là câu: ***"Tôi thay mặt gia đình xin phép không tiếp nhận lời điếu của vị đại diện Văn phòng Quốc hội."*** (Chưa bao giờ lại có chuyện như vậy, tang gia khước từ lời điếu của chủ lễ!!??)

Như một kho thuốc nổ được châm ngòi, cả hội trường vỗ tay ran lên tán đồng. Tiếng hoan hô lẫn tiếng vỗ tay nổi lên càng to, kéo dài không ngờ, như hội bắn pháo hoa. Các đợt liên tiếp cao hơn, to hơn, dài hơn, càng âm vang cộng hưởng hết cỡ trong vòm nhà hội trường tang lễ. Có cảm tưởng như nóc hội trường sắp bật tung. Nhiều tiếng hét đến lạc giọng, nghe không rõ. Loáng thoáng những từ *hoan hô! phản đối! ngu dốt!, bất nhân!* ..... lẫn trong những tràng vỗ tay rền vang như sấm động.

Những uẩn ức trong lòng mọi người bị dồn nén từ sáng đến giờ được dịp nổ tung. Tôi phải trèo lên chiếc ghế, đưa tay lên vành tai, nghiêng đầu lắng nghe. Một người hét to, giọng như người miền núi, tay giơ lên chỉ chỉ vào chiếc khung đen có hàng chữ Lễ tang ông Trần Độ ở trên cao, dưới là chiếc ảnh bán thân của ông mặc thường phục: "Ai cho phép chúng nó bỏ hàng chữ *Vô cùng thương tiếc* đi. Chúng nó không vô cùng thương tiếc, nhưng chúng tôi vô cùng thương tiếc..."

- Thật là bọn ăn cháo đá bát.

- Không có tướng Trần Độ và anh em chúng tôi thì làm sao có chúng nó ngày nay.

- Nghĩa tử là nghĩa tận, không có ai đi kiểm điểm người chết trước linh cữu cả.

- Chuyện này cổ kim chưa thấy bao giờ.

- Mà đã chắc là ai đúng, chắc là ai sai? Quan toà là nhân dân.

- Chúng nó phỉ báng lên truyền thống dân tộc.

Nơi này, chỗ kia, ầm ầm những tiếng thét, tiếng quát tháo: Bọn phản nhân dân! Phản bội đường lối Hồ Chí Minh! Phản văn hoá! Đề nghị Bộ Chính trị phải nghiêm trị!

Có ai nói khẽ: "Đây là chỉ đạo của Bộ Chính trị."

Tiếng quát to: "Nói láo! Bộ Chính trị sáng suốt, không làm điều ngu dốt như thế. Nói thế là không đúng."

Có ai đó lại hô lên: "Trần Độ muôn năm!"

Nhân viên an ninh mặc thường phục vây quanh những người quá nóng nảy, đề phòng. Có tiếng hỏi: "Vũ Mão đâu? Vũ Mão đâu?"

"Hắn chạy rồi! Lủi ra xe rồi!" Thật là may cho Vũ Mão. Hắn ta đứng đực ra, mặt chảy xị, tái xám, ngơ ngác. Có ai giục, hắn như chợt tỉnh, vội lách ra phía sau, chuồn mất.

Cũng may cho đám tang nữa. Sự tức giận của khối người đông đảo trong hội trường này, mà túm được Vũ Mão, thì không biết rồi những gì sẽ xảy ra.

Các cụ dân chủ đều biết kìm mình. Trước đám tang vài ngày, cơ quan an ninh đã cử người đến dò la thái độ các cụ. Lo sợ các cụ dân chủ lợi dụng chiếm diễn đàn, cướp mi-crô, gây ra căng thẳng. Các cụ đã tin lại cho công an biết. Chỉ có đầu óc ngu tối mới nghĩ như thế. Những người yêu quý ông Độ, ai lại muốn phá rối đám tang. Chính lúc các cựu chiến binh, các lão thành cách mạng bừng bừng nổi giận, thì các ông dân chủ lại bình tĩnh, tìm cách khuyên can, chứ không có thái độ quá khích nào cả.

Toàn là những người hiểu biết. Sự nóng giận liền dịu xuống. Tang lễ lại tiếp tục. Mọi người đều đứng rẽ ra hai bên làm thành một con đường để đội danh dự mặc lễ phục trắng khiêng linh cữu trong nhà tang lễ ra xe ô tô đã đỗ ở giữa sân. Lúc này nắng lắm!

Một số phóng viên người nước ngoài tranh thủ phỏng vấn, ghi âm mấy cụ còn chưa nguôi cơn giận.

Ai cùng đi đến nghĩa trang Hoàn Vũ (hoả táng) thì lên xe. Tôi chậm chân nên xe tang đã ra ngoài cổng rồi, tôi vẫn còn trong sân để xe đạp xe máy.

Gặp chị Ngọc, vợ ông Hoàng Minh Chính, hỏi tôi có đi nghĩa trang? Tôi trả lời sẽ đi bằng xe máy. Chị khuyên tôi nên đi ô tô, đỡ mệt. Các ông ấy đều lên ô tô cả. Tôi chạy vội ra cổng, thì đoàn xe đã đi xa. Lại gặp các cụ dân chủ đứng túm lại ở đầu cổng. Hỏi ra mới rõ, xe còn rộng chỗ lắm, nhưng lái xe không chịu mở cửa cho các cụ lên (đều do công an lái xe). Một cử chỉ nhỏ nhen! Các cụ bèn quyết định thuê tắc-xi đi.

Trên xe, tiến sĩ Nguyyễn Thanh Giang nhận định một cách tổng quát: "Chúng nó đểu một cách rất ngu, và đểu đến từng chi tiết." Nhà báo đại tá chính ủy Phạm Quế Dương lại cười hề hề: "Trò đùa ấy mà! Có gì đâu!"

Xe tắc-xi chạy nhanh, bám kịp đoàn xe tang lễ. Quả thật, nhiều xe rất vắng, mang biển số 80B. Biển số này là của công an, nhiều người biết. Hai xe cam-nhông chở đầy vòng hoa viếng, những vòng hoa bên ngoài đều bị bóc hết các băng chữ. Lại nhỏ nhen!

Dự hỏa táng xong, trở về nhà tang lễ Bộ Quốc phòng thì đã gần 3 giờ chiều. Chúng tôi lấy xe ra về, người mệt nhoài, vì nóng, vì nắng. Rủ nhau vào uống giải khát để lấy sức ngày mai còn đưa hài cốt hỏa táng cụ Độ về Thái Bình.

Sẩm tối mới về tới nhà, đã thấy mấy ông bạn cựu chiến binh đón từ đầu đường hỏi về chuyện đám tang ông Trần Độ. Thì ra chuyện ở đám tang trưa nay đã đồn ầm lên trong dân chúng. Giấu làm sao được nhân dân! Che làm sao được miệng thế gian! Và bản tin chiều của hãng BBC mãi tít nước Anh đã đưa tin về đám tang. Có cả tiếng nói của cháu Thắng và tiếng vỗ tay rền vang như sấm. Nhanh thật! Trái đất cùng chung một mái nhà.

Vài lời kết thúc:

Sáng sớm hôm sau (15-8-2002) chúng tôi tập trung tại 37 Lý Nam Đế, nhà ông Phạm Quế Dương, để di Thái Bình cho trọn tình trọn nghĩa. Công an mật đã đến lởn vởn trước cổng, từ 5 giờ sáng.

Chúng tôi gọi tắc-xi, đúng 6 giờ 30 sáng lên đường. Nhìn sang lịch ta là ngày mồng 7. Ông cha ta dạy: "Chớ đi ngày 7 chớ về ngày 3." Chúng tôi biết là chuyến đi này sẽ gặp trắc trở đây.

Quả không sai, quãng đường hơn 100 km về quê cụ Độ bị bốn lần ách xe. Công an giao thông kiểm soát giấy tờ lái xe, phương tiện xe cộ có an toàn, để đảm bảo cho khách đi đường được yên tâm. Lại còn điều tra một tai nạn xe cộ, lái xe bỏ chạy, là một trong 300 chiếc tắc-xi của hãng này. Màu sơn này. Nên công an chúng cháu phải làm nhiệm vụ, mong các cụ thông cảm. Lần ách xe ở đất Thái Bình lâu nhất, mất gần hai giờ đồng hồ. Đến nơi thì đã 1 giờ 30 chiều, tang lễ hạ huyệt đã xong. Tổng cộng mất hơn bảy tiếng đồng hồ mới đi nổi quãng đường hơn 100 km. Mọi người đang ăn cỗ. Phong tục nông thôn bà con xa gần kéo đến rất đông.

Chúng tôi thắp hương, dâng lễ vật ở bàn thờ gia đình và bàn thờ ông Trần Độ. Lại phải ngồi ăn cỗ, thôi thì chiều nay ra mộ thắp hương trước khi về.

Được gặp con cái cụ Độ, chúng tôi tranh thủ tìm hiểu việc công an định khám nhà và lấy đi năm thùng sách báo. Các cháu đều trả lời lấp lửng, không rõ ràng, hình như e ngại điều gì. Gặp cháu Thắng, con trai trưởng, người đã nói được câu tuyệt vời hôm qua, thì hôm nay cũng không đậm đà bắt chuyện, muốn lảng tránh câu hỏi. Có thể tối qua cơ quan nơi cháu làm việc họ đã ấn huyệt. Thôi, thông cảm cho các cháu. Các cháu cần làm ăn, cuộc đời các cháu còn dài.

Được biết thêm, có cả thảy 220 vòng hoa tang lễ ở Hà Nội. Các băng chữ bị lấy hết, gia đình chỉ giữ được bảy băng. Gia đình đòi lại được năm cuốn sổ tang, một số trang bị xé rách.

Toàn là những cử chỉ nhỏ nhen!

Ngôi mộ ông Trần Độ được nằm cạnh ngôi mộ bà mẹ. Đó là ý nguyện của ông. Đây là nghĩa trang xóm làng, mỗi gia đình được một khoanh đất, để chôn cất những người thân trong gia đình. Ông Độ đã trở về với bà con xóm làng. Mộ ông cũng rất bình thường, như mọi ngôi mộ ở đây. Nằm ở đây thì yên ổn rồi, ấm lòng rồi. Chúng tôi tin chắc là ông Trần Độ rất thanh thản. Nhớ đến một đoạn thơ của ai đó:

Sống tranh luồn cúi vào ra,
Chết còn xí cả nhà mồ to cao.
Phải là những bậc anh hào,
Sống thiêng chết lại đi vào trong dân,
Mả to bia nhớn chẳng cần...

Những ngày tang lễ ông Trần Độ
Hà Nội, tháng 8-2002
Hoàng Tiến, nhà văn

Địa chỉ: Nhà A 11 Phòng 420
Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.
Nơi nhận: - Các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước.
- Các cơ quan thông tấn, báo chí.
- Các bè bạn.

LISA BEAMER
NGƯỜI GÓA PHỤ CAN ĐẢM

NGUYỄN NGỌC MINH
Viết theo các tạp chí Mỹ

Sau khi chồng nàng thiệt mạng trên chuyến bay Flight 93, Lisa Beamer đã trở thành một biểu tượng của người Mỹ về ý chí kiên cường khi phải đối phó với nghịch cảnh.

Ngày 11 tháng 9 năm 2001, Todd Beamer là một trong những hành khách quả cảm trên chuyến bay Flight 93 đã chống chọi với toán không tặc và ngăn cản chúng điều khiển phi cơ lao xuống Tòa Bạch Ốc.

Ký ức về chồng nàng phảng phất khắp nơi trong ngôi nhà tại thành phố Cranbury, New Jersey. Quần áo của chàng vẫn còn chờ được cất vào tủ trong phòng ngủ. Những bức hình của chàng đặt trên nền lò sưởi, ngang tầm mắt với David, 4 tuổi, Drew, 2 tuổi, và một ngày kia với bé Morgan, bây giờ 7 tháng tuổi. Một bảng hiệu trong phòng chơi của các con ghi những chữ: *Beamerville Welcomes You. Population 5. Mayor Todd M. Beamer (Thị Trấn Beamerville Chào Mừng Quí Vị. Dân số 5 người. Thị Trưởng Todd M. Beamer).*

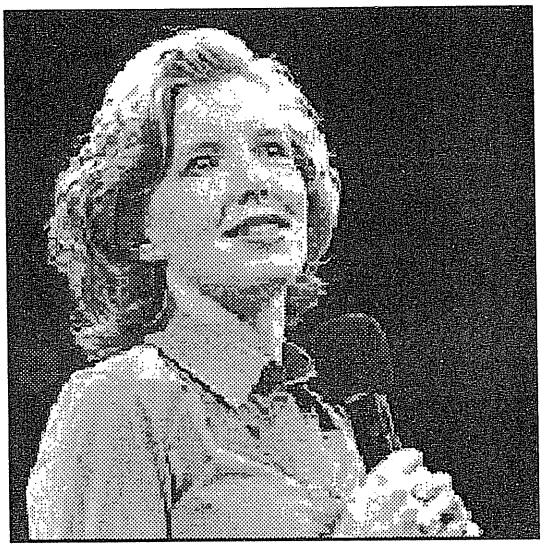
Lisa Beamer

Một Gia Đình Đầy Hạnh Phúc

Lisa và Todd gặp nhau năm 1991 tại trường Wheaton College, gần Chicago, nơi hai người cùng học ngành kinh doanh. Tuy rất mến Todd, nhưng hồi đó Lisa đang có một người bạn trai khác. Vài tháng sau lễ mãn khóa, Todd đi tìm Lisa và mời nàng đi chơi. Kể từ đó họ gắn bó với nhau.

Cả hai người cùng là tín đồ Thiên Chúa ngoan đạo, và cùng mong muốn lập gia đình để có con. Todd ngỏ lời cầu hôn vào ngày sinh nhật thứ 25 của chàng, năm 1993. Lisa nói: "Lúc đó chúng tôi tưởng rằng sẽ được ở bên nhau mãi mãi."

Họ kết hôn tháng 5 năm 1994 và di chuyển tới New Jersey, nơi Todd xin được một việc làm với hãng nhu liệu Oracle. David ra đời năm 1998 và Drew năm 2000. Lisa từ bỏ việc làm bán thời gian để ở nhà nuôi con, trong khi Todd rất bận với công việc và thường phải đi xa. Dần dần chàng bắt đầu giảm bớt công việc để có nhiều thì giờ sống với vợ con.

Mùa hè năm ngoái Lisa được biết nàng đang có bầu. "Tuy chúng tôi hơi lo về chuyện phải nuôi một lúc ba đứa con, nhưng chúng tôi cũng rất mừng," nàng nói.

Ngày 5 tháng 9 họ gửi hai cậu con cho bà ngoại trông giùm và bay đi Ý — một chuyến du lịch ngắn mà Todd được công ty thưởng vì làm việc chuyên cần. Năm ngày sau, hôm mùng 10 tháng 9, họ trở về nhà.

Buổi tối cuối cùng đó của họ hoàn toàn bình thường. Todd tắm cho hai con và đọc sách cho chúng nghe, trong khi Lisa thu dọn hành lý sau chuyến đi. Sáng hôm sau Todd phải bay đi San Francisco để dự một cuộc họp.

"Từ Nay Bố Sẽ Không Bao Giờ Về"

Sáng 11 tháng 9, một lúc sau 9 giờ, trong khi Lisa đang chơi với các con thì chuông điện thoại reo. Elaine, một người bạn thân, gọi tới và nói: "Tôi còn nhớ rằng hôm nay Todd bay đi xa. Anh ấy có bình an không?"

Lisa hỏi: "Chị muốn nói gì vậy?"

Elaine nói cho nàng biết về chuyện vừa xảy ra ở World Trade Center. Lisa vội vàng chạy đi mở máy truyền hình. Cảnh tượng trên TV khiến nàng bàng hoàng. Nàng gọi cho hãng máy bay Continental, là hãng hàng không mà Todd thường bay. Họ cho biết rằng chuyến bay 7:30 A.M. từ Newark đi San Francisco đã cất cánh đúng giờ và không có gì trục trặc. Nhưng rồi nàng chợt nhớ ra rằng mỗi khi đi San Francisco, Todd dùng hãng hàng không United Airlines.

Lisa gọi cho hãng máy bay nhưng đường dây quá bận. Nàng bắt đầu cảm thấy lo – nhất là khi nghe nói một phi cơ thứ ba đã lao xuống Ngũ Giác Đài. Hốt hoảng, nàng gọi vào máy voice mail của Todd ở sở và nói: "Em biết anh bình yên. Nhưng hãy gọi cho em ngay."

David đang đứng bên cạnh và hỏi: "Tại sao mẹ khóc?"

"Mẹ không tìm được bố, nhưng không sao đâu," Lisa nói và cố gắng giữ vẻ bình thản để David khỏi sợ.

Ít phút sau, Elaine tới. Hai người ngồi cạnh nhau xem những cảnh tượng kinh khủng trên TV. Tới lúc đó Lisa nghe tin loan báo rằng một máy bay của hãng United từ Newark đi San Francisco đã rớt xuống một cánh đồng ở Pennsylvania. Nàng hốt hoảng đứng dậy, nhưng gục ngã xuống sàn, vì hai chân bủn rủn không chịu đựng nổi. Nàng biết ngay rằng đó là chuyến bay của Todd.

Lisa bật khóc và gọi cho mẹ để yêu cầu bà tới. Rồi nàng gọi cho cha mẹ Todd để báo tin — Lisa kể lại rằng đây là hành động khó khăn nhất trong đời nàng.

Sợ rằng sẽ khóc ngất trước mặt các con, Lisa lên phòng ngủ trên lầu, trong khi người khác trông giùm David và Drew. Nàng gục xuống giường. "Tôi cứ nghĩ cách đó ba hay bốn tiếng đồng hồ Todd đang nằm tại đây. Bây giờ chàng đã đi mất rồi."

Sáng hôm sau Lisa nói sự thật cho David biết. (Lúc bấy giờ Drew mới 20 tháng tuổi nên chưa hiểu). Nàng bảo David: "Bố đi máy bay và đã xảy ra chuyện xấu. Lúc bình thường, đi máy bay thì an toàn, nhưng thỉnh thoảng máy bay bị rớt. Những người trên máy bay của bố bị thương nặng và bây giờ tất cả đã chết rồi." David hỏi vài câu về cái chết, và Lisa cố gắng giải thích. Từ nay bố sẽ không bao giờ trở về nhà. Nàng ôm con và cả hai cùng khóc. Nàng bảo: "Mẹ rất buồn. Nếu con cũng buồn thì không sao. Nhưng rồi mọi chuyện sẽ yên ổn."

Nàng không nói cho David biết về bọn khủng bố hoặc về chuyện máy bay đâm vào World Trade Center và Ngũ Giác Đài. "Nó còn quá nhỏ. Trong thế giới của nó đã có quá nhiều bất an rồi."

Trong những ngày kế tiếp, Lisa cảm thấy không cần phải che giấu nước mắt trước mặt các con. Nàng muốn cho chúng thấy rằng chính mẹ cũng nhớ bố. "Tôi khóc trước mặt chúng, nhưng tôi phải cố gắng để khỏi khóc quá lâu. Tôi muốn chúng biết rằng 'Mẹ con ta sẽ tiếp tục sống'."

Sau khi biết thêm những chi tiết về chuyến bay Flight 93, một điều khiến cho Lisa rất thắc mắc. Tin trên báo chí và truyền hình nói rằng một số hành khách đã gọi cho người thân yêu của họ qua điện thoại lưu động và báo tin rằng họ đang tính phản công bọn khủng bố. Nàng nói: "Tôi tin chắc rằng Todd phải thuộc những người đó." Nhưng Lisa thấy khó hiểu tại sao Todd lại không gọi cho nàng.

Khi hầu như không còn hi vọng tìm được câu trả lời cho điều thắc mắc đó, ngày 14 tháng 9 một nhân viên FBI gọi tới và nói: "Chồng bà đã gọi cho người trực điện thoại của hãng GTE trước khi máy bay rớt. Bà có muốn nói chuyện với người đó không?"

Những Lời Cuối Cùng

Lisa Jefferson, nhân viên trực điện thoại và cũng là một giám thị của GTE, cho biết: "Todd nhắn tôi nói với chị rằng anh ấy thương yêu chị và các con. Todd muốn chị biết rằng lúc bấy giờ anh ấy đang nghĩ tới chị."

Bà Jefferson cho biết Todd đã gọi lúc 9:45 A.M. để báo rằng máy bay đang bị không tặc cướp. Chàng vẫn bình tĩnh khi báo tin có ba kẻ trang bị bằng dao, một kẻ nói rằng hắn mang bom, vài người trong phi hành đoàn đã bị thương.

Jefferson kể lại rằng bà đã vài lần đề nghị nối kết đường dây để Todd nói chuyện trực tiếp với Lisa, nhưng chàng do dự và cuối cùng từ chối. Lisa nói: "Todd không muốn làm tôi hoảng sợ. Anh ấy lo ngại có thể làm hại tới đứa con trong bụng tôi." (Lúc đó Lisa đang có bầu 5 tháng).

Các hành khách trên chuyến bay Flight 93 đã biết về những hành động khủng bố xảy ra ở New York và Washington. Todd nói cho bà Jefferson biết rằng anh và một số hành khách khác đã quyết định rằng họ phải ngăn chặn bọn khủng bố gây ra thêm nhiều cái chết, vì vậy họ bàn tính việc

chống chọi với bọn chúng.

Todd nói với Jefferson: "Trong trường hợp tôi không qua khỏi vụ này, mong chị hãy gọi cho gia đình tôi và nói tôi yêu thương họ lắm.... Tôi biết rằng tôi sẽ không qua khỏi vụ này." Tới đây Todd yêu cầu Jefferson cùng anh đọc một câu kinh cầu nguyện Chúa.

Lisa mỉm cười qua làn nước mắt khi Jefferson bảo rằng những lời cuối cùng mà bà nghe Todd nói là: "Các bạn đã sẵn sàng rồi chứ? Hãy xông tới." ("Let's roll" — đây cũng là nhan đề cuốn sách mà Lisa đã viết).

Nàng nói: "Đó là câu mà anh ấy thường nói với các con để giục chúng leo lên xe."

Rất xúc động, Lisa cám ơn Jefferson đã an ủi Todd ở giây phút cuối cùng trong đời chàng.

Sau khi gác máy điện thoại, Lisa cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng. Tuy không hề hoài nghi về điều này, bây giờ nàng biết đích xác rằng Todd đã chết như chàng đã sống: đặt gia đình và đức tin trên hết.

Chủ Nhật tuần đó, 1500 người đã tới nhà thờ dự lễ tưởng niệm Todd. Hôm sau Lisa cùng với gia đình nàng và gia đình Todd lái xe tới địa điểm máy bay rớt ở Pennsylvania. Trước khi lên đường Lisa cảm thấy bồn chồn, sợ rằng nàng sẽ không thể trấn tĩnh. Nhưng nàng nói rằng khi tới nơi "tôi có cảm giác rằng Todd không có ở đó. Chàng đang ở trên trời, và một ngày kia tôi sẽ gặp lại chàng."

Bé Morgan: Biểu Tượng Của Tương Lai

Ngày 20 tháng 9, theo lời mời của Tổng Thống Bush, Lisa tới Washington để nghe ông đọc bài diễn văn nói với toàn quốc về chống khủng bố. Trong diễn văn, ông Bush đã nhắc tới Todd như là "một người hiếm có" và ca ngợi lòng dũng cảm của các hành khách "đã xông vào bọn khủng bố để cứu những người khác ở dưới đất." Ông cũng nhắc tới Lisa, lúc đó đang ngồi cạnh phu nhân của Bộ Trưởng Quốc Phòng Donald Rumsfeld.

Kể từ đó Lisa đã trở thành một nhân vật của công chúng. Người ta chào hỏi nàng ngoài đường và trong siêu thị, để ngỏ lời chia buồn. Họ gửi quà tặng: Những chiếc mền bông may bằng tay, những con vật nhồi bông, đồ chơi. Các cựu chiến binh đã gửi tặng cả những huy chương cao quí của họ.

Đáng ngạc nhiên hơn nữa là những bức thư — nhiều thư do các bà quả phụ trẻ gửi tới để an ủi — thường kèm theo ngân phiếu. Trong mấy tháng đầu họ đã gửi tặng hơn $300,000. Lisa nói rằng nàng cảm thấy bối rối về điều này. Nàng và Todd đã có một di chúc và tiền bồi thường bảo hiểm, và biết chắc rằng nàng và các con sẽ được săn sóc chu đáo. Theo đề nghị của một người bạn, Lisa thành lập hội từ thiện Todd M. Beamer Foundation để giúp những đứa con của các nạn nhân.

Đầu tháng Giêng năm nay, đi cùng với Melissa — chị em gái của Todd — Lisa vào bệnh viện ở Princeton để sanh con. Nàng đeo chiếc vòng cổ tay bằng vàng trắng nạm kim cương mà Todd đã tặng nàng trong chuyến đi Rome.

Hai phụ nữ cùng nhau khóc, nhưng họ cảm thấy như có linh hồn Todd ở bên cạnh. Khi lên cơn đau lâm bồn, Lisa tự hỏi: "Phải chăng con ta sẽ có mái tóc màu đậm giống như Todd." (David và Drew cùng có tóc màu vàng giống mẹ).

Vài giờ sau, nàng bế trên tay bé gái nặng 7 pound, với mái tóc dầy mầu nâu. Lisa đặt tên bé là Morgan Kay — Morgan là tên đệm của Todd và Kay là tên đệm của nàng. Lisa nói rằng giây phú đó vừa ngọt ngào vừa đắng cay. "Tôi nhìn con mà không cầm được nước mắt. Nó là nguồn an ủi của tôi."

Một tháng sau ngày 11 tháng 9, Lisa gia nhập một nhóm ái hữu gồm gia đình các nạn nhân. Nàng nói: "Chúng tôi đã trở thành rất gần gũi với nhau. Thật là niềm an ủi lớn lao khi có những người thực sự hiểu nhau."

Bà Lisa Jefferson của hãng điện thoại GTE cũng đã trở thành một người quan trọng trong đời nàng. Họ thường gọi điện thoại nói chuyện với nhau.

Để giúp gây quĩ cho hội từ thiện, Lisa đã viết một cuốn sách kể chuyện về đời nàng với Todd, nhan đề là *Let's Roll*. Tất cả tiền bản quyền sẽ tặng cho những đứa con của các nạn nhân trong chuyến bay Flight 93.

Trong một cuộc phỏng vấn của báo chí cuối tháng 8, nhân dịp ra mắt cuốn *Let's Roll*, Lisa nói rằng nàng không có ý định tham dự một lễ kỷ niệm nào đó sẽ tổ chức vào ngày 11 tháng 9 năm nay – đây cũng là ngày thứ nhì mà David bắt đầu đi học lớp mẫu giáo. Nàng nói: "Tôi biết rằng ngày này có nhiều ý nghĩa đối với những người khác; tuy nhiên, đối với tôi thì mỗi ngày đều là ngày tưởng niệm."./.

NHỮNG NGƯỜI HÀNH KHÁCH CAN ĐẢM TRÊN CHUYẾN BAY FLIGHT 93

NGUYỄN HÀ-SƠN
tổng hợp từ các bản tin

Thân nhân của 40 hành khách và phi hành đoàn trên chuyến bay Flight 93 của hãng United Airlines (bay từ Newark đi San Francisco) bị cướp ngày 11 tháng 9 và rớt xuống một vùng quê ở Pennsylvania nói rằng tiếng nói thu vào "hộp đen" trong phòng lái cho thấy thêm bằng chứng về những hành động can đảm chống chọi với các tên không tặc.

Bà Alice Hoglan, thân mẫu của hành khách Mark Bingham, một doanh gia 31 tuổi, đã bay từ California tới New Jersey, để nghe những lời nói thu trong máy ghi âm. Bà nói: "Điều này xác nhận rằng những người thân yêu của chúng ta đã chết như những anh hùng."

Ngày 19 tháng 4, FBI đã cho phát thanh lại cuốn băng ghi âm dài 31 phút trong một khách sạn ở Princeton, NJ, trong những cuộc họp mặt dành riêng cho gia đình của hai phi công và năm tiếp viên, và sau đó dành cho gia đình của 33 hành khách.

Các thân nhân được nghe cuốn băng qua headphones trong khi lời nói được chuyển thành chữ – gồm cả bản dịch sang Anh ngữ từ tiếng Ả Rập – được chiếu trên màn ảnh.

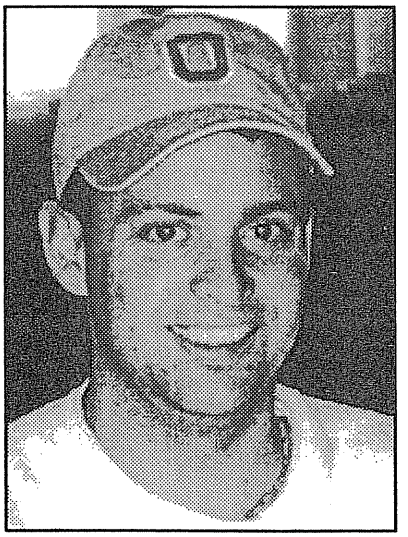
Todd Beamer

Bộ Tư Pháp đã đài thọ phí tổn di chuyển và phòng khách sạn cho hai thân nhân của mỗi nạn nhân. Mỗi gia đình được quyền gửi bốn người tham dự.

Chính phủ cũng đã cung cấp dịch vụ cố vấn tâm lý ngay tại chỗ, và dành nhiều thì giờ để phỏng vấn các thân nhân, để lượng giá những ảnh hưởng từ cái chết của người thân trong gia đình.

Chuyến bay Flight 93 là chiếc phi cơ thương mại thứ tư bị không tặc cướp ngày 11 tháng 9, khoảng nửa giờ sau khi chiếc máy bay thứ nhì đâm vào tòa tháp thứ nhì của Trung Tâm Mậu Dịch Thế Giới, và chỉ ít phút trước khi chiếc máy bay thứ ba lao vào Ngũ Giác Đài.

Hành khách trên chuyến bay Flight 93 bắt đầu nhận được những tin tức cho thấy đang xảy ra một loạt những vụ khủng bố khi họ gọi ra ngoài bằng điện thoại lưu động. Nhiều thân nhân nhận được điện thoại từ máy bay về sau nói rằng người thân của họ đã quyết định chống lại bọn không tặc để kiểm soát phi cơ khi biết tin về khủng bố.

"Họ được báo cho biết những tin kinh khủng, không thể tưởng tượng nổi; họ hiểu ra sự thực, và họ lập tức hành động," lời ông Hamilton Peterson, có thân phụ là Donald Peterson, 66 tuổi, chết cùng với bà vợ kế khi máy bay rớt. Ông nói thêm rằng những người này đã cho thế giới thấy tinh thần quả cảm của người Mỹ vẫn luôn luôn tồn tại.

Deena Burnett, mất người chồng 38 tuổi trong chuyến bay, nói rằng Tom đã gọi bà bốn lần từ phi cơ để báo rằng các hành khách đang chuẩn bị đối phó với bọn không tặc. Bà cho biết: "Sau khi nghe cuốn băng tôi tìm được sự bình tâm và an ủi nhiều hơn là tôi đã mong đợi."

Tất cả phi cơ thương mại đều trang bị một máy thu tiếng nói trong phòng lái (CVR: cockpit voice recorder, thường được gọi là "black box", "hộp đen"), chạy trong một chu kỳ 30 phút, khi hết lại quay trở về từ đầu cuộn băng. Mục đích của máy CVR là cung cấp cho các nhà điều tra mọi điều mà các phi công đã nói trong nửa giờ cuối cùng trước khi máy bay rớt.

Thông thường, chỉ các nhân viên chính phủ phụ trách điều tra tai nạn, và các phe kiện cáo về những vụ rớt máy bay, mới được quyền nghe những gì đã thu vào máy CVR. Nhưng trong trường hợp này FBI đã đồng ý cho thân nhân của các nạn nhân được nghe - đây là một ngoại lệ.

HRT VÀ NỖI OAN THỊ KÍNH

NGUYỄN VĂN TUẤN

Đọc mục *Đời sống quanh ta* (Thế Kỷ 21, số 160, tháng Tám, 2002), tôi giật mình về những nguy hại gắn liền với phương pháp chữa trị bằng cách thay thế kích thích tố (còn gọi theo tiếng Anh là HRT). Sau khi đưa ra những con số về nguy cơ bị bệnh tim mạch, ung thư vú, ung thư buồng trứng, v.v..., Thanh Thảo viết: "Theo cuộc nghiên cứu, tỉ lệ phụ nữ dùng kích thích tố nhiều năm bị gãy xương vì xương rỗng cao hơn nhóm không uống thuốc." Nhưng tôi ngờ rằng đây là một sự hiểu lầm về thông tin y khoa. HRT không nguy hiểm đến như thế, và chắc chắn không có hại như báo chí thế giới ra sức tô vẽ trong thời gian gần đây. Sự thực là công trình nghiên cứu của nhóm Women's Health Initiative ("Risks and benefits of estrogen plus progestin in healthy postmenopausal women", [Tập san] Journal of the American Medical Association, số ra ngày 17 tháng Bảy, 2002; trang 321-333) mà Thanh Thảo đề cập đến cho thấy những kết quả chính như sau:

(a) Suốt hơn năm năm theo dõi, trong số 8506 phụ nữ được điều trị bằng HRT tỉ lệ ung thư vú là 0.38% mỗi năm. Trong cùng thời gian, trong số 8102 phụ nữ không được điều trị bằng HRT, tỉ lệ này là 0.30% mỗi năm.

(b) Tỉ lệ bị các bệnh tim mạch trong nhóm HRT có vẻ cao hơn so với nhóm đối chứng (tức không được điều trị bằng HRT): 0.37% so với 0.30% mỗi năm.

(c) Ngược lại, tỉ lệ bị gãy xương đùi trong nhóm phụ nữ được điều trị bằng HRT (0.10% mỗi năm) thấp hơn nhóm đối chứng placebo (0.15% mỗi năm).

(d) Phụ nữ được điều trị bằng HRT cũng có tỉ lệ bị ung thư đường ruột thấp hơn nhóm không được điều trị bằng HRT: 0.10% so với 0.16% mỗi năm. Tương tự, mức độ nguy cơ về ung thư nội mạc tử cung (endometrial cancer) mà phụ nữ được điều trị bằng HRT cũng thấp hơn so với phụ nữ không được điều trị bằng HRT.

(e) Ngoài ra, tỉ suất tử vong trong nhóm phụ nữ được điều trị bằng HRT cũng thấp hơn nhóm đối chứng: 0.52% so với 0.53% mỗi năm.

(f) Tuy nhiên sau khi các nhà nghiên cứu điều chỉnh các tỉ lệ và tỉ suất này với các yếu tố ngẫu nhiên thì chỉ có mối liên hệ giữa HRT và gãy xương được xem là dứt khoát, còn ảnh hưởng của HRT đối với các bệnh khác như ung thư vú và tim mạch vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng.

Nhưng không hiểu sao khi đến tay giới báo chí thì những kết quả "tích cực" lại ít khi nào được nhắc đến, mà thay vào đó, người ta chỉ chú tâm vào những kết quả "tiêu cực" của HRT đến ung thư vú! Do đó, phản ứng của giới truyền thông và ngay cả một số người trong giới y khoa trong vài ngày gần đây thiếu cân đối, và có thể nói là nghiêng về cảm tính hơn là dựa vào lý trí và phân tích khoa học.

Phần lớn các bài báo tôi theo dõi được tập trung vào con số thống kê mà họ diễn dịch là HRT làm tăng xác suất bị ung thư vú đến 26%. Nhưng đây là một con số phóng đại, bởi vì trong thực tế tỉ lệ phụ nữ được điều trị bằng HRT bị ung thư vú là 0.38%, và tỉ lệ phụ nữ bị bệnh này trong nhóm placebo là 0.30%; tức là, mức độ khác biệt nhau chỉ 0.08%, hay 8 trên 10,000 người (chứ không phải 26%). Điều quan trọng là, như tôi đề cập trên, sau khi cân nhắc các yếu tố ngẫu nhiên, mức độ khác biệt về tỉ lệ phụ nữ bị ung thư vú giữa nhóm HRT và nhóm đối chứng placebo không khác nhau. Tôi chưa thấy một bài báo nào đề cập đến điểm này cho công chúng biết.

Trong khi giới truyền thông và một số trong cộng đồng y khoa gây ồn ào chung quanh con số 26%, thì họ lại bỏ qua một sự thực quan trọng hơn: đó là tỉ suất tử vong vì bệnh ung thư vú. Trong suốt hơn năm năm theo dõi hơn 16000 phụ nữ, năm người chết vì ung thư vú, và trong số này ba người nằm trong nhóm được điều trị bằng HRT, và hai người nằm trong nhóm đối chứng placebo. Không cần phải dùng đến các thuật toán phức tạp, ai cũng có thể thấy hai con số này hoàn toàn không nói lên rằng HRT là nguyên nhân của ba cái chết vì ung thư vú. Công chúng hoàn toàn không được biết về sự khác biệt nhỏ nhoi này!

Thêm vào đó, giới truyền thông, trong khi tập trung vào bệnh ung thư vú, nhưng lại bỏ qua lợi

ích của HRT trong các bệnh như ung thư nội mạc tử cung, ung thư ruột, hay loãng xương, hay thậm chí tử vong.

Vì thời gian theo dõi bệnh nhân tương đối ngắn hạn (chỉ năm năm), cho nên các kết quả liên quan đến một số vấn đề như ung thư và bệnh tim mạch vẫn chưa dứt khoát. Thực vậy, cho đến nay, nếu chỉ dựa vào các con số khoa học, không một ai dám khẳng định rằng HRT làm tăng nguy cơ bị bệnh tim mạch hay ung thư! Do đó, tôi cho rằng nhóm nghiên cứu Mỹ đã quá hấp tấp kết thúc cuộc nghiên cứu, và hậu quả là một số câu hỏi quan trọng liên quan đến sự liên hệ giữa HRT và bệnh tật của phụ nữ sau thời kỳ mãn kinh vẫn chưa được giải đáp thỏa đáng.

Tưởng cần nhắc lại là estrogen là một nhóm kích thích tố có tên là steroid (như estrone, estradiol) chi phối đến sự phát triển sinh dục trong phụ nữ. Một trong những chức năng chính của estrogen là giúp cho các cơ quan sinh dục tăng trưởng đều hòa, và làm phát triển các đặc tính nữ (như vú chẳng hạn). Trong thời kỳ còn khả năng sinh sản, estrogen là một kích thích tố quan trọng đóng vai trò điều hòa các hoạt động sinh học của cơ thể, kể cả sinh hoạt tình dục. Nhưng sau thời kỳ mãn kinh (tuổi mãn kinh trung bình trong người da trắng là 49-51 tuổi), buồng trứng không còn sản xuất estrogen nữa, và gây ra một loạt thay đổi tâm sinh lý trong người phụ nữ. Trong các thay đổi này có vấn đề nóng bừng (thường gọi là "hot flush"), xuất mồ hôi, khô âm hộ, đái dầm, giao hợp đau đớn, khó ngủ, v.v... Về mặt tâm lý, các chứng thường được ghi nhận là hồi hộp, khó chịu, trầm cảm, hay quên lãng, thiếu tập trung, v.v... Có người ví von một cách dí dỏm là "khi các bà mất kinh, các ông sẽ thất kinh"!

Vì thế, mục đích chính của việc dùng HRT là cung cấp cho người phụ nữ sau thời kỳ mãn kinh một lượng kích thích tố (estrogen) tương đương với thời kỳ trước khi mãn kinh. Nói một cách khác, HRT chủ yếu dùng để làm dịu đi các triệu chứng tâm sinh lý vừa kể trên.

HRT là viết tắt của chữ "Hormone Replacement Thepary" còn ERT là, theo cách viết của người Mỹ, "Estrogen Replacement Therapy." Sự khác biệt nằm ở hai chữ mang tính chung chung, "hormone," và một chữ cụ thể,"estrogen." ERT chỉ thay thế estrogen, nhưng HRT thay thế cả estrogen và progestin. Progestin là một kích thích tố *nhân tạo* có cơ chế làm việc giống như progesterone trong cơ thể con người. Progesterone có chức năng bảo vệ vú và tử cung chống lại ung thư; kích thích tế bào làm ra xương; và điều chế huyết áp, lượng đường trong cơ thể.

Đối với ung thư, cơ chế hoạt động của Estrogen và Progesterone trái ngược nhau (như âm với dương): estrogen sản sinh ra tế bào, còn progesterone thì ngăn chận việc sản sinh của estrogen. Chúng ta biết rằng hàm lượng estrogen nhiều quá sẽ gây ra nguy cơ bị ung thư. Vì thế, trong các phụ nữ sau thời kỳ mãn kinh nhưng còn tử cung, progestin thường được dùng kèm với estrogen để, trên nguyên tắc, ngăn ngừa ung thư. Trong trường hợp này, HRT là chữ dùng để chỉ phương pháp điều trị bao gồm estrogen và progestin. Đối với các phụ nữ đã cắt tử cung hay buồng trứng, bác sĩ chỉ cho estrogen, và thường được gọi là ERT.

Mối quan hệ giữa kích thích tố (hormone), hay HRT, và ung thư vú không phải là một điều gì mới mẻ. Chẳng hạn như giới y khoa đã biết từ lâu (khoảng 30 năm nay) rằng HRT có thể làm tăng tỉ lệ ung thư vú nếu dùng trong một thời gian dài, nhưng HRT có thể phòng ngừa chứng loãng xương. Nhưng phát hiện về HRT có thể làm tăng tỉ lệ bị bệnh tim mạch thì tương đối mới, bởi vì một số nghiên cứu trong quá khứ cho thấy HRT có ảnh hưởng tốt đến tim mạch!

HRT không phải là một yếu tố duy nhất gây ra ung thư vú. Trong thực tế, có đến hơn 10 yếu tố gây ra ung thư vú, trong đó có các yếu tố liên quan đến di truyền (có mẹ hay chị em từng bị bệnh này), tuổi tác (thường trên 50 tuổi), tuổi có thai lần đầu (hơn 30 tuổi), tuổi bắt đầu có kinh nguyệt, thức ăn (nhiều chất béo), hút thuốc lá, dùng thuốc ngừa thai, v.v... Thực ra, cho đến nay, người ta vẫn chưa biết một cách chính xác những cơ chế trong mối liên hệ giữa HRT và ung thư vú.

Một điều cần nói thêm là trong nghiên cứu của nhóm Women's Health Initiatives, HRT được dùng dưới dạng thuốc viên, tức phải uống qua đường ruột. Trong thực tế, có đến năm tuyến để chuyển estrogen vào cơ thể, đó là uống (tức qua đường ruột), dán băng hay dùng kem (qua đường da), cấy dưới da (hay subcutaneous implant), gel hay kem (qua âm hộ), và xịt (qua mũi). Trong các tuyến này, có lẽ uống và dán băng là thông dụng nhất. Cách dùng HRT có thể có ảnh hưởng đến bệnh tật.

Nhưng để hiểu được sự khác biệt về lợi và hại giữa các cách dùng estrogen này, có lẽ người dùng cần tìm hiểu một vài điều căn bản về sự chuyển

hóa estrogen. Estrogen chủ yếu được sản xuất từ buồng trứng (noãn sào) sản xuất. Sau khi sản xuất, estrogen được chuyển vào hệ thống tuần hoàn (máu) với một tốc độ chậm, rồi từ đó mới đi đến gan. Đó là quá trình chuyển hóa estrogen một cách tự nhiên của cơ thể.

Nhưng khi uống thuốc viên estrogen (hay bất cứ một hóa chất nào), thuốc phải trước hết được chuyển qua và hấp thụ bằng ruột, và từ đó chuyển thẳng vào gan. Với cách dùng này, gan phải tiếp nhận và xử lý estrogen một cách ồ ạt; do đó, làm thay đổi hệ thống làm việc của gan, và gây ra một số phản ứng phụ như: làm tăng cục nghẽn (clot) và có thể làm nghẽn mạch phổi; làm giảm lượng bắp thịt và tăng lượng mỡ trong cơ thể; nguy cơ sỏi mật (gall stone); và tăng chất béo trung tính (hay triglycerides). Do đó, dù cách thức này (uống estrogen) rất tiện lợi và gọn gàng, nhưng lại có một vài bất lợi.

Không giống như uống thuốc viên, dùng băng dán estrogen vào da cho phép kích thích tố nhập vào hệ thống tuần hoàn trực tiếp và dần dần (theo sự điều khiển của người dùng), mà không phải đi thẳng vào gan. Vì thế, dùng estrogen bằng băng dán không có những phản ứng phụ như vừa kể trên. Do đó, người ta không biết nếu trong cuộc nghiên cứu đó, các bác sĩ dùng thuốc HRT dưới hình thức băng dán có đem lại kết quả khác [hay "tích cực"] hơn? Một câu hỏi chưa ai trả lời được.

Qua nghiên cứu này và những ồn ào xoay quanh HRT, tôi thấy có thể rút tỉa một vài kinh nghiệm như sau:

Thứ nhất, một điều mà tôi nghĩ chúng ta cần phải nhận thức rõ là mỗi con người chúng ta là một cá nhân độc đáo, một tác phẩm nghệ thuật, chứ không phải là một con số trung bình. Mặt khác, những con số khoa học trong các công trình nghiên cứu thường là những con số trung bình. Điều đó có nghĩa là kết quả của một nghiên cứu không thể nào ứng dụng trực tiếp cho mọi cá nhân trong cộng đồng. Do đó, theo tôi thì không có gì phải hoang mang. Tình trạng hoang mang không phải là một điều kiện lý tưởng để giải quyết vấn đề một cách sáng suốt. Điều quan trọng là cần phải duy trì một thái độ bình tĩnh, tìm hiểu thêm thông tin, cân nhắc giữa lợi và hại, rồi bàn thảo với bác sĩ để đi đến một phương án tối ưu.

Thứ ba, liên quan đến tính cách cá nhân, mối liên hệ giữa kết quả của nhóm Women's Health Initiatives và phụ nữ người Việt không cao. Ung thư vú không phổ biến như người ta tưởng, nhất là trong phụ nữ Á châu như người Việt chúng ta. Tuy thống kê chưa đầy đủ, nhưng qua một báo cáo khoa học gần đây trên Tập san *International Journal of Cancer*, thì tỉ lệ phụ nữ người Việt ở Việt Nam bị ung thư vú là 0.012 phần trăm (hay 12 người trên 100,000 dân số), thấp hơn tỉ lệ trong phụ nữ người da trắng (khoảng 60 trên 100,000 dân số). Cố nhiên, có nhiều nguyên nhân và yếu tố gây ra ung thư vú, chứ không phải chỉ HRT. Mà cũng rất khó để biết chính xác có bao nhiêu trường hợp ung thư vú là do yếu tố này, mà không do yếu tố khác, bởi vì mối tương tác giữa các yếu tố sinh học không tuân thủ theo những qui luật độc lập và tuyến tính. Có nhiều bằng chứng cho thấy HRT không nguy hiểm như báo chí đang ra sức tô vẽ, nhưng cũng không phải thần dược như nhiều bác sĩ từng nghĩ.

Thứ ba, chúng ta cần ý thức rõ rằng y khoa và khoa học có thể sai lầm. Câu chuyện HRT không phải là lần đầu tiên giới y học đã bị sai lầm, mà còn nhiều trường hợp khác trong tương lai sẽ được chứng minh sai lầm dưới ánh sáng của khoa học. Thực ra, sai lầm là một đặc tính của khoa học! Y khoa không phải là một môn khoa học chính xác. Mối quan hệ khẳng định (deterministic relationship) kiểu như "cho một yếu tố *X*, ta có thể xác định kết quả của *Y*" ít khi nào, nếu không muốn nói là không, tồn tại trong y khoa. Hầu hết các loại bệnh kinh niên có bệnh lý rất phức tạp, vì có nhiều (có khi quá nhiều) nguyên nhân gây ra bệnh. Tìm ra nguyên nhân chính xác và cơ chế vận hành, liên đới của chúng không phải là một chuyện dễ dàng. Trong nhiều trường hợp, khoa học hiện đại vẫn phải bó tay trước sự phức tạp này. Những bệnh phức tạp như loãng xương, ung thư, viêm khớp xương, v.v., mặc dù hàng tỉ đô la đã được đổ vào trong nghiên cứu khoa học, nhưng y khoa vẫn chưa chinh phục hoàn toàn hay thậm chí hiểu hết căn nguyên, nguồn cội của chúng. Chúng ta không nên kỳ vọng nhiều quá vào y khoa.

Do đó, ý niệm về an toàn cần phải điều chỉnh lại. Không có một thuật chữa trị nào là an toàn tuyệt đối. Mọi sinh hoạt hàng ngày đều gắn liền với, hoặc trực tiếp hay gián tiếp, một sự hiểm nguy. Tương tự, trong mỗi thuật chữa trị, hai khía cạnh lợi ích và nguy hiểm đều tồn tại cạnh nhau. HRT là một ví dụ điển hình. HRT giúp ích nhiều phụ nữ sau thời kỳ mãn kinh, nhưng cũng chính HRT có thể gây ra một số rủi ro cho sức khoẻ. Vấn đề không phải là tìm cách tránh những rủi ro

này (vì chúng ta không thể nào tránh khỏi), nhưng phải học cách sống với hiểm nguy một cách sáng suốt.

Thứ tư, chúng ta cần có thái độ tiếp nhận các kết quả nghiên cứu y học một cách cẩn thận. Nói cho thẳng thắn hơn, không thể và không nên tin một cách dễ dàng vào các bản tin y khoa được truyền đi trên các hệ thống truyền thông. Hầu như hàng ngày, công chúng được cung cấp hàng chục bản tin về một khám phá mới nhất, hay một phát hiện có tầm cỡ, hay một thuật chữa trị tân tiến, hay một con số làm sửng sốt đến cả những người thờ ơ với khoa học. Nhiều khi, các bản tin được truyền đi với vài thay đổi về những chi tiết nhỏ, hay thậm chí những chi tiết mang tính đối nghịch nhau. Những mâu thuẫn như thế tăng theo cấp số nhân và cường độ xuất hiện của những bản tin như thế cao đến nỗi người ta khó mà phân biệt được đâu là thật và đâu là giả. Do đó, trực diện với một bản tin về y học, người tiếp nhận cần phải đặt một số câu hỏi thông thường như: nghiên cứu này được tiến hành ở đâu, do ai làm, đối tượng trong nghiên cứu thuộc độ tuổi và giới tính nào, có bệnh gì, thời gian theo dõi bao lâu, các dữ kiện được phân tích như thế nào, cách diễn dịch có phù hợp với dữ kiện hay không, và quan trọng là nghiên cứu đã được công bố chưa, ở đâu. Tất cả các câu hỏi này sẽ giúp cho người tiếp nhận thông tin quyết định xem các kết quả nghiên cứu có giá trị gì hay không, và nếu có thì chúng có áp dụng cho cá nhân mình hay không.

Thứ năm, vai trò của thông tin và sự chủ động của bệnh nhân. Bệnh nhân người Việt chúng ta nói chung là tương đối thụ động, ít khi nào chịu tìm hiểu thông tin và những lựa chọn cho chính mình. Nhưng cuộc cách mạng thông tin ngày nay đã đem lại cho bệnh nhân một cơ hội và cũng là một lợi ích mà họ chưa bao giờ có được trong vài thập niên trước đây: đó là sự tiếp cận với thông tin y học. Ngày nay, với một computer nối vào liên mạng (internet), bất cứ ai cũng có thể tìm tất cả các tài liệu khoa học liên quan đến bất cứ bệnh gì qua một thư viện y khoa đại chúng vĩ đại do Viện Y tế Quốc gia Hoa Kỳ quản lý. Qua tiếp cận với những thông tin y học, bệnh nhân (hay thân nhân bệnh nhân) có thể đóng vai trò chủ động cùng làm việc với bác sĩ của mình để đi đến một quyết định tối ưu trong việc điều trị bệnh cho chính mình, thay vì tùy thuộc hoàn toàn vào sự định đoạt của người thầy thuốc như ngày xưa./.

PHÂN ƯU

Được hung tin thân mẫu của
nhà báo Chu Bá Yến,
chủ nhiệm Florida Việt Báo là:

Cụ Bà Chu Bá Loan

Nhũ danh Đỗ thị Thìn

Pháp danh Quảng Vân

Vừa tạ thế hồi 12 giờ 35 trưa
ngày 9 tháng 8 năm 2002
tại Houston, Texas
hưởng thọ 95 tuổi.

Nhóm bạn hữu Florida chân thành
chia buồn với anh chị Yến cùng
gia đình và xin cầu nguyện hương hồn
Cụ bà được tiêu diêu miền Cực Lạc.

ÔB Phạm Văn Hưng
BS và Bà Nguyễn Đức An
ÔB Nguyễn Bảo Côn
ÔB Đỗ Xuân Hùng/Ái Khanh
ÔB Vũ Đức Thanh

CHIA BUỒN

Được tin buồn nhạc phụ của
nhà văn Nguyễn Đức An,
TTK Văn Bút VN Hải Ngoại là:

Cụ Tăng Cam

tự Tăng Quán Tinh

Vừa tạ thế hồi 5 giờ chiều
ngày 11 tháng 8 năm 2002
tại California
hưởng thọ 87 tuổi.

Nhóm bạn hữu Florida chân thành
chia buồn với BS An và chị
Tăng Di Linh cùng gia đình và
xin cầu nguyện hương hồn Cụ Ông
được an vui nơi nước Chúa.

ÔB Phạm Văn Hưng
ÔB Nguyễn Bảo Côn
ÔB Chu Bá Yến
ÔB Đỗ Xuân Hùng/Ái Khanh
ÔB Vũ Đức Thanh

VIỆN ĐẠI HỌC CẦN THƠ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ CON SÔNG MEKONG

Gửi Viện Đại Học Cần Thơ Và Nhóm Bạn Cửu Long
"A POSSE AD ESSE – TỪ KHẢ NĂNG TỚI HIỆN THỰC"

NGÔ THẾ VINH

LTS: Năm 2000, nhà văn Ngô Thế Vinh đã gửi đến chúng ta tác phẩm Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng, với những tài liệu liên quan tới sự suy thoái hệ sinh thái của con sông Mekong và Đồng Bằng Sông Cửu Long một khi chuỗi 14 con đập khổng lồ Vân Nam của Trung Quốc hoàn tất. Lời báo động của ông và Nhóm Bạn Cửu Long được hưởng ứng rộng rãi trong tập thể Việt Nam hải ngoại. Năm 2001, sau khi quan sát khúc sông Mekong trên Thượng Lào trở về, cuốn sách được tái bản với những chi tiết cập nhật được bổ sung. Sau đó, nhà văn Ngô Thế Vinh lại trở lại với khúc sông Mekong băng qua những Cánh Đồng Chết trên xứ Chùa Tháp. Những gì ông ghi nhận được nơi các quốc gia Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Việt Nam cho thấy rõ một điều: cho dù các nước hạ nguồn có phản ứng ra sao đi chăng nữa thì chuỗi các con đập bậc thềm Vân Nam trên thượng nguồn sông Mekong vẫn cứ được Trung Cộng tiến hành, bất kể hậu quả ra sao đối với hàng trăm triệu cư dân sông trong lưu vực — dĩ nhiên trong đó có Đồng Bằng Sông Cửu Long của Việt Nam là quốc gia ở cuối nguồn. Phải làm gì, là câu trả lời của bài viết dưới đây khi ông đề nghị thiết lập một Phân Khoa Sông Mekong tại Viện Đại Học Cần Thơ, với nguồn chất xám là các chuyên viên và ban tham vấn của Ủy Hội Sông Mekong [Mekong River Commission]. Đó sẽ là một trung tâm giảng dạy và nghiên cứu về con sông Mekong, không phải chỉ riêng cho Việt Nam mà cho cả bảy quốc gia trong lưu vực, nhằm đào tạo những chuyên viên có trình độ sẵn sàng đương đầu với những vấn nạn của Hủy Hoại Môi Sinh và Khai Thác Phát Triển trong toàn lưu vực con sông Mekong.

Làm gì giữa hai cực đoan

Từ 1995, báo chí tiếng Việt ở hải ngoại đã liên tục đăng những bài viết có tính cách báo động về các kế hoạch khai thác sông Mekong đưa tới cạn kiệt nguồn tài nguyên và hủy hoại hệ sinh thái toàn lưu vực — trong đó có Đồng Bằng Sông Cửu Long. Điển hình là kế hoạch xây chuỗi 14 con đập thủy điện bậc thềm khổng lồ Vân Nam trên dòng chính sông Mekong của Trung Quốc càng khiến mọi người thêm lo ngại. Từ đó nảy sinh ra hai phản ứng hoàn toàn trái ngược:

- Thái độ cam chịu, biết thế đấy nhưng nghĩ rằng chẳng thể làm được gì trước sức mạnh và thái độ ngang ngạnh của Trung Quốc.
- Phản ứng giận dữ và nghĩ rằng một cuộc "chiến tranh vì nước" với Trung Quốc để sống còn là không thể nào tránh dù rằng đó là một cuộc chiến hoàn toàn không cân sức.
- Giữa hai cực đoan ấy, liệu chúng ta có thể tìm ra một giải pháp dung hợp bằng cái nhìn thực tiễn, còn nước còn tát — nghĩa là nhìn nửa phần đầy của ly nước thay vì nửa vơi.

Bài viết này phản ánh cách nhìn dung hợp thứ ba — làm thế nào để *"giới hạn và giảm thiểu tổn thất / control damage"* và đó cũng là quan điểm của người viết khi bàn về chức năng của Viện Đại Học Cần Thơ.

14 con đập Vân Nam và Tennessee Valley Authority

Trước hết để có một ý niệm về tầm vóc của chuỗi đập Vân Nam, ta hãy so sánh với một công trình vĩ đại khác của Mỹ: *Tennessee Valley Authority / TVA*.

Số đập Vân Nam là 14 trong khi TVA chỉ có 9; độ dốc / *elevation differential* của chuỗi đập Vân Nam là 1,500 mét_ 12 lần cao hơn chuỗi đập TVA; tổng công suất chuỗi đập Vân Nam gấp 13 lần tổng số công suất 9 con đập TVA. Như vậy đối chiếu với chuỗi đập bậc thềm Vân Nam thì đại công trình *Tennessee Valley Authority* nổi tiếng bấy lâu của Mỹ nay đã trở thành một bóng mờ. [1]

Tuy là một công trình lớn lao như thế nhưng như từ bao giờ Trung Quốc luôn luôn giấu kín

nhẹm các kế hoạch chiến lược khai thác sông Mekong của họ.

Tiến sĩ Hiroshi Hori — một chuyên gia uy tín quốc tế và lâu năm của Ủy ban Sông Mekong khi viết tới chương sách về dự án phát triển đập nơi Lưu Vực Trên sông Mekong [Upper Mekong Basin] đã phải thú nhận: *"Trong suốt một thời gian dài, đã không có cách nào biết được tình hình phát triển nơi Lưu Vực Trên Sông Mekong_ For a long time, there was no way of knowing the development situation in the upper Mekong basin"* cho dù bản thân ông đã phải đích thân tới Vân Nam để khảo sát thực địa năm 1994 [đập thủy điện đầu tiên Manwan 1,500 MW hoàn tất năm 1993, nghĩa là trước đó một năm]. Như vậy thì chúng ta cũng chẳng ngạc nhiên khi phải nghe Lê Quang Minh nguyên dân biểu quốc hội, Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ Đồng Bằng Sông Cửu Long than thở: *"Thật khó để có được thông tin từ phía Trung Quốc. Điều ấy khiến chúng tôi thật sự lo ngại."* [3]

Thụ động, lo ngại — rồi sao nữa? Không lẽ cứ tiếp tục ngồi than thở thì Bắc Kinh sẽ thấy ái ngại mà cung cấp cho mọi thông tin mà chúng ta đang cần!

Cũng có đấy chứ, một số thông tin đến từ phía Trung Quốc, nhưng đó chỉ là những liều thuốc ngủ, *"những dữ kiện màu hồng có tính cách giai thoại — annecdotal."*

Điển hình là mới đây Bộ Điện Lực Trung Quốc */ Ministry of Electric Power* đã cùng một lúc cung cấp một số tài liệu *Made in China* cho mấy nước hạ nguồn về hiệu quả tích cực của các con đập Vân Nam đối với toàn lưu vực sông Mekong không ngoài mục đích trấn an; họ còn gửi tới các quốc gia kỹ nghệ phát triển trong đó có Nhật Bản để mong tìm thêm nguồn tài trợ cho các dự án lớn lao của họ. [1]

Theo Bộ Điện Lực Trung Quốc thì:

- Năm 1995 Tổng Công Suất của cả nước là 150 x 10^6 kW trong đó chỉ có 25% là thủy điện, phần còn lại nhiệt điện từ than đá và từ lò nguyên tử. Dự trù nhu cầu điện sang năm 2000 sẽ tăng gấp đôi trong khi tiềm năng Thủy Điện TQ [400 x 10^6 kW] mới chỉ được khai thác chưa tới 10%.

Và khi mà những con đập Vân Nam được coi như yếu tố tạo sức bật cho các bước canh tân nhảy vọt của Trung Quốc thì theo Dai Qing nhà hoạt động môi sinh nổi tiếng cũng là tác giả cuốn sách "The River Dragon Has Come" đã có nhận định là *"Trung Quốc sẽ không có một thay đổi nào trong kế hoạch khai thác sông Mekong của họ cho dù ảnh hưởng tác hại ra sao đối với các quốc gia dưới nguồn."* Bắc Kinh đã hành sử như chính mình sở hữu toàn 4,500 km chiều dài con sông Mekong, vốn là một con sông quốc tế.

Từ Ủy Ban tới Ủy Hội sông Mekong

Từ thời Ủy Ban Sông Mekong / Mekong River Committee [1957] — tiền thân của Ủy Hội Sông Mekong [1995], đã có một hệ thống khí tượng thủy văn *[hydrometeorological network]* hoạt động nơi lưu vực dưới sông Mekong. Ban đầu chủ yếu chỉ để theo dõi lưu lượng dòng chảy *[river flow]* và mực nước cao thấp *[water level]*, sau đó những dữ kiện bằng số ấy được thu thập chuyển về trụ sở Văn Phòng Thường Trực của Ủy Ban để phân tích nhằm đưa ra những biện pháp phòng tránh hay giảm thiểu những tác hại về lũ lụt hay hạn hán cho bốn nước hạ lưu.

Nhưng trước viễn tượng hình thành trên khúc sông thượng nguồn chuỗi 14 con đập thủy điện khổng lồ Vân Nam với kỹ nghệ hóa, đô thị hóa, trút đổ các chất phế thải kỹ nghệ xuống sông thì rõ ràng hệ thống theo dõi ban đầu này là rất thiếu sót.

Chính vì thế mà Hiroshi Hori đã đề nghị với Ủy Hội Sông Mekong phải cải thiện và nâng cấp hệ thống khí tượng thủy văn sao cho có khả năng theo dõi không chỉ về lượng mà cả về phẩm chất nước của mỗi khúc sông trong toàn lưu vực — quan trọng nhất là *"những yếu tố biến động về phẩm chất nước"* đổ xuống từ khúc sông thượng nguồn. [1]

Chức năng của trung tâm theo dõi mới này là mỗi khi phát hiện được những *"thông số hay dữ kiện bất thường"* thì phải thông báo ngay cho các quốc gia trong lưu vực với yêu cầu xác định nguyên nhân. Giả thiết nguyên nhân tìm thấy là do hậu quả sinh hoạt của các khu kỹ nghệ trên thượng nguồn thì quốc gia liên hệ phải có trách nhiệm tìm ngay biện pháp ngăn chặn. Bằng không thì cơ quan chức năng cao nhất của Ủy Hội Sông Mekong và cả những chánh phủ trong lưu vực phải có phản ứng tích cực và kịp thời tìm ra những phương cách giải quyết bằng con đường chánh trị ngoại giao và cả công pháp quốc tế.

Khi mà các dự án đập lớn nơi Lưu vực Dưới sông Mekong [như dự án đập Pa Mong, Sambor...] đã trở thành quá xa vời do chống đối của các tổ chức bảo vệ môi sinh và của cả chính cư dân trong lưu vực — khiến các nguồn tài trợ bị ngưng lại chưa biết tới bao giờ, trong khi nơi Lưu vực Trên thì Bắc Kinh đang hối hả thực hiện cho

bằng được dự án 14 con đập của họ — thì rõ ràng ẩn số của phương trình sông Mekong vẫn là nước lớn Trung Quốc.

Kế hoạch phát triển cho toàn lưu vực

Trong văn bản thỏa thuận giữa Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Việt Nam khi hình thành Ủy Hội Sông Mekong [1995], cả bốn nước đều đồng ý hình thành một kế hoạch phát triển chung cho Lưu vực Dưới sông Mekong. *Một kế hoạch như vậy cho dù đạt được tự nó đã là một thiếu sót*; bởi vì không thể tách rời việc phát triển sông Mekong ra hai khu vực: Lưu vực Trên và Lưu vực Dưới. Cần phải có một kế hoạch phát triển cho toàn lưu vực bao gồm cả Trung Quốc và Miến Điện càng sớm càng tốt.

Trong cuộc khảo sát kéo dài hai năm (1996 tới 1998) của *JICA / Japan International Cooperation Agency* [mà Hirhosho Hori là trưởng nhóm] đã đưa ra những đề xuất nhằm hướng tới sự cân bằng giữa phát triển và bảo vệ sinh cảnh môi trường cho toàn lưu vực với những lưu ý như sau:

- Viện trợ cho các nước kém phát triển phải dựa trên sự tôn trọng không chỉ với quốc gia ấy mà cả với các cộng đồng dân cư trong lưu vực với động lực là thăng tiến cho chính họ. Cần nhấn mạnh là mối quan tâm không chỉ thu gọn trong những hậu quả về vật chất mà phải kể tới các khía cạnh tâm lý và văn hóa xã hội đối với cư dân địa phương.
- Trợ giúp phát triển với quan tâm ưu tiên tới những khía cạnh về sinh cảnh môi trường của khu vực. Luôn luôn đặt trong tâm vào việc bảo tồn môi trường thiên nhiên bao gồm cả việc bảo vệ tính đa dạng của hệ sinh thái / biodiversity. Các dự án đập thủy điện lớn phải được duyệt xét với tất cả sự nhạy cảm căn cứ trên nhu cầu thiết thực của các cộng đồng cư dân trong khu vực. [1]

Khi mà lưu vực sông Mekong đang trải qua những những đổi thay và biến động mau chóng, thì bất cứ dự án ban đầu nào [có từ 20 năm trước từ thời Ủy ban Sông Mekong] cũng cần phải những cải đổi để thích nghi với điều kiện hoàn cảnh mới.

Các cơ quan tài trợ kế hoạch phát triển sông Mekong *[như Ngân Hàng Phát Triển Á Châu / ADB, Ngân Hàng Thế Giới / WB, Cơ Quan Phát Triển Liên Hiệp Quốc / UNDP]* cần có một cái nhìn toàn cảnh như vậy khi trợ cấp cho từng dự án thủy điện trên sông Mekong: bởi vì không phải chỉ có khai thác nguồn thủy điện từ con sông mà còn cả mối quan tâm tới các vấn đề thủy lợi, nông lâm / *agriforestry*, ngư nghiệp và giao thông; cũng không thể không quan tâm tới ảnh hưởng trên sinh cảnh môi trường trong chiến lược phát triển bền vững sông Mekong: có nghĩa là khai thác nhưng vẫn bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và không gây những xáo trộn xã hội đối với cư dân sông trong lưu vực. Mà điều đó thì hiện nay chưa có được khi Trung Quốc và Miến Điện là hai quốc gia thượng nguồn vẫn chọn vị thế đứng ngoài.

Thành lập nhóm chuyên viên tham vấn

Các kế hoạch phát triển sông Mekong thường bị chi phối do sự cạnh tranh giữa các đại công ty ngoại quốc đấu thầu xây đập — dĩ nhiên vì lợi nhuận họ rất ít quan tâm tới vấn đề an toàn môi trường và sự an sinh của cư dân sống hai bên bờ con sông Mekong. Trong khi đó thì các chánh phủ liên hệ hoặc vì nhu cầu phát triển và quyền lợi trước mắt hoặc vì thiếu trình độ chuyên môn nên đã dễ dàng thông qua các kế hoạch mà không đưa ra được những phê phán và tu chính lẽ ra phải có.

Để giải quyết tình trạng thiếu trình độ chuyên môn ngay trong Ủy Hội Sông Mekong và các chánh phủ liên hệ, tiến sĩ Hiroshi Hori đã đưa ra đề nghị cấp thiết thành lập Nhóm Chuyên Viên Tham Vấn Quốc tế / *International Advisory Group of Experts* có trình độ cao và có kinh nghiệm về phát triển lưu vực các con sông thuộc nhiều lãnh vực kể cả các chuyên gia về phẩm chất nước. [1] Họ cũng phải quen thuộc và nhạy cảm với những *"vấn đề kinh tế xã hội môi sinh"* của cư dân trong lưu vực ngõ hầu có thể đưa ra những nhận định vô tư và khách quan. Họ sẽ là một cơ quan tư vấn độc lập làm việc bên cạnh Ủy Hội Sông Mekong để giải đáp những vấn đề khúc mắc khó khăn liên quan tới từng dự án phát triển sông Mekong. Để hoàn tất nhiệm vụ ấy, dĩ nhiên họ phải có đủ thời gian và phương tiện để khảo sát các dữ kiện trên mỗi đồ án trước khi đưa ra những nhận xét và ý kiến phê phán để gửi qua văn phòng thường trực của Ủy Hội Sông Mekong để làm cơ sở quyết định. Những biên bản đề xuất này sẽ không bị tô hồng hay cắt xén cho dù trái với ý muốn của các đại công ty tư bản hay chánh phủ liên hệ.

Đại học Cần Thơ, ngọn hải đăng miền Tây

Được thành lập từ 1966 nơi trung tâm Đồng Bằng Sông Cửu Long, số sinh viên hiện nay lên tới 16,000 với khoảng 5,000 sinh viên cử nhân

và cao học tốt nghiệp mỗi năm.[6] Sĩ số sinh viên tiếp tục gia tăng thêm 2,000 mỗi năm — tới năm 2010 tổng số sinh viên Đại Học Cần Thơ sẽ là hơn 30,000. Với tám phân khoa: Nông Nghiệp, Sư Phạm, Khoa Học, Quản Trị Kinh Doanh, Công nghệ, Công Nghệ Thông Tin, Y Nha Dược, Luật. Bên cạnh đó còn có bảy viện và trung tâm nghiên cứu: Nghiên Cứu và Phát Triển Hệ Thống Canh Tác, Công Nghệ Sinh Học, Khoa Học Thủy Sản, Nghiên Cứu Đất Phèn, Kỹ Thuật Môi Trường và Năng Lượng Mới *[Research Center for Environmental Engineering & Renewal Energy]*, Thông Tin Khoa Học và Công Nghệ, Trung Tâm Ngoại Ngữ.

Phải có ban giảng huấn, các thư viện và hệ thống phòng thí nghiệm lớn ra sao để có thể dàn trải ra cho ngần ấy Phân Khoa và các Viện Nghiên Cứu đa dạng như thế.

Điểm mạnh của Đại Học Cần Thơ từ trước 1975 và còn tiếp tục tới nay là Phân Khoa Nông Nghiệp: đã thành công trong nghiên cứu và đưa vào sử dụng các giống lúa Thần Nông mới với khả năng tăng sản và tăng vụ — mà nông dân ĐBSCL đã đặt tên cho là lúa Honda khiến Việt Nam trở thành quốc gia xuất cảng gạo lớn thứ hai chỉ có sau Thái Lan.

Cách đây 32 năm, trong bài diễn văn "xuất trường" của Viện Đại Học Cần Thơ đọc ngày 19/12/1970, giáo sư Đỗ Bá Khê đã có một cái nhìn rất xa về vai trò của Viện Đại Học này với tương lai vùng Đồng Bằng Châu Thổ:

"Ngày nay trong Thời Đại Khoa Học Kỹ Thuật, các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long đang trông chờ nơi ánh sáng soi đường của Viện Đại Học Cần Thơ và ước mơ một chân trời mới, tô điểm bằng những cành lúa vàng nặng trĩu, những mảnh vườn hoa quả oằn cây, dân cư thơ thới, một cộng đồng trù phú trong một xã hội công bằng."

Đã 35 năm kể từ ngày thành lập, nhưng tầm vóc và chất lượng của Viện Đại Học Tây Đô này vẫn còn khiêm tốn ngay cả so sánh với các đại học trong khu vực Đông Nam Á như Mã lai, Singapore, Thái Lan. Đó vẫn là một Viện Đại Học nghèo về phương tiện phòng thí nghiệm, thư viện và cả thiếu thốn về ban giảng huấn nhưng đồng thời lại rất giàu về nguồn chất xám của đông đảo lớp sinh viên thông minh hiếu học và trong đó không thiếu những thành phần ưu tú. Đám sinh viên ấy trông chờ và lẽ ra phải xứng đáng được hưởng một nền giáo dục đại học vươn tới tầm mức của thời đại. Bởi vì phẩm chất của lớp sinh viên tốt nghiệp ấy sẽ là chất xúc tác *[catalyst]* cho các bước phát triển bền vững của Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Mới đây, trong bài diễn văn kỷ niệm 35 năm thành lập Đại Học Cần Thơ 1966 – 2001, viện trưởng Trần Thượng Tuấn, tuy là với ngôn từ mới của *"kinh tế thị trường và toàn cầu hóa"* nhưng nội dung cũng chỉ là những điều mà Giáo Sư Đỗ Bá Khê đã nói ra cách đây 32 năm:

"... Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế tri thức đòi hỏi Đại Học Cần Thơ phải nỗ lực nhiều hơn nữa, năng động sáng tạo hơn nữa, cũng như tăng cường hơn nữa việc học tập kinh nghiệm tốt ở các trường đại học trong nước và ngoài nước nhằm mục tiêu sớm rút ngắn khoảng cách với các trường tiên tiến trong khu vực_ Để Làm Tròn Chức Năng của một Trường Đại Học, một Trung Tâm Khoa Học Kỹ Thuật Của Đồng Bằng Sông Cửu Long. " [6]

Nhưng chừng nào mà Viện Đại Học Cần Thơ nói riêng và hệ thống Đại Học Việt Nam nói chung chưa có được một nền tự trị đại học, còn chọn đi theo con đường *"hồng hơn chuyên"* thì hình ảnh ngọn hải đăng chỉ đường cho vùng Đồng Bằng Châu Thổ sẽ vẫn chỉ là thứ ánh sáng cuối đường hầm. Một cộng đồng trù phú trong một xã hội công bằng, vẫn chỉ là những mơ ước trong những hoàn cảnh thật nghiệt ngã của một đất nước thống nhất nhưng lại càng ngày càng phân hóa: được tiếng là sống trên vựa lúa và cá nhưng mức sống của đa số cư dân còn nghèo khó: tỉ lệ thất nghiệp và thất học cao có lẽ chỉ hơn so với các sắc dân thiểu số Tây Nguyên.

Được mệnh danh là Trung Tâm Khoa Học Kỹ Thuật của Đồng Bằng Sông Cửu Long, Đại Học Cần Thơ đã và đang làm gì để đương đầu với những khai thác hủy hoại con sông Mekong do hình thành chuỗi 14 con đập bậc thềm Vân Nam mà Việt Nam là quốc gia ở cuối nguồn sẽ phải lãnh đủ mọi hậu quả?

Viện Đại Học Cần Thơ — do vị trí địa dư đặc biệt của mình, sẽ phải là một tiền đồn, một cơ quan đầu não, một trung tâm nghiên cứu thu thập dữ kiện, khảo sát và theo dõi mọi thay đổi biến động của con sông Mekong về lưu lượng dòng chảy, phẩm chất nước, nguồn cá... nói chung là toàn hệ sinh thái phong phú nhưng cũng rất mong manh của toàn lưu vực sông Mekong — trong đó có Đồng Bằng Sông Cửu Long một vựa lúa nuôi sống cả nước, để kịp thời có phản ứng và tìm ra giải pháp để giới hạn tổn thất.

Nếu không làm gì, chờ đến khi mà con sông

Cửu Long Cạn Dòng và cả vùng Đồng Bằng Châu Thổ bị dìm trong biển mặn thì Đại Học Cần Thơ lúc đó chỉ còn là hình ảnh của con tàu mắc cạn trên Biển Mặn Aral của Trung Á.

Theo dõi khiếm khuyết và bổ sung

Cho dù không có phương cách nào có thể ngăn Trung Quốc không tiến hành kế hoạch điện khí hóa vĩ đại của họ nhưng ở một chừng mực nào đó thì *"những khiếm khuyết và thiếu an toàn trong mỗi dự án xây đập của Trung Quốc phải được biết tới, để theo dõi và bổ sung."*

Hiển nhiên không thể thụ động ngồi chờ nguồn thông tin do Trung Quốc tùy tiện cung cấp mà vì lý do sống còn, chúng ta phải hết sức chủ động đi tìm kiếm những gì mà chúng ta cần biết — đó là những dữ kiện khách quan. Điều ấy đòi hỏi cho một chiến lược bảo vệ môi sinh với tầm nhìn xa, với một đội ngũ chuyên viên không chỉ có trình độ mà còn có lòng thiết tha với công việc chuyên môn của họ.

Đại Học Cần Thơ với Phân Khoa Sông Mekong sẽ là một *"think tank"* một trung tâm nghiên cứu giảng dạy và là nguồn cung cấp chất xám.

Một Phân Khoa Sông Mekong có thể khai triển từ những ý niệm đã có ban đầu với danh xưng *Trung Tâm Nghiên Cứu Kỹ Thuật Môi Trường.*

- Xây dựng một thư viện chuyên ngành với tất cả sách vở tài liệu trước hết là liên quan tới con sông Mekong.

- Ban giảng huấn ngoài thành phần cơ hữu của nhà trường, sẽ bao gồm các chuyên gia của Ủy Hội Sông Mekong, nhóm Chuyên Viên Tham vấn Quốc tế bên cạnh Ủy Hội Sông Mekong. Họ sẽ được mời như những Giáo Sư Thỉnh Giảng — *Visiting Professor*, cho Phân Khoa Sông Mekong. Tài liệu giảng của họ sẽ là nguồn thông tin vô cùng quý giá do từ những đúc kết qua thực tiễn.

- Chọn lọc tuyển sinh từ thành phần ưu tú biết ngoại ngữ, nhằm hướng tới đào tạo các kỹ sư môi sinh [trình độ MS / Master of Science] ngoài phần lý thuyết họ sẽ được tiếp cận với thực tế bằng những chuyến du khảo — fieldtrips qua các trọng điểm của con sông Mekong, qua các con đập, và không thể thiếu một thời gian thực tập *"on-the-job training"* tại các cơ sở của Ủy Hội Sông Mekong. Họ sẽ ra trường với một tiểu luận tốt nghiệp về những đề tài khác nhau liên quan tới hệ sinh thái của con sông Mekong.

- Về phương diện chánh quyền, cần thiết lập ngay một mạng lưới "Tùy viên Môi sinh" *[Đã có những tùy viên quân sự, tùy viên văn hóa trong mỗi tòa đại sứ, tại sao không thể có tùy viên môi sinh ?]* đặc trách sông Mekong trong các Tòa Đại sứ và Sứ quán tại các quốc gia trong lưu vực: như tòa lãnh sự Việt Nam ở Côn Minh Vân Nam, bốn tòa đại sứ Việt Nam ở Miến Điện, Thái Lan, Lào và Cam Bốt. Họ sẽ là tai mắt, là những trạm quan sát sống cho Phân Khoa sông Mekong và Bộ Bảo Vệ Môi Trường.

Trước 1975, nếu Thái Lan đã có Viện Y Khoa Nhiệt Đới Đông Nam Á, tại sao không thể nghĩ tới một Phân Khoa Sông Mekong tại Viện Đại Học Cần Thơ cho sáu quốc gia trong lưu vực: thành phần sinh viên không phải chỉ có Việt Nam mà có thể cả những sinh viên đến từ Thái Lan, Lào và Cam Bốt và cả từ Trung Quốc, Miến Điện.

Nếu Đại Học Cần Thơ còn nghèo thì việc cấp học bổng cho các sinh viên đến từ các quốc gia trong lưu vực sẽ đến từ cấp Nhà Nước. Phải xem đây như một kế hoạch đầu tư dài hạn và rất ý nghĩa cho *"Một Tinh Thần Sông Mekong — The Mekong Spirit"* trong toàn bộ các kế hoạch hợp tác và phát triển vùng.

Với trình độ kiến thức và tinh thần liên đới, đám sinh viên đa quốc gia này sẽ là nguồn chất xám bổ sung cho Ủy Hội Sông Mekong, cho các chính phủ địa phương đang bị thiếu hụt nhân sự trầm trọng. Lớp chuyên viên trẻ đầy năng động này cũng sẽ là mẫu số chung nối kết mở đường cho các bước hợp tác phát triển bền vững của sáu quốc gia trong toàn lưu vực sông Mekong.

Dĩ nhiên có một cái giá phải trả để bảo vệ con Sông Mekong và vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Với tâm niệm rằng *"nói tới nguy cơ là còn thời gian, trong khi tiêu vong là mất đi vĩnh viễn."*

06 – 02

Tham Khảo:

1/ Hiroshi Hori. The Mekong: Environment and Development. United Nations University Press, Tokyo 2000

2/ Patrick McCully. Silenced Rivers: The Ecology and Politics of Large Dams. International Rivers Network. Zed Book Ltd, London 1996

3/ Shawn W. Crispin, Margot Cohen, Bertil Lintner. The Mekong Choke Point. Far Eastern Economic Review, Oct 12, 2000.

4/ Milton Osborne. The Mekong: Turbulent Past, Uncertain Future. Atlantic Monthly Press, New York 2000

5/ Đỗ Bá Khê. Đại Học Cần Thơ, Ngọn Hải Đăng Miền Tây. Đặc San Tiền Giang - Hậu Giang 2000

6/ *Trần Thượng Tuấn. Kỷ Niệm 35 thành lập Đại Học Cần Thơ 1966 – 2001. http://www.ctu.edu.vn*

7/ Ngô Thế Vinh. Từ Ủy Ban Tới Ủy Hội Sông Mekong: Trước Những Thách Đố và Triển Vọng. http://www.mekongriver.org

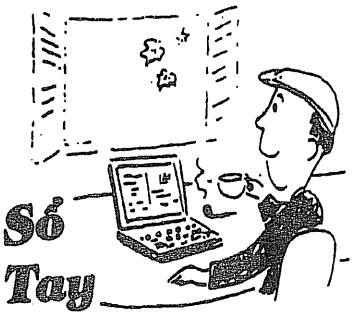

NGÔ NHÂN DỤNG

Trần Độ, con người trung thực

Vào lúc cuối đời nhà văn Voltaire về hưu ở Thụy Sĩ, sống rất bình an trong một trại trồng táo. Có một người ngưỡng mộ các tác phẩm của Voltaire đến thăm ông, ca ngợi rằng cụ đã để lại cho đời sau những di sản thật quý báu. Voltaire trả lời, "Đúng như vậy, chính tôi đã trồng bao nhiêu là gốc táo trong vườn này!" Người ta lúc về già thường tự đặt câu hỏi như một thi sĩ đã viết, "Ta đã làm chi đời ta?" Đến tuổi già mà sống an bình giữa vườn cây chính mình đã trồng nên thì còn chi sung sướng bằng!

Không biết Tướng Trần Độ có đất để trồng cây ăn trái hay không? Ước chi ông đã trồng một cây cam hay cây bưởi trong vườn nhà, ông cũng có thể an tâm đã để lại cho đời sau những trái cây ngon ngọt. Đọc những lời ông viết mấy năm gần đây thì thấy hình ảnh một người tuổi đã về già mà lòng không mấy bình an. Những lời nói của ông rất thẳng thắn, trung trực, nhưng nói mãi, nói mãi cũng không thay đổi được tình trạng chế độ chung quanh mình. Đến nỗi có lúc viết ông thốt ra câu: "Tôi chẳng còn gì để mong đợi". Nghe thật thương tâm.

Những người từ tuổi trẻ đã mang một bầu máu nóng, tới tuổi gần đất xa trời thường dốc hết tấm lòng ra nói thật, nói thẳng. Nhất là, lúc cuối đời chỉ thấy những ước mơ, lý tưởng của mình đã tan rã. Những cố gắng của mình không đem lại tự do, no ấm cho đồng bào mà ngược lại, chỉ chứng kiến những nghèo đói và bất công. Mấy năm gần đây Tướng Trần Độ đã dốc hết tâm sự ra, hỏi thẳng: "Đảng bây giờ là Đảng gì? Đảng của ai?"

Hơn hai năm trước đây Tướng Trần Độ đã công bố một lá thư chung gửi cho những người cầm đầu guồng máy đảng và nhà nước ở Việt Nam nói rằng ông chống lại "thứ chủ nghĩa xã hội đã thất bại ở thế giới và đã gây nên nghèo đói ở Việt Nam." Ông viết: "Tôi thấy cái bộ máy cai trị ở Việt Nam hiện nay là một bộ máy đàn áp, bóp nghẹt ... Đó là bộ máy mà chính tôi cùng tham gia xây dựng... Tôi không thể im lặng được nữa ..."

Bây giờ người ta vẫn nói hoài chuyện chống tham nhũng. Từ năm 1995 Tướng Trần Độ đã nêu ra nguyên nhân chính gây ra tham nhũng lộng quyền: "Đảng giữ độc quyền, độc tôn, không có cơ chế giám sát, không có lực lượng nào giám sát. Đó chính là nguồn gốc của sự lộng quyền, tham nhũng mà không có một vận động chống đối nào... (đảng là) một bộ máy đàn áp, bóp nghẹt." Về liều thuốc chữa, Tướng Trần Độ đề nghị phải cho dân được bầu cử tự do (để nhân dân trở thành cơ cấu giám sát,) báo chí tự do (để có một lực lượng giám sát.) Nhưng tất nhiên những đòi hỏi đó không khác gì đòi bãi bỏ điều số 4 trong hiến pháp mà đảng Cộng Sản đang dùng.

Cũng từ năm 1995 Tướng Trần Độ đã bác bỏ chủ trương "định hướng xã hội chủ nghĩa" mà trong cơ bản là bảo vệ bộ máy kinh tế quốc doanh. Ông hỏi: Tại sao luôn luôn nhấn mạnh kinh tế quốc doanh là chủ đạo? Trong khi đó ai cũng biết đó là khu vực kém hiệu quả nhất và là ổ tham nhũng lớn nhất? Ông nói dứt khoát: Kinh tế thị trường không thể đi đôi với định hướng xã hội chủ nghĩa!

Nhưng Tướng Trần Độ không phải chỉ là con người lý thuyết. Trong những lá thư công bố sau này ông đã nêu lên những chuyện rất cụ thể. Ông tố cáo các lãnh tụ: "Nhà nước này chống tham nhũng hay chống những người chống tham nhũng?" Trước những lời vu cáo các người bất đồng chính kiến là "chống nhà nước xã hội chủ nghĩa" Tướng Trần Độ đã nói thẳng: "Các ông đã chống lại nhân dân, đã đè đầu cưỡi cổ nhân dân, chứ không có ai chống nhà nước này cả! ... Tôi đã nhịn nhiều, nó ứ trong người..." Người con trai của ông chắc đã chứng kiến nỗi phẫn uất của thân phụ mình, cho nên khi viên đại biểu của Quốc hội đọc điếu tang chê trách ông đi sai đường lối đảng thì anh không thể nhịn được, vì nó cũng cứ ứ trong người!

Tướng Trần Độ chắc cũng cảm thấy ông chịu trách nhiệm đã dựng lên cái guồng máy đè đầu cưỡi cổ nhân dân đó. Đặc biệt là trách nhiệm với những lớp người trẻ hơn ông, đã tin tưởng, đã nghe lời ông mà phục vụ cho đảng Cộng Sản. Rất nhiều người trẻ đó hiện nay đang muốn thoát mà không thể thoát ra ngoài guồng máy được. Trong số những người đó có các

nhà văn nhà báo. Trong một bức thư, ông hỏi các lãnh tụ cộng sản: "Các ông trả lương và thao túng, sai khiến từ nhà văn nhà báo đến cán bộ nhân viên dưới tay..." Tướng Trần Độ nhắc đến các công an trẻ tuổi đang nhận lệnh theo dõi rình mò ông, đặt câu hỏi "... Các cháu phải sống, phải cúi đầu làm những việc nhục nhã như vậy. Các cháu làm thế để phục vụ ai?" Câu nói đó cũng đặt cho tất cả các cán bộ tuyên huấn, các tờ báo của đảng.

Năm 1999 ông Trần Độ viết, "Tôi đã gần đất xa trời, tôi chỉ còn niềm vui trong hồi tưởng và mơ ước thôi, tôi chẳng còn gì để mong đợi mà cũng chẳng còn gì để sợ." Thực ra một người gần đất xa trời vẫn có thể tìm thấy nhiều niềm vui, nhiều điều để mong đợi. Tướng Trần Độ đã cố gắng sống trung thực với lương tâm của mình, nói thẳng những điều cần nói theo tiếng gọi của lương tâm. Nếu ông không may mắn, chẳng có dịp nào trồng những cây ăn trái như Voltaire thời xưa thì ông vẫn trồng được những hạt giống lành trong tâm hồn những người trẻ hơn ông. Ông đã kêu gọi họ ngẩng đầu lên không khuất phục, đòi lấy tự do, bình đẳng, ấm no hạnh phúc cho đồng bào mình. Ông có quyền trông đợi ở thế hệ sau không nhầm lẫn như thế hệ của ông. Ông cũng có thể trông đợi những người cùng thế hệ ông vẫn tiếp tục tranh đấu chống tập đoàn độc tài tham nhũng, tại sao không? Những Phạm Quế Dương, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, v.v. sẽ nói thẳng, nói thật với các thanh niên con, cháu của mình, kêu gọi họ đứng lên đòi tự do, đòi quyền sống làm người không sợ hãi, đòi cho đồng bào được sống tự do, xứng đáng như con người chứ không để chế độ công an đè đầu cưỡi cổ như lời ông Trần Độ mô tả.

Một thắc mắc của Tướng Trần Độ

Bữa nghe tin Tướng Trần Độ đang gần đất xa trời, tôi đọc bản tin nói nữ tài tử Lưu Hoa Thanh ở Bắc Kinh đã bị bắt, ngày 25 tháng trước. Nếu như được bàn với ông chuyện cô diễn viên về hưu này thì rất hay quá. Rất tiếc, không được nói chuyện về cô diễn viên Trung Quốc với Tướng Trần Độ khi ông còn đủ sức khỏe và tỉnh táo.

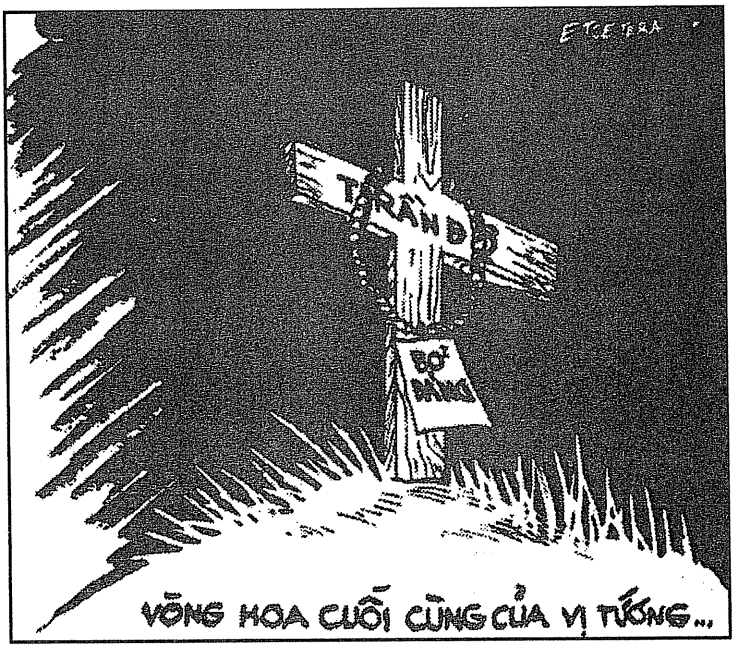

Khi ông qua đời thì đã trễ mất rồi! Nhưng tại sao tôi lại muốn đem chuyện cô nói với Tướng Trần Độ? Vì nó liên quan đến một nỗi thắc mắc của ông vào lúc cuối đời.

Trong lá thư gửi giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam viết năm 1999, Tướng Trần Độ nói ông "không tán thành cái thứ chủ nghĩa Xã hội đã thất bại ở thế giới và đã gây nên nghèo đói ở Việt Nam." Ông có thể "tán thành một thứ chủ nghĩa Xã hội khác, gần giống như Đặng Tiểu Bình nhưng tìm chưa ra."

Đó là một nỗi băn khoăn lúc nhắm mắt, được phát biểu một cách thành thật, cho thấy ông rất can đảm. Mình không biết thì cứ nói ra, chẳng sợ gì mà không dám nói. Rất nhiều người ở Việt Nam cũng mang nỗi băn khoăn đó, họ phải thấy thái độ này rất đáng kính trọng, rất đáng noi theo. Đặc biệt là những người đã vì nghe lời Tướng Trần Độ mà đi theo con đường ông đã chọn, là gia nhập đảng Cộng Sản để mong xây dựng một thứ Chủ nghĩa Xã hội mà chính họ cũng không biết nó như thế nào. Sau năm 1975 nhiều thanh niên say mê đọc cuốn sách "*Thanh niên và Lý tưởng*" của Tướng Trần Độ. Chắc nhiều bạn trẻ đã vì đọc cuốn sách đó mà vào đảng Cộng Sản. Bây giờ chắc các độc giả thanh niên đó đã già rồi nhưng chắc họ vẫn mang nỗi thắc mắc giống như tác giả trước khi qua đời: thế nào mới là Chủ

nghĩa Xã hội?

Khi đọc lại lá thư ông viết, thấy Tướng Trần Độ nhắc đến chủ nghĩa Đặng Tiểu Bình nên chúng tôi chợt nhớ đến chuyện cô Lưu Hoa Thanh bị bắt vì nghi là trốn thuế (Có tờ báo gọi tên cô là Lưu Tiêu Thanh, cô nổi tiếng từ thập niên 1970, nhất là từ hai chục năm nay.)

Tại sao vấn đề thuế má của cô nữ diễn viên 51 tuổi này lại liên quan đến thắc mắc về Chủ nghĩa Xã hội của Tướng Trần Độ? Vì muốn hình dung chủ nghĩa xã hội nó thế nào, chúng ta nên biết nó chính là một thứ thuế.

Câu chuyện đầu đuôi như thế này. Ở Việt Nam nhiều người vẫn muốn bắt đồng bào chúng ta phải đọc kinh nhật tụng "theo định hướng xã hội chủ nghĩa," nhưng không ai biết cái chủ nghĩa đó thế nào. Câu hỏi "chúng ta nên theo chủ nghĩa chính trị nào?" đem nói giản dị chính là vấn đề xác định nhà nước đóng vai trò nào trong đời sống quốc dân, đặc biệt là cuộc sống kinh tế. Vì vậy mà nó có dính líu đến thuế má. Người dân ở trong một nước làm việc, tạo ra của cải, dân được hưởng một phần, một phần lớn do nhà nước thu vào, thường gọi là thuế. Chế độ chính trị khác nhau là ở chỗ nhà nước lấy bao nhiêu tiền thuế, để dùng vào việc gì, cho ai hưởng.

Ông Karl Marx đã vẽ ra một xã hội không tưởng, trong đó các phương tiện sản xuất trở thành của chung, mọi người làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu; không còn sở hữu tư, do đó cũng không ai phải đóng thuế nữa. Vladimir Lenin thực tế hơn, trong cuốn sách ông bàn về "Nhà nước và Cách mạng," ông bảo phải dùng guồng máy nhà nước để thi hành mục đích cao siêu là chủ nghĩa Xã hội. Từ đó trở đi thì mục tiêu của các đảng cộng sản rất giản dị, là làm sao chiếm lấy guồng máy nhà nước, dùng guồng máy đó thực hiện các kế hoạch kinh tế mà họ cho là có ích hơn, hữu hiệu hơn hệ thống kinh tế thị trường đã dùng thử ở các nước tư bản. Khi nhà nước đóng vai trò chỉ huy kinh tế rồi thì tất cả là của nhà nước trông nom, không cần nói đến thuế má nữa.

Cuộc tranh chấp ý thức hệ giữa hai khối tư bản và cộng sản trong thế kỷ qua tựu chung là vấn đề cho nhà nước đóng vai trò nào đối với của cải, tiền bạc mà chúng ta làm ra. Trên thế giới bây giờ người ta đã khôn hơn, không còn cãi nhau những vấn đề to lớn cao xa như "nên theo chủ nghĩa nào" nữa. Đó là một thứ thắc mắc siêu hình của thế kỷ 18, 19. Những người còn đem chuyện chủ nghĩa, ý thức hệ ra để viết trên Tạp chí Cộng Sản, họ đem những chuyện đó ra bàn chỉ làm rối trí người nghe khiến dân không biết đâu mới là câu hỏi thực tế, cụ thể. Các chế độ chính trị trên thế giới bây giờ khác nhau chỉ do cách trả lời cho một câu hỏi: Nhà nước có vai trò gì đối với cái đồng tiền thằng dân nó kiếm ra? Cụ thể là, chúng tôi được giữ lại bao nhiêu, còn bao nhiêu các cụ thu thuế? Còn lảng tránh câu hỏi đó tức là còn đi loanh quanh trong ngõ cụt.

Chủ trương của các đảng cộng sản là: Nhà nước lo chuyện tiền bạc giúp quý vị, thực ra dân chúng không cần tiền nữa. Những ủy ban vật giá, các vấn đề "giá, lương, tiền" chỉ là các chuyện tạm thời trong lúc "quá độ" mà thôi. Nhà nước quản lý kinh tế, đặt ra các mục tiêu, kế hoạch; có lúc rất chi li tỉ mỉ, đến mức phải quyết định mỗi người dân trong năm được dùng mấy thước vải, ăn mấy cây cà rem. Họ dùng tem phiếu mà phân phối, thay thế lương bổng, sẽ đến lúc thay thế giá cả. Cho nên tiền bạc chỉ có giá trị tượng trưng thôi, ông chủ tịch nước và chị gánh phân có thể được trả lương bằng nhau cũng được, vì tiền không có giá trị phân phối lợi tức để chi tiêu. Tem phiếu mới làphương tiện phân phối chính. Họ không cần nghĩ đến hệ thống thuế má, vì cái gì cũng thuộc nhà nước rồi, nhà nước chỉ lo phân phát chứ đâu cần thâu thuế của ai nữa?

Sau này khi hệ thống đó ở Liên xô sụp đổ vì hoàn toàn vô hiệu quả, thì những đảng cộng sản còn lại như ở Bắc Hàn, Việt Nam và Cuba đã thay đổi, nhưng vẫn còn bảo vệ quan niệm phải dùng nhà nước chỉ đạo, hoạch định, và trực tiếp điều khiển nhiều phương tiện sản xuất, trong nhiều lãnh vực kinh tế. Ở Trung Quốc và Việt Nam họ đã cho phép nhiều sinh hoạt kinh tế được thị trường hóa, nghĩa là cho tư nhân sản xuất, trao đổi riêng với nhau, nhà nước đứng bên ngoài. Nhưng quan niệm chính của họ vẫn là "quốc doanh làm chủ đạo."

Còn những nước theo kinh tế thị trường thật sự thì người ta nghĩ ra sao và làm ra sao? Họ coi thị trường mới là cơ cấu chủ yếu điều hợp các hoạt động kinh tế, còn nhà nước đóng vai phụ; nhà nước chỉ nhúng tay vào khi tình thế đòi hỏi. Vai trò đó nặng hay nhẹ là do dân chọn, bằng cách bầu cử. Ở Mỹ đảng Dân Chủ thường đề cao vai trò nhà nước. Quan niệm của đảng Cộng Hòa xưa nay vẫn chủ trương vai trò của tư nhân mới

quan trọng, càng giảm bớt vai trò của nhà nước càng tốt. Nhưng khi các đại biểu Quốc hội thuộc đảng Cộng Hòa và tổng thống Bush ủng hộ đạo luật cải tổ cơ cấu kinh doanh do Dân biểu Sarbanes, đại biểu đảng Dân chủ đưa ra, họ đã chấp nhận rằng lúc này phải tăng cường vai trò của guồng máy nhà nước trong sinh hoạt kinh tế.

Cái khác nhau giữa hai hệ thống tư bản, cộng sản chính là ở vai trò của nhà nước. Bên cộng sản coi nhà nước đóng vai trò chính yếu; khi cả hệ thống suy sụp, bất đắc dĩ họ phải "đổi mới," để cho tư nhân tự do quyết định sản xuất, đầu tư, phân phối trong một số lãnh vực. Còn bên tư bản thì coi vai trò của nhà nước là phụ, nó chỉ hữu ích và cần thiết khi có những mục tiêu chung của tập thể, của quốc gia, mà tư nhân không muốn hoặc không thể tự làm lấy được.

Điều này dẫn trở lại câu chuyện về thuế má. Ở Mỹ, dân họ ghét thuế lắm, mà ở đâu thì cũng vậy. Nhưng tiền thuế của dân góp phần vào 99% ngân sách cho nhà nước ở Mỹ tiêu. Nhà nước ở Mỹ không lo chuyện sản xuất, chỉ bán được một số dịch vụ cho dân, thí dụ như tổ chức thi bằng lái xe, bắt dân đóng tiền mới được thi. Đại đa số việc sản xuất để cho tư nhân và các xí nghiệp lo. Các xí nghiệp ở Mỹ trung bình đóng hơn 40% lợi nhuận cho nhà nước. Chẳng khác nào nhà nước được chia 40% tiền lời vì được làm chủ hơn 40% cổ phần của các xí nghiệp! Nghĩa là chính phủ Mỹ đã quốc doanh hóa, hoặc nói cho văn chương gọi là "xã hội hóa" đến 40% các phương tiện sản xuất, nhưng vẫn bắt tư nhân lo việc quản lý! Vì kinh nghiệm cho biết thường dân họ quản lý hay hơn!

Lấy của các xí nghiệp đến thế rồi vẫn thấy chưa đủ. Từ đầu thế kỷ trước, nhà nước Mỹ còn lấy thêm thuế của từng cá nhân nữa, gọi là thuế lợi tức. Nhiều người Mỹ đến giờ vẫn ấm ức. Họ bảo chiến tranh chấm dứt cả trăm năm rồi mà chính phủ không chịu ngưng thâu thuế của họ! Đa số dân Mỹ líu ríu nghe, không phải vì họ sợ mà cũng không phải vì có một cái chủ nghĩa nào biện minh cho thuế lợi tức, nhưng vì người dân phải công nhận guồng máy chính phủ cần tiền để lo những lợi ích chung. Lâu lâu, dân lại bầu cho một đảng chủ trương cắt giảm thuế, khi thấy nhà nước chi tiêu phí phạm quá.

Các tư nhân ở Mỹ phải đóng thuế, lợi tức càng cao thì đóng thuế càng nhiều. Nếu để yên thì chẳng ai tội gì góp tiền cho nhà nước nhiều hơn người khác. Nhưng vì mục tiêu công bằng, tức là một lợi ích tập thể, người dân đồng ý cưỡng ép các anh chị nhiều tiền đóng góp nhiều hơn, để làm đường sá, xây trường học cho con nhà nghèo cũng được hưởng.

Còn ở Trung Quốc thì tình trạng lại khác, vì họ đang chuyển từ kinh tế cộng sản sang kinh tế tư bản, còn rất bỡ ngỡ. Nhà nước ở Bắc Kinh vẫn phải nắm trong tay rất nhiều phương tiện sản xuất, tức là các xí nghiệp quốc doanh. Họ chưa tư nhân hóa hết được. Nhưng kinh tế tư nhân hiện nay đang đóng góp vào một nửa Tổng Sản lượng Quốc nội (GDP) của Trung Quốc, tức là tạo ra khoảng 500 tỷ mỹ kim hàng hóa, dịch vụ mỗi năm. Nhưng vì cái di sản của chế độ cộng sản cũ kỹ nên hệ thống thuế lợi tức cá nhân chưa thành hình. Những người làm ăn khá giả ở Trung Quốc lại không phải đóng thuế nhiều như các nhà tư bản ở Mỹ! Thuế lợi tức cá nhân chính phủ Bắc Kinh thâu được năm ngoái chỉ vỏn vẹn có 8.6 tỷ mỹ kim, chỉ bằng 6% tổng số thuế mà nhà nước thâu được.

Thủ tướng Chu Dung Cơ mới tiết lộ rằng chính phủ ông mới kiểm tra, thấy 10 nhà kinh doanh giầu có nhất Trung Quốc không ai phải đóng đồng xu thuế nào cả! Nghe nói vậy chắc các ông Bill Gates, Warren Buffett ở Mỹ cũng muốn xin làm công dân Trung Quốc! Thử tưởng tượng, mỗi năm các ông này chỉ kiếm ra chừng một tỷ mỹ kim, mà vì họ là dân Mỹ thì phải đóng thuế hơn một nửa. Nếu họ được làm dân Trung Quốc có phải sướng hơn không? Theo định hướng xã hội chủ nghĩa kiểu Trung Quốc như vậy thì các nhà đại tư bản cũng muốn theo! Cô Lưu Hoa Thanh chỉ là một nhà tư doanh nhỏ, cô làm chủ ba công ty, khai thác tên tuổi của cô, nhưng có rất nhiều ngôi nhà đáng giá hàng triệu mỹ kim. Cô cũng trốn thuế được như các ông bà đảng viên giầu có khác vì hệ thống thuế khoá còn rất lỏng lẻo. Nhưng vì cô nổi tiếng nên sở thuế Bắc Kinh bắt cô làm gương, người Trung Hoa gọi là "giết gà để doạ khỉ," giống như chính phủ Bush mới bắt mấy cha con gia đình Rigas ở New York. Họ điều khiển một công ty có bao nhiêu cổ đông mua cổ phần, nhưng họ thao túng dùng tiền của công ty như tiền của riêng mình, nay bị bắt. Nhìn vào hình ảnh ba nhà tư bản Mỹ bị còng tay, cảnh sát bắt cởi cà vạt, cởi dây giầy và thắt lưng như những tay trộm cướp, dân Mỹ hài lòng vì biết luật lệ đang

được thi hành. Báo chí Trung Quốc cũng đang khai thác tin cô Lưu Tiêu Thanh bị bắt, tố cáo cô đủ tội trong đó có tội ngồi trong nhà tù mà còn đi học tiếng Anh! Cũng có mục đích làm cho dân hài lòng!

Nhưng ở Trung Quốc, phần lớn các doanh nhân đều có gốc lớn và "quan hệ" với đảng Cộng Sản. Bắt họ đóng thuế khó quá, vì luật lệ chưa rõ ràng, các cơ quan thi hành luật còn bị đường dây chính trị chi phối. Theo tờ báo Pháp Luật ở Bắc Kinh thì 20% những người giầu nhất Trung Quốc làm chủ 80% tài sản trong nước, nhưng họ chỉ đóng góp vào 10% trong số thuế lợi tức cá nhân mà chính phủ thâu được. Ở các nước Tây phương cũng không có nước nào đề cao "chủ nghĩa cá nhân" đến như vậy, làm lợi cho cho nhà giầu đến như vậy!

Nhìn vào tình trạng các cá nhân đóng thuế không thôi cũng phải kết luận rằng dân Mỹ đang "tiến tới Chủ nghĩa Xã hội" xa hơn dân Trung Quốc! Những người ở Việt Nam đang thao thức như Tướng Trần Độ lúc sinh thời, muốn theo định hướng xã hội chủ nghĩa tại sao phải đi bắt chước "mô hình" Đặng Tiểu Bình mà không thử áp dụng mô hình Washington?

Tiễn đưa một thế hệ

Anh Tuệ, người bạn ở Atlanta cho biết mới đọc lại một cuốn tiểu thuyết khoa học giả tưởng của Nguyễn Mạnh Côn và vẫn thấy mê câu chuyện của nhà văn đa tài này. Trong các tác phẩm của Nguyễn Mạnh Côn, dù thuộc thể loại nào cũng chứa đựng những thao thức về triết lý. Ông thuộc thế hệ những thanh niên Việt Nam đầu thập niên 1940, muốn giải phóng quê hương nhưng cũng muốn tham dự vào lịch sử một cách có ý thức. Họ không những tìm đường đòi độc lập dân tộc mà còn đi tìm một chủ nghĩa, tức là tìm con đường nào "đúng nhất" để xây dựng đất nước. Có những người thuộc thế hệ ông đã chọn con đường của chủ nghĩa Mác, nhưng tâm hồn Nguyễn Mạnh Côn có đủ mẫn cảm và tinh tế để tránh xa chủ nghĩa cộng sản ngay từ đầu. Tuy nhiên những tác phẩm trong đời ông đã viết đều vẫn đi tìm đường, nói văn hoa thì gọi là đi xây dựng một ý thức hệ khác với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nguyễn Mạnh Côn đã qua đời từ vài chục năm nay sau khi bị hành hạ về thể xác cũng như tinh thần trong nhà tù cộng sản.Chúng ta có thể đoán rằng trước khi nhắm mắt ông vẫn thao thức đi tìm. Nhưng chắc hẳn ông cũng an lòng ở một điều này, là quyết định của ông đã từ chối chủ nghĩa cộng sản từ thời thanh niên là một quyết định đúng. Lúc cuối đời, ông chỉ cần nhìn vào cách sống của những quản giáo, cách cư xử, nói năng của những cán bộ tuyên huấn cho đến các công an, thấy cả cách họ đối xử với nhau. Và chắc ông phải cảm

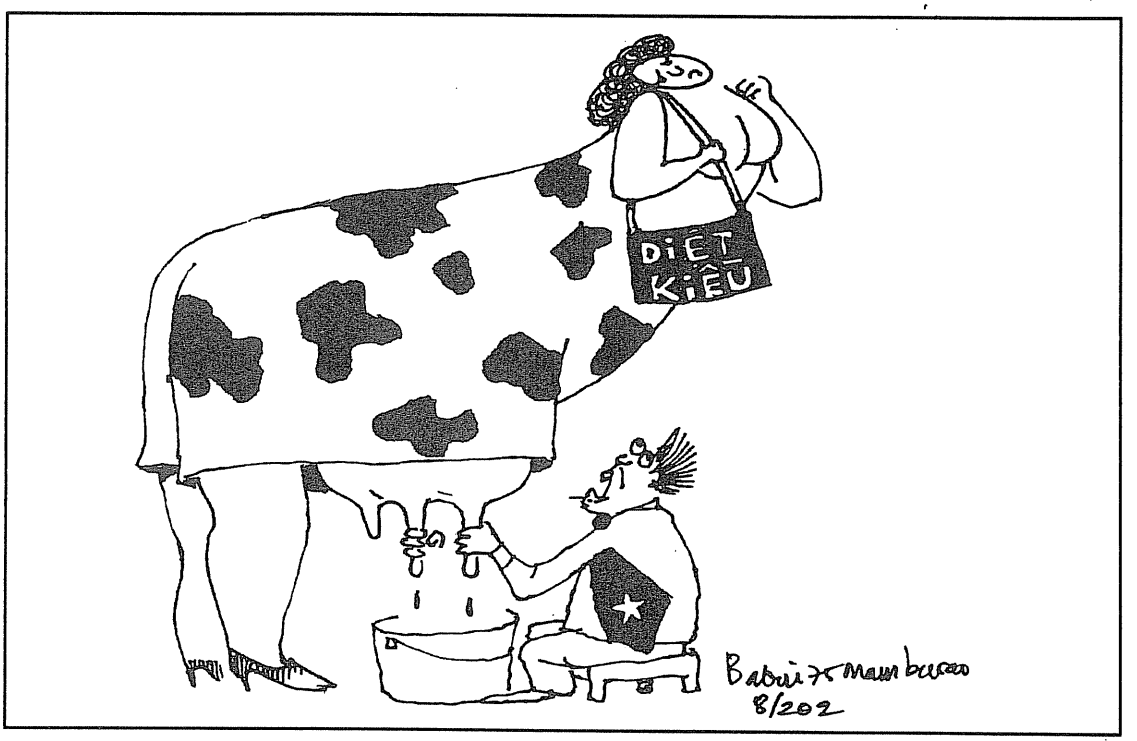

thấy rằng loài người không nên sống với nhau như vậy. Mặc dù lúc qua đời ông Nguyễn Mạnh Côn chưa chứng kiến sự sụp đổ của cả hệ thống kinh tế, xã hội cộng sản, nhưng ông cũng có thể nhận thấy ngay rằng một chủ nghĩa đem biến mọi người thành những thứ người như vậy, huấn luyện họ ăn ở với nhau như vậy, thì chắc chắn là sai lầm. Đem chủ nghĩa đó áp đặt cho cả một dân tộc phải theo, không ai được cãi, quả là một tội lớn. Trước khi nhắm mắt, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn có thể an tâm là mình không tham dự vào cái tội lớn đó.

Tướng Trần Độ không may mắn như nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Ông cũng thuộc thế hệ những người Việt Nam từ thập niên 1940 thao thức đi tìm một ý thức hệ, và ông đã chọn chủ nghĩa cộng sản. Ông tin tưởng nhiệt thành vào chủ nghĩa đó, đem truyền bá cho nhiều người khác theo ông. Những năm cuối đời thì ông biết mình đã sai lầm. Chắc trước khi nhắm mắt ông vẫn muốn nhắn bảo những người còn sống hãy tiếp tục đi tìm.

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn và Tướng Trần Độ thuộc thế hệ những người đi tìm chủ nghĩa. Có người theo chủ nghĩa cộng sản một cách dễ dãi; có những người suốt đời đi tìm một thứ chủ nghĩa khác, không phải mác xít, chống mác xít, hoặc vượt mác xít.

Mà không phải chỉ có thế hệ đó, không phải chỉ có người Việt Nam. Khắp thế giới, cả loài người, từ thế kỷ 18, 19 đến thế kỷ 20 đã có bao nhiêu người thao thức đi tìm như vậy. Tựu chung, họ muốn đem trí khôn ngoan của con người mà tìm hiểu lịch sử, từ đó vẽ ra một bản họa đồ cho đồng loại theo mà sống cho tốt đẹp, cho lương hảo hơn. Có thể do tấm lòng vị tha, nhưng cũng có thể do ngã mạn quá lớn. Những ông Hitler, Mao Trạch Đông, Khomenei đều mang hoài bão to lớn thay đổi nhân loại cả. Họ đã đem nhân loại ra làm thí nghiệm cho các bản họa đồ lớn lao của họ, và làm chết rất nhiều người, làm khổ nhiều người hơn nữa.

Trong khi đó thì loài người vẫn sống, xã hội vẫn thay đổi, lịch sử vẫn diễn ra ngoài mọi dự định, mọi tiên đoán của các lý thuyết gia, các lãnh tụ, các ủy ban kế hoạch, cộng sản cũng như không cộng sản. Những tiến bộ của khoa học từ đầu thế kỷ này đã cho thấy trí khôn ngoan của chúng ta thật ra rất khiêm tốn. Hoài bão muốn thâu tóm cả lịch sử, trước và sau, cả thế giới và cả vũ trụ vào trong một ý thức hệ, một bản họa đồ, đó là một ham muốn lớn quá sức con người. Khi biết như vậy rồi thì ý định xây dựng xã hội theo một bản họa đồ cố định cũng chấm dứt, thời đại của các ý thức hệ chấm dứt. Thế giới bây giờ chỉ đặt ra những vấn đề nho nhỏ, cụ thể để tranh luận với nhau thôi. Những vấn đề triết lý được trao cho những người chuyên nghiệp! Nói như nhà văn Pasternàk, người dân thường chúng ta không thể bàn chuyện triết lý suốt ngày, cũng như không ai ăn chỉ có một thứ gia vị mà sống!

Thế hệ nào cũng có những người muốn giúp đồng loại sống tốt đẹp và xứng đáng hơn. Nhưng ngày nay chúng ta khiêm tốn hơn, không mong thay đổi thế giới theo một bản họa đồ tổng quát do mình nghĩ ra nữa. Thay vì vẽ ra một họa đồ vĩ đại cho cả nhân loại theo thì ngày nay người ta chỉ thảo luận với nhau về những vấn đề nho nhỏ để cải thiện cuộc sống chung. Thí dụ, một câu hỏi mà xã hội nào cũng phải bàn, là chúng ta làm việc, tạo ra của cải rồi, thì phải đóng bao nhiêu thuế?

Có lẽ thế hệ những người như Tướng Trần Độ vẫn còn bị ám ảnh về chuyện ý thức hệ, chứ các thanh niên ngày nay đã vỡ mộng rồi, chẳng còn ai nghĩ đến chuyện đó nữa. Nhưng không đi tìm ý thức hệ không có nghĩa là chúng ta phải từ bỏ nỗi thao thức hướng về chân, thiện, mỹ của mình. Chúng ta vẫn cần bầu nhiệt huyết muốn xây dựng một xã hội Việt Nam tốt đẹp hơn. Chúng ta phải tìm cách cải thiện đời sống hiện tại của dân tộc, dù không đợi có một bản họa đồ vĩ đại nào cả. Chính ông Trần Độ cũng đã bắt đầu làm như vậy. Khi còn sống ông đã quyết liệt đòi hỏi cho người dân Việt Nam được bầu cử tự do, có quyền ngôn luận tự do. Trước kia, khi còn tin ở chủ nghĩa cộng sản ông không coi đó là những quyền quan trọng, gắn cho chúng nhãn hiệu là sản phẩm của ý thức hệ tư sản thoái hóa. Nhưng gần đây ông đã thấy rằng những thứ nhãn hiệu tư bản hay xã hội chủ nghĩa không có ý nghĩa gì cả, mà các quyền tự do thì rất thiết thực. Có lẽ những người thương nhớ ông nên nhớ lại kinh nghiệm của ông mà tiếp tục công việc ông đang làm giở giang. Phải đòi hỏi những quyền tự do cụ thể, cho tất cả mọi người dân Việt Nam đều được hưởng. Đó chính là bước đầu để tiến tới một xã hội thật sự công bằng, dân chủ, văn minh!

ĐỪNG MUA BẢO HIỂM Y TẾ "MA"

THANH THẢO

Trong thời kỳ kinh tế suy thoái, tiền bạc khan hiếm, những người cẩn thận tìm cách tiết kiệm. Ngoài những chi phí cho nhu yếu phẩm, những thứ được xem là cần thiết vừa phải thường được cắt xén. Bảo hiểm y tế nằm trong loại thứ nhì.

Suy nghĩ thông thường của chúng ta là cần mua bảo hiểm y tế phòng khi hữu sự chứ đâu có cần phải mua hãng nổi tiếng. Suy nghĩ này có thể là sai lầm dẫn đến thiệt hại tiền bạc và bất an không nhỏ. Trường hợp của ông bà Dennis và Lisa Huffstuter, cư dân tiểu bang Florida, là một thí dụ điển hình.

Theo tạp chí *BusinessWeek*, tháng 6 năm 2000, ba tháng sau khi thị trường chứng khoán bắt đầu suy sụp, ông bà Huffstutler lập kế hoạch giảm chi để cân bằng ngân sách gia đình. Tìm được một hãng bảo hiểm y tế qua nghiệp đoàn của mình, ông Huffstutler cho rằng gia đình ông may mắn và khôn ngoan.

Bảo hiểm y tế qua công ty Vanguard (không liên hệ gì với công tài chính Vanguard Group trên thị trường phố Wall) bán cho gia đình Huffstutler chương trình bảo hiểm nghe qua khá tốt.

Chương trình bảo hiểm này không có thành kiến với tất cả những chứng bệnh người mua đã có trước khi đổi sang loại bảo hiểm mới (điều này quan trọng vì bà Lisa và con trai bốn tuổi bị bệnh nan y). Mọi thành viên trong gia đình có thể chọn bác sĩ theo ý mình. Và giá bảo hiểm lại rẻ hơn công ty Blue Cross Blue Shield of Florida, nơi gia đình Huffstutler đang mua bảo hiểm. Rẻ hơn bao nhiêu? Chỉ có dưới $250 Mỹ kim một năm thôi. Nhưng tiết kiệm được bao nhiêu hay bấy nhiêu trong thời kỳ kinh tế khó khăn, đúng không?

Một năm sau đó, suy nghĩ của ông bà Huffstutler thay đổi hẳn.

Từ ngày đổi sang hãng bảo hiểm mới, họ đã nhận được hóa đơn đòi tiền của các phòng mạch bác sĩ và nhà thương vì những hóa đơn này không được hãng bảo hiểm Vanguard thanh toán.

Ông bà Huffstuler đã phí bao nhiêu thời giờ gọi điện thoại đến công ty bảo hiểm Vanguard tìm hiểu lý do công ty không trả y phí $15,000 Mỹ kim.

Những câu trả lời họ nhận được nghe không êm tai chút nào.

Nào là "Phòng mạch bác sĩ đã dùng sai ký số cho loại bệnh." Hoặc "Ồ ngân phiếu thanh toán đã được gửi ra rồi, chắc đang kẹt trên đường bưu điện." (Hình như câu này nghe quen quen khi chúng ta cần đòi tiền ai thì phải?)

Bà Lisa lo sợ hơn lúc thường vì vào lúc phải ngồi nhà gọi điện thoại cho hãng Vanguard hàng ngày bà đang mang thai. Bà sợ bác sĩ sản phụ của mình sẽ từ chối chăm sóc vì thiếu tiền. Một số bác sĩ khác đã từ chối điều trị cho con trai bà. Bà hoang mang không hiểu công ty Vanguard có làm gì mờ ám không và tự hỏi những người mua bảo hiểm y tế của công ty này có đều gặp hoàn cảnh khó xử của mình không.

Trước ngày sinh người con thứ nhì vài tuần, bà Lisa Huffstutler đã có câu trả lời. Không phải do kết quả gọi điện thoại của mình mà do một lệnh từ Bộ Bảo Hiểm tiểu bang Florida. Lệnh này buộc công ty Vanguard phải đóng cửa tất cả chi nhánh công ty, bản doanh tại Lake Success, New York vì hoạt động phi pháp, và không có bằng hành nghề.

Người chủ công ty Vanguard, ông Dwayne Samuels đã nhận tội tại tòa liên bang thành phố Brooklyn, NewYork, từ tháng 9 năm 2000. Những tội danh ông Samuels nhận là gian lận bảo hiểm y tế cộng với tội biển thủ $8 triệu Mỹ kim từ một công ty bảo hiểm chi nhánh khác mang tên Fidelity Group Inc. (không có liên quan gì đến công ty tài chính nổi tiếng Fidelity Investment).

Trường hợp gian lận của ông Samuels nghiêm trọng đến độ vào tháng 2 năm 2001, bộ Nhân Dụng Hoa Kỳ đã xin được án lệnh tòa liên bang ngăn cấm ông ta không được làm bất cứ công việc gì liên quan đến bảo hiểm y tế suốt đời.

Theo dự đoán của Bộ Bảo Hiểm tiểu bang Florida, công ty Vanguard đã cướp ít nhất $500,000 Mỹ kim từ 100 người mua bảo hiểm. Bộ này đang tiến hành thủ tục điều tra để truy

tố ông Samuels tội hình sự.

Còn số phận những người đáng lẽ phải được bảo đảm y tế như bà Lisa Huffstutler?

Bà Lisa vẫn còn may mắn. Bác sĩ sản khoa đồng ý tiếp tục chăm sóc bà cho đến lúc bà sinh một bé gái khỏe mạnh ngày 11 tháng 6 năm 2002.

Tuy nhiên, tính đến lúc này tiền nợ y phí của gia đình Huffstutler đã tăng lên thành $20,000. Thêm vào đó, gia đình Huffstutler trở thành không có bảo hiểm y tế.

Trường hợp gia đình Huffstutler không phải cá biệt.

Trong thời kỳ kinh tế suy thoái, biết bao gia đình đã rơi vào cùng bẫy mua bảo hiểm y tế rẻ, không đòi hỏi những điều kiện lý lịch y khoa cá nhân khó khăn mà những gian phi đã tung ra khắp nước Mỹ.

Riêng tại tiểu bang Florida, trong vòng 18 tháng vừa rồi đã có sáu hãng bảo hiểm y tế "ma" không có bằng hành nghề bị buộc đóng cửa và những người chủ bị truy tố.

Tiểu bang Colorado ra lệnh đóng cửa 43 công ty trong 15 tháng.

Tiểu bang California, Texas và Georgia đã nhận được không biết bao nhiêu đơn khiếu nại từ những người mua bảo hiểm y tế mà không được trả y phí khi cần đến. Theo nhân viên chính quyền các tiểu bang, đa số những công ty bị khiếu nại là những nơi bị tình nghi hoạt động bất hợp pháp.

Bộ Nhân Dụng Hoa Kỳ hiện đang điều tra 84 vụ kiện dân sự và 14 vụ hình sự liên quan đến gian lận bảo hiểm y tế tính đến ngày 30 tháng 6 năm nay. Những người cầm đầu những tổ chức gian lận bảo hiểm y tế "là những người đê tiện nhất" theo lời bà Bộ Trưởng Bộ Nhân Dụng Hoa Kỳ Elaine L. Chao.

Tạp chí *BusinessWeek* số cuối tháng 8, 2002 đã công bố kết quả cuộc nghiên cứu riêng về những công ty bảo hiểm y tế gian lận bị buộc phải đóng cửa vĩnh viễn. Kết quả cho thấy ba công ty bảo hiểm y tế "ma" lớn nhất, Employers Mutual LLC (không có liên quan gì đến công ty bảo hiểm hợp pháp Employers Mutual Casualty Co. of Des Moines), công ty American Benefit Plans và TRG COS. đã thu hơn $50 triệu Mỹ kim từ 65,000 nạn nhân. Không người nào trong ba công ty trên nhận trả lời phóng viên về số tiền thu nhận cũng như lý do họ không thanh toán hóa đơn y tế.

Employers Mutual LLC, thành lập tại Nevada do một cư dân California điều hành đã bị đóng cửa tháng 2, 2002 với số tiền đã thu vào là $15 triệu Mỹ kim và hóa đơn không thanh toán lên đến $22 triệu Mỹ kim.

American Benefit Plans tại Texas đóng cửa tháng 5, 2002 với tổng số hóa đơn không thanh toán là $13 triệu Mỹ kim.

Trong khi đó, TRG COS. thành lập tại thành phố Carson, tiểu bang Nevada đã bán được bảo hiểm "ma" cho 12,288 nạn nhân tại 44 tiểu bang. Sáu chi nhánh đã nhận lệnh phải đóng cửa vĩnh viễn. Nhân viên điều tra tại tiểu bang Indiana cho biết ít nhất công ty phi pháp này đã thu được $17 triệu Mỹ kim và để lại $12 triệu Mỹ kim trị giá của những hóa đơn không được thanh toán.

Dĩ nhiên chủ nhân các công ty "ma" trên bị cấm hoạt động trong ngành này suốt đời và có thể phải ngồi tù. Nhưng điều chúng ta không khỏi thắc mắc là tại sao những công ty làm ăn phi pháp có thể đánh lừa nhiều người như vậy?

Để lừa gạt được người tiêu thụ, những công ty bảo hiểm y tế phi pháp dùng cùng thủ đoạn. Họ bỏ tiền in những mẫu quảng cáo màu thật đẹp và quảng cáo rộng rãi trên những phương tiện truyền thông địa phương. Nhắm vào những mục tiêu có đông thành viên, những hãng phi pháp này chào mời những hội đoàn, nghiệp đoàn với giá bảo hiểm rẻ và hạ giá khi có nhiều người cùng mua chung một hãng.

Đặt tên công ty dựa nhái theo tên những công ty uy tín lớn của Mỹ, những công ty bảo hiểm bất hợp pháp bán được bảo hiểm "ma" cho rất nhiều người nhẹ dạ muốn tiết kiệm chút ít và không muốn tốn thời giờ điền nhiều mẫu đơn phức tạp của các hãng bảo hiểm y tế hợp pháp.

Chất xúc tác giúp những công ty phi pháp thu nhận được nhiều nạn nhân trong thời gian gần đây là tỉ lệ tăng giá leo thang của ngành bảo hiểm y tế. Kể từ năm 1998 đến nay, tính chung chi phí bảo hiểm y tế đã tăng 25%. Những công ty nhỏ hoặc cơ sở tiểu thương muốn tiết kiệm, những người sắp thất nghiệp muốn giảm chi, những người có bệnh nan y không muốn phải điền nhiều đơn phức tạp và trả tiền mua bảo hiểm cao đều là những nạn nhân sẵn sàng đổi bảo hiểm hợp pháp đắt giá của mình để lấy những chương trình bảo hiểm "ma."

Thêm vào đó là những hình phạt phải kể là quá nhẹ dành cho những kẻ phạm pháp. Vì thiếu nhân viên thi hành lệnh tòa, nhiều khi chính quyền tiểu bang không bắt kịp kẻ gian đã

nhanh chân đóng cửa, ôm tiền sang... tiểu bang khác tiếp tục hoạt động trái phép.

Còn trường hợp liên bang thì khỏi nói. Có những vụ điều tra kéo dài hàng chục năm chưa mang lại kết quả nào. Khi đã có kết quả biết bao nhiêu nạn nhân mới đã rơi vào bẫy.

Nhưng cũng nhờ vào số trường hợp gian lận bảo hiểm y tế lớn đáng kể trong lịch sử như hiện nay, một số luật mới sẽ ra đời. Trong số này là luật Florida giam giữ kẻ bị kết tội gian lận tối đa năm năm tù. Texas và Georgia đang tìm cách đưa những dự luật về tăng hình phạt dành cho những kẻ phạm pháp. Tổng Thống George W. Bush cũng đã bảo trợ dự luật dành cho liên bang quyền hạn đặt ra những qui định về bảo hiểm y tế. Dự luật này chắc còn lâu lắm mới thành luật vì chưa gì đã bị các công ty trong kỹ nghệ bảo hiểm y tế (hợp pháp) tranh đấu chống lại.

Là người tiêu thụ, chúng ta có thể tránh trở thành nạn nhân của những công ty bảo hiểm y tế "ma" bằng cách đừng mua hoặc đổi bảo hiểm trước khi tìm hiểu cặn kẽ quá trình thanh toán hóa đơn của những hãng này.

Nếu có bạn bè, thân nhân làm việc trong ngành y khoa, chúng ta có thể hỏi xem hãng nào thanh toán hóa đơn nhanh chóng và ít phiền toái.

Dù muốn dù không, có lẽ bảo hiểm y tế là một trong những lãnh vực rất nhỏ chúng ta cần để ý và trả tiền cho những công ty uy tín lâu đời để tránh cảnh "tiền mất tật mang."

DINH DƯỠNG ĐỂ TRÁNH BÉO PHÌ

THANH THẢO

Trong chuyến nghỉ Hè năm nay, Thanh Thảo chọn một căn chung cư ngay bãi biển trên đảo Maui. Với thời khóa biểu thông thường rất bận rộn, Thanh Thảo cho rằng mình dành cho các con một tuần lễ chơi thỏa thích thì cũng có dư thời giờ nấu nướng thức ăn lành mạnh và đúng ý các con. Vậy là ngoài thời giờ chia sẻ công việc làm bếp, cả nhà có những bữa ăn ít chất béo, chất đường thường chứa đầy trong các món ăn của những dãy tiệm bán thức ăn làm sẵn.

Trong khi nhiều phụ nữ chú tâm đến việc dinh dưỡng của con cái trong từng gia đình, nhiều người thuộc các ngành khác nhau như bác sĩ, luật sư, và nhà truyền giáo toàn nước Mỹ đang có phong trào lành mạnh hóa vấn đề dinh dưỡng của trẻ em. Phong trào bắt nguồn từ những môi trường khác nhau như trong thánh đường hay phòng ăn trưa của các học khu.

Những người tranh đấu cho mục tiêu lành mạnh hóa dinh dưỡng nêu nguyên nhân thói quen ăn thức ăn làm sẵn đầy chất béo và chất đường gồm bánh mì hamburger kẹp thịt, khoai chiên, nước ngọt soda đã biến người Mỹ thành những người béo phì ngay từ thuở nhỏ. Chuyên gia Y khoa tâm lý cho rằng trẻ em mập quá khổ là những nạn nhân thụ động, tiếp tục ăn uống thêm chất béo cho đến khi bị những chứng bệnh xưa nay chỉ xảy ra nơi người già như bệnh tim mạch, bệnh tiểu đường...

Dinh dưỡng lành mạnh là điều bác sĩ Y khoa và cũng là nhà truyền giáo Don Cobert đã trình bày trong quyển sách đang bán chạy nhất nước "What Would Jesus Eat?" "Do It For God!" Ông nhấn mạnh Chúa Kitô chỉ dùng những thứ thực phẩm sau đây: Cá, ngũ cốc (lúa mạch) và rau quả!

Tạp chí TIME ghi nhận ông Cobert nảy ý định viết quyển sách này sau nhiều ngày quan sát giáo dân vào nhà thờ Tin Lành nơi ông giảng đạo là những người mập quá khổ, từ người lớn đến trẻ em. Ngoài việc thuyết giảng trong thánh đường, ông Cobert còn khuyên bệnh nhân của mình những cách ăn uống lành mạnh hơn như giảm chất béo và chất đường.

Mặt nổi của phong trào lành mạnh hóa dinh dưỡng cho trẻ em là những luật sư và các bà mẹ. Giới luật gia tranh đấu đòi luật pháp giới hạn việc bán thức ăn trưa nhiều chất béo cho học sinh tại các trường tiểu học.

Mùa Thu năm nay, khoảng 100 luật sư và giáo sư đại học Richard Daynard sẽ họp kín tại đại học luật khoa Northeastern, tiểu bang New York nhằm tìm biện pháp kiện kỹ nghệ thực phẩm làm sẵn (fast-food industry).

Nhóm chuyên gia luật này dự định kiện chung kỹ nghệ thực phẩm giống như vụ kiện chung kỹ nghệ thuốc lá cách đây năm năm. Tên tạm của vụ kiện lịch sử này là "Big Food," tương đương với tên gọi "Big Tobacco."

Chúng ta đã biết kỹ nghệ thuốc lá phải điều đình bồi thường hàng chục tỉ Mỹ kim như thế nào. Những vụ kiện chung kỹ nghệ thực phẩm làm sẵn hứa hẹn nhiều pha tranh cãi gây cấn.

Không dự định kiện ai, các bà mẹ tranh đấu đòi lành mạnh hóa dinh dưỡng cho con em tại các học khu. Bằng cách xin chữ ký của những bà mẹ trong khu

vực, một số bà mẹ đã thành công trong việc thêm vào hoặc thay đổi thực đơn trong trường dùng toàn thực phẩm rau quả hữu cơ (organic).

Tại các tiểu bang Wisconsin và Florida, các trường học đã thay thế nước ngọt bằng sữa có pha thêm vị khác nhau. Tại trường Dobbs Ferry, tiểu bang New York, bà Saralyn Myers và nhóm các bà mẹ trong khu vực đã thêm được món hạt Hướng Dương và đậu hòa lan vào món rau trong trường. Họ cũng thêm được bánh mì làm bằng bột lúa mạch và những món ăn lành mạnh vào trong thực đơn ăn trưa của trường con mình.

Điển hình là những học khu tại Oakland và Berkeley, tiểu bang California đã dùng bánh mì lúa mạch xay nhỏ và không tẩy thay cho bánh mì trắng. Họ cũng thêm món burger làm bằng rau quả thêm vào món burger làm bằng thịt bò xay.

Dĩ nhiên kỹ nghệ thực phẩm bán sẵn (junk food) không chịu ngồi yên. Biết nhược điểm của các học khu là luôn thiếu tiền tài trợ các chương trình phụ, kỹ nghệ bán thực phẩm loại này đã nhận tài trợ một số chương trình mua đồng phục hoặc dụng cụ, nhạc cụ cho các học khu nhằm đặt những máy bán nước ngọt và thực phẩm đầy đường và chất béo trong các trường học. Tạp chí TIME cho biết 43% trường tiểu học và hầu như 100% trường trung học toàn quốc có đặt những máy bán thực phẩm loại này.

Mặt chìm của phong trào tranh đấu đòi lành mạnh hóa dinh dưỡng cho trẻ em gồm các bác sĩ Y khoa và tâm thần. Những bác sĩ này không ngừng nghiên cứu tìm ảnh hưởng xấu của các hóa chất chứa trong những món thức ăn làm sẵn trên cơ thể trẻ em.

Kết quả nghiên cứu của bác sĩ chuyên khoa về kích thích tố David Lugwig cho thấy thói quen ăn cereal (chứa rất nhiều đường) mỗi sáng và ăn hamburger kẹp thịt bò buổi trưa cùng với thói quen uống nước ngọt hàng ngày dẫn đến hậu quả béo phì. Khi kết quả nghiên cứu này được công bố cách đây ba năm, kỹ nghệ thực phẩm lập tức phản bác.

Bằng cách tung tiền tài trợ những cuộc nghiên cứu riêng, kỹ nghệ nước ngọt đã thuyết phục được sự ủng hộ của Hội Dinh Dưỡng Hoa Kỳ. Hội này là nơi cấp bằng hành nghề cho trên 70,000 bác sĩ chuyên khoa dinh dưỡng toàn quốc. Hội đã ủng hộ bằng câu sau đây "Nước ngọt (không chứa bất cứ một sinh tố, khoáng chất hay chất xơ nào) là một phần của chương trình dinh dưỡng cân bằng hằng ngày."

Bác sĩ Lugwig cho biết ông đang tiếp tục nghiên cứu và sẽ trình bày kết quả thêm về hậu quả của nước ngọt trong thời gian tới.

Ngoài bác sĩ Lugwig, bác sĩ Peter Havel thuộc đại học California tại Davis và bác sĩ Michael Schwartz thuộc đại học Washington, Seattle, đang tiến hành cuộc nghiên cứu về khả năng biến đổi phản ứng của não bộ chúng ta khi dùng những thực phẩm chứa quá nhiều chất đường và chất béo trong thời gian dài. Hai vị bác sĩ trên đã chứng minh được não bộ người béo phì chậm nhận biết khi nào cơ thể đã nhận đủ thức ăn để người béo phì ngừng ăn. Người béo phì như vậy trở thành nạn nhân đến hai lần.

Kỹ nghệ thực phẩm còn tiếp tục công bố trách nhiệm giữ gìn thân thể tráng kiện là của từng cá nhân. Người Mỹ không thể đổ tội cho kỹ nghệ thực phẩm vì mỗi người đều có thể tập thể dục để đừng bị béo phì.

Đối lại lời công bố trên, bác sĩ tâm lý Kelly Brownell tại đại học Yale cho rằng chỉ có người trưởng thành mới ý thức được nguy hại của việc dinh dưỡng kém lành mạnh. Trẻ em làm sao biết được sự khác biệt về giá trị dinh dưỡng của một lon nước ngọt có mùi trái cây và một chai nước gồm 100% nước trái cây. Một khi ăn uống quen thói và bị mập phì từ thời còn học tiểu học cho đến lớn, các em đã bị cướp mất cơ hội dinh dưỡng lành mạnh. Bác sĩ Brownell so sánh nguy hại của thói quen ăn uống kém lành mạnh như nguy hại của người không hút thuốc mà phải ngửi khói thuốc lá lâu ngày.

Không bênh vực kỹ nghệ thực phẩm, nhưng người viết cho rằng từng cá nhân và gia đình chịu một phần trách nhiệm trong việc dinh dưỡng của con em thành viên trong gia đình mình.

Nếu chúng ta ai cũng ý thức được thực phẩm nào cũng có chỗ riêng, bằng thực đơn cân bằng, dùng những món cá, thịt, rau quả, ngũ cốc, một ít dầu, một ít đường, muối... chúng ta có thể tập thói quen nhận thức món nào ngon và bổ dưỡng cho con cái từ nhỏ. Không có thời giờ nấu nướng đều đặn, chúng ta có thể tập cho con cái thói quen đọc nhãn hiệu liệt kê những thứ dùng trong các món ăn mua từ chợ. Một hoặc hai ngày trong tuần lễ cho con em được ăn loại thực phẩm làm sẵn. Tuy nhiên, chúng ta cần cho con em biết số nhiệt lượng (calories)

trong thực phẩm làm sẵn cao hơn loại lành mạnh như thế nào.

Thực đơn thay đổi cân bằng cho các em cơ hội tự so sánh thức ăn lành mạnh ngon hơn loại làm sẵn ra sao. Khi chính các em tự chọn lấy và biết cách chọn mua thực phẩm cho đúng, các em sẽ biết đòi hỏi loại thức ăn lành mạnh nấu tại nhà.

Chỉ sợ lúc đó các bà mẹ lại than phiền không đủ thời giờ làm cơm cho con cái. Đời sống đúng là lúc nào cũng có đủ mọi vấn đề phức tạp!

CỤ GREENSPAN BẢO "THỊ TRƯỜNG NHÀ CỬA CÒN RẤT VỮNG"

THANH THẢO

Kể từ khi thị trường chứng khoán phố Wall ở New York bắt đầu suy sụp hồi tháng Ba năm 2000 đến nay, giới đầu tư Mỹ nói chung đã mất hơn 1,000 tỉ Mỹ kim. Mất cả vốn lẫn lời, nhiều nhà đầu tư đã xoay qua đi mua nhà đất. Nhờ lãi suất tài trợ mua nhà thấp kỷ lục trong mấy năm liền, giá nhà cửa 7 năm nay so với mức lạm phát đã tăng nhiều hơn gần 30%, nghĩa là giá sinh hoạt tăng ít nhưng giá nhà vẫn tăng nhiều.

"Cái gì tăng mãi ắt phải có lúc giảm." Đó là một định luật rất tự nhiên. Vậy thị trường nhà cửa thì ra sao? Đến cuối Hè năm 2002 này, nhiều phân tích gia kinh tế bắt đầu so sánh thị trường nhà cửa với tình trạng thị trường chứng khoán hồi cực thịnh mùa Xuân năm 2000. Nghĩa là người ta lo ngại!

Một người bi quan điển hình là ông Dean Baker, đồng giám đốc trung tâm nghiên cứu Center for Economic & Policy Research, bản doanh ở Washington. Với những phân tích gia cùng suy nghĩ như ông Baker, thị trường nhà cửa hiện nay là một thứ bong bóng (buble) đã đầy hơi, thế nào cũng phải vỡ tung ra trong thời gian sắp tới. Liệu điều này có thể xảy ra không ?

Có lẽ không đáng lo đến như vậy! Chủ Tịch Quỹ dự trữ liên bang, Fed, tức Ngân hàng Trung ương nước Mỹ, cụ Alan Greenspan khẳng định là không đáng lo, bằng lập luận thị trường nhà cửa không phải là một ván bài theo lối "được ăn cả, ngã về không."

Dù ông Alan Greenspan được mệnh danh là người "quan trọng hạng nhì" trên thế giới, với mọi lời tuyên bố được chú ý chỉ thua vị Tổng Thống Hoa Kỳ, nhưng chúng ta cũng khó tránh thắc mắc tại sao "cụ" lại tin chắc như thế?

Câu trả lời nằm trong vài lý do, có đủ yếu tố thuyết phục một người tương đối cẩn trọng như Alan Greenspan. Tạp chí *BusinessWeek* số đầu tháng 9 năm 2002 ghi nhận những lý do này.

Ông Greenspan (và những kinh tế gia cùng quan điểm với ông) trước hết nêu lên khác biệt đầu tiên giữa thị trường nhà cửa và thị trường chứng khoán. Nhà cửa là bất động sản, hay real property. Đã là bất động sản, mỗi khi mua bán ắt phải cần thời gian. Thêm vào đó, mỗi khi mua hoặc bán nhà, người chủ nhà hoặc vị chủ tương lai thường phải trả phí tổn khá nhiều cho các chuyên gia về địa ốc. Điều này khiến người mua bán nhà phải suy nghĩ chín chắn chứ không thể hành động theo hứng trong chốc lát như nhiều người mua bán chứng khoán.

Ngược lại, người làm chủ cổ phiếu có thể bán phần đầu tư của mình trong tích tắc, bằng cách nhấn nút điều khiển máy điện toán. Người mua cổ phiếu cũng vậy. Chỉ cần nhấn nút điều khiển là trong vài phút đồng hồ họ trở thành chủ một số cổ phiếu các công ty họ chọn. "Tiền trao, cháo múc" kiểu thời đại siêu xa lộ điện tử mà!

Vì mua bán nhanh như vậy, một khi số người bán trên thị trường chứng khoán cao nhiều lần hơn số mua, tình trạng khủng hoảng, bán tháo, gây suy sụp thị trường có thể xảy ra.

Theo tạp chí *BusinessWeek*, trong một năm sở hữu chủ cổ phiếu chứng khoán thay đổi đến trên 100%. Chủ bất động sản chắc chắn không bao giờ thay đổi với tỉ lệ cao như vậy.

Về tình trạng giá nhà tăng vọt trong bảy năm qua, chủ tịch Greenspan còn coi đó là điều hợp lý vì mức cung ứng không đủ nhu cầu. Cụ Alan Greenspan biết điều đó vì cụ làm cho cán cân nghiêng thêm về phía nhu cầu bằng mức lãi suất thấp, khiến tiền lãi khi cho vay mua nhà hạ thấp kỷ lục trong hơn 30 năm qua. Vì vậy nhiều người lợi tức thấp dễ dàng hội đủ điều kiện mua nhà hơn.

Điều này đặc biệt đúng trong cộng đồng di dân Hoa Kỳ. Theo số liệu của cơ quan kiểm tra dân số Mỹ, trong thập niên (19)90s nước Mỹ có 9.3 triệu di dân mới. Cơ quan này kết luận sau 10 năm định cư tại Mỹ, 46% gia đình di dân này bây giờ đã đủ khả năng trở thành chủ nhà.

Ông Greenspan tin rằng người di dân chiếm 1/3 mức gia tăng của số gia đình ở Mỹ nói chung.

Thêm nữa, theo kết quả thăm

dò của hội chuyên gia thầu xây cất Hoa Kỳ, tình trạng thiếu đất xây nhà đã làm trì trệ sự phát triển của thị trường địa ốc sáu tháng đầu năm nay. Kết quả thăm dò được công bố giữa tháng 8 năm 2002 này tiên đoán giá đất để xây khu vực gia cư sẽ còn tăng cao hơn nữa trong suốt năm nay.

Lập luận thị trường nhà đất còn bền vững của cụ Greenspan nhấn mạnh một yếu tố khác. Yếu tố đó là mức cung cầu tùy thuộc và bị giới hạn vào từng khu vực, từng địa phương.

Không giống thị trường chứng khoán là một thị trường toàn quốc, thị trường nhà đất toàn nước Mỹ sẽ không thể gặp tình trạng tất cả đồng loạt mất giá.

Bằng chứng điển hình là trong lúc giá nhà đất tại Topeka, tiểu bang Kansas, xuống 7.9% trong tam cá nguyệt thứ nhì năm nay, nhà đất tại Phoenix, tiểu bang Arizona lại tăng cùng tỉ lệ.

Những kinh tế gia bi quan dĩ nhiên không đồng ý với cụ Greenspan.

Trở lại với kinh tế gia Dean Baker, người nêu quan ngại thị trường địa ốc Mỹ hiện nay đang có nhiều yếu tố giống như thị trường địa ốc tại Nhật lúc cực thịnh hồi cuối thập niên (19)80s. Thời đó, thị trường chứng khoán của Nhật cũng đang tăng đến mức tối đa.

Khi cả hai thị trường này cùng suy sụp một lúc giống như hai quả bóng bị xì hơi đầu thập niên (19)90s, tình hình kinh tế cả nước Nhật đã trì trệ hơn 10 năm nay.

Ông Dean Baker là người đã từng công khai cảnh giác giới đầu tư Mỹ về sự suy sụp của thị trường chứng khoán Mỹ từ năm 1997. Ông Baker nhắc lại lời tuyên bố lịch sử của cụ Greenspan về quan ngại của cụ khi bàn đến sự tăng vọt không có lý do chính đáng của thị trường chứng khoán phố Wall hồi năm 1996.

Nhưng những kinh tế gia theo phía cụ Greenspan trấn an người tiêu thụ bằng phân tích về sự khác biệt của thị trường địa ốc Nhật hồi thập niên (19)80s và thị trường địa ốc Mỹ hiện nay. Theo phân tích đó, thị trường địa ốc Nhật Bản bị suy sụp thuộc lãnh vực các khu thương mại và văn phòng chứ không phải thuộc phạm vi gia cư. Thêm nữa, việc thị trường địa ốc Mỹ tăng nhanh hơn mức lạm phát là điều vốn đã xảy ra trong lịch sử chứ không có gì lạ.

Lập luận của phía nào đúng là điều chỉ có thời gian mới trả lời được.

Nhưng cụ Alan Greenspan là người nắm quyền thay đổi lãi suất của quỹ dự trữ liên bang, có trách nhiệm bảo vệ giá trị đồng tiền của tất cả mọi người Mỹ, nên chắc cụ cũng có nhiều tin tức xác thực, có thể tin ông cu này được! Chưa kể, cụ cũng phải lo bảo vệ kinh tế cho nó ổn định, cũng dễ dàng hạ thêm lãi suất khi cần thiết để bảo đảm lập luận của cụ là đúng. Vừa giữ thể diện của cụ vừa giúp bánh xe kinh tế Mỹ tiếp tục xoay đều. Một công hai ba việc!

Còn đối với người tiêu thụ chúng ta, nhất là người Việt Nam, mua nhà đất không những chỉ là việc đầu tư mà còn là việc tạo dựng một mái ấm gia đình nữa.

Mua cổ phần thì không ở trong đó được, nhưng mua nhà thì khác!

Thử hỏi được sinh sống ấm êm trong khoản đầu tư của mình còn gì tốt hơn!

TIỀN ÂM PHỦ

TRẦN QUÁN NIỆM

Ngày Thanh Minh, chị em Kiều theo đoàn người đi tảo mộ "Ngổn ngang gò đống kéo lên. *Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay.*" Tài tử giai nhân kéo nhau đi lũ lượt, dập dìu. Những thoi vàng, những xấp tiền được đốt để gửi cho thân nhân tiêu dùng dưới Âm Phủ, hối lộ cho Phán Quan và quỉ đầu trâu mặt ngựa để chúng giảm bớt hình phạt cho đỡ khổ (cõi âm nào có khác gì cõi dương).

Đây là một dấu vết ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa của xã hội Việt Nam, từ thời trước cho đến thời nay. Sau thời kỳ chỉ thoi vàng tiền giấy, theo đời sống biến chuyển, người ta còn đốt cả nhà lầu, xe hơi, quần áo, giầy dép, vòng vàng, nhẫn, xuyến, thậm chí có cả cỗ bài tổ tôm, bộ mà chược cho các ông bà ma nhà giầu giải trí, ấy là chưa kể con hầu, vợ lẽ cho các ông ma hảo ngọt sưởi ấm tình xuân. Kỹ nghệ đồ mã phồn thịnh đến độ Hà Nội có nguyên một con đường chuyên làm đồ mã gọi là phố hàng Mã. Ngày đó chết là xuống Âm Phủ, chứ chẳng ai mơ tưởng được lên Niết Bàn. Bây giờ thì cõi âm vắng tanh, vì cứ theo những lời phân ưu đăng trên báo chí, thì ai cũng về cõi Cực Lạc, nước Thiên Đàng cả.

Từ khi cộng sản cầm quyền, đốt vàng mã bị coi là hủ tục, mê tín dị đoan, bị đả kích và cấm đoán mãnh liệt. Thế nhưng niềm tin của dân gian là một cái gì rất lạ, khi cuộc sống bớt bị o ép để tương đối trở lại trạng thái tự nhiên của nó thì việc đốt vàng mã lại sống dậy, ngày nay nghề

làm vàng mã trong nước coi mòi phát đạt và "tiến bộ" còn hơn thời miền Nam cũ. Thử nhìn Sài Gòn vào mùa Vu Lan báo hiếu năm nay...

Chuẩn bị cho ngày rằm tháng Bảy, khu sản xuất vàng mã của người Hoa ở đường Triệu Quang Phục, Lương Nhữ Học, Nguyễn Trãi... thuộc quận 5 rất rộn rịp. Người mua kẻ bán ra vào tấp nập với đủ các loại hàng hóa dành cho người cõi âm. Người ta có loại hàng để đi phúng điếu, để làm tuần 49 ngày, các dịp lễ Thanh Minh, Vu Lan... Trọn một bộ "đồ dùng" cho một người văn minh, từ quần áo, giày dép, xe hơi, tủ lạnh, Ti vi và cả... điện thoại di động, giá khoảng từ hai đến ba triệu đồng. Vật liệu để sản xuất loại hàng này rất đơn giản, chỉ gồm tre, gỗ, giấy màu và một số vật liệu thô sơ khác, nhưng giá cả thì tính rất cao. Người đang sống chẳng lẽ lại đi cò kè bớt một thêm hai với người đã khuất? Để thể hiện lòng thành báo hiếu chẳng ai mặc cả làm gì, mặc dù biết tất cả là giả... vờ, từ món quà cho đến thể thức gửi đến người nhận. Một chiếc tủ lạnh hiệu Sharp giá 200,000 đồng, ti-vi Sony màn hình phẳng giá 150,000 đồng, thậm chí nhỏ như chiếc cell phone "Nokia 8910" cũng phải 20,000 đồng. Nói gì đến chiếc xe hơi hiệu BMW: 300,000 đồng!

Một chủ tiệm ở đường Nguyễn Trãi cho biết cứ đến tháng Bảy âm lịch là tiệm làm không hết việc, thường chỉ thuê hai người làm, đến tháng này phải thuê thêm năm người nữa mới kịp giao hàng cho khách. Hàng đặt rất đa dạng, người ít tiền thì đặt vài bộ đồ, một ít vàng, đô la..., người nhiều tiền thì đặt xe hơi, biệt thự, và cả... du thuyền nữa.

Mặc dù đa số chùa Phật giáo ở Sài Gòn từ chối thiện nam tín nữ đốt vàng mã tại chùa vì đạo Phật không chủ trương điều mê tín này, nhưng số người mua sắm loại hàng này vẫn đông đảo, nhất là các chùa Tàu thì đốt rất nhiều, làm ô nhiễm cả bầu không khí các khu phố chung quanh.

Nước Hoa Kỳ văn minh, lại không cùng tín ngưỡng với Đông Phương nên tưởng chừng không có tục này. Nhưng tưởng vậy mà không phải vậy. Mỹ không đốt vàng mã, nhưng xài tiền giấy như điên. Khi một công ty được thành lập, người ta phát hành ra công chúng cổ phiếu, trái phiếu để gây vốn. Người dân mua các cổ phiếu, hy vọng công ty phát đạt thành công, vừa nhận được tiền lời từ công ty, đồng thời giá cổ phiếu tăng dần, công chúng bán đi mua lại để kiếm lời thêm. Căn cứ trên báo cáo tài chánh của công ty, và được sự phê chuẩn của các hãng kế toán, tài chánh, công chúng thấy công ty tiến triển, nên sự tin tưởng vào tương lai công ty tăng dần, giá trị cổ phiếu leo thang vùn vụt, trị giá tài sản của công ty cũng lên theo.

Như thế, tất cả tùy thuộc lòng tin tưởng của công chúng. Mỗi một yếu kém nhỏ nhoi nhất về mức lời của công ty cũng làm giá cổ phiếu đi xuống lập tức. Áp lực đặt trên vai của ban Giám Đốc công ty rất nặng nề. Phải điều hành làm sao để công ty có lời, gây lòng tin trong công chúng. *Phóng lao phải theo lao, nếu không tạo được mức lợi nhuận thật sự như dự tính, thì kiếm mọi cách lấp liếm trên sổ sách chi thu, tạo hình ảnh là công ty đang thu hoạch vượt bực.*

Nhưng kế toán có những qui luật chặt chẽ, sổ sách công ty được hậu kiểm bởi các công ty kế toán, dễ gì những lươn lẹo qua khỏi con mắt soi mói của các chuyên viên. Do đó muốn đánh lừa công chúng, ban giám đốc công ty và những chuyên viên kế toán phải hỗ tương hợp tác. Khi nội vụ đổ bể, trị giá cổ phiếu tức khắc sụp đổ như một căn nhà làm bằng giấy. Giá một cổ phiếu đang tử $80 xuống còn vài xu. Tất cả tài sản từ trước đến nay tồn tại trên mặt giấy bỗng chốc tiêu tan thành mây khói.

Đó là trường hợp của các đại công ty lớn nhất nhì thế giới như Enron, Worldcom, Anderson v.v. xẩy ra trong năm 2002. Công ty khánh tận, kéo theo sự mất mát lớn lao về tiền bạc của những cá nhân đầu tư, của những người dành dụm chút tiền còm cõi để về hưu trong các quĩ hỗ tương (mutual fund), quĩ để dành 401(k) v.v. Những cổ phiếu giá trị ngày nào, giờ đây chỉ còn là mớ giấy lộn. Của thiên trả địa.

Hàng tỷ tỷ bạc biến mất, ảnh hưởng trầm trọng trên mọi địa hạt của đời sống nước Mỹ, xóa sạch thặng dư ngân quĩ quốc gia mà Tổng Thống Clinton trước đây rất hãnh diện. Trong thập niên 90, việc đầu tư trên thị trường chứng khoán thật dễ dàng với những mức lời không ngờ, khiến ai ai cũng náo nức tham gia.

Nhưng những suy sụp của các đại công ty gần đây đã đem đến thảm họa cho tất cả, trong đó có không ít người Việt tỵ nạn, đặc biệt là những người chóa mắt về sự thành công của kẻ đi trước, hăm hở nhẩy vào địa hạt đầu tư qua thị trường chứng khoán. Đúng là "người ăn ốc, kẻ đổ vỏ"./.

TÌM HIỂU SƠ LƯỢC ĐẢNG CỘNG SẢN HOA KỲ

NGUYENPHUC BỬU TẬP

Sau biến cố bạo động tháng Chín ngày 11 năm 2001 (người Hoa Kỳ quen gọi 9-11), tại thủ đô Athens nước Hy Lạp vừa có cuộc đại hội của các Đảng Cộng Sản Quốc Tế, thảo luận về đường lối hoạt động mới của Phong Trào Cộng Sản và các đảng phái Cộng sản dấu tên dưới danh hiệu Lao Động. Đại biểu đến từ các quốc gia Đông Âu, nơi Cộng sản đã tan rã; từ Tây Âu, nơi các đảng Cộng sản đang khập khiễng tìm lối sống mới; tại Phi Châu, Á Châu và Trung Đông, nơi vài đảng Cộng sản còn độc trị trên một số quốc gia nghèo khổ. Đại biểu Mỹ Châu đến từ Canada, Colombia, Mexico và Hoa Kỳ.

Đại biểu của đảng Cộng sản Hoa Kỳ là bà Marilyn Bechtel đã tổ chức cuộc họp các đoàn viên tại Bắc Hoa Kỳ, thành phố Okland để báo cáo về Hội nghị. Thay vì một cuộc họp báo lớn, hay một cuộc họp mặt dưới hình thức đại hội, để báo cáo một biến cố trọng đại trên bình diện quốc tế, cuộc hội họp của đảng Cộng sản Hoa Kỳ miền Bắc Mỹ chỉ vỏn vẹn có 40 người tham dự trong một thư viện ở ngoại ô thành phố Berkely. Cử tọa là một số đoàn viên già nua, họp mặt để tiếc thương những ngày sáng chói của Đảng sau thế chiến thứ hai, và bây giờ ở thế tàn lụi.

Bà Bechtel báo cáo đề tài thảo luận của Đại Hội Quốc Tế Cộng Sản tại Athens đã tập trung vào hai điểm then chốt là việc tái võ trang của Hoa Kỳ (đã có phần thuyên giảm sau sự sụp đổ của phong trào Sô Viết, nay lại bùng phát vì chiến tranh khủng bố), và việc giúp đỡ nước Palestine ở Trung Đông hiện tại (họ chủ trương phải phân biệt rõ điều khác nhau giữa phong trào khủng bố và phong trào dành quyền độc lập quốc gia của nước Palestine). Đại hội quốc tế cộng sản cũng nhằm thảo luận đường lối "toàn cầu hóa" của các quốc gia kỹ nghệ hiện nay đang gặp cuộc chống đối lớn của giới trí thức và đám người trẻ, cuộc chống đối hiện đang làm lợi cho các đảng Cộng sản. Trong tình thế mới này, đường lối mới của Cộng sản quốc tế là yểm trợ chánh sách toàn cầu hóa và chánh sách chống khủng bố của Liên Hiệp Quốc, vì tổ chức quốc tế này chịu ảnh hưởng đa số của các quốc gia mới (gọi là thành phần đệ tam quốc gia) muốn làm nhẹ và quân bình hóa đường lối quá mạnh của siêu cường Hoa Kỳ, qua chính phủ Bush.

*

Nhân đây, tưởng cần nhắc lại chút ít lịch sử về Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ. Cách mạng vô sản Bolshevik của Nga do Lenin lãnh đạo thành công năm 1917, Thế Chiến Một kết liễu một năm sau, và trong tinh thần cởi mở vì cuộc toàn thắng tại Âu Châu và Mỹ, Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ tuyên bố thành lập vào tháng Chín năm 1919. Đảng gồm hai thành phần: Đảng Cộng Sản Mỹ Châu (Communist Party of America) với hai nhân vật là Charles Rutenberg và Louis Praina; và Đảng Cộng Sản Lao Động Hoa Kỳ (The communist Labor Party), do hai nhân vật hoạt động trong nghiệp đoàn điều khiển là Benjamin Gitlow và John Reed.

Chính quyền tại hai thành phố lớn là New York City và Chicago chắc chắn là không có chút thiện cảm nào với phong trào cộng sản. Chính phủ Liên bang ngày đó do ông Mitchell Palmer điều khiển Bộ Tư Pháp cũng không dung tha phong trào xã hội quá khích và hướng ngoại này. Một năm sau, tháng Giêng năm 1920, Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ rút vào hoạt động bí mật. Để công tác tránh bị chính quyền gây khó khăn, hai thành phần trên kết hợp thành một, phần lý thuyết dựa vào trí thức của các trường Đại học (ngày đó còn đang

bị các ý thức cực đoan của Engel và Marx thu hút), và phần sinh hoạt cụ thể dựa vào các nghiệp đoàn công nhân (không khí đấu tranh ta tìm thấy trong sách của văn hào Mỹ John Steinbeck, như *The Grapes of Wrath, In Dubious Battle*... tràn đầy không khí gợi nhẫn tâm và khích động công nhân). Hai thành phần kết hợp lấy tên mới là The United Communist Party, Đảng Cộng Sản Thống Nhất).

Sử gia Hoa Kỳ phân tích việc thành lập của Đảng Cộng sản địa phương gọi những năm trứng nước này là Thời Kỳ Một. Trong thời gian này, một yếu tố mới rất quan trọng, xuất hiện trên chính trường thế giới. Lenin, lãnh đạo khối đa số Bolsheviks của Nga muốn kiểm soát chặt chẽ các phong trào cộng sản đang chớm nở tại các quốc gia theo gương Cách mệnh Sô Viết 1917, cho thành lập tại Moscow tổ chức gọi là Đệ Tam Quốc Tế, The Third International. Tổ chức này còn lấy tên là Comintern (cách gọi tách tiếng Anh Communist International) ra đời năm 1919, bề mặt để liên kết tương trợ các đảng cộng sản thế giới tiến tới cuộc Cách mạng Vô sản toàn cầu, nhưng trên thực tế để nắm vững các đảng trong bàn tay sắt của Nga Sô. Comintern ban hành bốn cương lĩnh gồm 21 điều, buộc các đảng cộng sản anh em phải tuân hành nếu muốn được trợ giúp. Ta sẽ tìm hiểu ảnh hưởng của Comintern trên Cộng Sản Hoa Kỳ sau, bây giờ cần nhắc lại nhận xét chung là Đệ Tam Quốc Tế hoạt động hiệu quả trong thập niên 20, nhưng tựu trung thất bại, không gây được cuộc cướp chính quyền tại Đức và tại Trung Hoa như đã dự liệu vào đầu thập niên 20. Năm 1935, Đệ Tam Quốc Tế nhìn nhận nỗ lực toàn cầu hóa Cách mệnh vô sản đã thất bại, và trở lại chính sách hoà hoãn, liên kết với các phong trào xã hội ôn hòa để thành lập các Mặt Trận Bình Dân (Popular Fronts). Tại Pháp, Mặt Trận Bình Dân (Front Populaire) đưa ông Léon Blum, một người gốc Do Thái, thủ lãnh Đảng Xã Hội, lên lập chính phủ, ban hành chính sách khoan hồng và dân chủ tại các nước thuộc địa như Việt Nam ta, thả tù nhân chính trị, cho phép hội họp, lập hội và làm báo. Tưởng cần nhắc lại là Comintern bị Stalin giải tán năm 1943 để làm dịu mối nghi ngờ của các nước Đồng minh đang cứu giúp Nga Sô khỏi bị Hitler tiêu diệt.

Tưởng cũng nên nói thêm là một tổ chức khác rất quen thuộc với người Việt Nam chúng ta trong thời gian sống hoặc chống Cộng sản là tổ chức Cominform, tên gọi tắt của Communist Information Bureau, Văn phòng Truyền thông Cộng sản Quốc tế. Bề mặt Cominform chủ trương trao đổi thông tin và kinh nghiệm giữa các đảng cộng sản anh em, nhưng trên thực tế để thay vào Comintern (vừa bị giải tán) kiểm soát các phong trào Cộng sản thế giới: Năm 1948, Thống chế Tito nước Cộng sản Nam Tư (Yougoslavia) cực lực phản đối Cominform, đem Nam Tư ra khỏi tổ chức Cộng sản thế giới. Năm 1956, Nga Sô muốn hòa hoãn với Tito, giải thể tổ chức Cominform.

Ta hãy trở lại với Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ, vào thời kỳ sử gia gọi là Giai Đoạn Hai. Từ năm 1923, đảng trở lại hoạt động công khai, không còn nấp trong vòng bí mật. Đại Hội Quốc Tế Cộng sản họp lần thứ bảy năm 1928, và sau đó Cominform thắt chặt kiểm soát đảng Hoa Kỳ. Việc điều khiển đảng từ nay giao cho một đảng viên trung kiên là William Foster, và đảng lấy lại danh xưng là Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ, The Communist Party of the USA, CPUSA.

Qua Thời Kỳ Ba, gọi là thời kỳ "vàng son" của Đảng, chính sách mới Đảng chủ trương gọi là "chuyên chế xã hội" (social fascism) được đề cao, đi đôi với đường lối kết thân với người da đen ở miền Nam nước Mỹ. Đảng chủ trương người da đen Hoa Kỳ không phải là một thiểu số sắc tộc (ethnic group) nạn nhân của kỳ thị, mà trái lại dân da đen là một thành phần quốc gia lớn trên đất Mỹ châu (national entity). Ý đồ của đảng hiện ra rõ ràng là muốn dựa trên người da đen thành lập một quốc gia riêng biệt tách rời khỏi quốc gia liên bang Hoa Kỳ đang sống trong khung cảnh tư bản. Những chương trình bất chánh này của Cộng sản Mỹ không thực hiện được vì cuộc khủng hoảng kinh tế Hoa Kỳ xảy ra năm 1929. Tuy nạn thất nghiệp làm đám nhân công nghèo khó dễ bị đảng Cộng sản thu hút, nhưng chủ trương phản quốc quá rõ rệt của đảng càng làm cho dân da đen xa lánh đảng. Một mặt khác, tại Âu Châu, Hitler lên cầm quyền, không che đậy các ý đồ tiêu diệt chế độ Cộng sản. Nga Sô muốn tự vệ, phải liên kết các quốc gia tư bản và tự do để thành lập các mặt trận bình dân, như đã nói ở trên.

*

Nơi đây ta có dịp nhận xét đường lối của Đảng

Cộng sản Hoa Kỳ (cũng như đường lối của các đảng Cộng sản khác trên thế giới) là hoàn toàn thiếu bản sắc dân tộc - tệ hơn nữa là thiếu nhân tính, chỉ toa rập theo Đảng Cộng sản mẹ Nga Sô. Để khuất phục cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929, Chánh phủ Hoa Kỳ do Tổng thống Franklin Rosevelt lãnh đạo ban bố *Tân Quan tân chánh sách - The New Deal*, cải cách toàn diện chính trị, xã hội và kinh tế. Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ là thành phần độc nhất phản đối *The New Deal*, cho là Tổng thống Rosevelt chỉ "lo kiến tạo lại chế độ tư bản" và tiếp tục "bố thí" cho dân nghèo, thay vì phục vụ trực tiếp hữu hiệu quyền lợi của họ. Nhưng vào lúc Nga Sô bị chế độ Phát Xít quốc xã Hitler đe dọa, Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ lập tức thay đổi đường lối, quay lại ủng hộ chính sách The New Deal, làm lành vuốt ve các tổ chức tư bản.

Chưa đủ, từ năm 1935, Cộng sản Hoa Kỳ theo chân các đảng Cộng sản Âu Châu, ủng hộ phong trào Dân Chủ Tây Ban Nha, chống nhóm quân phiệt Franco. Chúng ta đã đọc các sự kiện này trong tiểu thuyết của Hemingway, Malreaux và Koestler... Tháng Chín năm 1939, Stalin của Nga Sô trắng trợn phản bội thế giới tự do bằng cách ký Hiệp Định Bất Gây hấn (Stalin and Hitler Non - Agression Pact) với tên độc tài khát máu Hitler. Tức thời, đầu hôm sáng mai, Đảng Cộng sản Hoa Kỳ vội trở mặt quay lại công kích chính phủ các nước Hoa Kỳ, Anh và Pháp là một đám dân hiếu chiến, phản hòa bình (war mongering), chủ trương võ trang gây chiến tranh với nước Đức!

Tháng Sáu 1941, Hitler đột nhiên xé bỏ hiệp định thân thiện Nga - Đức, xua 50 sư đoàn quân tinh nhuệ vào quyết tiêu diệt chế độ Cộng sản Nga. Đảng Cộng sản Hoa Kỳ, lần này dưới sự lãnh đạo mới của Earl Browder, lại đổi chính sách tuyên dương cuộc chiến tranh chống Phát Xít Đức. Ngày trước các quốc gia Anh, Mỹ, Pháp... được gọi là "đế quốc xâm lược," bây giờ trở thành "dân chủ và ái quốc"! Cộng sản Hoa Kỳ lại kêu gào mở gấp "Mặt Trận Thứ Hai" vì quân Hitler tiến như vũ bão về hướng Moscow mà quân Đồng minh của Thống tướng Eisenhover chưa kịp đổ bộ vào bờ biển Đại Tây Dương, để giải cứu Nga Sô.

Thế giới Đại chiến thứ Hai kết thúc trong niềm hân hoan của mọi dân tộc - Đảng Cộng sản Hoa Kỳ tiên liệu sẽ có sự hợp tác tích cực giữa giới tư bản và lực lượng công nhân thợ thuyền, tiến tới một xã hội "tư bản tân tiến" hay là "tư bản cấp tiến" (progressive capitalism). Vì vậy, năm 1944, Đảng Cộng sản Hoa Kỳ hân hoan tự giải thể, trở thành Hội (Ái Hữu) Chính Trị Cộng sản, The Communist Political Association. Nhiều thành viên còn muốn đi xa hơn, muốn bỏ ngay cả chữ Communist trong danh xưng.

Phản ứng của các đồng chí ở Âu Châu và Mỹ Châu đến tức thời. Tháng Tư năm 1945, Jacques Duclos, nhân vật thứ hai của Đảng Cộng Sản Pháp, sau thủ lãnh Maurice Thorez (những tên quá quen thuộc với người Việt Nam chúng ta) viết một bức thư đăng vào tạp chí khuynh tả *Lettres Francaises,* công kích Cộng sản Hoa Kỳ đã chủ trương phản bội, theo "đường lối xét lại," và công kích luôn toàn diện chánh sách mới của Cộng Sản Hoa Kỳ không trung thành với Cách Mệnh Vô sản là con đường duy nhất con người ngày mai phải theo. Chỉ vài tháng sau là Browder bị hạ bệ, và một số đảng viên khác trong Bộ Chính trị tự làm "tờ tự thú" đã đi sai đường lối vĩ đại của Đảng - William Foster trở lại điều khiển đảng, lánh xa con đường cấp tiến.

Trong hai thập niên 50 và 60, cơ quan hành pháp và lập pháp nước Mỹ ngày càng khắc nghiệt với đảng viên Cộng sản. Tổng thống Harry Truman tuyệt đối cấm đảng viên và cảm tình viên Cộng sản tham gia chính quyền. Cơ quan lập pháp ban hành các đạo luật thiết lập thể chế *Loyalty Review Board* để thanh lọc các phần tử có dính líu với Cộng sản trong chính quyền và quân đội, và đạo luật *Smith Act* có từ năm 1951 được đem ra dùng để kết tội 11 đảng viên thuộc thành phần lãnh đạo Cộng sản là phản quốc. Các tiểu bang Hoa Kỳ noi gương chính quyền liên bang cũng thiết lập các "đạo luật Smith nhỏ" (Little Smith Acts) để kết tội các đảng viên Cộng sản phá hoại trật tự và quyền lợi quốc gia.

*

Bây giờ ta tìm hiểu chút đỉnh về con số đảng viên Cộng sản Hoa Kỳ và các sinh hoạt của Đảng. Trước Thế Chiến Thứ Hai, đảng Cộng Sản Hoa Kỳ không tuyên bố chính thức danh sách đoàn viên, nhưng Cơ quan An Ninh Hoa Kỳ ước lượng nhân số vào khoảng 20 nghìn đảng viên. Vào những năm sau Thế chiến, vì Nga Sô trở thành một siêu cường sắp ngang hàng với Hoa Kỳ, người

ta ước lượng số đảng viên tăng đến 80 nghìn hoặc 100 nghìn. Đảng vẫn giữ được cảm tình của giới trí thức và sinh viên trẻ ở Đại học, những cậu Hugo trong tác phẩm *Les Mains Sales* của Jean Paul Sartre và Arthur Koesler trong *Arrival and Departure*. Người Việt Nam chúng ta nhớ lại chua chát cái cảnh tượng thanh niên Pháp đốt cháy những toa hàng chở thuốc sang Đông Dương (1945-1947) và thanh niên Hoa Kỳ (các cậu con nhà giàu trốn lính) phỉ nhổ vào binh sĩ hồi hương sau khi làm bổn phận quân dịch đánh cộng sản tại Nam Việt Nam.

Tưởng cần nhắc lại, trong 80 năm qua, CPUSA chưa bao giờ được nhìn nhận là một tổ chức hợp pháp, nên không bao giờ có một đại biểu trong chính quyền tiểu bang hay địa phương, và chắc chắn là không có đại biểu trong chính quyền liên bang.

Đại hội Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ họp lần sau cùng cuối năm 1980. Đại hội quy tụ được một số đảng viên và nhiều hơn là cảm tình viên gồm 385 đại biểu từ 39 tiểu bang, thành phần đại biểu gồm 154 phụ nữ, 96 người da đen, 77 người dân gốc Do Thái, 15 người gốc La Tinh. Trong số này đếm được 134 đại diện Nghiệp đoàn công nhân.

Như trên đã trình bày, Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ tổ chức theo hình thức đảng mẹ Nga Sô và hoạt động với phương tiện do Nga Sô tài trợ, nên đường lối luôn luôn ủng hộ chính sách và lập trường của Nga Sô, từ những chi tiết chính trị đối nội, đến chiến lược, kế hoạch trên chính trường quốc tế.

Trong thập niên 50 của thế kỷ trước, hai biến cố trọng đại xảy ra liên tiếp làm cho Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ ngã khuỵu, không đứng dậy được. Tháng Hai năm 1956, Đại hội thứ 20 của Đảng Cộng Sản Nga Sô họp tại Moscow. Lần đầu tiên trong lịch sử đảng, một vị lãnh tụ chúa tể đảng và Chủ tịch quốc gia Sô Viết dám nói thật. Nikita Khrushchev đọc bản cáo trạng tố cáo tội ác của Stalin đã ra lệnh tàn sát cả triệu người đồng chí vì không theo đúng đường lối kiến tạo chủ nghĩa vô sản của y, đường lối - theo Khrushchev - đã gây ra cái chết của hàng chục triệu sinh linh Nga Sô. Cũng năm 56, vào tháng Mười và Mười Một, nhân dân Hung Gia Lợi ở thủ đô Budapest hết điều nhẫn nhục dưới chế độ áp bức của Hồng quân Nga và Đảng Cộng Sản Nga, vùng dậy tự giải phóng. Lực lượng Quân đội Nga dùng đại bác và chiến xa tàn sát không chút tiếc thương nhân dân nổi dậy tìm tự do. Hai biến cố này được truyền thông đại chúng đem đến tận mắt và tận tai đoàn viên Cộng sản. John Gates là chủ bút của tờ nhật báo Cộng Sản Mỹ *Daily Worker*, cơ quan ngôn luận của Đảng từ 34 năm trước tự ý đình bản. Cuối thập niên 60, Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ chỉ còn lại một nhóm người nhỏ rải rác ở một vài tiểu bang, sống ngoài sinh hoạt chính trị của quốc gia.

Một điểm nhận xét cuối cùng là việc liên hệ giữa Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ và Đảng Cộng Sản Trung Hoa. Cuối thập niên 50 khi Nga Sô và Trung Hoa Mao Trạch Đông nứt rạn, Cộng sản Mỹ nghiêng về khối Âu Châu nhiều hơn. Một số đảng viên ở miền California, dựa vào nhóm phú thương Hoa Kiều, thành lập các chi hội ủng hộ Cộng Sản Mao Trạch Đông chống đối đường lối bài Hoa của CPUSA. Nhưng từ lúc các tài liệu đích thực về bạo chúa họ Mao được phơi bày, sức ủng hộ của người Tàu, sinh sống ở Hoa Kỳ đối với Cộng Sản Trung Hoa cũng dần dần phai nhạt.

*

Bà Bechtel trình bày hiện trạng của Cộng Sản Quốc tế là vào cuối thập niên 80, các đảng Cộng sản tại Tây Âu và Đông Âu sụp đổ, thậm chí có nhiều quốc gia ngày trước theo chủ nghĩa Cộng sản nay lại thiết lập các đạo luật ngăn chặn việc hồi sinh của đảng. Cộng sản Âu Châu sụp đổ, lôi kéo thêm sự tan rã của chế độ Cộng sản tại các quốc gia cựu thuộc địa của Âu Châu.

Tuy nhiên Bà Bechtel cũng giữ lập trường lạc quan của những đồng chí đã lỡ theo Mác và theo Đảng là tại Ba Lan nơi phong trào Solidarity đã lôi kéo sự sụp đổ toàn diện của đế quốc Cộng sản cách đây hai mươi năm, "đang trở lại kiến thiết một chế độ Cộng sản mới, hùng mạnh không vấp vào những lỗi lầm cũ." Ngoài ra, tại một số quốc gia như Cuba, Trung Hoa, Bắc Hàn và dĩ nhiên Việt Nam, "ngọn cờ đấu tranh vô sản vẫn còn ngời sáng"!

Bạn đọc muốn hiểu Phong trào Cộng sản Hoa Kỳ có thể tìm đọc hai cuốn sách phổ thông:

- I. Horve and Lewis Coser: *The American Communist Party*, Nxb Dakapo, 1974

- Hobday Charles: *Communist and Marxist Parties of the World*, Nxb ABC- Clio, 1986

có chi tiết đầy đủ về sơ đồ, lịch sử, tổ chức.v.v....

Bút Ký

NĂM NGÀY LÊU LỔNG Ở PARIS

PHAN THANH TÂM

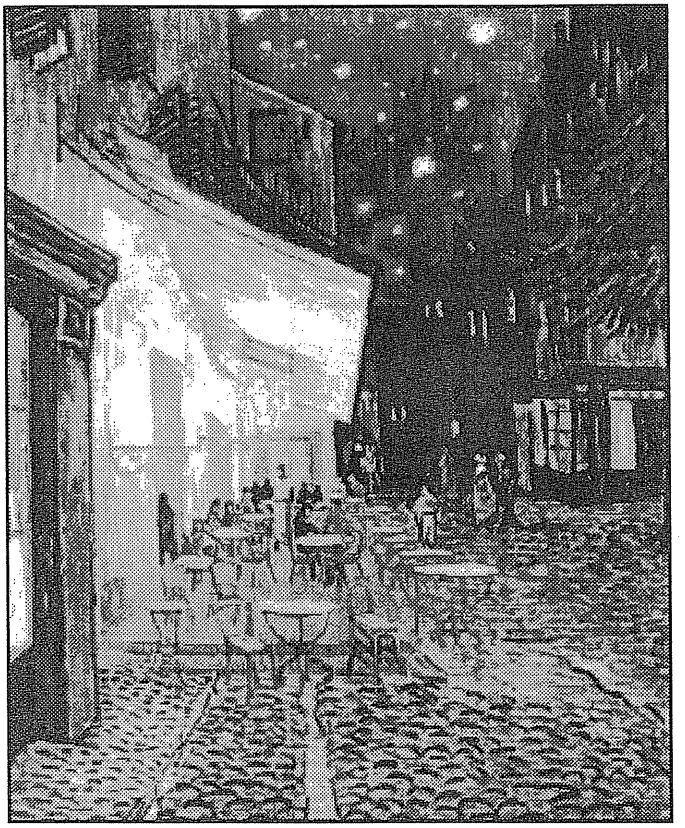

Năm ngày lêu lổng lu bù với hai bạn thổ công ở Paris Trần Văn Ngô và Trần Công Sung, cùng trong nghề báo bổ hồi trước 1975, cho tôi thấy Paris là một thành phố có rất nhiều thứ lạ, đầy nghệ thuật, cổ kính và quyến rũ vô cùng. Paris đúng là kinh đô của ánh sáng. Càng về khuya, cuộc sống càng có ý nghĩa. Đêm tối là lúc mọi người túa ra đường vui đùa, tận hưởng, như thể không có ngày mai.

Đời sống đắt đỏ, chật chội nhưng lại có vẻ thanh thản, ung dung, vui hưởng, nhâm nhi khắp nơi. Hàng quán đầy nghẹt, không còn chỗ trống. Giữa tiếng ồn ào, huyên náo, tôi mơ hồ cảm thấy lẫn quất dấu vết của người xưa từ mấy trăm năm trước trên từng viên gạch, trên mỗi lối đi; hay văng vẳng đâu đó tiếng vó ngựa lọc cọc ở cuối góc phố. Có đến đây mới thấy ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Pháp trong cuộc sống của người Việt Nam.

Từ ga Lyon chạy vào thành phố, Paris đã có dáng dấp mỹ miều với hai hàng cây dài bóng mát. Lá xanh um, đan vào nhau. Vòm cây chạy dài tới tận đàng xa trên con đường nhỏ nhắn, đầy xe cộ chen chúc. Có lẽ không có thành phố nào cây cảnh được chăm sóc cẩn thận và đầy mỹ thuật như ở Paris; nhất là ở các vườn hoa, công viên. Nhà cửa xinh xắn, mang dấu kiến trúc đặc biệt của thời xưa cũ. Thành phố được tân trang nhưng vẫn giữ lấy nét riêng của mấy thế kỷ trước.

Paris còn là thành phố của ái tình, của đôi lứa. Họ hôn nhau đắm đuối, trọn vẹn; trên ghế đá công viên, trên xe điện, giữa lộ, bên đường hay

vừa đi vừa hôn, như chim chóc, tíu tít quấn quýt lấy nhau. Hạnh phúc chan hòa. Thiên hạ tôn trọng chuyện riêng tư; thông cảm tuyệt đối. Chỉ ở chốn giáo đường là có bảng kêu gọi mọi người nên có những hành vi tự chế.

Nghệ sĩ với cây đàn

Pardon (xin lỗi) hay merci (cám ơn), hai tiếng thường nghe khi chen chúc trong đám đông hay phố xá. Ông bạn Trần Văn Ngô, trong buổi gặp đầu tiên đã biếu cho tôi một cái thẻ gọi điện thoại *télécarte*. Muốn liên lạc các nơi khi xử dụng điện thoại công cọng, phải mua thẻ này. Ở đây, các máy điện thoại không nhận tiền đồng hay tiền cắc. Chỉ vì tụi trẻ đã khều tiền, lấy hết. Phương tiện giao thông ở Paris muốn cho tiện lợi và nhanh chóng thì dùng xe điện ngầm hay xe buýt.

Cả một thế giới ở dưới mặt đất. Đèn đuốc sáng trưng. Hàng quán, buôn bán tấp nập. Ông đi qua bà đi lại, lên xuống ào ào, như trẩy hội. Ở các lối đi thuận tiện là chỗ trấn đóng của các nghệ sĩ giang hồ, phiêu lãng. Họ sống nhờ vào tiếng đàn, giọng hát, cây cọ và lòng tùy hỷ của khách bộ hành. Hình ảnh người nghệ sĩ với cây đàn, giá vẽ cùng nét vẽ nguệch ngoạc hay câu ca, điệu nhạc réo rắc, gieo vào lòng du khách nhiều ấn tượng khó phai. Paris mà thiếu họ chắc hẳn bớt đi phần lãng mạn, thi vị.

Người âu tây ở Paris không to lớn, mập bự như người Mỹ. Dáng vẻ tầm thước, roi roi như người Việt Nam nên thấy người mình cũng "bề thế" không đến nỗi nào. Phải chăng vì uống nhiều rượu vang đỏ, thường đi bộ hay vì cuộc sống vô tư dễ dãi, với lối làm việc tà tà nên họ có tầm vóc như thế? Nhà báo Trần Công Sung, sang Pháp từ năm 1968, hồi hòa đàm Ba Lê, cho biết, "ở Paris vào mùa hè mà bệnh nặng sẽ rất nguy vì bệnh viện không có bác sĩ, y tá. Hầu hết đi chơi xa."

Ông bạn Sung còn bày kế, "muốn chiếm thành phố Paris, hãy đợi vào mùa hè." Nội các chính phủ đóng cửa nghỉ họp. Họ đang phơi nắng ở các bãi biển. Ngay cả cảnh sát cũng không thấy. Xe cộ chạy như mắc cửi; mạnh ai nấy lấn; chẳng có len, liếc gì cả. Buổi chiều tối mà tìm chỗ đậu là cả một kỳ công. Phải nhanh tay lẹ mắt; đậu xuôi, đậu ngược gì cũng được; có chỗ là mau mau lủi vào. Chậm thì phải lái vòng vòng cả giờ.

Đái đường

Sống ở Mỹ hơn hai mươi năm tôi chưa hề thấy cảnh đái đường. Trong năm ngày ở Paris, xứ văn minh bậc nhất, một bữa, hơn nửa khuya trong lúc thả bộ về chỗ trọ, tôi thấy, một anh chàng đang tè vào góc tường, y như năm xưa ngày nào ở Saigon về đêm. Nơi này, cũng như ở các thành phố của Âu Châu, cầu tiêu công cọng rất hiếm thấy, đều phải trả tiền. Ngay cả khi vào viếng cung điện Versailles. Dù đã mua vé vào cửa nhưng khi muốn xử dụng cầu tiêu cũng phải đóng 20 cent.

Đi đâu, chỗ nào cũng thấy yêu đương thắm thiết, nhưng tôi không thấy có bà nào mang bầu. Ông bạn Sung tiên đoán, nước Pháp, hiện có 80 triệu người, trong tương lai sẽ sẽ toàn dân tứ xứ vì các bà không thích chuyện đẻ đái. Khi cần có tiếng cười hay khóc của trẻ thơ trong nhà, họ đi rước con thiên hạ về nuôi. Việc trao chồng đổi vợ vui chơi qua đêm hiện là một lối sống rất phổ thông, được dân Paris ưa chuộng. Các câu lạc bộ này mọc lên khắp nơi.

Nửa đêm được đưa đến ngồi ở quán Les Deux Margots, nơi các văn nhân triết gia Pháp như Jean-Paul Sartre một thời hay đến, ông bạn Trần Công Sung, hiện làm cho một hãng thuốc, người từng giang hồ khắp chốn cho biết, những người chạy bàn ở đây lương lớn hơn kỹ sư. Còn bọn rệp, (những kẻ đang lang thang) ở bên kia đường, "chính phủ nuôi cho tới chết." Thất nghiệp nhiều không phải không có việc mà vì không ai dám mướn.

Xứ Pháp đuổi người khó lắm. Lỡ mướn rồi thì thà cho nó ngồi chơi xơi nước, hơn là tìm cách sa thải. Đụng tới họ là rắc rối, phiền hà vô kể. Cũng như các thành phố khác, dưới ánh đèn đường, từng đám xúm nhau chơi trò bịp: thảy bài ba lá. Paris hiện có nạn ôm con đi ăn xin. Đa số là dân Đông Âu thuộc các xứ cộng sản cũ mò sang kiếm sống. Phần lớn là dân Lỗ Mã Ni.

Người đẹp mời gọi

Đêm lễ độc lập của Pháp 14/7, sau khi xem pháo bông ở tháp Eiffel, chúng tôi không biết xe mình đậu ở đâu nữa vì xe thiên hạ đậu bừa phứa, ngang dọc, xuôi ngược; ngay cả giữa lộ; khiến cho chủ xe mất phương hướng. Sau đó là nạn kẹt xe. Lạ cái là trong cảnh hỗn loạn đó, không hề thấy có một ông cảnh sát nào cả. Mạnh ai nấy bóp còi; mạnh ai nấy xấn tới. Càng lúc càng rối nùi. Ấy vậy mà chẳng có cọ quẹt hay tai nạn gì. Cũng không có cãi lộn, chửi bới. Xe cộ ở Paris đều nhỏ, gọn; dân Paris quen lái, lách, lòn. Trên đường về gặp nhiều kiều nữ, chận đầu xe, đưa tay vẫy, mời gọi. Viens ici, viens ici ! Tới đây.

Tới đây!

Theo bạn Sung, ở các nơi khác, nghề rước mối là bị hoàn cảnh đưa đẩy. Còn đây là dân làm ăn lẻ, cần tiền xài; thuộc loại *mì ăn liền*. Từ ngày có internet người đẹp đứng đường vẫy khách ít đi.Chị em ta chuyên nghiệp cho khách phương xa thì có cả một khu phố ở Montmartre. Đèn đuốc sáng trưng. Các cửa hiệu treo giăng đầy hình ảnh vú vê, thân xác lõa lồ, với các kiểu cách làm tình rõ ràng, to bự. Màu sắc lập lòe, đập thẳng vào mắt người qua đường. Cạnh đó có một của hàng tên Chào Bà; nghe nói do "đảng ta" khai thác và quản trị.

Hôm đầu tiên vừa đến thành phố này, gia đình tôi du ngoạn sông Seine nổi tiếng bằng thuyền tàu. Thuyền chạy chầm chậm dọc con sông để cho du khách thấy Paris ở hai bên bờ sông về đêm. Có rất nhiều công trình kiến trúc của Pháp. Mỗi ông vua làm một cây cầu. Mỗi chiếc cầu bắc qua con sông là mỗi tác phẩm điêu khắc khác biệt, của một thời Trung Cổ.

Từ bến Pont de l'Alma, chiếc tàu chạy quanh Ile de la Cité, với tượng Nữ thần Tự Do, (chị em của Nữ thần Tự Do ở Nữu Ước), nhà thờ Notre Dame de Paris, được nhắc nhở nhiều nhờ truyện về Quasimodo, "Thằng Gù» của Victor Hugo. Dọc theo sông có nhiều lâu đài, công thự, viện bảo tàng như Musée du Louvre, d'Orsay, d'Art Moderne. Về con sông Seine không có gì là thơ mộng, quá sạch sẽ quá tươm tất. Cảnh sông nước đầy vẻ nhân tạo, không còn nét thiên nhiên của con sông về đêm.

Như mạ với con

Mấy hôm sau chúng tôi viếng cung điện Versailles, cách Paris 20 cây số, để thấy cái nguy nga, huy hoàng, tráng lệ của các thời vua chúa; leo lên tháp Eiffel nhìn bao quát Paris, khâm phục cái ngông của của một kỹ sư muốn dựng một cái tháp bằng sắt từ hơn trăm năm trước; vào nhà thờ Notre Dame de Paris để chiêm ngưỡng công trình kiến trúc hồi thế kỷ thứ 13 và tính sáng tạo của văn hào Victor Hugo.

Ông bạn thân Trần Văn Ngô, làm báo từ năm 1950 có bút hiệu là Từ Nguyên, ngồi tại Paris mà làm chủ bút tờ tuần báo Đất Việt, báo quán tại Garden Grove, California, phát hành nhiều tiểu bang ở Mỹ, đã hướng dẫn gia đình chúng tôi viếng viện bảo tàng Louvre và vườn Luxembourg. Chúng tôi còn lướt qua xem những sạp buôn sách cũ dọc bờ sông Seine, có từ bao thế hệ, khiến tôi không khỏi lẩn thẩn nghĩ tới sự giao tiếp giữa người xưa và nay cùng cuộc sống lặng lẽ của các chủ sạp.

Trong thời gian ở Paris tôi được ăn một bữa ăn đáng nhớ. Đó là ăn cá kho tộ trong quán Le Palanquin, một tiệm ăn xinh xắn, sang trọng nằm trên đường Princesse (Công Chúa) thuộc Quận 6. Con đường có nhiều tiệm ăn Mỹ, Anh, Pháp, Mễ Tây Cơ nổi tiếng dành cho du khách và giới nghệ sĩ. Ngay giữa lòng thủ đô Paris, sau hơn nửa tháng chỉ biết toàn đồ tây, tàu, pizza, hay tay cầm, mà được ăn cơm với cá kho, thiệt là hết sẩy. Đúng là "cơm với cá như mạ với con." Ca dao, tục ngữ Việt Nam quá súc tích, tóm gọn cả ý và tình.

Năm 1976, trong lúc chuẩn bị khai trương quán thì cuốn sách Le Palanquin des Larmes (kiệu nước mắt), nói về cuộc đời của một người đàn bà bị ép duyên hồi còn nhỏ, của nhà văn nữ Trung Hoa Chow Ching Lee xuất hiện và bán rất chạy. Bà Từ Dung, bà xã của nhà báo Trần Văn Ngô, cùng với cô em gái mới dựa vào đó mà đặt cho tên quán. Sau hơn ¼ thế kỷ quán trở thành một nơi không thể không đến nếu du khách có viếng Paris. Sách báo và các khách sạn lớn đều có giới thiệu về quán ăn, nấu theo lối gia đình, thuần túy Việt Nam này. Quán ăn có cả một trang nhà để giới thiệu về quán của mình www. lepalanquin.com.

Không đem về nhà

Bữa ăn tối đó ngoài cá kho, thịt sườn nướng, thịt gà kho, còn có một tô phở nhỏ. Tráng miệng có một loại kem đặc biệt. Bà Từ Dung cho biết, bà thích khách hàng người Mỹ. Họ kỹ luật, lịch sự, chờ hướng dẫn vào bàn. Ăn xong là ra về, không ngồi lì lai rai. Ông Tây bà đầm thì khác. Họ tự tiện vào quán, ngồi la cà tán dốc tới khuya, và nhả khói mù quán. Khách Nhật thì khó tính. Gọi thực đơn thì gọi từ món, không đặt một lúc và lại hay giục muốn cho mau. Ăn còn thừa thì để đó. Dân Âu Châu chưa có thói quen bỏ vào hộp mang về.

Tối đó tôi còn gặp lại một người bạn thân sau hơn 30 năm không gặp: nhà báo Trần Công Sung. Cơm ngon, gặp lại bạn cũ, chuyện vãn không ngừng. Một buổi tối rất thú vị. Trần Công Sung vẫn như xưa, vẫn đùa giỡn nói : "Dân Việt Nam nào ở Mỹ cũng giống nhau. Lao động tối mặt tối mũi, dành dụm tiền sang tây vài ngày, tới sờ tháp Eiffel chụp vài tấm hình, trở về khoe nhặng lên là biết Paris! Nhà quê dễ sợ!"

Đúng vậy. Đi du lịch theo lối "cưỡi ngựa xem hoa" thì làm sao thưởng ngoạn được hết hương hoa của đồng nội. Tuy nhiên, mình nên đại khái, có một cái nhìn bao quát, vì làm sao xem hết và rành rẽ cho được. Ngay cả sách viết về Paris có cả ngàn cuốn. Trong một tiệm sách lớn ở khu Bercy, sách loại này, chiếm cả một khu bằng tiệm sách Nam Á của bà Kim Thúy ở chợ Việt Nam trong Quận 13. Họ viết về đủ mọi góc cạnh. Muốn mua một cuốn cũng không biết nên lựa cuốn nào.

Vào viện bảo tàng Louvre mà muốn xem cho hết, muốn cho rành về hội họa hay nghệ thuật nắn tượng thì không biết bao lâu mới xong. Tại đây có cả ngàn bức tranh, tượng đồng, tượng đá từ thời thượng cổ, trung cổ, cận đại cho tới ngày nay. Nó còn chia ra nhiều phái : phái Ý, phái Đức, phái Pháp, phái Anh. Còn muốn xem cho hết cung điện Versailles, với vườn ngự uyển, trung tâm chính trị của Pháp hồi thế kỷ 17, thì phải mất mấy ngày cho thỏa?

Nụ cười của Mona Lisa

Cho nên, cũng như như bất kỳ người Việt Nam nào đến Paris, tôi chỉ có thể, ngoài những nơi đã kể, còn tới chiêm ngưỡng nụ cười thâm trầm, có một không hai của Mona Lisa; ngắm tượng vai trần của của nữ thần Venus; đi qua vườn Lục xâm Bảo, nhớ cậu bé tung tăng đi học trong ngày tựu trường trong đoản văn bất hủ của Anatole France, "*lá thu rơi từng chiếc, từng chiếc trên đôi vai trắng của các pho tượng trong vườn*"; hay đêm khuya nện gót giày trên các viên gạch lót từ xa xưa ở các khu phố; hoặc lên đồi cao của nhà thờ Sacré Coeur ngắm các vì sao trên trời và Paris sáng chói lộng lẫy dưới kia; rồi nhìn các nghệ sĩ, mưu sinh bằng cách vẽ chân dung, hay dùng kéo cắt thành hình dáng khuôn mặt cho du khách. Mỗi bức giá $20. Trong số các nghệ sĩ này, tôi thấy có hai người Việt Nam đang vẽ cho khách hàng.

Trong thời gian ở Paris tôi đến viếng khu Chinatown ở quận 13 vài lần. So với các khu chợ Á Đông ở Mỹ nơi này không bằng. Thành công có lẽ là các cửa tiệm của người Hoa và Miên. Nhất là của dòng họ Tang Frères. Bạn Sung cho tôi biết, năm 1975 có hai tiệm bán thực phẩm Việt và Hoa cùng mở ở khu này. Gần 30 năm sau, số thương vụ hàng năm của người Trung Hoa gần một tỷ. Mỗi ngày có một chiếc máy bay chuyên chở rau trái hoa quả tươi tới Paris.

Tiệm Việt Nam vẫn còn đó. Có điều khác là ông bà chủ Việt Nam lụm khụm, già hơn và bàn ghế cũ kỹ hơn. Quán hàng của ông bà thì vẫn kiên trì không có gì thay đổi. Trong các món ăn, phở là món được phổ biến khắp nơi. Tô nhỏ, mắc hơn nếu so với tô phở ở Mỹ. Các thứ thực phẩm khác như sầu riêng, xoài tượng, nhãn... từ Việt Nam qua không thiếu thứ gì. Cơ sở buôn bán của người Việt Nam ở rải rác, nhiều nhất là ở ngoại ở phía nam Paris.

Báo Việt ở Paris

Về báo bổ, người Việt Nam có mặt ở đâu thì báo có mặt ở đó. Tuy nhiên so với thủ đô của người tị nạn ở Mỹ, thì báo địa phương ở Paris rất là khiêm tốn, chỉ có vài ba tờ sống bằng quảng cáo. Ngoài ra còn có một tờ ra hằng tháng, có đặt bán ở các hiệu sách: tờ Nhân Bản của Tổng Hội Sinh Viên. Báo tư nhân thì có tờ *Tin Tức*, song ngữ Việt Pháp, do ông Nguyễn Đình Nhân, từng làm việc với đài truyền hình Pháp chủ trương. Hai tờ khác là: *Áp phe,* nhại theo tiếng Pháp Affaires (kinh doanh) do Trần Trung Quân chủ trương và tờ *Bạn Đường* của Từ Ngọc Lê.

Về sách, trong khu 13 có ba tiệm: Nam Á, Diễm Phương và Khai Trí. Tiệm Nam Á là tiệm có khá đầy đủ sách báo Việt. Ngoài ra, còn có một tiệm chuyên bán sách của Cọng Sản Việt Nam. Tôi định ghé qua nhưng khi đi ngang thì thấy đóng cửa. Về sinh hoạt cộng đồng, theo sự dò hỏi của tôi thì không có sôi nổi như các năm trước. Năm nay có một tổ chức mới khai sanh gọi là Cộng Đồng Việt Nam Tự Do tại Pháp bao gồm Văn Phòng Liên Lạc các Hội Đoàn.

Tháng 7 và 8 là hai tháng nghỉ hè của dân Pháp. Trong khi dân địa phương rủ nhau đi ra biển thì du khách trên thế giới đổ về. Nhìn lối ăn bận của họ là biết ngay người từ phương xa viếng thủ đô nước Pháp. Một thủ đô, có nhiều di tích lịch sử vừa bảo thủ vừa tân tiến, dung hòa, kết tinh mọi luồng tư tưởng, mọi loài hoa quí, và hiếm, rất cần thiết cho sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật và sự tiến bộ.

Tuy nhiên, Paris chỉ là nơi đến để mà viếng, để mà vui chơi, tận hưởng chớ không phải là nơi để mà ở. Muốn bồi bổ tinh thần, và có một nơi để mà nhớ, để mà quyến luyến thì nên lêu lổng năm ba ngày ở Paris, kinh đô ánh sáng của thế giới.

8/2002

YẾU TỐ THÀNH CÔNG CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ DI DÂN

Nói chuyện với bà NGÔ TÚ ANH
Chuyên viên hạch toán ngân sách của hệ thống siêu thị VONS

BÙI BÍCH HÀ *thực hiện*

Lời Tòa Soạn: Kể từ số này, tạp chí Thế Kỷ 21 thực hiện một chương trình tìm hiểu thành quả của nữ giới Việt Nam trên đường hội nhập vào cuộc sống dòng chính trên đất nước Hoa Kỳ. Hy vọng loạt bài Người thật, Việc thật này sẽ cung cấp cho các nhà nghiên cứu xã hội học trong tương lai thêm ít nhiều tư liệu trung thực và quí giá để hình thành một giai đoạn lịch sử thật đặc biệt, liên quan đến phụ nữ, của một Việt Nam ngoài Việt Nam cuối thế kỷ 20.

Bài phỏng vấn mở đầu được thực hiện với bà Ngô Tú Anh, thuộc thế hệ di dân thứ hai của cộng đồng di tản người Việt, tại thị xã Cerritos, sáng thứ bảy, ngày 27/7/ 02.

H. *Thưa chị, chị tới Mỹ vào năm nào? Chị có (hay không) tốt nghiệp từ trường trung học bản xứ? Trong cả hai trường hợp, căn cứ vào kinh nghiệm riêng hoặc nhìn thấy ở người xung quanh, xin chị cho biết việc này có (hay không) ít nhiều ảnh hưởng đến phong cách ứng xử, sự thành công sau này của một người VN trong xã hội Mỹ, nói chung, ở bậc đại học, nói riêng?*

Đ. Tôi cùng gia đình, gồm cha mẹ và một em gái, đến Mỹ năm 1975 trong đợt người di tản đầu tiên. Lúc đó, ở tuổi mười bảy, tôi chỉ học tiếp có sáu tháng chương trình lớp 12 tại trường trung học Mỹ. Vốn là học sinh trường Pháp từ bé, nay tôi phải học nhồi thêm Anh văn. Nhà trường dạy cho tôi lái xe, cho tôi làm quen với các môn học về hoạch định ngân quĩ gia đình, dinh dưỡng, sinh lý *(cười)* và khá nhiều kiến thức thực tế khác. Theo tôi, một học sinh trải hết học trình trung học ở đây sẽ quen và hiểu biết nhiều hơn về tổ chức hệ thống đại học Hoa Kỳ, sẽ tận dụng được các phúc lợi dành cho họ và sẽ có những lựa chọn tương lai đúng hơn. Tuy nhiên, tôi cũng thấy rằng người học sinh đến từ Việt Nam, sau tuổi trung học, tỏ ra có ý chí hơn, biết trân trọng những gì họ có hơn và do đó, có nghị lực tiến thân hơn. Trở ngại duy nhất lúc đầu của họ là ngôn ngữ.

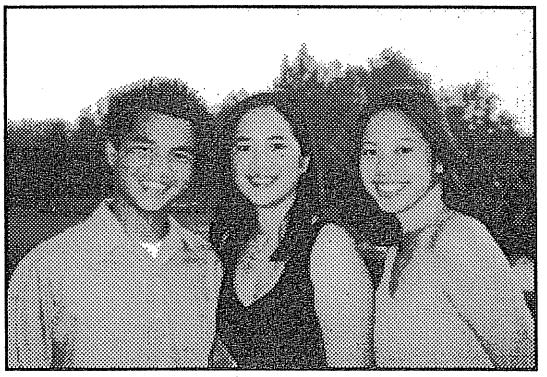
Bà Ngô Tú Anh (giữa) và hai con

H. *Xin chị cho biết học vị cao nhất chị đã hoàn tất? Công việc hiện nay chị đảm nhiệm có phù hợp với sở học của chị không?*

Đ. Tôi có bằng cử nhân ngành kế toán. Những năm đầu nhập cư, người Việt chúng ta không có nhiều lựa chọn. Nhu cầu hội nhập, mới mẻ, vội vã, với ít nhiều sợ hãi, đã ngăn trở sự lựa chọn các môn học dài đường. Ra trường, tôi có việc làm ngay với một trong tám công ty chuyên trách kế toán được coi là có tầm vóc lớn của cả nước Mỹ (the big 8, tôi không biết giờ đây, danh xưng này có còn tồn tại không?). Sau hai năm trong nghề, tôi chuyển qua làm việc cho hệ thống siêu thị Vons từ đó tới nay, nghĩ rằng tôi được may mắn làm công việc phù hợp với sở trường và cả sở thích của tôi nữa.

H. *Có nhận định cho rằng người Mỹ, một mặt, có văn hóa, dân chủ và công bằng nhưng mặt khác, họ kỳ thị. Chị có gặp khó khăn gì không khi phải tranh đua trong một môi trường ít thuận lợi cho người thiểu số như ở đây?*

Đ. Khi tôi trả lời rằng tôi không gặp một khó khăn nào cả, tôi vẫn lại nghĩ ngay là tôi có may mắn. Không những không khó khăn, tôi còn được sự hợp tác rất dễ dàng, hiệu quả, từ các bạn nam nữ đồng sự người da trắng. Trong giao tế, chúng tôi cư xử với nhau một cách chuyên nghiệp và

lịch sự, khi cần, cùng chia sẻ trách nhiệm để hoàn thành kế hoạch chung. Tôi không thấy có hiện tượng kỳ thị ở nơi làm việc.

H. *Xin chị vui lòng trả lời câu hỏi sau đây ở cả hai vị thế, chủ quan (của chị) và khách quan (căn cứ trên nhận định chung): theo chị, những yếu tố nào quyết định sự thành công về phương diện xã hội của một phụ nữ di dân? Ngoài tài năng (chị cũng thường hay nói đến sự may mắn nữa), chị nghĩ nhan sắc một người đàn bà có giúp gì vào các thành công nghề nghiệp của họ không?*

Đ. Các yếu tố đem lại thành công cho người phụ nữ di dân bao quát nhiều mặt lắm nhưng dường như câu hỏi đặt trọng tâm vào nhan sắc, vậy tôi xin trả lời như sau: vẻ đẹp của phụ nữ, nói chung, có đóng góp vào sự thành công của họ. Tuy nhiên, theo tôi hiểu, vẻ đẹp ở đây không nhất thiết là phải giống như Catherine Zeta Jones hay các siêu sao điện ảnh khác mà đơn giản hơn, nó là cái dáng vẻ, cái *look*, cái ngoại hình tổng quát, bao gồm phong cách, cử chỉ, ngôn ngữ xử dụng khi nói chuyện, y phục, cách trang điểm, cách giữ gìn thân thể, không để cho nặng cân quá mức v.v. Cảm tưởng hay cảm nghĩ đầu tiên nơi người đối diện rất quan trọng vì nó sẽ ghi đậm nét và nó quyết định phẩm chất mối tương quan sau này giữa đôi bên.

H. *Chị có hoàn toàn hài lòng với địa vị hiện nay của chị tại sở làm cũng như sự đãi ngộ của công ty hay không? Chị có dự trù sẽ thăng tiến hơn nữa và đến mức độ nào thì chị sẽ tự ý hoặc, vì một lý do nào đó, bắt buộc phải ngưng?*

Đ. Tôi rất bằng lòng với công việc hiện đang làm, không chỉ vì các quyền lợi hay đãi ngộ do công việc ấy đem lại mà vì tính cách *challenging* của nó (tôi tạm dịch là thử thách, được không?) Tôi thấy mình có cơ hội thiết lập các kế hoạch tài chánh đa dạng và khá quan trọng, tuy dựa trên những dữ kiện thực tế lấy ra từ thành quả năm trước, từ bối cảnh kinh tế chung toàn vùng v.v... nhưng linh hồn của kế hoạch lại là những giả định rất chủ quan. Yếu tố bất ngờ có vai trò rủi may của nó, giúp cho những kế hoạch không đạt 100% trở thành những kinh nghiệm lý thú tuy cũng không dễ chịu cho lắm khi phải nhìn lại.

Về vấn đề thăng tiến nghề nghiệp, tôi luôn học hỏi thực tế và sẵn sàng nhận những công việc có nhiều thử thách, đôi khi tưởng như cao hơn khả năng tôi có nhưng khi bắt tay vào, tôi thấy không những tôi làm trôi chảy mà hiệu năng còn bằng với ba người cùng làm. Mặt khác, tôi cũng đặt nặng thế quân bình (hay sự hòa điệu) giữa gia đình và sự nghiệp. Tôi biết có một giới hạn mà tôi phải tự động dừng để giữ cho bằng được thế quân bình ấy.

H. *Thưa chị, nắm vai trò chủ quản có nhiều áp lực gay gắt do trách nhiệm, chị có gặp trở ngại nào trong việc dung hòa hoạt động nghề nghiệp với cuộc sống riêng tư như chị vừa đề cập tới không? Nếu phải lựa chọn, chị sẽ lựa chọn thế nào?*

Đ. Tôi nghĩ câu hỏi lựa chọn có tính cách lý thuyết nhiều hơn là thực tế. Dầu sao, theo thiển ý, hạnh phúc gia đình lâu dài hơn sự nghiệp và con cái chỉ có một tuổi thơ để được sống trọn vẹn với cha mẹ và được cha mẹ hướng dẫn vào đời, tôi không muốn để mất cơ hội quí báu này.

H. *Từ bối cảnh một xã hội mà vai trò gia trưởng do nam giới nắm giữ chuyển sang một xã hội đề cao nữ quyền, từ bối cảnh một xã hội nặng tính nông nghiệp lạc hậu chuyển sang một xã hội đại công nghiệp tiến bộ, đảm nhiệm chức vụ có nhiều quyền hạn trong công ty, hoàn cảnh mới này, theo chị, có ảnh hưởng (xấu, tốt) đến nữ tính không?*

Đ. Trước hết, có lẽ chúng ta cần định nghĩa thế nào là nữ tính rồi sẽ thảo luận sau thì tiện hơn. Nếu hiểu nữ tính như cái thời của mẹ tôi, người đàn bà chẳng có gì nhiều để nói, chỉ tuân phục quyết định tới từ người khác, nhút nhát, sợ hãi, cam chịu, thì cái nữ tính này có lẽ đã hoàn toàn bị biến dạng ở đây. Còn như nếu hiểu nữ tính là nét duyên dáng, thông minh, tế nhị, khả năng thu hút hay thyết phục, sự ứng xử nhậy bén, tôi nghĩ nữ tính ấy càng có môi trường phát triển tốt ở đây và làm người đàn bà đẹp hơn.

H. *Thưa chị, có một lúc nào chị liên hệ các thành tựu của riêng chị trong cái tổng thể chị là một người Việt Nam trước khi trở thành công dân Mỹ, do đó, chị có những suy nghĩ hoặc băn khoăn nào đối với đất nước hay không?*

Đ. Cho tới nay, tôi chỉ mới tham gia các công tác cứu trợ nhân đạo ở Việt Nam, phần lớn do mẹ tôi kêu gọi. Bản thân, chưa có một hướng hoạt động hoặc đóng góp nào đáng kể.

H. *Câu hỏi sau cùng tuy không kém phần quan trọng: thưa chị, nhìn lại con đường hội nhập thành công tốt đẹp của mình, chị có chia sẻ nào dành cho các bạn gái xung quanh chị không?*

Đ. Quan niệm sống của tôi là luôn luôn làm mọi việc với tối đa khả năng mình có, như thế để sau này không bị dày vò bởi hối tiếc, cũng không phải tự trách mình vì chưa cố gắng đủ.

NHẤT LINH, GIÒNG SÔNG THANH THỦY

THỤY KHUÊ

Nhất Linh bắt đầu viết *Dòng Sông Thanh Thủy* * ngày 28/11/1960. Cuốn đầu, *Ba Người Bộ Hành*, 248 trang, viết trong vòng một tháng. Hai tập sau chắc cũng viết rất nhanh bởi toàn bộ ba cuốn, hơn 600 trang, được nhà Đời Nay in năm 1961, hai năm trước khi Nhất Linh quyết định tự chấm dứt đời mình.

Tại sao lại có *Dòng Sông Thanh Thủy*? Một bộ tiểu thuyết thoát ra ngoài cõi viết của Nhất Linh, một người mà cho đến năm 1960 vẫn đặt vấn đề chính trị ra ngoài văn học? Phải chăng Nhất Linh muốn để lại một *tự phán* của nhà văn Nhất Linh về nhà chính trị Nguyễn Tường Tam, và qua đó là bản án của văn học đối với cách mạng?

Dòng Sông Thanh Thủy là một trường giang tiểu thuyết, gồm: *Ba Người Bộ Hành, Chi Bộ Hai Người* và *Vọng Quốc*. *Dòng Sông Thanh Thủy* viết về một thời kỳ cách mạng Việt Nam tại Trung Hoa, thời kỳ 44-45, trên trục Côn Minh, Khai Viễn, Mông Tự, Hà Giang mà hoạt động chính trị của Việt Minh và Việt Nam Quốc Dân Đảng thời đó, ở vào thế phải diệt lẫn nhau bằng những phương tiện ám sát, thủ tiêu tàn bạo nhất. Hai nhân vật chính trong truyện: Ngọc, cán bộ Việt Quốc, Thanh, cán bộ Việt Minh, đều biết họ có nhiệm vụ phải giết người kia nhưng đồng thời họ cũng yêu nhau bằng một tình yêu tuyệt đối: tình yêu đến chết.

Về văn phong và nghệ thuật, *Dòng Sông Thanh Thủy* không phải là tác phẩm nổi bật nhưng là cuốn sách mạnh nhất về tư tưởng và chính trị của Nhất Linh, ông điều tra về con người, về các guồng máy chỉ đạo con người, về tội ác, về các sự nhân danh lý tưởng, tổ quốc dẫn đến tội ác, về chỗ đứng của tình yêu, bên cạnh tội ác. Tóm lại là sự sa đọa của con người trong các guồng máy cách mệnh, Việt Quốc và Việt Minh nói riêng, và qua đó là sự sa đọa của con người trong các guồng máy cách mạng nói chung.

Dòng Sông Thanh Thủy không phải là cuốn tiểu thuyết chống Cộng sản, bênh Việt Nam Quốc Dân Đảng, ở đây Nhất Linh đứng ngoài địa vị đảng trưởng, ông dùng địa vị nhà văn để xét về những hành động tàn bạo của những con người bẩm sinh hiền lành, có lòng nhân ái, nhưng khi đã bị rơi vào guồng máy cách mạng (như những đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng hay Việt Minh), có thể trở thành những kẻ sát nhân lạnh lùng, không một chút rùn tay, chùn bước. *Dòng Sông Thanh Thủy* là tác phẩm phản đề, phản lại những mẫu người cách mệnh trước, như Dũng, như Trúc v.v..., những nhân vật lãng mạn đi làm cách mạng mà không nhúng tay vào tội ác. Với *Dòng Sông Thanh Thủy*, Nhất Linh xác định: cách mạng và tội ác đi đôi với nhau, không thể khác. Và trong *Dòng Sông Thanh Thủy*, Nhất Linh nhà văn, kết án Nguyễn Tường Tam nhà cách mạng, để đưa ra một thực tại thứ nhì: cái đẹp trong văn chương và ý nghĩa nhân bản của văn học sẽ còn tồn tại lâu dài, như những câu thơ của Tô Đông Pha vẫn sống mãi mãi trong lòng người, trong khi những Chu Du, Tào Tháo ... đều đã trôi vào quên lãng. Chứng cớ là 40 năm trôi qua, Nhất Linh nhà văn vẫn còn tồn tại, trong khi nhà cách mệnh Nguyễn Tường Tam đã đi vào dĩ vãng của lịch sử. Đó là ý nghĩa sâu xa của tác phẩm.

*

Dòng Sông Thanh Thủy được cấu trúc như một tiểu thuyết trinh thám mà các đối thủ rình tìm chỗ hở của nhau để ra tay, lồng trong không khí toàn thể là sự nghi ngờ, một nỗi nghi ngờ bệnh hoạn: không biết đối phương là ai? Là gián điệp một chiều hay hai chiều? Kẻ mình sắp giết có phải là nội giám của phe địch hay oan? Hay chính mình là kẻ sẽ bị phe địch giết trước? *Ba Người Bộ Hành* là sự rình rập tay ba giữa Ngọc, Tứ và

Nghệ. *Chi Bộ Hai Người* đối chất, dò thám giữa Thanh và Ngọc, và *Vọng Quốc* theo dõi đường về cõi chết của hai người.

Những nhân vật chính (cán bộ Việt Quốc và Việt Minh) xuất thân ở những môi trường khác nhau, làm cách mệnh vì *tình cờ* hơn là vì *lý tưởng*.

Ngọc (Việt Quốc) đang đi học, vì nhà sa sút nên phải bỏ dở để học nghề đan ren ở làng bên cạnh. Ngọc yêu Thúy, con ông chủ. Thúy mất vì ho lao. Đang bàng hoàng vì cái chết của Thúy, Ngọc được Lê, anh ruột Thúy dẫn vào cách mạng, trở nên một cán bộ chuyên nghiệp, giữ việc giao liên và thủ tiêu những phần tử Việt Minh. Thanh (Việt Minh) được lệnh quyến rũ Ngọc, trà trộn vào hàng ngũ Việt Quốc ở Vân Nam và Hà Giang để triệt hạ toàn bộ. Thanh thuộc lớp người trưởng giả, con nhà giàu, có học, lấy chồng nhưng người chồng chơi bời, tiêu hết tiền hồi môn của vợ, hai người ly dị, Thanh gặp người tình thứ nhì, lại bị lừa lần nữa, chán nản sự đời, gia nhập Việt Minh.

Những nhân vật khác cũng theo cách mệnh vì những lý do cá nhân hơn là vì lý tưởng, như Nam, trước làm y tá, vì nhà sa sút nên phải lấy một người chồng Tàu, rồi theo chồng sang Vân Sơn; chồng chết, ở hẳn lại Vân Nam, hành nghề thầy thuốc, đỡ đẻ giúp người, gia nhập Việt Quốc, thi hành các vụ thủ tiêu. Nam, dưới mắt Ngọc, «*nàng là người rất hiền lành thế mà bây giờ nàng cũng giết người không khác gì chàng*» (Ba Người Bộ Hành, trang 110). Về việc Nam thủ tiêu Vương Đức, một cán bộ Việt Minh, Ngọc nghĩ: «*chàng chưa hiểu được tại sao một người đàn bà nhu mì như Nam lại có thể giết người, mà lại tự ý giết một cách độc ác như thế, chàng thốt nhớ lại câu Thanh nói: «Bị cái guồng máy nó lôi kéo.» [...] Ý nghĩ về cái tốt, cái xấu ở đời lại lảng vảng trong đầu óc chàng, [...] cũng như Tứ và Nghệ, đều là những người tốt, có lòng nhân đạo [...] Ngay lúc Nam kể cho chàng nghe về việc giết (Vương) Đức, chàng không khỏi ghê tởm vì lòng độc ác của con người; chàng thấy thương hại cho Đức khi bị Nam bóp cổ; đôi mắt mờ ấy biết đâu đã không đau khổ vì không hiểu và biết đâu Đức không có cha mẹ, vợ con hay một người yêu và trước khi chết đã không nghĩ tới những người thân yêu đó*» (Ba Người Bộ Hành, trang 115)

Ngọc không hiểu hành động của Nam, một người phụ nữ hiền lành, một bà đỡ, một thầy thuốc chữa bệnh cho người nghèo, một người cứu nhân độ thế mà lại có thể giết người không gớm tay, cũng như Ngọc không hiểu được chính mình, chỉ ít lâu sau sẽ nhúng tay vào việc thủ tiêu hai cán bộ Việt Minh, Tứ và Nghệ, một cách tàn ác và lạnh lùng không kém.

*

Ba Người Bộ Hành, viết về hành trình rình rập giữa Ngọc, Tứ và Nghệ. Cả ba đều đã dùng những thủ đoạn «dối trá, gian giảo, độc ác để hạ thủ nhau»: «*Họ rình nhau như những con thú dữ mà người nào cũng vì một lý tưởng mình cho là cao đẹp*» (Ba Người Bộ Hành, trang 207). Ở đây, Nhất Linh đã viết những trang thản nhiên và rùng rợn nhất về tội ác của con người, nhân danh cách mạng. Ngọc dẫn Tứ và Nghệ đến một chỗ được gọi là «chỗ ấy,» tức là nơi Ngọc sẽ thi hành bản án; trên đường đi xuyên núi rừng, phong cảnh hùng vĩ, Ngọc vừa đi vừa hát. Chàng cất tiếng hát cao giọng, đi thật mau cho bước chân ăn nhịp với bài hát mà chàng cố hát thật mau:

Hồn nước muôn năm sống cùng non nước!
Ngày nay ta noi tấm gương anh hùng,
Dù khó thế mấy quyết cùng nhau bước,
Làm cho vang tiếng cháu con nòi giống Tiên Long.

Chàng chuyển sang điệp khúc:

Mau, mau đồng lòng, tay cầm tay, trông cờ nước, ta đều bước,
Tuốt gươm, thề với núi sông ...
Hồn nước muôn năm sống cùng ...

Bài hát ấy là của Lưu Hữu Phước, đảng viên Việt Quốc trong thời kỳ bí mật từ trong nước truyền ra.» (*Ba Người Bộ Hành*, trang 214)

Trong suốt cuộc hành trình, Ngọc sung sướng thưởng thức cảnh đẹp, say sưa với những nhịp bước hùng ca như thế, và sau khi đã bỏ thuốc độc trong cà phê cho Tứ và Nghệ rồi, «*chàng nhấc thây của Nghệ và Tứ đem ra đặt sát gần bức vách núi rồi đẩy mạnh một cái. Hai cái xác rơi từ trên cao xuống, lọt vào khe mấy tảng đá. Đứng ở trên còn thấy hở ba cái chân, Ngọc bẻ một cành cây rậm lá quăng xuống, chàng phải quăng xuống bốn năm cành mới có một cành trúng và che phủ mấy cái chân hở. [...]*

Ngọc ngẩng lên: trời cao và xanh, lơ lửng một vài đám mây trắng. Các ngọn núi bao bọc chung quanh dưới ánh sáng mùa thu trong có một vẻ đẹp rực rỡ mà vẻ đẹp của trời thu như còn xa hơn nữa; nắng đẹp ở vườn sau nhà Thanh, nắng làm rám da mấy quả lựu và làm hồng đôi gò má Thanh đương đứng ngắm những cánh hoa lựu trắng, nắng còn đẹp ở những nơi xa xa nữa; lúc này Nga đương

ra vườn cất quần áo đã khô, lòng chợt nhớ đến chồng, mong ngày chồng về; nắng đẹp ở trong vườn người chị thân yêu của chàng giờ này có lẽ đương cau mũi và mắng chàng:

- Thằng Ngọc chết tiệt, đi đâu biệt tích không một lá thư gửi thăm nhà.» (Ba Người Bộ Hành, trang 237-238)

*

Phải có một bản lĩnh cao cường như Nhất Linh mới có thể hòa trộn tội ác trong một bối cảnh trời cao, mây rộng, yêu nước và yêu người như thế. Trong con người, không thể phân biệt được đường ranh thiện ác như Nhất Linh đã dẫn đầu tiểu thuyết bằng hai câu thơ của Nguyễn Du: *Trời kia đã bắt làm người có nhân, đã mang lấy nghiệp vào thân*, và lời của Pascal: *Vérité en deca des Pyrénées, erreur au delà*, bên này dãy núi Pyrénées là sự thực, bên kia là sai lầm.

Nhất Linh đã thay rặng Pyrénées của Pascal bằng dòng sông Thanh Thủy. Ở Nhất Linh, trong con người không có rặng Pyrénées, cũng không có dòng sông Thanh Thủy, hoặc nếu có thì cả núi lẫn sông đều chìm lấp trong cái vực chung thiện ác là trái tim.

Ngọc và Thanh là tên của loài lan quý, lan Thanh Ngọc mà Nhất Linh đã nâng niu bên dòng suối Đa Mê. *Dòng Sông Thanh Thủy* in 10 bản trên giấy Thanh Ngọc và trong 17 phụ trang do chính Nhất Linh vẽ, lan Thanh Ngọc được minh họa ở trang đầu với hai câu thơ:

Sắc trong Thanh Ngọc hương thơm mộng

Một thoáng mơ tiên thoảng xuống trần.

Bài thơ và bức họa mở đầu cho tiểu thuyết *Dòng Sông Thanh*

LƯU VỸ BỬU

VIẾT TRƯỚC NGÀY SINH NHẬT

Anh đặt dấu chấm lửng sau chỗ anh nằm
Lòng hồn nhiên đến lạ
Em có về kịp không, anh dọn quang mọi ngã
Kể cả trong chiêm bao.

Nếu có thể xẻ đời mình thành hai
Anh chọn cho mình thời quá vãng
Anh chọn cho mình một chiều thu bảng lảng
Em ngồi giữa vườn trăng.

Trời thì cao, biển thì xanh
Anh xanh xao chờ từng cơn mưa tới
Chờ sợi tóc vắt qua đời múa rối
Mịt mù dấu chân đi.

Đã bao lần anh đốt cháy chia ly
Để mong một lần hạnh ngộ
Như con gió xoay vần phẫn nộ
Em về phía hư không.

Anh chợt nghe từ cõi mênh mông
Tiếng ngựa rơi trong chiều thăm thẳm
Em thâm u giữa hào quang nắng lạnh
Anh gối đầu vào rêu phong.

Cầm dấu hỏi trên tay, anh đi về phía bão giông
Đồng cỏ nào cho anh, ngày sinh nhật
Nụ hôn nào cho anh, ngày suối mát
Tình khô gầy gãy vụn dưới chân ai?

Biết nói gì trước mỗi ban mai
Anh im lặng trước cuộc đời bất trắc
Anh im lặng trước tình yêu đã mất
Ta chạm lưng vào nhau.

Thủy như để giới thiệu chân dung hai người, vừa trong như *Ngọc*, vừa *Thanh* như lan, nhưng cũng lại là những kẻ giết người không gớm tay, khi họ bị guồng máy cách mệnh cuốn về hai phe đối đầu: quốc gia và cộng sản.

Tác phẩm của Nhất Linh, do đó không chỉ viết về một thời tranh chấp giữa Việt Minh và Việt Nam Quốc Dân Đảng những năm 45, mà còn bao trùm những tranh chấp Quốc-Cộng, sau khi Nhất Linh mất. Những tranh chấp ấy không phải thời này mới có, mà có tự ngàn xưa: «*Thanh nói với Ngọc:*

- Cái guồng máy ấy vẫn còn, còn mãi. anh đã xem Đông Chu Liệt Quốc và Tây Hán chứ?

- Có, tôi có đọc nhiều lần.

- *Đấy, anh xem cái guồng máy đã có từ mấy nghìn năm trước. Anh chắc còn nhớ Vệ Ưởng nước Tần, Phạm Lãi với Văn Chủng nước Việt, Hàn Tín với Trương Lương đời Tây Hán. Vệ Ưởng, Văn Chủng, Hàn Tín đều bị cái guồng máy nó nghiền nát nhừ cũng như nó sẽ nghiến anh Ninh và cả anh nữa. [...] Anh bị lôi cuốn vào đó và tôi cũng vậy.*» (Chi Bộ Hai Người, trang 86)

Thanh, trong truyện, gần gũi với Nhất Linh, tâm hồn nghệ sĩ, yêu cái đẹp, có tư tưởng. Đã bao lần Thanh muốn bỏ tất cả để tìm đến thiên thai với Ngọc. Họ đã sống những giây phút thần tiên, lãng mạn với nhau, đã đi thuyền trong trăng, đã dạo vườn đào Côn Minh như Lưu Nguyễn. Thanh đã muốn bỏ tất cả tục lụy, tranh chấp, chém giết, nhưng guồng máy không tha cho Thanh, không tha cho Thanh-Ngọc. Như Thanh, Nhất Linh cũng đã bỏ tất cả, lên Đà Lạt tu tiên, tìm một cõi đam mê, vượt khỏi bậm bụi cuộc trần, nhưng rồi rút cục Nguyễn Tường Tam cũng không thoát khỏi guồng máy, lại trở về trần, trở về với đấu tranh chính trị, để rồi bị cái guồng máy chính trị ấy nghiền nát. Nhất Linh gánh cái nghiệp của nhà văn và nhà cách mạng: cả hai đều biết rất rõ về nhau nhưng không buông tha nhau và đeo đuổi nhau đến hơi thở cuối cùng. Văn chương và cách mạng đối với Nguyễn Tường Tam Nhất Linh như Ngọc và Thanh, như lan Thanh Ngọc, là một thứ tình yêu lạ lùng, tình yêu đến chết.

Khi Ngọc và Thanh biết đích xác nhiệm vụ của nhau, họ cùng đi với nhau đoạn đường cuối tên là Vọng Quốc. Họ cùng vọng quốc như nhau, cùng rời Côn Minh đi về biên giới, vượt cầu sang sông Thanh Thủy, về Hà Giang để phụng sự đất nước.

Đất nước là của chung, nhưng cách phụng sự đất nước của đảng họ lại khác. Cho nên phải giết nhau. Đoạn đường cuối ấy được Ngọc cảm nhận như sau: «*Ngọc cho cuộc đi với Thanh về Hà Giang như một cuộc tìm kiếm thiên thai; thân chàng dù có bị guồng máy nghiến nát nhưng linh hồn chàng theo lời Thanh vẫn thường nói, sẽ tan đi như hạt muối trong nước hay biến thành một niềm vui hòa loãng trong cái mênh mông của hư vô. Phạm Lãi, Tây Thi chết đã mấy nghìn năm nhưng tâm hồn hai người vẫn tồn tại trong tâm hồn nhân loại.*» (Vọng Quốc, trang 92)

Trong hành trình này, có lúc tâm sự, hai người đã đồng ý với nhau rằng trước khi chết, nếu được nhìn một hình ảnh đẹp, nghe một điệu nhạc hay, thì cái chết chắc sẽ bớt đau hơn. Và rồi họ cũng đạt đến giây phút thần tiên ấy:

«Thanh để hết cả tâm hồn khe khẽ ngâm, tiếng thoảng nhẹ như hơi gió trong đêm trăng sương mù:

Đêm sương thoảng tiếng ai trong gió,
Lòng hỏi lòng biết có hay không?
Hay chăng tiếng vọng mơ mòng
Của lòng mình nói cho lòng mình nghe...

Tiếng ngâm rứt đã từ lâu nhưng dư âm còn vang mãi trong hồn Ngọc. Tự nhiên chàng nghĩ đến hôm đi chơi hồ, Thanh ngâm bài phú Xích Bích và nói bây giờ còn đâu Tào Tháo, Chu Du nhưng câu thơ hay của Tô Đông Pha và ánh trăng trong trên dòng Xích Bích thì còn mãi mãi. Chàng nghĩ Thanh và chàng có thể lát nữa sẽ chết, Việt Quốc, Việt Minh ám hại lẫn nhau cũng không còn nữa. Nhưng tiếng ngâm của người yêu thì như mãi mãi bàng bạc trong không gian của những đêm sương lạnh.» (Vọng Quốc, trang 208)

Có phải đó là chúc thư văn học của Nhất Linh? Phải chăng Nhất Linh muốn nhắn lại rằng những con người tranh giành nhau vì quyền lực, vì lý tưởng, rồi sẽ chết. Nhưng *tiếng thơ* không chết. Tô Đông Pha không chết. Cho nên nhà chính trị Nguyễn Tường Tam có thể chìm trong quên lãng nhưng nhà văn Nhất Linh sẽ sống mãi với *Đôi Bạn, Bướm Trắng, Xóm Cầu Mới, Dòng Sông Thanh Thủy*... trong lòng người.

Paris, tháng 5/2002

(kỳ tới: Nhất Linh, Xóm Cầu Mới)

* Nguyên tựa của Nhất Linh là Giòng Sông Thanh Thủy, chúng tôi sửa lại là Dòng Sông Thanh Thủy cho đúng chính tả.

THOÁNG HƯƠNG XƯA

Tưởng nhớ Phạm Huy Anh, người bạn-em-cô-cậu

TRẦN HUY SAO

Hồi chiều, đi ngang qua nhà lớn định bụng bán mấy con dế cho chú Tơ chơi. Tình cờ thấy O Huê đang ngồi phục dưới đất, mặt mũi ràn rụa nước mắt, nói với Ôn :

- *Ôn thương tình bỏ qua cho cháu. Hắn nhỏ dại có biết chi mô. Để tui về phạt hắn, cho hắn chừa.*

Rồi hai tay O quơ quào quanh mặt, làm như có kiến đậu ruồi bu chi hung dữ lắm. O rền rĩ, giọng nghe mà não nuột :

- *Thiệt là ốt dột quá chừng. Tui mà có ngờ chuyện là rứa đâu Ôn* !

O trợn mắt, nghiến răng đay nghiến :

- Cái thằng ni. Tao giết mi chưa đáng..

Tôi giật nẩy cả người, ngồi thụp xuống, mắt láo liêng. Tưởng là O bắt gặp tôi đang rình lén. Nhưng không,giọng O vẫn chì chiết :

- Hắn trốn mô không biết. Tui tìm hắn cả trưa ni. Thiệt là tui khổ vì hắn đó Ôn ơi !

Thì ra O đang chì chiết thằng bạn em cô cậu của tôi, thằng Chắc đó! Mà chuyện chi đến nỗi phải lên gặp Ôn? Gặp Ôn là chuyện lớn rồi! Chuyến ni thì có mà chết chắc. Tò mò quá, tôi thè thẹ nhón chân nhìn qua khe cửa. Thấy thương O quá, trong dáng ngồi ủ rũ, tả tơi. O đang thút thít, mặt mũi chèm nhem. Ôn tôi thì đang ngồi dáng trầm ngâm, mặt Ôn đỏ rần như trái mẫn-quân, mấy ngón tay cứ xoắn xít quanh nhau trong vẻ dáng bứt rứt. Phút yên lặng trải dài làm tôi cũng muốn nghẹt thở. Cuối cùng, Ôn "*Xì*" lên một tiếng đầy vẻ bực dọc, rồi nói với O tôi :

- Thôi được, Mự về đi. Chuyện ni không nói với ai nhưng Mự phải gặp riêng con Túy, nói với hắn, để hắn bỏ qua.

O tôi đứng dậy, khẽ khàng lấy vạt áo lau nhanh qua mặt rồi vái Ôn, mở cửa bước ra. Tôi chạy vội qua góc nhà rồi quẹo xuống cửa bếp, dông tuốt ra sân. Núp sau gốc Vả, tôi thấy dáng O rất là tội nghiệp. O băng qua khoảnh sân rộng rợp bóng dừa và lả tả rơi mấy bông hoa Sứ trắng nõn. Buồn thiệt là buồn. Đúng là người buồn, cảnh có vui đâu !

Trong số các O, các Dì, tôi thương nhất là O. O hiền hậu dịu dàng và đẹp. Dáng O thanh tao đài các, ăn nói thiệt là rót mật vô lòng. Rứa mà hồng nhan đa truân. Nghe đâu hồi gặp Dượng, O còn nhỏ lắm. Ôn Mệ tôi không ưng Dượng chỉ vì Dượng đờn giỏi hát hay, đi tới mô cũng có bạn bè đàn đúm. Nói năng thì buông thả, không giữ gìn, ý tứ. O tôi thương Dượng giữa bốn bề thọ địch. Phía địch thì không có ai hết, chỉ có mình Dượng trơ trọi tới lui coi như là lãnh đủ mọi điều cay đắng tủi nhục. Về phía "phe ta" thì vô tình có, hữu ý có, chia nhau hai nhóm mà tự kình chống nhau dai dẳng. Ôn tôi thì chủ trương bài Dượng quyết liệt, không hề nương tay. Mệ tôi, lúc ban đầu, là tay phò trợ đắc lực cho Ôn, sau không biết làm sao lại... ly khai lập bè phái mới ủng hộ O quá chừng. Nghe đâu xuất phát từ bữa qua nhà Mệ Xướng chơi, tình cờ gặp và nghe Dượng đang

thủ diễn một màn độc tấu đờn Nhị. Tiếng đờn lả lướt của Dượng đã làm cho Mệ tôi thay đổi lập trường là vậy. Dưới trướng của Mệ tôi có nhiều tay trợ thủ đắc lực phải kể tới là O Dung, O Thiệt và cả Ba tôi nữa. Mấy O tê thì không biết thế nào. Riêng Ba tôi, ông khoái Dượng không hẳn là vì tiếng đàn réo rắt lòng người mà chính là vì Dượng... biết uống rượu. Không phải kiểu uống rượu đầy vẻ hào khí như mấy tay anh hùng hảo hớn ngày xưa. Cứ dốc bình lên mà nốc, rượu chảy tràn lan ra ngoài, phí phạm quá trời! Rồi nói năng như kêu đò rổn rảng nghe mà chướng tai. Ba tôi uống rượu thiệt là cầu kỳ. Chung rượu chi mà nhỏ như hột mít, mỗi lần chiết rượu ngó chưa đủ ngụm.Vậy mà cứ nhấp hoài, tưởng là rượu Thạch Sanh, uống hoài không thấy cạn. Mỗi lần ngồi uống thì thiệt là lâu. Bạn rượu đứng lên chia tay, ai cũng khật khừ lảo đảo. Tôi nghĩ, mấy Ôn chỉ bị mỏi gân mỏi cốt vì ngồi lâu, chớ có say sưa chi mấy ngụm-hột-mít! Vậy mà Dượng tôi chịu đựng giỏi. Ba tôi khen Dượng hoài. Không biết khen ở điểm nào cho đáng, nhưng có khen là O tôi vui. Sau này, nghe Mạ tôi nói :" *Ba mi chỉ có Dượng là kỳ phùng địch thủ.*" Tôi lại khám phá thêm một điều lý thú. Té ra rượu Ba tôi uống là loại rượu được chưng cất riêng. Một chung hạt mít đó cũng đủ sật sừ. Thảo nào, mấy Ôn sau buổi tiệc tàn cứ khật khà khật khưởng. Mới biết là có mỏi mệt chi đâu, say rượu đó! Rứa mà Dượng có hề. Sau bữa tiệc còn ôm đàn mà lả lướt ngũ cung gọi là để hầu anh. Ba tôi ưng bụng lắm.

O với Dượng ăn ở với nhau không cưới hỏi rườm rà, âm thầm và lặng đắng trong miệng tiếng thị phi. Nhưng tôi biết chắc một điều là hai người rất hạnh phúc. Sau đó, O bị từ bỏ ra khỏi lề thói và khuôn phép của gia đình buộc lòng phải bôn ba ly xứ, chẳng biết đi về hướng nào! Tôi còn trụ lại ở cái làng hẻo lánh xa cách Cố Đô này một khoảng thời gian ngắn rồi cũng theo gia đình tha hương.

Ba tôi vô nhậm chức ở cái vùng đất rẻo cao xa lạ và khác biệt quá! Thì ra, hầu hết họ hàng nhà tôi đều vào đây lập nghiệp, khai phá đất đai tạo dựng cuộc sống mới. Đó là theo chân Ôn Chú tôi.

Ôn Chú tôi là em thứ hai của Ôn Nội tôi, chịu không nổi cảnh nghèo nàn của làng quê đất cũ nên mới dấn thân đi tìm vùng đất mới. Bây giờ cơ ngơi Ôn rộng lớn, của cải dư thừa. Bà con làng cũ nghe tin Ôn hoạnh phát cũng bỏ làng quê xưa vào tụ hội rất đông. Ai Ôn cũng giúp đỡ và chỉ dẫn tận tình trong cung cách làm ăn ở vùng đất mới. Ôn trở thành Cả, của họ làng tôi. Chuyện nhỏ, chuyện to cũng phải tìm tới Ôn giải quyết. Vợ chồng cãi cọ nhau cũng tìm tới Ôn phân giải. Con cái hư cũng đưa tới Ôn, nhờ Ôn răn dạy. Ôn có nói *"Không"* hay nói *"Có"* thì cứ ngậm đắng mà vui, cho Ôn vui. Bởi vì Ôn là vai vế lớn nhất ở đây, lại giàu tiền lắm của. Quan trọng hơn hết là chỗ dựa lớn lao cho những người nghèo trong họ. Nhà Ôn ngày nào cũng có người tới lui khóc cười, thôi thì đủ chuyện. Hồi đó, đứa mô mà bị đưa tới gặp Ôn là són trong quần. Người lớn như mấy O, mấy Dì, mấy Bác, mấy Chú mà cũng mặt mày lơ láo thất thần, huống nữa tụi nhỏ tôi. Nề nếp bao đời không rũ bỏ được. Có trên dưới, có trước sau. Nghiễm nhiên, Ôn trở thành Trưởng Tộc, coi sóc việc Họ hàng năm, trong vùng đất mới này. Con cháu quây tụ đông đảo, trở nên một họ lớn.

Ôn có ba người con. Chú Sánh lấy vợ miền Nam, đâu miệt Bình Dương thì phải. Thím cứ nhõng nhẽo suốt ngày, chắc là tại vì thấy mình đẹp. Chú chiều chuộng nưng niu mà ốm cả người. Được cái là tính tình Thím vui vẻ, hay nói chuyện. Tiếng nói như chim líu lo, hay tuyệt. Có điều không có ai nghe cho ra! Chú Tơ là trai mới lớn, coi bộ con cưng. Suốt ngày cứ ham chơi đá dế, ăn nói chẳng nể nang ai. Bụng thì cứ thẳng đuột ai nói sao tin vậy, bị tụi tôi dụ khị hoài. Rồi đến O Túy. O ni mới thiệt là thon thả dịu dàng, đẹp quá đỗi. Ôn Mụ tôi có đẹp chi cho lắm rứa mà sinh O ra sao mà sắc nước hương trời. Đúng là có câu *"Cha Mẹ hiền sinh con thảo, Cha Mẹ cú đẻ con Tiên."* O suốt ngày ở nhà, không thấy đi đâu. Mệ tôi cưng O mờ cả mắt...

Cũng nhờ Ôn mà tôi gặp được thằng bạn em cô cậu. Thì ra O Dượng cũng vô đây lập nghiệp. Sau hai năm vất vả, cần cù gia đình bắt đầu ổn định thì Dượng mất. Tội cho O tôi quá! Cũng tiếc thương cho Dượng quá chừng. Đúng là tài hoa bạc mệnh, hồng nhan đa truân. Ba tôi lúc mới biết tin, Ông buồn rũ rượi. Trái đất quả thật có tròn nhưng so lệch huyền vi tạo hóa, cái này giải không ra. Đêm đó, Ông ngồi trầm ngâm uống rượu một mình rồi gục trên bàn tới sáng. Lần đầu tiên tôi thấy Ba tôi buồn như rứa.

Chuyện rồi cũng phôi pha theo thời gian. Cuộc sống vẫn cứ đùn lên những gò đống cam go mới, nên chi cũng nguôi khuây phần nào. O tôi ở vậy nuôi con, đứa con một, cũng là đứa con chất ngất kỷ niệm của đời O. Lần đầu tiên tôi gặp thằng

em cô cậu của tôi ở gốc vả sau nhà Ôn. Thấy hắn đang nhai vả với muối tiêu ngon quá, tôi mon men tới làm quen. Hắn ngó tôi thiệt lâu rồi bất thần hất nắm muối tiêu vô mặt tôi. Nửa trái vả hắn đang ăn, hắn lấy hết sức mình liệng tôi nhưng không trúng. Tôi nghe một tiếng *"choãng"* lớn phía sau, rồi tiếng Mệ Tất la chói lói :

- Mụ-cô-tam-đợi, đứa mô liệng bể hết chén đọi tau rồi!

Trước khi dợm cẳng chạy, hắn nói với tôi :

- Cho mi lãnh đủ. Thêm một thằng nịnh hót nữa. Mi vô mà mét Ôn đi.

Rồi hắn lủi mất. Lần đó, tình ngay lý gian, tôi bị Ôn bắt phạt quỳ gối nửa ngày, về nhà bị Ba tôi đét ba roi quấn đít. Lúc đó tôi không biết hắn là con nhà ai nhưng biết chắc là hắn cũng có anh em bà con gì đó, với tôi. Thiệt tình tôi không giận, không buồn gì hắn.

Lần thứ hai khi tôi đem bánh Xèo nhà làm tới cho O, tôi. lại gặp hắn. Hắn đang ngồi chồm hỗm trên cành ổi lớn trước nhà. Hai ống quần đùi rộng thùng , tôi liếc thấy *trái-ớt-hiểm* của hắn nằm ỉu xìu mà phát tội Thấy tôi, hắn nhe răng cười :

- Ăn ổi không? Lần ni không có muối tiêu nghe. Hì...hì...

Tự nhiên tôi phát giận. Tôi giả làm mặt lạnh lùng, đi ngang qua còn nói với :

- Không có muối tiêu thì có muối ớt. Trái-ớt-hiểm đó, giã với muối bộ không được răng? Xì, cái đồ dơ dáng...

Khi tới thềm nhà, đưa tay định mở cửa, tôi nghe tiếng hắn la bải hoãi :

- Ê, ê thằng tê. Mi nói xỏ tau. Mi...

Rồi tôi nghe một cái *"Huych"*. Quay lại, thấy hắn nằm chỏng quèo, hai cẳng chân gầy nhom đưa lên trời. Cả hai ống quần rộng trật xuống, *trái-ớt-hiểm,* lại chỏng đầu lên, ngó mà tội nghiệp. Vừa lúc đó, tôi nghe tiếng O chói lói sau vườn :

- Trời ơi là Trời, cái thằng ni, mi lại phá chi đây...

Hắn vội vàng lồm cồm đứng dậy, chạy mất tiêu.

Bẵng đi một thời gian lâu, tôi lại gặp hắn. Lần ni chính tay O dắt hắn tới cho nên tôi biết đích thị hắn là thằng em cô cậu của tôi. Hèn chi phảng phất hình ảnh Dượng trong đó. Cha, thấy cu cậu ăn mặc chỉnh tề. Cũng cái quần đùi kinh niên, nhưng ống được bóp nhỏ lại, lòi cả đường chỉ vụng. Bữa ni thấy hắn hiền lạ. Hắn đứng vòng tay khúm núm bên cạnh O, chờ Ba tôi ra gặp, không biết có chuyện chi đây! Với thằng ni thì chuyện chi mà nó từ. Ôn mà hắn còn giữn mặt huống chi Cậu.

KHÁNH HÀ

Những Vùng Đất Khổ

Mặt trời lên. Mặt trời đang lên
Vẫn còn đây buổi sáng êm đềm
Dường như xa lắm vùng đất khổ
Đêm đêm khủng khiếp tiếng bom rền

Dòng xe cuồn cuộn về đâu nhỉ
Phố phường tấp nập một ngày vui
Dường như xa lắm vùng đất khổ
Ở đó hiếm hoi một nụ cười

Bàn chân quanh quẩn trong siêu thị
Lòng bận kiếm tìm một món ngon
Dường như xa lắm vùng đất khổ
Ở đó chỉ cầu được bữa no

Những vùng đất khổ không xa lắm
Một ngày chợt đến rất gần ta
Một ngày sụp đổ bao biểu tượng
Cho ta nhìn lại tấm lòng ta

(11/9/01)

Khi tôi bưng nước ra mời O, O nói :

- Để đó cho O, con..

Rồi O quay qua phía hắn, nạt khẽ :

- Răng mi không chào anh Cu đi...

Sẵn hắn đang vòng tay, hắn gật đầu lí nhí. Nhưng tôi làm sao mà không nghe tiếng hắn đang cười khùng khục trong miệng, dù rất cố nén. Đôi mắt hắn liếc tôi rất lẹ, ranh mãnh:

- Dạ, em chào anh Cu.

Cái tiếng cuối hắn kéo dài ra, cố ý rõ ràng. Tôi ậm ự trong miệng, hơi ngượng vì O làm chi mà trịnh trọng quá.Vừa lúc đó, nghe tiếng Ba tôi tằng hắng, tôi vội chào O rồi bước ra nhà sau.

Té ra là O qua gởi gấm hắn cho... tôi !

Từ lúc đó, hai đứa bắt đầu thân nhau. Không biết hắn khoái tôi ở điểm nào, nhưng riêng tôi thì rất cám cảnh cuộc đời mồ côi của hắn. Tính tình hắn tuy là rắn mắt nhưng thẳng thắn và rất sòng phẳng. Nhìn kỹ, đẹp trai lại có nhiều tài vặt. Tôi phục nhất là hắn leo cây dừa sao mà lanh, gọn như khỉ. Mụ Quỳ cứ vài ngày lại cho người đi tìm hắn, để hắn hái lá dừa cho Mụ. Nghề của Mụ là làm bánh quanh năm bỏ mối cho Chùa, cho Chợ. Đặc biệt, Mụ có làm loại bánh "*Phu Thê*" làm bằng bột lọc trộn lẫn những cọng dừa xắt sợi. Lại phải gói bằng lá dừa, bẻ góc cạnh vuông vắn như một cái hộp nhỏ, rất xinh. Đó cũng là loại bánh chạy hàng nhứt lại cần phải có lá dừa đúng dịp. Nhà Ôn tôi thì sẵn có một hàng dừa trước sân nên chi cứ một tuần hay hơn, Mụ lại cho người gọi hắn tới. Thiệt là ác đức, bắt thằng bé xíu mà leo cây dừa cao nghệu. Ngó hắn như thằn lằn ôm cột đình, rứa mà hắn leo thiệt lẹ không cần dây chỏi. Hắn tỉa tàu dừa ngọt xớt. Cột dây đưa buồng dừa xuống, gọn gàng. Mỗi lần hắn tới, Mụ lúc mô cũng sẵn sàng một mâm bánh trái gọi là trả công. Nhưng hắn thiệt lạ, nhiều khi vừa xuống đất đã thấy mất tiêu.

Hắn thường nói với tôi :" *Tau làm chi tau thích nếu tau không thích tau không làm. Ham chi ba cái bánh, lỡ rớt xuống, mười mâm cũng không hứng nổi!*" Hắn nói văn vẻ, triết lý mà thiệt đúng. Tôi đâm ra không ưng Mụ Quỳ, nhưng có ai cắt cớ hỏi tôi có ưng ăn bánh Mụ làm không, tôi sẽ trả lời là ưng, rất ưng. Nhưng hắn thì lúc nào cũng dứt khoát. Hắn hơn tôi, là ở chỗ đó.

Còn nhiều cái hơn nữa mà khi gần hắn tôi mới biết. Té ra, dù hắn có nghịch ngợm tới cỡ nào chăng nữa thì cũng không ai làm khó dễ. Hắn được hầu hết mấy Mụ, mấy O, mấy Dì, mấy Thím thương, ngoài miệng thì la lối chưởi rủa om sòm nhưng trong bụng có phải vậy đâu! Như câu chuyện mà tôi tình cờ nghe được ở nhà Ôn. O tôi thì bù lu bù loa kêu trời trách đất, còn hắn thì trốn biệt đi đâu mấy ngày. Té ra, hắn xuống nhà O Cháu, nói láo với O là " *Mạ con sai con xuống phụ việc cho O mấy ngày*!" O tưởng thiệt, mừng rơn ,thầm cám ơn cô em thơm thảo, tốt lòng. Nghề chính của O là nấu rượu lậu bỏ mối. Nay gặp hắn đi bỏ giùm thì thiệt là yên bụng, khỏi phải lo.

Chưa hết, Mụ Quỳ còn cho người đi tìm hắn ráo riết để hắn hái lá dừa.

Chú Tơ thì cứ nằng nặc đòi Mụ tôi đi mời hắn tới đá dế cho chú vui. Chú nói, chỉ có hắn quay dế bằng sợi tóc, dế mới hăng độ, đá coi mới sướng.

Mụ Tất thì đang dài cổ mong hắn tới để đọc truyện *"Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa"* cho Ôn Tất nghe. Mắt Ôn bị mờ, mà có sáng thì cũng có biết chữ đâu mà đọc! Ôn bị bệnh phong nằm một chỗ nhưng Ôn muốn đi gặp cho bằng được Khổng Minh Gia Cát, gặp Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Bị để bàn chuyện thiên-hạ-đại-sự. Ôn phải nhờ hắn, vì chỉ có hắn mới có cái giọng đọc làm cho ôn khi thì giật nẩy người theo tiếng thét của Trương Phi trên cầu Trường Bản, khi thì lả người muốn xỉu theo đuôi con mắt của Điêu Thuyền hí Lã Bố tại Phụng Nghi Đình nhà họ Đổng. Ôn thường nói: "*Hắn đọc tau nghe thiệt sướng, nhưng mà sao hắn hay đi đái quá. Đang nghe sướng lại đứt ngang làm mất sướng. Cái thằng ni, còn nhỏ mà thận yếu hung đó hè!*" Ôn đâu có biết Ôn nằm nghe thì sướng chỉ tội thằng nhỏ cứ rướn cổ đọc hoài. Hắn phải giả bộ cho có cớ mà thư giản đó, thưa Ôn.

Còn nữa, thím Thâu cũng đang cho người hối hả đi tìm hắn để thả heo vô chuồng. Thím khen hắn mát tay, thả con heo mô vô cũng ăn tạp, mau lớn lại không có bệnh hoạn chi hết. Heo hắn thả tuy là có quậy phá hư hại chuồng chút đỉnh, nhưng cái đó là chuyện nhỏ. Chuyện thím cần là chuyện heo phàm ăn, chóng lớn. Ra lứa heo bán thì không kêu, không ới chớ mà vô lứa heo là phải có hắn Thím mới yên tâm. Thì ra, trong cuộc sống hằng ngày, hắn thật sự cần thiết cho mọi người...

Mấy ngày rồi, O Huê đứng ngồi không yên. O không biết hắn ở đâu, nhưng tôi biết. Chỉ cần đứng ở ngã ba gần tiệm thuốc bắc Vạn Sanh Đường là nắm đầu được cu cậu ngay. Hình ảnh O khi rời nhà Ôn cứ ám ảnh tôi hoài, chẳng biết hắn làm chi mà sinh chuyện lớn. Thấy mà thương O quá, O bỏ buổi chợ không thiết tha ăn uống chi... Ngày hôm sau O lại chỉnh tề khăn áo tới

nhà Ôn. Tôi đoán chừng O đi gặp O Túy. Chờ gần cả buổi O mới về, mặt mày bớt sầu thảm. O nói với tôi: "*Con không biết hắn ở mô thiệt răng? Bộ hắn không nói chi với con à !*" Giọng O lúc mô cũng dịu ngọt, nhưng lần ni pha lẫn chút gì đó, rất phiền trách xa xôi làm tôi phát nhột. Chiều đó, tôi quyết định chờ hắn ở ngã ba đường, nhưng không thấy. Ghé qua nhà O Cháu, cửa đóng im ỉm. Tôi lại chạy qua nhà O, O đang ngồi sàng gạo, tỉnh táo và nhàn hạ trước hiên nhà. Thấy tôi, O không vồn vã hỏi thăm về hắn. Tôi đoán được phần nào nhưng cũng giả hỏi O :

- Thằng Chắc chưa về răng, O ?

O yên lặng một đỗi lâu rồi hỏi lại tôi :

- Rứa chơ con thấy thằng Chắc làm răng ?

Câu hỏi của O bất ngờ quá, làm cho tôi bối rối. Tôi ngồi xuống cạnh O, phụ lượm mấy hột lúa, yên lặng thừ người. Nhìn thấy những đường gân xanh trên bàn tay gầy guộc của O mà muốn khóc. Bàn tay xưa ngọc ngà thon thả là rứa, mà bây chừ răng mà sần úa như ri? Cũng tại mi hết, cái thằng trời-đánh-thánh-đâm, cô-hồn-các-đảng. Tự nhiên, trong một phút giây bất chợt, tôi đâm giận sôi gan cái thằng bạn em cô cậu của tôi. Hắn đã làm nhiều chuyện tày trời để khổ O, hết chuyện này tới chuyện khác...

Mới tháng trước đây thôi, ai đời hắn dám to gan bợ nguyên cả con gà luộc của Mụ Tất bày cúng Trời, cúng Đất ngoài sân. Hắn chỉ chờ cho Mụ quay lưng vô pha trà để cho mấy đấng Bề Trên khuất mặt tráng miệng là hắn quơ gọn con gà chạy tuốt. Bữa đó, thiệt tình mà nói, tôi cũng có dự phần, nửa ăn nửa bỏ. Hắn còn nói với tôi: "*Thì em cũng phải chờ cho mấy Ôn xong, em mới xin chớ bộ. Đây cũng như mình dọn chỗ trống cho mấy Ôn thời nước. Không tội lệ chi mô, ăn đi anh Cu.*" Hắn nói cũng có lý! Mấy người lớn thường nói của đã cúng xong ăn có phần lạt lẽo lắm. Lạt mô thì không biết chớ mà răng thịt con gà ni ăn thơm, ngọt quá chừng chừng.

Mấy ngày hôm sau, hắn tự nguyện tới nhà mụ Tất đọc truyện cho Ôn Tất nghe. Ôn mừng như bắt được của, Mụ còn mừng hơn. Mụ sốt sắng dọn đầy mâm thức ăn lên cho hai Ôn cháu lấy sức. Cháu lấy sức mà đọc. Ôn lấy sức mà nghe. Đọc truyện như rứa là hai ngày, hết hai tập "*Phong Thần*", hắn xin phép trở về. Ôn "*Ừ*" mà không ra hơi! Cũng tại vì Ôn thôi, ai biểu Ôn ham nghe đọc truyện, bỏ cả ăn. Té ra, đồ ăn thức uống Mụ dọn lên hắn một mình hưởng hết! Mụ cứ tưởng Ôn vui nên chi ăn được, dọn thêm, dọn thêm! Khi hắn về rồi, Ôn nằm liệt mấy ngày, phải đổ nước Sâm. Thiệt, trong đời tôi chưa từng thấy ai ham nghe đọc truyện như Ôn!

Vắng hắn mấy ngày cũng buồn, khi gặp lại, hắn nói: "*Rứa là em đã trả nợ cho Mụ rồi đó nghe. Còn Ôn, tại vì Ôn không chịu ăn, em phải ráng mà ăn chớ. Bỏ uổng.*" Vậy là sòng phẳng, theo ý hắn, để nhẹ lòng mà đi làm những chuyện tày trời khác.

Như Dượng Lô đó! Dượng dạo ni trắng trẻo, hồng hào, đẹp trai cũng là nhờ hắn. Trước kia Dượng đâu có được vậy. Người thì gầy nhom, đi đứng thì lúc nào cũng in như người say sóng. Mắt lờ đờ như thiếu ngủ ba-đời-tám-kiếp. Tại vì Dượng là tay nghiện rượu có tầm cỡ như người đời thường nói "*những người uống rượu là con Ngọc Hoàng.*" Con Ngọc Hoàng chi mà ăn nói ba-sàm-ba-đế riết rồi đi tới đâu con cháu cũng bu theo nói năng giỡn hớt không còn nề nếp chi cả! O Dung buồn điếng ruột cứ lên Ôn Cả khóc hoài. Bao nhiêu lần Ôn cho đòi Dượng lên gặp. Ôn làm hung làm dữ lắm. Mỗi lần như vậy trở về, Dượng đi đứng nghiêm chỉnh đâu được vài ngày, lại... say sóng tiếp. Rượu thì cứ tu trả bữa, nói năng chẳng bằng đứa con nít. Thiệt là hổ ngươi.

Bữa đó, xui mà cũng hên cho Dượng gặp được thằng bạn em cô cậu của tôi, thằng Chắc đó! Hắn thấy Dượng trên đường đi về nhà. Say lắm rồi mà cũng hay, còn nhớ đường về. Nhưng mà khổ nỗi, đi tới hai bước thì giật lùi ba. Mặt thì đỏ lừ. Mắt nhíu mở không ra. Áo cởi cầm tay, lâu lâu Dượng phất lên không vài cái, miệng ú ớ gì chẳng ai nghe rõ. Chắc là đang tưởng tượng một cảnh chia tay não nuột nào đó! Hắn đi theo Dượng một đoạn khá dài. Tới đám cỏ gần nhà, Dượng đứng lại đưa tay lên không quơ quào loạn xạ. Lại thêm một cảnh chia tay đứt ruột nào nữa đây! Sau đó, Dượng lủi vô đám cỏ, nằm chổng mông. Tức thì, hắn vọt thẳng ra, bỏ một nhúm lông mắt mèo trên mình Dượng, rồi chạy thẳng... Ai mà nghe nói tới trái mắt mèo thì chắc phải sợ. Hình dạng nó như con sâu róm, lông nhỏ li ti mắt thường khó thấy. Đụng vô người thì ngứa không thể nào chịu nổi. Dượng là dân uống rượu, là con Ngọc Hoàng đó, mà Dượng cũng không chịu thấu. Đem được Dượng về nhà, O Dung khóc la tru tréo :

- Đó, nốc cho nhiều vô. Ôn ơi là Ôn ơi ! Ra thân thể ni thì chỉ có báo vợ báo con. Trời ơi là Trời, răng mà tui khổ như ri... như ri...

Mặc cho O la khóc, nhảy đựng nhảy đột, Dượng cứ việc gãi. Gãi đã đời! Mình mẩy Dượng

đỏ rần, dọc ngang những vết cào xước da bật máu. Rứa là cấp tốc đưa Dượng ra tiệm thuốc bắc Vạn Sanh Đường. Ông thầy Tàu mù bắt mạch nói là sưng gan. O lại tru tréo thêm một thôi một hồi nữa. Kê toa cho thuốc, rồi về. Vừa đi, vừa gãi. Tới nhà, O lui cui sắc thuốc. Dượng nằm trên nhà lại gãi tiếp, gãi hung bạo tàn canh! Nói thì hung dữ rứa, chớ O thương Dượng lắm, lâu lâu chạy lên hỏi :

-Mình, có răng không mình?Bây chừ thấy trong người ra răng?

Dượng nhăn mặt nhăn mày gãi loạn...

Sau lần đó, Dượng mang một chứng bệnh tưởng rất lạ kỳ. Uống chút rượu vô lại bắt đầu thấy ngứa. Uống ít, ngứa ít. Uống nhiều, thấy ngứa toàn thân. Dượng sợ quá, quyết tâm bỏ rượu. Giờ đây thì mập mạnh, đỏ au. O Dung rất mừng. Từ đó, tiệm thuốc bắc Vạn Sanh Đường có thêm một thân chủ trung thành số một.

Chuyện đã tới đó đâu! Từ ngày Dượng bỏ rượu, đẹp trai quá chừng, O lại bắt đầu ghen hung bạo. O giữ Dượng riết trong nhà. Dượng trở thành một thứ cây cảnh cho O chăm chút, nưng niu. Dượng đi đâu lâu chút là O hối con đi kiếm. Riết rồi bạn bè cũng lánh vì không nỡ để O buồn. Dượng trở thành một cái thây ma, được cái là to con lớn xác, mập mạnh đỏ hồng. Suốt ngày cứ đi lên đi xuống đến nỗi mắt đỏ ngầu, môi thì lúc nào cũng bặm lại, nhẩn nhục, âm thầm. Lật khật, lù khù. Tướng đi còn say sóng hơn là lúc... còn uống rượu!

Chuyện đó, sau này hắn nói cho tôi nghe. Hắn cười, có vẻ thích thú. Còn tôi, thì tôi không cười nổi. Tôi lo, rồi hắn sẽ làm gì nữa đây, với cái tính nghịch ngợm của hắn !

Mà thiệt, có hết đâu! Hắn còn bày mưu, sử kế cho O Quỳnh phỉnh Mụ Quỳ uống thuốc ngủ để lén đi tới chỗ hẹn hò với chú Hồng Đức (chà, tên nghe đẹp quá chừng). Báo hại Mụ ngủ hoài không thèm làm bánh. Nhà Chùa réo. Chợ réo. Bạn hàng réo. Tưởng là Mụ *"đi"* luôn, lúc đó. O Quỳnh khóc sưng cả mắt. O giận lắm, bữa gặp tôi, O nói nhắn: *"Tưởng Hồng Đức chi mô, thất đức thì có. Hắn tên là Hoàng Đực nói trại ra đó nờ. May mà Mạ tao có sức, không thì..."* Tại vì O biết tôi thân với hắn. Cái trò ni là do chú Hồng Đức hay Hoàng Đực chi đó bày vẽ ra cho hắn chớ con nít biết chi ba chuyện tình ái lăng nhăng mà bày mưu với lại tính kế.

Rồi nữa. Ai đời hắn dám rủ chú Tơ đi tập bơi. Chú lớn nhưng mà tính còn trẻ nít. Nghe hắn nói bắt chuồn-chuồn cho cắn lỗ rún thì người nhẹ hều, bơi được liền không cần phải tập, chú ưng bụng lắm. Bữa đó, hắn bắt đâu được con chuồn chuồn, tới rủ Chú đi bơi. Chú thè thẹ trốn Ôn, Mụ đi liền. Hắn bắt Chú nằm ngửa, phơi cái bụng trắng lốp, rồi dí con chuồn-chuồn vô rún cho cắn. Cắn đâu được mấy lần, Chú vừa đau vừa nhột la oai oái, nhưng trong bụng mừng. Hắn nói chỉ cắn một lần là đã biết bơi rồi, huống chi đây cắn tới mấy lần chắc bơi giỏi hung. Lần đó, may mà có chú Luân đi lưới cá vớt kịp không thì chú Tơ cũng đi đầu thai sớm. Đưa Chú về nhà, Chú nằm thẳng cẳng. Còn hắn, hắn trốn mất tiêu. Ôn, Mụ giận sôi cả người. O Huê thì xỉu lên xỉu xuống ở nhà Ôn. Bà con thì tới lui nườm nượp vấn an, thăm hỏi. Ai cũng lắc đầu, le lưỡi. Cái thằng, dám mà vuốt râu Ôn, râu hùm đó! Đâu mấy ngày sau, chú Tơ đi lại bình thường. Chú khoe với mấy đứa em bà con của tôi là Chứ gặp được Long Vương. Râu Ông dài, mắt Ông đỏ, mặt Ông xanh lè. Xạo quá!

Sau lần đó, O tôi bệnh nặng, Mạ tôi phải tới chăm sóc cho O suốt cả tuần. Hắn thì lên gặp Ôn Cả. Ôn bắt hắn nằm xuống định ra roi thì chú Tơ lăn vô nằm vạ đòi xin tha cho hắn. Ôn thương con nên cũng phải đành thương cháu, tha hắn về.

Về để chi! Để hắn lại đi làm những chuyện tày trời khác không kể làm chi cho xiết. Bởi rứa cho nên làm sao trả lời câu hỏi của O, về hắn? Nói thiệt lòng thì không nỡ mà im lặng thì cứ áy náy hoài. O chừng như cũng hiểu ý, cú nhẹ đầu tôi :

- Hai đứa mi có còn chi lạ. O hỏi rứa thôi, chớ O biết hết rồi.

Tôi cười gượng gạo, nói với O :

- O biết rồi, răng O còn hỏi mần chi? Con với hắn là anh em mà...

Tự nhiên O cầm tay tôi, giọng O buồn, thiệt buồn:

- Còn hơn là anh em nữa! Thiệt là giống Ba con với Dượng ngày trước...

Những giọt nước mắt O rớt trên bàn tay tôi, nóng hổi. Tôi ngỡ ngàng, hoảng hốt :

- *Thưa O, con có làm chi...*

O xiết nhẹ bàn tay tôi, lắc đầu :

- *Không, không chi cả. O vui mà khóc đó. Thôi con về đi, đừng để Mạ con trông. Thằng Chắc chừ đang trẩy lá dừa cho Mụ Quỳ, ngoài nớ.*

O buông bàn tay tôi, đứng dậy đi mau ra phía sau nhà. Tôi thoáng nhìn những đường gân xanh trên bàn tay gầy guộc của O. Bàn tay gầy guộc mà tôi chưa bao giờ cảm thấy xót xa hơn!

(Còn tiếp)

BẠN VỀ XỨ BẠN

PHẠM THÀNH CHÂU

Thiếp gặp chàng bên đàng chợ Phố
Chàng gặp thiếp nơi chỗ Chùa Cầu.
Nhìn nhau nước mắt thấm bâu.
Bạn về xứ bạn, không biết giải (mối) sầu cùng ai
(Hát ru em ở Hội An)

Đó là một buổi chiều trong một xóm yên tĩnh. Có tiếng gõ cửa, bà Mai ra mở cửa. Người đàn ông đứng nhìn bà, nói nho nhỏ "Mai! Anh tìm đến thăm em..." Bà Mai giật mình, mắt mở to, miệng há ra, tay bà đặt lên ngực, như muốn giữ cho trái tim đập lại bình thường. Rồi bà để ngón tay trỏ lên môi ra dấu im lặng "Xin lỗi, ông hỏi ai ạ?" "Cho tôi hỏi thăm. Có phải nhà ông Toàn không ạ?" "Vâng đúng rồi! Mời ông vào nhà" "Cám ơn bà!" Bà Mai quay vào "Mình ơi, có người hỏi thăm" "Ai đấy?" "Em không rõ!" "Vâng anh ra ngay"... "Ồ! Bạn Nam. Sao bạn biết tôi ở đây mà đến thăm?" "Nhân dịp qua Washington D.C, gặp bạn Kỳ, bạn ấy cho tôi địa chỉ, tiện đường tôi ghé thăm ít phút rồi đi ngay" "Sao vội thế! Gặp bữa, mình lai rai với nhau, chuyện trò" "Cám ơn bạn, xin khi khác..." "Vậy thì mời bạn chén trà vậy. Mình ơi! Nấu cho anh ấm trà" "Dạ! Em đang nấu, nước gần sôi" "Sao, gia đình bạn qua cả bên Mỹ nầy chứ?" "Tôi chẳng có vợ con. Lúc ở Việt Nam tôi lang bang, qua đây cũng lang bang." "Lâu quá! E cũng trên vài mươi năm rồi. Nhớ lúc tụi mình thi tú tài hai xong là bạn bỏ Hội An đi biệt, không hề về thăm bạn bè... Đến bây giờ mới gặp lại" "Lúc đó tôi đi lính, rồi hành quân liên miên. Cũng nhớ Hội An tụi mình lắm chứ... Chà, trà thơm quá, uống thích thật!" "Mời bạn cạn thêm chén nữa. Bạn bè, lúc còn bên quê nhà đã khó gặp, qua đây, chắc gì gặp lại nhau lần nữa. Bạn chịu khó ghé thăm, vợ chồng tôi rất cám ơn. Mình ơi!" "Dạ!" "Mình có nhớ ra ai đây không?" "Chào anh ạ! Thú thật, em chẳng nhớ rõ." "Anh Nam, nhà trong hẽm. Đầu hẽm là nhà em đó." "Thế à! Chào anh Nam. Xin lỗi anh, lâu quá, trí nhớ tôi cũng không được tốt." "Tôi cũng thế! Nhìn một lát, nghe nhắc, mới mang máng chị ở nhà đầu hẽm. Thôi, xin chào các bạn. Bạn nói đúng, ở tuổi chúng mình, chắc gì gặp lại nhau lần nữa..."

Ánh nắng chiều soi nghiêng bóng người trên con đường vắng. Bà đứng sau lưng chồng, nhìn theo dáng đi mỏi mệt của người đàn ông đang khuất dần sau hàng cây bên kia đường.

Bà Mai đã sửa soạn xong bữa cơm, dọn sẵn trên bàn. Bà bảo "Các con lên lầu mời ba xuống ăn cơm. Ba và các con ăn trước, mẹ đau đầu, phải đi tắm. Trời nóng quá!"

Bà vào phòng tắm, khóa cửa lại, mở vòi hoa sen rồi ngồi trên mép hồ nước, tựa lưng vào tường, lắng nghe tiếng nước chảy rào rào như tiếng mưa rơi. Những tiếng rào rào đó đã từng gợi lại cho bà bao kỷ niệm mà bà đã cố quên.

"...Mùa hè, về buổi chiều thường có những cơn mưa bất chợt. Con đường từ bãi biển Cửa Đại về Hội An, hai bên toàn là ruộng, không có chỗ trú mưa. Mưa càng nặng hạt, Nam đạp xe càng nhanh. Mai ngồi sau, ôm chặt lấy Nam vì sợ ngã, người rụt xuống, núp sau lưng Nam để khỏi bị ướt. Hai đứa cười vang. Tiếng cười, tiếng mưa hòa lẫn tiếng gió vù vù bên tai. Trời tối dần. Cây cối, thôn xóm phía xa mịt mờ dưới bầu trời u ám, nhưng hai bên đường, đồng ruộng như vùn vụt chạy ngược chiều... Khi về đến gần thành phố mới gặp một quán vắng nhỏ giữa đồng không mông quạnh..."

Thế rồi, suốt đời, thỉnh thoảng bà lại mơ thấy cái quán vắng đó, với Nam.

Bà Mai thở dài. Mặc cho nước văng ướt cả áo, bà vẫn ngồi đó.

"Chắc gì gặp lại nhau lần nữa!..." Nước mắt bà ứa ra, rồi bà lặng lẽ khóc..,

ĐỪNG BAO GIỜ QUÊN

NGUYỄN ÁI NHÂN

- Chị có biết chúng tôi mời chị lên làm việc về chuyện gì không?

- Không, quả thật tôi không được biết.

- Chúng tôi mời chị lên trao đổi về vấn đề liên quan tới chuyện chị sắp được đi học nước ngoài. Nói đúng hơn, về thái độ chính trị của bố chị và có liên quan đến chị.

- ???!!!

- Trong thời gian khá dài đến gần đây bố chị có thái độ công khai phản đối nhiều chính sách, chủ trương của nhà nước. Hơn thế ông ta còn viết nhiều bài viết không đúng về quan điểm, đường lối và nói xấu chế độ. Hơn thế ông còn gửi lung tung nhiều nơi, cho phát tán các bài viết đó đến nhiều người gây ảnh hưởng không tốt...

- ??? !!!

Ông công an dừng lại, như cân nhắc lựa từ ngữ sao hợp lý nhất và tiếp tục:

- ... Chúng tôi chỉ mong chị về lựa lời nói với ông cụ đừng tiếp tục có thái độ đó, viết và phân phát các bài viết nói xấu xã hội, đảng, nhà nước như vậy. Chị cũng biết rằng chúng tôi có thể ảnh hưởng đến việc đi học của chị. Chúng tôi chỉ muốn mọi chuyện tốt đẹp nhất và không muốn gây khó dễ gì với chị cả...

- Thưa các anh, trước hết tôi phải xin lỗi vì theo truyền thống gia đình thì tôi là phận con nên không thể bảo cha mẹ làm điều này việc nọ được. Mong các anh thông cảm. Việc thứ hai, bố tôi đã ngoài 60, ông đã sống nhiều, đi nhiều, tai nghe mắt thấy nhiều nên ông chắc phải biết những việc mình làm. Nếu tôi không nhầm bố tôi tham gia công tác, theo cách mạng từ khi các anh và tôi còn chưa sinh ra. Thứ ba, bất kỳ việc gì bố tôi làm đều để muốn cho xã hội và đất nước tốt đẹp lên. Tôi không nghĩ bố tôi lại muốn phá bỏ và phủ nhận ngay công sức cả đời của chính mình...

- Nhưng chị đừng quên, thái độ chính trị của bố chị có ảnh hưởng cả đến bản thân chị.- Ông công an nôn nóng cắt lời.

- ... Điều cuối cùng, tôi và gia đình chúng tôi tin vào đạo Phật và theo thuyết tâm linh. Điều gì đến thì tất yếu đến, không chỉ các anh mà bất kỳ ai muốn khác cũng không được. Điều gì chưa đúng thời điểm đến, có muốn cũng không xong. Chuyện đi học của tôi không nằm ngoài quy luật đó.

....

Chắc bạn đọc cũng đoán ra cuộc đối thoại trên đây là buổi "làm việc" giữa công an và con của một trong số không nhiều những người dám lên tiếng công khai phản đối những sự bất công, phi lý và chà đạp công khai trắng trợn lên quyền cơ bản của mỗi người ở Việt Nam. Mặc dù tất cả những quyền đó đều được ghi nhận hình thức trong hiến pháp và luật pháp. Liệu có bao người trong gần 80 triệu người dân đang sống ở Việt Nam biết họ hay bố mẹ họ không bị va chạm và rơi vào hoàn cảnh tương tự? Có bao người gốc Việt ở nước ngoài biết, hiểu và cảm thông mỗi khi đánh giá hay muốn làm gì để giúp đỡ quá trình dân chủ đầy khó khăn và gian truân ở trong nước?

Trong mục "quan điểm," tuần báo *Việt Tide* đã đánh giá rất gần với thực tế ở xã hội Việt Nam hiện tại. Đó là tình trạng dân chúng thờ ơ, coi thường với tất cả trừ quyền lợi riêng của bản thân và gia đình. Còn những người tự nghĩ là khôn ngoan thì chửi đổng, cười khẩy tất cả và coi đó là thực tế của đời để tự tìm ra cách cùng tồn tại. Việt Tide cũng lo lắng cho chế độ "hậu cộng sản" ở Việt Nam và đánh giá thời kỳ thoái hoá hiện nay của xã hội Việt Nam khó thể kéo dài. Rất cám ơn về lời kêu gọi chân thành, sâu sắc và cả tỉnh táo của *Việt Tide.*

*

Cách đây không lâu tôi được gặp hai bạn sinh viên từ Việt Nam sang đang học ở Mỹ và được nghe kể lại câu chuyện rất hay và rất buồn. Các bạn đi xe buýt và được bắt chuyện với một cặp vợ chồng Việt kiều đã ở đây rất lâu. Nội dung câu chuyện thế nào tôi không nhớ bởi vì phần kết quá bất ngờ và để lại ấn tượng quá mạnh cho tôi. Trước khi chia tay, vợ chồng nọ đã chân thật khuyên mấy bạn sinh viên: "Các anh chị sang đây học thì đừng bao giờ nghĩ đến chuyện ở lại. Tương lai của các anh chị là ở Việt Nam, không phải ở đây...." Nghe kể tôi cảm thấy sững sờ, hình như đó là tâm trạng giấu kín không nói ra của rất nhiều Việt kiều ở hải ngoại- "Chúng tôi cũng rất yêu Việt Nam. Các anh hãy chịu khó sống và

xây dựng đất nước đi. Đến thời hậu cộng sản chúng tôi sẽ về góp phần tiếp cùng các anh chị. Bây giờ chúng tôi không thể về được, nguy hiểm lắm và sẽ ảnh hưởng đến gia đình, bản thân chúng tôi. Nếu cần chúng tôi gửi ít tiền quyên góp hay thỉnh thoảng tham gia các cuộc biểu tình ủng hộ hay phản đối chế độ cộng sản ở Việt Nam...." Những người như vậy có khác gì nhiều những người tự coi là khôn ngoan, chửi đổng, cười khẩy tất cả và coi hiện trạng của Việt Nam là thực tế của đời để tự tìm ra cách cùng tồn tại nêu trên? Có chứ: Họ đang ở ngoài Việt Nam, an toàn hơn và không bị sự đe doạ của công an.

Nhiều việc làm của những người Việt Nam tự xưng yêu nước ở Hải ngoại rất khó hiểu và kỳ lạ. Tôi được nghe một anh đấu tranh cho dân chủ trong nước có lần than thở: "Chẳng hiểu các tổ chức yêu nước ở Hải ngoại biết và nghĩ gì về tình hình trong nước? Tôi đang bị công an theo dõi, kiếm cớ để gây sự mà các ông ấy gửi vào hòm thư những tạp chí kêu gọi tổ chức biểu tình hay bạo động lật đổ chính quyền! Cứ như là đang tiếp tay cho công an. Để bắt nhà văn Dương Thu Hương công an đã phải vụng về dựng lên màn kịch cho khám bắt một Việt kiều ở sân bay, dựa vào lời khai của ông này để bắt nhà văn. Làm thế này còn quá hơn là cộng tác với công an. Không biết họ không hiểu tình hình Việt Nam thật hay là các tổ chức do chính công an điều khiển giật dây?"

Chưa hết, một anh khác kể lại bằng giọng buồn hơn: "Chúng tôi ở nhà phải chọn hình thức hợp lý để đấu tranh. Bài viết, đơn thư phải gửi lên các cấp lãnh đạo, quốc hội, nhà nước v.v. dù biết sẽ không được đọc hay hồi âm vì chỉ như thế là hợp pháp và không ai có thể khép tội, bắt bớ được. Hay các hình thức khác cũng vậy, nhiều lúc nghe tưởng rất ngây thơ. Thế mà không ít lần có nhiều người gọi điện từ nước ngoài về phê phán và bảo chúng tôi phải làm thế này, thế khác. Hình như mọi người không biết gì về Việt Nam thì phải."

Tôi không biết những người yêu nước ở Hải ngoại có biết thực tế ở Việt Nam hay không nhưng tôi dám chắc một điều: Số đông họ cũng đã từng ở Việt Nam, đã từng biết sợ chế độ đó và có lẽ họ là những người khôn ngoan nên đã tìm đường ra đi để cứu trước hết bản thân và gia đình. Sau một thời gian sống ở nước ngoài họ thấy mình giỏi hơn, hiểu biết hơn những người ở trong nước. Đáng buồn hơn cả, họ chóng quên quá khứ và nghĩ rằng họ biết cách "đấu tranh" hiệu quả hơn cho nước Việt Nam, tất nhiên từ bên ngoài. Họ ở nơi an toàn, cùng lắm họ sẽ bị gây khó dễ khi xin visa về thăm Việt Nam mà thôi. Họ và nhiều người trong số chúng ta quên mất rằng, số ít những người dám đấu tranh công khai cho dân chủ trong nước luôn bị sự đe dọa về tinh thần và cả khủng bố về thể xác của công an bất kỳ khi nào công an thấy phù hợp và muốn. Tất cả những người đó không được xuất cảnh, nhiều người bị quản thúc, phần lớn bị đe dọa thường xuyên dưới nhiều hình thức kể cả đem ra tổ dân phố đấu tố như thời xưa, gia đình, con cái bị gây khó dễ v.v.

Dù muốn hay không, những người ở bên ngoài Việt Nam chúng ta nên chấp nhận và hiểu sự khó khăn, vất vả của người ở trong nước. Với một bộ máy (đã rất cồng kềnh và nặng nề) công an, quân đội, dân phố và các cơ quan pháp luật hình thức như toà án, viện kiểm soát v.v. chính quyền Việt Nam hiện nay có thể tạm thời đe dọa, đàn áp bất kỳ khi nào họ thấy cần thiết. Cầu mong, hy vọng thôi chưa đủ đúng như trong lời kêu gọi của báo *Việt Tide*. Thế nhưng, tôi rất tâm đắc với suy nghĩ của nhà văn Vũ Thư Hiên được phát biểu hình như trong một buổi gặp mặt bà con kiều bào ở châu Úc. Ông đã nói đại ý như sau: "Trước hết mong mọi người Việt ở nước ngoài hãy cố gắng sống và trở thành những công dân tốt của nước đang sinh sống. Nếu còn thời gian, sức lực và cả ý nguyện muốn làm gì đó đóng góp cho sự phát triển của nước Việt Nam thì mỗi người nên chọn một cách phù hợp nhất cho bản thân mà làm." (Xin lỗi nhà văn Vũ Thư Hiên vì tôi không nhớ chính xác lời ông phát biểu). Với tôi, trước hết là cố gắng hiểu và cảm thông hoàn cảnh khác biệt của những người cùng đấu tranh trong nước. Từ đó tôi mong và sẽ tìm ra cách thức giúp đỡ hiệu quả, tốt nhất và phù hợp với bản thân. Tôi cũng muốn mình được an toàn, gia đình không bị ảnh hưởng. Tôi cũng là một trong những người Việt Nam tự nghĩ mình là khôn ngoan!

*

Câu chuyện với mẩu đối thoại trên đây kết thúc tốt đẹp. Trước thái độ lịch sự nhưng dứt khoát, rõ ràng của chị trong câu chuyện và của các nơi liên quan, công an đã không gây cản trở. Chị đã đi du học và trở về tiếp tục sống ở Việt Nam. Nhiều người khác có bố, mẹ, chồng con, anh chị dám lên tiếng đấu tranh công khai với chế độ tạm thời không được may mắn như chị. Chúng ta cũng đừng quên điều này./.

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ (1975-2000)

Bài 14: Nhóm Viết Hồi Ký

TRẦN ANH TUẤN

2. Giới cựu quân nhân: các sĩ quan cấp úy

Cấp úy gồm 15 người, theo thứ tự tên gọi là Lê Đình Châu, Nguyễn Vạn Hùng, Cao Xuân Huy, Trần Nhật Kim, Phan Nhật Nam, Trần Ngọc, Hoàng Khởi Phong, Lê Văn Phúc, Phạm Trọng Phúc, Trần Trung Quân, Hà Thúc Sinh, Dương Thanh, Trần Ngọc Toàn, Lương Thư Trung, và Trần Văn.

Nói một cách tổng quát, hồi ký của các cựu sĩ quan cấp úy thường ngắn. Như hồi ký của Cao Xuân Huy chỉ có 139 trang, của Lê Văn Phúc 151 trang, của Trần Trung Quân 180 trang, của Phan Nhật Nam 180 trang, của Lê Đình Châu 221 trang, của Trần Ngọc 223 trang, của Dương Thanh 237 trang, của Phạm Trọng Phúc 263 trang, của Hoàng Khởi Phong 272 trang, của Trần Văn 277 trang, của Trần Ngọc Kim 280 trang, dầy như của Nguyễn Vạn Hùng cũng chỉ 311 trang. Ngay đến khổ sách cũng giống nhau: tất cả đều có bìa mỏng, và khổ nhỏ 13.5cm x 21cm. *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh với bìa cứng, dài 821 trang là một ngoại lệ! Lý do phải chăng là đời sống của họ còn trẻ, binh nghiệp của họ còn ngắn, và trách nhiệm của họ còn ít?

Nếu so với hình thức dầy dặn và đồ sộ của hồi ký các sĩ quan cấp tá và tướng, hình thức hồi ký của các cựu sĩ quan cấp úy tỏ ra rất khiêm nhường và nhỏ bé. Nhưng đấy là xét một cách hời hợt bề ngoài. Đi vào nội dung, độc giả mới thấy có hồi ký của họ –tức của các cựu sĩ quan cấp úy- thành thực và lương thiện hơn, so với hồi ký của những cấp cao hơn, hay giới khác.

Trước hết là quyển *Tháng Ba Gãy Súng* (California, Văn Khoa xb, 1986, 139 trang) của Cao Xuân Huy. Lúc Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ, Cao Xuân Huy là trung úy, đại đội phó một đại đội Thủy Quân Lục Chiến.

Chuyện kể bắt đầu từ ngày 15 tháng Ba năm 1975 khi tác giả trở về đơn vị ở Huế để chiến đấu và chuyện kể chấm dứt vào khoảng giữa tháng Tư năm 1975 khi tác giả bị bắt và bị giải giao vào một trại tù binh của Cộng Sản ở biên giới Lào-Việt, ngay đầu nguồn sông Bến Hải.

Thời gian của chuyện kể như vậy rất ngắn, chỉ vừa đúng một tháng, nhưng là tháng khủng khiếp nhất của một chiến binh trong trận đánh cuối cùng của cuộc chiến tranh vốn kéo dài hơn 20 năm.

Tác giả đã thành thực tối đa khi ghi lại những gì ông làm và những gì ông thấy đến độ quên một tên người thì ông cũng phải ghi *"tên người này tôi không nhớ"* (trang 34), hay quên tên một địa điểm ông cũng phải ghi: *"tôi quên mất tên căn cứ này"* (trang 40). Cứ như là ông đang thành thực khai báo cho những cấp thẩm quyền!

Chính vì thế, với những ai muốn biết và nhất là muốn viết về cuộc tháo chạy tại miền Trung, *Tháng Ba Gãy Súng* là một tài liệu lịch sử.

Ngay cái tựa đề cũng đã giúp độc giả hình dung được cái biến cố đem lại những hậu quả khủng khiếp cho một dân tộc và một quốc gia. Đọc tác phẩm này, độc giả sẽ hiểu súng của người lính chiến Việt Nam Cộng Hòa làm sao mà bị gãy, binh sĩ và dân lành làm sao mà bị chết, và cả một chế độ làm sao mà bị mất. Ngày nay, không ai là không chua xót khi đọc đến đoạn văn sau đây của tác giả, một sĩ quan đại đội phó Thủy Quân Lục Chiến, trang 50: *"Chúng tôi đánh nhau với Việt Cộng như người lớn đánh với con nít, dĩ nhiên là cũng có chết chóc, nhưng vừa đánh vừa đùa chúng tôi vẫn chiếm gọn được bất cứ một mục tiêu nào được chỉ định. Khốn nỗi đã quá nhiều lần chưa đánh mà chỉ nhận toàn nhận lệnh rút, cứ rút loạn xà ngầu đâm ra hỗn loạn, đâm ra mất chỉ huy..."* Tác giả đâu có nói oan cho ai. Nơi trang 83, Cao Xuân Huy đã phải kêu trời: *"... cả Lữ Đoàn Trưởng lẫn Lữ Đoàn Phó bỏ Lữ đoàn lại mà chạy. Trời đất ơi, đại tá Lữ Đoàn Trưởng, trung tá Lữ Đoàn Phó Thủy Quân Lục Chiến đào ngũ khi đối diện với địch quân."*

Cao Xuân Huy đã viết thật, rất thật, và độc

giả cám ơn ông vì điều ấy. Ông không làm văn chương. Ông không gọt dũa chữ viết. Ông không tưởng tượng ra sự kiện. Ông cũng không đao to búa lớn về nhận định này hay triết lý nọ. Sách ông viết có thể không văn hoa nên có phần sống sượng, nhưng chính vì thế mà sách ông viết đã trở thành một tài liệu chân thực liên quan đến cuộc tháo chạy của quân lực Việt Nam Cộng Hòa hồi năm 1975.

Cao Xuân Huy đã thành công trong cố gắng ghi lại những gì ông đã làm và đã thấy giữa cảnh hỗn loạn, chết chóc, ngập ngụa máu thịt của đồng ngũ và đồng bào. Những trang viết mà ông cung cấp cho độc giả cũng chính là bản tường trình chi tiết và sống động về những người lính anh hùng trong Quân Lực Nam Cộng Hòa và số phận nghiệt ngã mà những cấp chỉ huy phản phúc và bất xứng của họ đã dành cho họ.

Đã quen đọc lối viết của Cao Xuân Huy thì khó mà đọc văn kiểu Hoàng Khởi Phong. Đây không phải là so sánh để định ra ai hơn ai kém, nhất là giữa hai người anh em (... *"Một người em khác Cao Xuân Huy trung úy thủy quân lục chiến chưa hết thương tích đã chống gậy ra Quảng Trị..."*, lời của Hoàng Khởi Phong nơi trang 203).

Trái lại, về văn chương, *Ngày N+...* (California, Văn Nghệ xb, 1988, 272 trang) của Hoàng Khởi Phong bóng bẩy hơn *Tháng Ba Gãy Súng* của Cao Xuân Huy nhiều lắm. *Ngày N+...* có nhiều đoạn tả tình và tả cảnh mà *Tháng Ba Gãy Súng* không có. *Ngày N+...* còn có nhiều chữ văn hoa, văn còn nhiều chỗ biền ngẫu đối xứng mà *Tháng Ba Gãy Súng* làm gì có.

Nhưng viết hồi ký, thứ hồi ký kể lại cuộc rút quân thê thảm và khủng khiếp đầy những máu xương cùng uất hận thì tôi thấy càng văn chương bao nhiêu thì càng xa rời những tình và cảnh thật bất nhiêu! Đương nhiên đây là phản ứng riêng của một độc giả là tôi. Những người khác, và những độc giả khác, tất nhiên có thể không cùng một cảm nghĩ như thế.

Hoàng Khởi Phong là bút hiệu của Nguyễn Vinh Hiển. Ông xuất thân khóa 15 Thủ Đức năm 1963 và lên cấp đại úy năm 1975. Ông phục vụ trong binh chủng Quân Cảnh. Về văn nghiệp, Hoàng Khởi Phong trước hết là một thi sĩ, có thơ xuất bản từ thập niên 60 ở Sài Gòn.

Ngày N+... của Hoàng Khởi Phong kể lại cuộc di tản của Quân Đoàn II mà cũng của chính tác giả từ Pleiku xuống Tuy Hòa, rồi từ Qui Nhơn đi Phú Quốc, và cuối cùng là từ Sài Gòn đi Subic Bay, Phi-luật-tân. Sách được ghi theo thể nhật ký, có cả ngày và nhiều khi cả giờ nữa. Điều độc giả thắc mắc là, đây có thật phải là nhật ký của chính tác giả do ông ghi nhận từng ngày từng giờ ngay lúc sự việc xảy ra như đã in trong sách hay không?! Chi tiết này không hề được tác giả cho chúng ta biết. Ngược lại, trong lời mào đầu "Thay Lời Tựa", tác giả còn cho ta cái cảm tưởng ông *viết văn*, quyển này và những quyển sau, là để tạ lòng tri kỷ là các bạn của ông!

Vì thế, muốn tìm những phần tả thực của *Ngày N+...* thì độc giả cần chú ý đến đoạn văn cảm động về cung cách của các em Hướng Đạo sinh trên đường di tản nơi trang 55-56, tư cách "không đến nỗi tệ" của chuẩn tướng Trần Văn Cẩm nơi trang 140-151, cảnh đau đớn của thân nhân binh sĩ hỏi thăm tin tức của con anh mình vốn đã bị chết đuối mà cấp chỉ huy là tác giả đã không thể và không dám nói thực nơi trang 198-99, bản dịch bức thư lịch sử và đầy khí phách của cố thủ tướng nước Cam-bốt Sirik Matak nơi trang 210-11... Đến lời mai mỉa của Hoàng Khởi Phong nơi trang 203, rằng, *"Ông (tức Trần Thiện Khiêm) đâu có tham quyền cố vị (tức việc ông này từ chức Thủ Tướng Chính Phủ hôm 8-4-1975), ông muốn về nhà ở đâu đó bên Mỹ bên Pháp, ở Thụy sĩ Thụy siếc gì đó,"* hay lời chửi tục của một bác tài xế tắc-xi nơi trang 222: *"Đù mẹ thằng chả, muốn chạy làng hả? Đù mẹ thằng chó đẻ!"* khi cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu lên đài truyền hình Sài Gòn tuyên bố từ chức thì ta hiểu rằng trong chế độ mà một ông đại úy phải mai mỉa một ông đại tướng và một người dân phải đ. m. hai lần một ông tổng thống thì chế độ ấy làm sao mà tồn tại được!

Tôi Làm Tôi Mất Nước (Texas, 1985, 151 trang) là tựa đề một tác phẩm của Lê Văn Phúc. Theo sách, ông làm rất nhiều nghề, nghề nào cũng chỉ dăm bẩy tháng, dài lắm là một hai năm. Ngay trong quân ngũ, dù bị động viên, ông cũng chỉ phải phục vụ có ba năm. Ông từng đi lính Ngự Lâm Quân, nhân viên Tòa Đại Diện Việt Nam tại Cao Miên thời Ngô Trọng Hiếu, thư ký công nhật tại Tổng Nha Kiến Thiết, nhân viên Phủ Thủ Tướng thời Nguyễn Văn Lộc và Trần Văn Hương, rồi nhân viên ngân hàng ...

Năm 1963, Lê Văn Phúc bị động viên khóa 16 Thủ Đức và phục vụ tại Nha Tiếp Vận, Sài Gòn đến năm 1966 thì giải ngũ với cấp bậc trung úy. Ngày 28/4/1975 cả gia đình ông vào được DAO trong phi trường Tân Sơn Nhất, và 5 giờ chiều ngày hôm sau, 29/4, được trực thăng Mỹ bốc ra

Hạm Đội Mỹ ở ngoài khơi rồi di tản sang Hoa Kỳ.

Tôi Làm Tôi Mất Nước từng được đăng hàng tháng trong tạp chí *Đất Mới* ngay từ cuối thập niên 70. Lúc ấy, loạt bài này được nhiều độc giả hoan nghênh vì nó đáp ứng đúng tâm trạng của người Việt di tản sống ở Hoa Kỳ.

Biến cố mất nước lúc ấy còn rất mới, và người Việt nào may mắn di tản được sang Hoa Kỳ cũng ít nhiều có mặc cảm phạm tội. Mỗi bài báo của Lê Văn Phúc lại đề cập đến một vấn đề thiết thân của người di tản. Thường là những chuyện sai trái khi xưa ở Sài Gòn để tự trách mình đã góp phần làm mất nước, như ăn cắp thời giờ khi đi làm, hay ăn cắp của công như vải Quân Nhu, săng quân đội, lấy phương tiện công làm việc tư, đi kiểm tra về làm báo cáo láo, buôn hàng lậu khi đi ngoại quốc về, làm gì cũng hỏi mấy ông thầy tử vi bói toán, ăn hối lộ, chạy "áp-phe", ăn chơi đàng điếm, vân vân. Loạt bài cũng ghi ngay những kinh nghiệm sống thực và chua chát ở Mỹ, đồng thời với những trái tai gai mắt trong đời sống mới mẻ của dân Việt tị nạn tại Hoa Kỳ. Như phải làm việc thực sự, phải lao động khổ cực, bị nạn kỳ thị, đồng thời vẫn có nạn ăn cắp tiền và hàng tại nơi làm việc, nạn khoe khoang chức vụ rởm và bằng cấp giả nơi xứ người. Phong trào thuyền nhân và những khổ nạn của thuyền nhân cũng được tác giả đề cập tới. Như vượt biên bị chết đuối, như nạn ăn thịt người, nạn hải tặc, vân vân.

Chính vì thế, loạt bài rất được hoan nghênh, và khi loạt bài ấy được in dưới dạng sách, tức *Tôi Làm Tôi Mất Nước*, sách đã phải tái bản đến năm lần trong năm năm liên tiếp (1985-89).

Nhưng thời thế đã thay đổi, tâm trạng người Việt tại Hoa Kỳ từ lâu cũng đã khác. Hoàn cảnh của những người đang là quân nhân công chức đột nhiên bị bứng ra khỏi guồng máy sinh hoạt quen thuộc để sinh sống trong môi trường mới bắt đầu từ đầu bằng việc học ăn học nói đã không còn nữa. Tác phẩm đã mất thời gian tính! Độc giả ngày nay có đọc lại cũng không thấy gì thấm thía. *Tôi Làm Tôi Mất Nước* như vậy đã đóng xong vai trò của nó, là món ăn tinh thần hiếm hoi trong buổi đầu lập cư của cộng đồng người Việt tại hải ngoại.

Ngoài *Tôi Làm Tôi Mất Nước*, Lê Văn Phúc còn có *Khung Trời Kỷ Niệm* (Texas, 1990, 223 trang). Đây là một hồi ký phần lớn quảng diễn thêm những gì đã được tác giả viết trong *Tôi Làm Tôi Mất Nước*. Trí nhớ tốt và dọng văn nhẹ nhàng duyên dáng của Lê Văn Phúc lần này giúp độc giả ít nhiều chi tiết về đời sống của một anh học trò "láu cá" miền Bắc, về sinh hoạt của lính văn nghệ trong đoàn Ngự Lâm Quân thời Bảo Đại, nạn nói tiếng Việt của con trẻ sinh trưởng ở Hoa Kỳ, và kinh nghiệm đi xin việc ở Mỹ...

Một hồi ký khác, rất đặc biệt, là hồi ký của Trần Trung Quân, tựa đề *Trong Lòng Địch* (Texas, 1984, 180 trang).

Tôi không biết rõ tên và tiểu sử của Trần Trung Quân. Dò hỏi một cựu biệt kích khác, tôi chỉ biết tác giả là một cựu trung úy biệt kích, tên thật là Thiết hay Thuyết (?) hiện nay đang sống tại Gia-nã-đại. Nhưng chi tiết tên tuổi không quan trọng, điều quan trọng là người cựu biệt kích được hỏi cho tôi biết nội dung của *Trong Lòng Địch* đúng đến, nguyên văn, *99%*. Điều này thì tôi không thể xác định được. Thứ nhất, đối với những người Việt viết sách, tôi đã có nhiều kinh nghiệm về sự "sáng tạo" của họ, dù họ có xếp sách của họ vào loại tự thuật, hay hồi ký... mà họ đã "*cam đoan đúng 100%*", vân vân. Thứ hai, và điều này quan trọng hơn, công tác nhẩy toán biệt kích của các chính phủ Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ thực hiện trong chiến tranh Việt Nam trước năm 1975 là một công tác quân sự đến nay vẫn còn được xếp vào loại "bí mật quốc gia."

Mặt khác, hẳn độc giả cũng đã hình dung những hiểm nguy mà các chiến sĩ biệt kích phải đương đầu hàng phút hàng giờ khi nhẩy toán ra Bắc hay vào mật khu Việt Cộng để tiến hành những công tác chống Cộng ngay tại sào huyệt của họ, vì thế, chưa chắc sách đã lột tả được hết 99% những việc họ đã làm được và nhất là những gian khổ khủng khiếp mà họ đã phải trải qua.

Điều chắc chắn là tín lực của *Trong Lòng Địch* đã bị giảm thiểu tối đa vì nội dung của sách đã bị nhiều tỳ vết qua việc tác giả thành thực cho biết một cách minh danh ông Nguyễn Thanh Hoàng, chủ nhiệm tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong, đã *hướng dẫn, sắp xếp, sửa chữa, và viết lại bản thảo* (trang bìa sau). Thế thì còn đâu là nội dung chuyện kể của một cựu sĩ quan biệt kích nữa?!

Phải chăng vì thế mà hồi ký có nhiều đoạn ghi lại từng lời nói, từng câu đối đáp, từng cử chỉ, và từng sự việc mà ai cũng biết là sản phẩm của trí tưởng tượng. Như cảnh nhà sư Thích Trí Quang là cán bộ Cộng Sản có bí danh 028A vào gặp Nguyễn Chí Thanh, được Nguyễn Chí Thanh thông báo sẽ cho làm Thủ Tướng tương lai ở miền Nam nên Thích Trí Quang *sướng run người lên*

DU TỬ LÊ

KHÚC THÁNG SÁU

em, thanh tẩy: mối sầu/ tôi/đóng váng
như môi người thánh hóa tiếng kêu, riêng
ngực thánh hóa một lần, tôi, sáu ngón
ấu thơ trôi, tay ở lại lưng, gần

em, thanh tẩy: cây đời/ tôi/ giả dạng
(như vai người mang nắng, biển đi, xa)
trăng thánh hóa con đường, ai, lá rụng?
mưa chia tay, đêm trở lại, tôi. chờ.

em, thanh tẩy: sông đời/ tôi/ nhiễm độc
như nụ cười thánh hóa vết thương, son
tóc thánh hóa những đường bay phản trắc
tôi cho tôi: bờ, bến tháng, năm, còn.

em, thanh tẩy: cuối đường/ tôi/ hiểm, độc
như chân trời thánh hóa những chia ly
như sự chết, cuối cùng, ta sẽ gặp
giữa hư không tôi lại gặp tôi, về.

em thánh hóa tim tôi: bằng hạt lệ.

(trang 71-81). Hay chi tiết về lương bổng năm 1958 thời Ngô Đình Diệm thật xa sự thực: theo tác giả, thanh niên quân dịch lĩnh mỗi tháng $300.00 mà lương công chức chính ngạch mỗi tháng $400.00 (sic! trang 26). Hay tên người chỉ huy làm đường Trường Sơn –còn được gọi với cái tên quen thuộc hơn là đường mòn Hồ Chí Minh- là Võ Bẩm, đến tháng 5 năm 1999 vẫn còn sống ở Hà Nội (xin xem: *Những Nẻo Đường Kháng Chiến*, Hồi Ức của Võ Bẩm, Duy Tường thực hiện, Hà Nội, nxb Quân Đội Nhân Dân, 2001, 222 trang), chứ đâu phải là một người tên *"Quốc Đăng, đã bị quân đội VNCH bắn chết ở Chợ Lớn trong trận Tết Mậu Thân"*, như tác giả kể nơi trang 39! Hay như khi Cộng Sản cho thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam (MTDTGPMNVN) ngày 20 tháng 12 năm 1960 thì Nguyễn Hữu Thọ vẫn còn đang bị chính quyền VNCH quản thúc tại Củng Sơn thuộc tỉnh Phú Yên và mãi đến một năm sau, sau ba lần tổ chức giải thoát, Cộng Sản mới thành công đưa được Nguyễn Hữu Thọ vào bưng hầu trở thành Chủ Tịch MTDTGPMNVN từ ngày 16-2-1962, thì làm sao có thể có chuyện Nguyễn Hữu Thọ *"cưỡi ngựa từ Stung qua Cục R để tham dự đại hội thành lập MTDTGPMNVN"* hồi năm 1960 (trang 40)? Hay như việc tác giả kể lại đời sống của các tướng lãnh Cộng Sản trong bưng biền ở Miền Nam thì ai mà tin được: theo tác giả, các tướng Cộng Sản sống ở mật khu trong *những nhà xây bằng xi-măng cốt sắt, có sân quần vợt, hồ tắm, rạp chiếu bóng, hàng ngày ăn bơ sữa, lê táo, thịt cá, uống rượu whiskey, cognac, martini, Mai-quế-lộ, sake, vodka, hút Lucky, 555, 999, Dunhill... cứ hai tuần thì có gái giang hồ thật đẹp từ Nam-vang được gửi vào cho các tướng giải quyết sinh lý, và định kỳ mỗi ba tháng thì vợ các tướng từ ngoài Bắc vào thăm chồng* (trang 48-49). Và nhất là vụ Thái Khắc Chuyên. Thái Khắc Chuyên, một người Việt Nam thuần túy, nguyên là một điệp viên của cơ quan CIA Mỹ ở Việt Nam bị Mỹ thủ tiêu bằng cách đem lên trực thăng rồi đẩy xuống biển Nha Trang vì Mỹ nghi ông này làm gián điệp nhị trùng cho Cộng Sản, sau khi Mỹ bắt được một bức hình Thái Khắc Chuyên đội mũ tai bèo chân đi dép râu chụp chung với cán bộ Cộng sản. Chi tiết câu chuyện gián điệp và bị thủ tiêu này đã được báo chí Sài Gòn đương thời đăng tải ầm ĩ. Báo chí Hoa Kỳ lúc ấy cũng đặt vấn đề với Phái Bộ Quân Sự Mỹ tại Việt nam và đại tướng Creighton Abrams, Tư Lệnh Quân Đội Mỹ tại Việt Nam, đã phải đứng ra can thiệp và bà quả phụ Thái Khắc

Chuyên đã được bồi thường một số tiền lớn. Sau này, trong thập niên 80, một trong những người Mỹ dính dáng đến "vụ án Thái Khắc Chuyên" đã viết cả một quyển sách "paperback" về đề tài này với những chi tiết hết sức cụ thể, kể cả những câu tra vấn của nhân viên Mỹ với Thái Khắc Chuyên, trước khi đẩy ông này từ trực thăng xuống vùng biển Nha Trang. Vậy mà trong *Trong Lòng Địch*, tác giả đã đưa ra chi tiết Thái Khắc Chuyên là *người Tàu lai, cán bộ tình báo của chính phủ Đài Loan phái sang hoạt động ở Việt Nam* (trang 33). Tác giả còn kể chuyện Thái Khắc Chuyên bị giết một cách lớp lang trên *đường Hồng Bàng ở Chợ Lớn và xác bị vứt xuống biển ở Vũng Tàu* (tr. 34-35).

Nếu cần phải đọc *Trong Lòng Địch,* độc giả chỉ có thể chắc chắn là thu lượm được vài chi tiết cụ thể về tổ chức và sinh hoạt của binh chủng biệt kích: điều kiện gia nhập, chương trình huấn luyện, lương bổng và quyền lợi (trang 26-30). Thế thôi!

Độc giả hẳn tiếc cho công trình của Trần Trung Quân. Giá bản thảo của ông được đưa đi in mà không có nhà báo nào sửa chữa, cắt xén, và viết lại, chắc chắn với những công tác ông đã thực hiện được trong tư cách của một sĩ quan biệt kích và với mức độ quảng giao của ông với các chính khách và tướng tá Việt Nam, Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, và Thái Lan... được nêu tên nơi bìa sau của sách, hồi ký đích thực của ông quý giá biết bao!

Thật đáng tiếc cho tác giả Trần Trung Quân, mà nhất là cho độc giả muốn tìm hiểu về một khía cạnh đặc biệt trong chiến tranh Việt Nam.

Trong số những hồi ký của cấp úy, có một số là chuyện kể về những trận đánh đặc biệt. Như *Vào Nơi Gió Cát* (Virginia, 1991, 197 trang) của Trần Ngọc Toàn về trận Bình Giả năm 1964, *Đôi Mắt Người Tù Binh* (California, 1999, 221 trang) của Lê Đình Châu về cuộc hành quân Lam Sơn 719 năm 1971 sang Ai Lao, và *Cũng Chỉ Là Phi Vụ* (California, 1999, 223 trang) của Trần Ngọc về những chuyến bay của một phi công quân đội trong những năm 1971-75.

Trần Ngọc Toàn theo học khóa 16 Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, khóa đầu tiên phải học bốn năm, phỏng theo chương trình của Trường Võ Bị West Point Hoa Kỳ. Trong trận Bình Giả, ông là trung úy đại đội trưởng một đại đội.

Trận Bình Giả xảy ra trong dịp Giáng Sinh năm 1964, Cộng quân phục kích đánh thiệt hại nặng hai tiểu đoàn Biệt Động Quân và một tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Tác giả lúc ấy là trung úy đại đội trưởng một đại đội TQLC bị thương nặng nhưng may mắn không bị địch bắt, được cứu về dưỡng thương ở Bệnh Viện Quân Y Đại Hàn ở Vũng Tầu. *Vào Nơi GIó Cát* là chuyện kể kể lại trận đánh và cuộc thoát hiểm đầy gian khổ ấy của tác giả.

Sách cũng ghi lại cuộc rút quân và tình trạng hỗn loạn ở miền Trung hồi tháng 3, mở đầu cho việc mất cả nước vào tay Cộng Sản trong tháng 4 năm 1975, chú trọng đến cuộc đời binh nghiệp của một số bạn đồng môn của tác giả thuộc khóa 16 Đà Lạt, nhất là Nguyễn Xuân Phúc, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 369 TQLC.

Lê Đình Châu, tác giả của *Đôi Mắt Người Tù Binh*, là một thanh niên tình nguyện gia nhập quân đội quốc gia từ năm 1952 ở ngoài Bắc, khi mới 21 tuổi. Trong một thời gian khá dài 1953-68, ông làm huấn luyện viên tại các quân trường và trung tâm huấn luyện. Đầu năm 1968, Lê Đình Châu tình nguyện ra đơn vị tác chiến và phục vụ trong binh chủng Nhẩy Dù. Ngày 25 tháng 2 năm 1971, trong vai trò sĩ quan Ban 3 Lữ Đoàn 3 Nhẩy Dù, ông bị Cộng Sản bắt trong chiến dịch Lam Sơn 719 mãi đến 10 năm sau ông mới được thả.

Đôi Mắt Người Tù Binh kể lại diễn biến cuộc hành quân Lam Sơn 719 năm 1971 với sự tham dự của một số đại đơn vị bao gồm Sư Đoàn I Bộ Binh, Biệt Động Quân, Nhẩy Dù, Pháo Binh, và Thiết Giáp. Nhưng cuộc hành quân bị thất bại nặng nề, tác giả cùng khoảng 20 sĩ quan tham mưu thuộc Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn 3 Nhẩy Dù, kể cả đại tá chỉ huy trưởng Nguyễn Văn Thọ, bị bắt. Sách kể lại một cách chi tiết cuộc di chuyển tù binh theo đường mòn Hồ Chí Minh để vào các trại tù ngoài Bắc. Độc giả có dịp được biết đời sống lam lũ đói khổ của người dân dọc theo đường mòn này và trên những địa phương miền Bắc. Có nơi, ông thấy những đoàn thanh niên xung phong và dân công xanh xao vàng vọt và âm thầm câm nín *như những tên nô lệ thời cổ hay của xứ Trung Hoa đi xây Vạn Lý Trường Thành* (trang 108), còn dân thường thì có khi thiếu thốn đến nỗi khẩu phần chỉ là *cám rang trộn với muối thay cơm* (trang 119).

Lê Đình Châu ở tù khoảng 10 năm mới được thả, rồi ông tổ chức cướp tàu và vượt biển thành công. Ông và các bạn đồng hành được nhận vào trại tỵ nạn Thái Lan và định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1980.

(Còn tiếp)

Alameda, tháng 8 năm 2002

DẤU NHỚ

LÔ

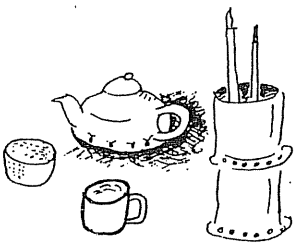

Cho đến bây giờ, hơn hai mươi bảy năm sau, thì đó vẫn là những tác phẩm có nội dung thuộc danh mục cấm lưu hành. Năm 1976, Chế Lan Viên cho in *Bay theo đường dân tộc đang bay*, ở trang 18 có một đoạn quyết liệt: 'Nhiệm vụ của chúng ta, của các bạn là giải quyết cho xong cái đống rác mà địch để lại cho ta ấy. Không dễ dàng gì quét một quét hay cho *nó* một mồi lửa là xong. *Nó* là đống rác tinh thần, thuốc độc tinh thần.'

Cũng không nên mất thì giờ tìm hiểu hay định nghĩa *nó* là ai. Việc đó vốn rườm rà, có thể làm giảm đi vẻ ngơ ngác của những cành cây khô mùa đông ở một xứ sở có đủ bốn mùa, sẽ khiến cho những dòng sông nơi quê người bớt đằm thắm, rất dễ khiến ta mất đi một khoảng khắc ung dung, cũng cần có trong đời sống.

Tôi tình cờ đọc tên tác giả ghi sau bìa một cuốn băng nhạc bán ở thương xá Diamond, nơi này trước đây không biết thuộc cơ quan chính phủ nào, bây giờ là một thương xá lộng lẫy ngay trung tâm Sài Gòn, đứng từ lầu ba của thương xá, thấy cổng trước Dinh Độc Lập, các ghế đá công viên, mặt sau Nhà thờ Đức Bà, mặt hông Bưu Điện, những hàng cây cao thẳng, những chiếc honda chạy dưới đường: Nguyễn Đình Toàn.

Mặt sau cuốn băng ghi tên mười bài nhạc chữ lớn, sau đó là dòng chữ nhỏ 'Bonus song' gồm năm bài tặng thêm, đúng tác phong kinh tế thị trường dù băng in ở Cali và copy ở Việt Nam. Hơn một nửa băng nhạc trong tiệm là băng sao lại 'nhạc hải ngoại', bán công khai trên lầu ba thương xá, giá chỉ bằng một nửa băng nhạc làm trong nước, và tất nhiên phần lớn đều thuộc loại 'đống rác tinh thần', một vài tác giả lại thuộc thành phần 'quét cho nó một mồi lửa là xong.'

Nhưng như vậy là không xong rồi. Khoảng cuối thập niên 1980, bài 'Căn nhà xưa' của Nguyễn Đình Toàn in trên băng nhạc sản xuất ở Mỹ, thì tên tác giả chỉ ghi có một chữ 'Nguyễn'. Không mấy ai biết Nguyễn là ai, tất nhiên trừ vài người đem bài hát ra nước ngoài và người hát nó. Lúc đó tác giả còn ở trong nước, ghi một chữ 'Nguyễn' là sự tự trọng của người sản xuất băng nhạc không muốn tác giả bị lôi thôi, như đã nhiều lần bị lôi thôi với chính quyền mỗi khi đài VOA hay BBC phát bài 'Sài Gòn niềm nhớ không tên'. Lần này, tên tác giả – từng bị hơn một 'mồi lửa' nhưng chưa cháy – xuất hiện hai lần trong một cuốn băng. Bài thứ nhất, 'Tôi đã cố bám lấy đất nước tôi', và ca khúc thứ hai, không biết có phải là định mệnh không mà cái tựa như một câu trả lời theo một cách khác, theo một cách riêng, về người cứ đòi quét và mồi lửa người khác: *Hãy thắp cho nhau một ngọn đèn*.

'Tôi cố bám lấy đất nước tôi' từng xuất hiện trong một cuốn băng cassette gồm nhiều bài nhạc, dưới tựa chung *Tắm mát ngọn sông đào*. Đó là thời điểm đầu thập niên 1980, cao độ của sắt và máu, đói và rét, tù ngục, lưu đày, vượt biển. Cuốn băng đó gồm nhiều tác giả, không ghi tên thật của ai vì tất cả còn ở trong nước hay đang ở tù. Nguyễn Đình Toàn lúc đó mới tù về, lui cui sống nơi căn nhà ở Làng Báo chí bên kia cầu Sài Gòn, bạn bè cũ có người đi xa, có người trong tù, có người vất vưởng đầu đường bán thuốc lá, bán hàng

lạc-son, còn ông, như một bài nhạc trong *Tắm mát ngọn sông đào*, thì 'sống những ngày không tên không tuổi, sống những ngày không nói không nghe, sống những ngày tăm tối u mê... sống ngày nào biết ngày ấy thôi ...'

Một đêm Noel, trong một quán cà phê 'thân hữu', có người hát những lời ca trên. Quán ở sâu trong một con hẻm đường Phan Thanh Giản (bây giờ là Điện Biên Phủ). Một người nhạc sĩ, ở đây cũng chỉ nên ghi là nhạc sĩ 'Nguyễn' vì cái ông này cho đến giờ phút này vẫn còn lang bang trong nước, ôm đàn ghi-ta hát nhạc của ông, và nhạc Nguyễn Đình Toàn. Đó quả là một hành động không phải liều lĩnh mà là liều mạng vì lúc đó, người ta đang nhiệt liệt đòi 'cho nó một mồi lửa'. Trong khi nhạc sĩ 'Nguyễn' hát thì có người tự động vác ghế ra ngồi ở cổng để canh chừng. Dưới ánh đèn vàng nhợt nhạt, trong bầu khí phập phồng, ca khúc Nguyễn Đình Toàn như làm không gian đặc lại, như chạm được vào nó, vào những trang văn lấp lánh. Những điếu thuốc Sao Mai thời cách mạng được mang ra chia, giữa 'tay thiêu đốt hư không', dưới '... sao trời, hay nước mắt đưa người'. Như vậy, Nguyễn Đình Toàn, cũng đốt, nhưng mà thiêu đốt hư không, như một người mộng du bàng hoàng đi giữa tưng bừng của 'khí thế cách mạng', bơ vơ giữa những 'con người mới'. Rất thình lình, một tiếng hô lớn ngoài ngõ: 'Nó tới! Nó tới!' Nhạc sĩ 'Nguyễn' bỏ đàn, những người khác bỏ nghe, những ánh mắt liếc nhau, nhanh, bối rối, hốt hoảng, rồi tứ tác ra đường. Một đêm nhạc chui bị cắt ngang, như đã nhiều lần bị cắt, trước đó và sau đó.

Và bây giờ, những bài ca đó được chui từ nước ngoài về, vẫn là chui, nhưng là chui giữa những bài ca có giấy phép của Cục Xuất bản. Không nên nghĩ ngay rằng những bài ca được xuất bản trong nước không hay, hoặc chỉ là những bài ca thời vụ. Khi đã ở lâu trong một bối cảnh sống, nhu cầu thưởng lãm sẽ tự điều chỉnh để thích ứng. *Hà Nội mùa thu cây cơm nguội vàng* bây giờ thực và sống hơn so với thời *Hà Nội ơi nhớ về thành phố xa xôi*. Nhạc *Rap* phản ảnh cuộc sống nhanh nhẹn, hấp tấp, nghe nó đúng vào một thời điểm nào đó cũng *đã* như nghe *pop*; những giọng ca thật trẻ ở Việt Nam có thể không hợp tai những người có tuổi, nhưng lại được lứa trên mười ưa thích, có khi tôn sùng vì đó là tiếng nói của họ. Những người đã ra đi năm nào thường thường mang theo bối cảnh của thời của họ theo, tưởng cả nước còn đọng nguyên như ký ức mà họ nhớ, cho nên có nhà văn cứ bình tĩnh viết như đang thời lính chiến, cho nên có người cứ một giọng tâm tình như ngày nào xa, những người đó chắc biết, nhưng làm như không, có một khối người trẻ đang xông lên trong nghĩ suy mới, cách sống khác. Nhiều người viết cũ từng làm giàu đời sống nhiều thế hệ, nhưng bây giờ, những người trẻ dưới ba mươi không biết họ là ai, 'họ', và những nhạc vàng theo họ đi xa, hiếm hoi lắm mới vang lên vào một lúc nào đấy, rồi thôi, nói chung, đối với

HUỲNH LIỄU NGẠN

ĐÀ NẴNG, LẦN ĐẦU!

bước vô Đà Nẵng lần đầu
đi qua đi lại lạc Cầu Vồng chơi
nghe chiều xuống chậm chân lơi
bến xe vắng đợi khách mời vắng thưa
trời dầm dầm tối sắp mưa
vui chân cứ nghĩ trời chưa kịp chiều
dựa vai bên quán tiêu điều
gió vun một nét mỹ miều qua thân
mưa rơi nhẹ xuống căn phần
lạ xa chút mộng mị gần gần qua
nhón chân bước vội về ga
tàu mai mới chạy đường xa mặc lòng
thôi thì ngủ tạm cho xong
mưa loang xuống nỗi buồn hong lên trời
mưa nhiều thêm nỗi nhớ tôi
chút thân lãng tử giữa đời quạnh hiu
tôi về ngõ phố chắt chiu
một khung cửa lạ hoang liêu ánh đèn.

hơn một nửa dân số Việt Nam dưới ba mươi tuổi, thì những người đó đã chết. Chết, không hẳn vì bị bóp nghẹt, mà vì thời gian, vì tâm tình của ba mươi năm trước không phải là tâm tình của khí hậu hôm nay.

Cái chết của ca khúc một thời chưa hẳn là một dấu hiệu không tốt. Trong ca khúc rất mới ở Việt Nam, chắc độ khoảng từ năm hay sáu năm gì đó trở lại đây, có một 'phong cách rap', như cách nói ở trong nước, hay như một cách mô tả khác, là 'cà giựt'. Thái độ của 14, 15, của tuổi trẻ 21, 22, là hưởng ứng nhiệt tình, mất sáng lên, người rung, giựt. Lời ca đơn giản, dễ hiểu, thẳng thừng, không băn khoăn bó xó như ba thập niên trước với 'chúng tôi có hai mươi năm làm tuổi trẻ, chưa bao giờ hưởng trọn một ngày vui'. Họ thương nhau, yêu nhau, nhớ nhung da diết, lao vào đời sống để kiếm tiền, chính quyền chi phối đời sống nhưng tuổi trẻ không màng đến chính quyền, và tất nhiên cũng chẳng mấy băn khoăn những chuyện khác, họ là những người gặp chăng hay chớ, họ 'sống ngày nào biết ngày ấy thôi' nhưng theo một cách khác.

Đi taxi ở Hà Nội, rất dễ gặp một anh tài xế ung dung mở nhạc vàng, có khi là những bài của miền Nam trước 1975 như ' Em hậu phương anh tiền tuyến', hay 'Giã từ vũ khí', chen với những bài ca thời chiến của miền Bắc như 'Cô gái Lam Hồng đi tải đạn', 'Trường sơn đông Trường sơn Tây'. Nghe những ca khúc lồng nhau như vậy biết ngay anh tài xế đã lựa những bài mình thích để sang vào một cuốn băng. Anh ấy không phân biệt gì cả, anh ấy *vô tư* – cũng là một cách nói mới trong nước, anh ấy là phản ảnh của một thế hệ thuộc đám đông.

Cho nên khi chợt thấy tên một người đã im lặng từ lâu kia chợt đến giữa Sài Gòn thì cũng không hẳn đã là chuyện lạ, giữa một xã hội vô tư thì mọi chuyện đều có vẻ vô tư. Những người đi xa rồi cũng có lúc trở về, bằng cách nào đó, và sự trở về của một tên tuổi như thế nơi Sài Gòn dù sao mặc dầu, cũng là một chút vui nho nhỏ.

Dạo chưa đi, tôi được nghe Nguyễn Đình Toàn hát rất nhiều bài của ông. Thường là nơi căn nhà bên Làng Báo chí. Thường là buổi sáng. Sài Gòn nắng, con đường đất nhỏ, hàng rào có các cây thưa như một thuận tiện để có thể vừa hát vừa nhìn ra con đường nhỏ xem chừng ai. Không gian rất vắng, yên, không một tiếng xe, không tiếng rao các người bán rong, đó quả là các giây phút hạnh phúc, bởi một điều gì lặng lẽ nơi này, bây giờ đã là nơi đó.

Ong lấy ra một tập nhạc kẽ bằng tay, màu mực xanh, dường như có hơn cả trăm bài, có khi là các bài viết trên các tờ giấy rời để dễ cất hay mang đi. Tôi bắt đầu quen với 'nhạc phong' của ông qua các lần nghe ngắn ngủi, cứ như dần quen với một hơi hướng không giống ai, nhưng có lẽ không phải nhạc mà các lời rất riêng của ông, có người bạn bảo lời của Nguyễn Đình Toàn hay 'vì lẩn thẩn', như 'xin chiếc lá vàng làm bằng chứng yêu em'.

Các lần gặp nhau ở quán nước, cũng là một quán ế khách, không thể hát thì ông đọc thơ. Rất nhỏ, vừa đủ cho hai người nghe dù đã là một quán vắng khách. Có lẽ chính cái giọng đọc gửi gấm nhiều hơn, thu hút và truyền cảm hơn, cứ như thơ ông thì phải do chính ông đọc mới tải hết những này kia tháng ngày. Chép theo trí nhớ một bài.

Quê hương
Ơi quê hương trầm luân
Qua bấy nhiêu lần
Xương rơi máu đổ
Cố giữ lòng thủy chung hay đã
Quá khô cằn chẳng thể hóa khôn

Qua ga ga thắp đèn
Qua rừng rừng hỏi tên
Qua sông nhìn sông cạn
Qua ao nhớ dấu chim

Lô nhô ngàn lau bạc
Lao xao biển triều lên
Mây mây còn phiêu bạt
Chở gì trong lãng quên

Một liên tục trong chuỗi viết dài của ông, một liên lạc thấp thoáng, nối từ một bài này qua các bài khác, từ một điểm nào thời gian qua một không gian chốn nào, hắt ra một rung động miên man ở 'qua ao nhớ dấu chim', như bóng chim nhạn không để lại ảnh trong một bài thơ thiền, cái không để lại ấy lại để lại miên man.

Cho nên khi nghe ca khúc *Hãy thắp cho anh một ngọn đèn*, cái bài thơ trên không dưng trở về rất rõ dù đã lâu không nhớ.

'Đêm quê hương đêm treo trên một cành ngang
Chôn nhau xong làm *dấu nhớ* chỗ ai nằm...'

Nguyễn Đình Toàn để lại các dấu nhớ, và còn nữa, và các dấu nhớ ấy vô hình nên không thể nào bị ai đó 'quét cho một mồi lửa'./.

LÀM BOM VÀ CUỘC SĂN NĂNG LƯỢNG

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Khả năng kiểm soát

Rất lâu, nhiều người ngỡ rằng đây là Paradiso, nơi lui tới của những bậc trưởng giả phong lưu, văn hóa, của những chàng hiệp sĩ áo xanh, mặt xương xương góc cạnh, đẹp như thiên thần Gabriel, Marc Anthony, Marlon Brando cộng lại, ánh mắt nhìn sâu sắc như muốn xoáy vào da thịt, dũng mãnh như những con sư tử đang chờn vờn chờ ngốn ngấu những kẻ phạm thượng, đến từ ngoài cõi. Ai có thể nghĩ rằng cuối cùng nó sẽ trở thành một Inferno, chín tầng địa ngục Inferno. Ở đây, màu đỏ của lửa địa ngục đỏ như chưa bao giờ đỏ đến thế, cũng như những tiếng hò hét quỷ khốc thần sầu chưa bao giờ quỷ khốc thần sầu, đinh tai nhức óc đến thế, đến độ Dante phải cựa mình trong nhà mồ, dụi mắt nhìn cho kỹ để tin là mắt đã không trông nhầm mấy chữ 'Cổng Địa Ngục'.

'Giữa đường đời...' Dante viết mở đầu tác phẩm Tấn Kịch Siêu Phàm - The Divine Comedy - của ông. Giữa đường đời, thi sĩ thấy mình đứng trong một khu rừng âm u, trước sau là những cảnh kinh dị, những con thú hung hãn, gớm khiếp... Ông đã nhìn nhiều, thấy nhiều nhưng ông vẫn không thể nào hình dung nổi tấn kịch siêu phàm, vô lý, hãi hùng này. Vì đây là vận động trường Daejeon, Hàn Quốc, nơi mà những kẻ ngoại lai khinh mạn, không, mạo phạm, không chịu bằng lòng với thân phận, tầm vóc của mình, trong gần 120 phút, đã dám quay lại cắn những con sư tử dũng mãnh, đã khạc ra tim phổi, chạy đọ từng bước chân với những chàng hiệp sĩ Azzurri của nước Ý, hậu duệ của ông.

Nam Hàn vừa đá bại Ý với tỷ số 2-1, loại Ý ra khỏi vòng tám nước trong giải vô địch bóng tròn thế giới 2002. Phải chi hồn ma của Virgil đến kịp thời, như đã đến kịp thời bảo trợ ông, run rủi cho mấy chàng hiệp sĩ Áo Xanh một nửa đốt ngón tay lợi thế!

Thật ra, những chàng hiệp sĩ Áo Xanh này không tồi. Họ thua, chung qui chỉ vì họ rất lù mù về mấy chữ 'khả năng kiểm soát'. Họ đã bỏ bê phần đất giữa sân sau khi dẫn 1-0, cũng có thể họ đã không đủ khả năng kiểm soát khoảng đất tối ư quan trọng này. Mà khả năng kiểm soát là yếu tố quyết định, là quyền lực và sức mạnh trong mọi lãnh vực!

Khả năng kiểm soát và BOM

Hơn nửa thế kỷ trước, một hậu duệ khác của Dante cũng ở trong một cuộc chạy đua, đi tìm khả năng quyết định ấy. Có khác chăng, khả năng kiểm soát này sẽ có thể quyết định hướng đi của cả một nền văn minh như ta biết: Enrico Fermi lãnh đạo một nhóm nhà vật lý, tìm cách kiểm soát *sự phân hạt nhân* - nuclear fission. Mọi việc đã qua, bây giờ tưởng tượng lại, ta không thể không khỏi buồn cười: một vị giáo sư khả kính, trán cao rộng, nét mặt nhân ái hiền hòa, là một trong những người dẫn đầu một khám phá có lẽ cơ bản nhất, ích lợi nhất và cũng tai hại nhất của thế kỷ, đi đâu thường có 'đuôi' vì sự cơ mật của dự án (Manhattan Project) và, cũng vì theo luật, người ta phải đi theo canh gác ông vì ông là công dân của một nước cừu thù (alien).

Câu chuyện bắt đầu khi Fermi nghiên cứu việc dùng neutron (trung hòa tử) để bắn vào uranium, kim loại nặng nhất được biết khi ấy. Kết quả là có sự thay đổi trong uranium, tuy nhiên ông nghĩ là chỉ có sự sinh ra một vài nguyên tử kim loại mới, nặng hơn nào đó, không tìm thấy trong thiên nhiên. Trong số những người không tin lắm vào cách giải thích này có Lise Meitner, một nhà vật lý người Áo, Otto Hahn và Fritz Strassmann, hai nhà hóa học đồng nghiệp với Meitner tại viện Kaiser Wilhelm ở Bá Linh. Ba người lập lại thí nghiệm của Fermi. Công việc của họ bị xáo trộn bởi việc Đức xâm chiếm Áo. Với sự hòa nhập chính trị Đức-Áo Anschluss này, tự nhiên cô Meitner có được quốc tịch Đức, không lợi cho cô

lắm vì cô là Do Thái. Meitner bỏ chạy, thoạt tiên sang Hòa Lan rồi sau đó sang Thụy Điển.

Trong khi đó, thí nghiệm vẫn tiếp tục ở Bá Linh. Vài ngày trước lễ Giáng Sinh năm 1938, Hahn và Strassmann làm xong thí nghiệm, bèn viết bài rồi gửi ngay cho Meitner, lúc đó đang ở Thụy Điển. Sang thăm Meitner trong dịp Giáng Sinh ở Thụy Điển có người cháu là Otto Frisch, một nhà vật lý thuộc Viện Vật Lý Copenhagen. Hai cô cháu đi bộ lâu trong rừng cây phủ tuyết bên ngoài Stockhohm, bàn về kết quả của thí nghiệm và đi đến kết luận Hahn và Strassmann đã thực hiện một phản ứng hạt nhân mới, dùng neutron phân hạt nhân của nguyên tử uranium làm đôi, xấp xỉ thành hai phần bằng nhau. Niels Bohr được báo tin này qua điện thoại khi ông sắp rời Âu Châu sang Hoa Kỳ để tham dự Hội Thảo Vật Lý Lý Thuyết Lần Thứ Năm tại Hoa Thịnh Đốn. Chỉ vài giờ sau khi Bohr thuyết trình tại hội nghị, thí nghiệm được lập lại bởi Szilard và Fermi, khi ấy cũng chạy trốn Mussolini và đã đến Hoa Kỳ.

Có hai kết quả vô cùng quan trọng của phản ứng kể trên: thứ nhất, chỉ phải dùng có một neutron để bắn, mỗi phản ứng đã giải phóng ít nhất là hai neutrons; thứ hai, phản ứng đã sản xuất một số năng lượng lớn đến độ làm ta chóng mặt.

Bạn thấy chưa? Cho một, được hai ba! Nếu dùng được hai, ba anh neutrons này làm đạn bắn tiếp, ta sẽ có phản ứng dây chuyền và chỉ ngừng khi neutrons sinh ra hết đích để bắn, tai hại hay hữu ích, tùy nghi! Có một khối kim loại như uranium U^{235} hay plutonium Pu^{239}, cho nó cái 'ngòi', mọi sự sẽ *'go puff'*, nổ tan thành mây khói: bạn có bom nguyên tử. Trái lại, nếu làm sao dùng được nó từ từ, nó có thể làm cho tầu đi biển dễ dàng xuyên đại dương: bạn có một nguồn năng lượng nguyên tử. Tất nhiên có một số chi tiết phải giải quyết, thí dụ như lúc đầu người ta nghĩ rằng làm bom khó vì nó rất nặng, cả tấn, mà chế lọc được uranium hay plutonium thì không dễ. Sau này, việc chế tạo những kim loại này vẫn khó nhưng chỉ cần nhớ: giữ vài ki-lô uranium hay plutonium với nhau có thể là điều rất nguy hiểm.

Câu chuyện xẩy ra đến đây là vào năm 1939, giữa lúc đám mây đen chiến tranh đang bao phủ bầu trời Âu Châu. Phần còn lại là lịch sử, nếu kể tiếp, ta có thể viết cả quyển sách. Chỉ nên kể thêm Fermi tiếp tục nghiên cứu về khả năng kiểm soát sự phân hạt nhân. Cuối năm 1942, tại sân bóng quần (squash court) bỏ không của trường đại học Chicago, Fermi, một trong số rất ít nhà vật lý thượng thặng, giỏi cả lý thuyết lẫn thí nghiệm, tính toán với thước tính (1) dài chừng mười lăm hay hai mươi phân của ông, cho kéo đẩy thanh kiểm soát thí nghiệm bao nhiêu phân đó và nhìn máy kiểm tra. Máy báo hiệu phản ứng dây chuyền bắt đầu. Lò nguyên tử đầu tiên đã ra đời.

Trong khi ấy, việc chế tạo BOM cũng được xúc tiến một cách khẩn trương vì Hoa Kỳ và Anh sợ nước Đức sẽ làm xong bom trước. Kế hoạch phát triển bom nguyên tử có mục đích đề phòng việc nước Đức cũng có thể có bom nguyên tử. Chẳng bao lâu, nhận ra rằng nước Đức không dự trù làm bom nguyên tử và sau đó dù có muốn cũng không làm nổi, các nhà khoa học bên này đại dương bắt đầu cảm thấy 'lạnh cẳng' - cold feet - như tiếng Anh nói. Họ bắt đầu đặt câu hỏi về việc tiếp tục làm bom, những người hăng hái nhất lúc khởi đầu, như Szilard, muốn đề cập đến vấn đề dùng bom với Tổng Thống Roosevelt. Đã có một dàn xếp nào đó cho buổi họp nhưng tiếc thay, Tổng Thống Roosevelt qua đời trước khi ông có dịp thực hiện ý định.

Tháng 5, 1945 nước Đức đầu hàng. Ngày 16 tháng 7, 1945 bom nguyên tử được thử thành công trong sa mạc New Mexico. Quan sát bom nổ từ hầm an toàn, các nhà vật lý nhận ra rằng từ nay họ không còn 'ngây thơ, trong sáng' nữa. Kết quả mỹ mãn đến độ họ thấy không cần phải thử thêm bom plutonium. Ngày 6 tháng 8, quả bom uranium được thả xuống Hiroshima, và mấy ngày sau, quả bom plutonium, xuống Nagazaki.

Khủng bố là mục đích của việc dùng bom nguyên tử bên Nhật hay của cuộc oanh tạc Dresden bằng bom lửa suốt đêm bên Đức. Trong một đêm, 80% thành phố Dresden bị thiêu hủy và chừng 135 000 người bị chết. Xét về khía cạnh dã man, ném bom nguyên tử bên Nhật không dã man hơn oanh tạc Dresden, chỉ gọn ghẽ hơn mà thôi. Đó là những hành động man rợ, những vết nhơ trong lịch sử nhân loại. Nói vậy rồi, ta nên xét lại sự việc hàng năm, cứ vào đầu tháng 8, ta thường phải đọc những bài viết về bom nguyên tử với Hiroshima và Nagazaki. Càng nhìn xa trong dĩ vãng, người ta càng có khuynh hướng theo chủ nghĩa xét lại, tự đấm ngực mình, ăn năn nhiều hơn. Dân Á Châu, nhất là người Tàu, biết rất rõ quân đội Thiên Hoàng. Quân đội Thiên Hoàng, mà thành phần đến từ mọi nẻo đường trên nước Nhật, bình thường cũng như chúng ta thôi, nhưng

nhân danh Thiên Hoàng, họ có thể làm bất cứ điều gì - *bất cứ điều gì* - dưới lá cờ mặt trời. Khác với người Đức, hơn nửa thế kỷ sau cuộc chiến, người Nhật vẫn không nhìn nhận hành động của họ, và ngày nay còn tìm cách viết lại lịch sử nữa! Ta cần có một cái nhìn vừa phải, chừng mực hơn. Những người này, như một tập thể, ngây thơ, vô tội bao nhiêu?

Một chi tiết: Ai đổ rác đây?

Trong sự phân hạt nhân, hầu hết những hạt nhân mới được sản xuất đều rất giầu về neutrons và, do đấy, không bền, liên hệ với sự phân rã bêta. Nói cách khác, đó là những chất phóng xạ nguy hiểm. Chúng tự phân rã bằng cách phóng thích bêta và tia gamma với chu kỳ bán rã (half-life) ngắn từ vài phần nghìn của một giây và dài có thể tới trên 100 000 năm. Chu kỳ bán rã của một chất phóng xạ là thời gian cần thiết để một nửa số nguyên tử của chất đó tự phân rã. Chính những phóng xạ dài lâu này khiến cho việc quản lý chất thải ra từ những lò nguyên tử và từ quá trình chế biến các kim loại như uranium hay plutonium trở thành một vấn đề phức tạp, tốn kém và rất nan giải.

Khoảng giữa thập niên 60, khi chiến tranh lạnh ở giai đoạn căng nhất, Hoa Kỳ cất chứa chừng 32 000 đầu nổ hạt nhân cùng với từng núi những rác rưởi phóng xạ, phụ sản của việc sản xuất plutonium cho những võ khí này. Cứ mỗi ki-lô plutonium cần chừng 1 000 tấn quặng uranium. Sinh ra bởi neutron bắn vào uranium trong những lò nguyên tử, plutonium sau đó được tách ra khỏi uranium bởi acid và những chất hòa tan khác, vẫn chờ để được tống bỏ đi. Những rác rưởi nguyên tử ấy hiện nay hãy còn chất chứa ở 114 cơ sở hạt nhân trên toàn quốc, chiếm tổng số diện tích tương đương với hai tiểu bang Rhode Island và Delaware cộng lại.

Ngoài ra, toàn quốc Hoa Kỳ có chừng 50 000 tấn nhiên liệu đã dùng, chất thải từ những lò nguyên tử thương mại và quốc phòng, cộng thêm mỗi năm chừng 2000 tấn nữa, chưa kể tới nhiều trăm triệu lít những chất lỏng dùng để chế biến plutonium hay quặng uranium, v.v.

Từ hơn 20 năm nay, Bộ Năng Lượng Hoa Kỳ đã tiêu trên 20 tỷ đô-la, nghiên cứu khả năng thích hợp của Núi Yucca, Nevada, làm nơi chứa vĩnh viễn những chất thải nguyên tử. Mới đây, chính phủ Hoa Kỳ đã chấp thuận chọn Núi Yucca, nhưng cơ sở này phải chờ đến năm 2010 mới mở cửa, và còn phải thông qua những kiện cáo kháng chống cùng các quy định.

Trong khi chờ đợi được chôn vùi vĩnh viễn, những chất thải nguyên tử này vẫn ở nguyên tại chỗ chúng đang ở, tương đối bình yên có khi đã đến hơn một phần tư thế kỷ. Điển hình như cơ sở ở Calvert Cliffs trên Vịnh Chesapeake với hai lò nguyên tử và chừng 1000 tấn phế thải. Vấn đề phải đặt thêm hiện nay vẫn là những chất thải nhưng dưới một diện khác: vấn đề an ninh. Đó là những cái đích dễ bị khủng bố tấn công nhất và hậu quả cũng sẽ không kém phần khủng khiếp.

Có xáo thì xáo nước trong ...

Trong bài ca dao 'Con cò mà đi ăn đêm' của ta có hai câu cuối như sau: *'Có xáo thì xáo nước trong, Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.'* Cò của thời đại nguyên tử có lẽ sẽ phải kêu nài:

Có bom thì xin bom thơm,
Đừng dùng bom bẩn đau lòng cò con.

Với bom khinh khí, may ra cò ta được toại nguyện.

Bom nguyên tử bỏ xuống Hiroshima có một sức mạnh tương đương với 15 000 tấn chất nổ TNT và, như ta đã đọc ở trên, là một bom rất 'bẩn'! Bảy năm sau, một thiết bị khác, mật hiệu Mike, có căn bản là khinh khí được thử. Mike có sức mạnh tương đương với hơn 10 triệu tấn TNT, thừa đủ để san phẳng cả năm khu của thành phố Nữu Ước. Bom khinh khí đã ra đời, khỏe thì có khỏe, nhưng nó có 'thơm' không?

Khác với sự phân hạt nhân trong đó hạt nhân của một nguyên tố nặng bị bắn vỡ làm đôi và sản xuất một số năng lượng lớn. Một phương pháp khác cũng phóng thích một số năng lượng lớn là *sự hỗn hợp hạt nhân* - nuclear fusion. Đây là một phản ứng hạt nhân trong đó những nguyên tố nhẹ kết hợp lại để tạo ra những nguyên tố nặng hơn. Phản ứng hạt nhân của những nguyên tố có trọng khối lượng chừng ở giữa rất khó cho xảy ra vì năng lượng ràng buộc (binding energy) của chúng rất cao, và cao nhất là sắt.

Sự hỗn hợp hạt nhân quan trọng nhất xảy ra sâu trong trung tâm mặt trời (dưới áp lực khổng lồ và nóng 15 triệu độ Celsius), dùng khinh khí làm nhiên liệu, kết hợp bốn hạt nhân của khinh khí để tạo nên một hạt nhân helium. Tuy nhiên, mặc dầu ta có rất nhiều khinh khí, gần như vô tận (dự trữ trong các đại dương) ta không có điều kiện thực tiễn như trong mặt trời để thực hiện phản ứng khinh khí này. Tuy gọi là bom khinh khí, thực sự chất đồng vị (isotope) của khinh khí, deuterium hay tritium, được dùng làm nhiên liệu trong sự hỗn hợp hạt nhân vì phản ứng dễ xảy ra hơn. Deuterium có lẽ khá quen thuộc, đó là khinh

khí 'nặng', và nước trong đó deuterium thay thế khinh khí gọi là 'nước nặng', cũng không thiếu gì trong nước bể.

Điểm vô cùng hấp dẫn trong sự hỗn hợp hạt nhân là ta không phải lo nghĩ về gánh nặng những chất phế thải. Phản ứng sản xuất ra toàn khí. Cũng có phóng xạ, phản ứng cũng phóng thích neutrons, nhưng đó là phóng xạ ngắn hạn, ngay neutron chu kỳ bán rã chỉ chừng 15 phút. Nói cách khác, nếu có nguy hiểm đến tính mạng thì ta biết kết quả ngay lúc đó chứ không phải đợi đến cả trăm ngàn năm sau mà vẫn chưa hết lo lắng. Lời kêu van của cò đã được đáp ứng, bom khinh khí là bom 'thơm'?

Không hẳn như vậy. Nếu không vì một chi tiết trình bầy ở dưới, sự hỗn hợp hạt nhân sẽ là một phản ứng lý tưởng, giúp ta giải quyết vấn đề năng lượng không những cho hiện tại mà còn cho cả tương lai xa lắc nữa. Khác với sự phân hạt nhân, ta chưa có khả năng kiểm soát sự hỗn hợp hạt nhân một cách hữu hiệu. Công cuộc tìm kiếm vẫn tiếp tục từ nhiều chục năm nay: vấn đề là phải kiếm cách đun nóng deuterium và tritium lên đến chừng 50 triệu độ C và phải kiếm cái 'lọ' nào giữ được chúng ở nhiệt độ đó. Ở nhiệt độ ấy, phản ứng hỗn hợp hạt nhân sẽ xẩy ra. Hiện nay ở bên Nga và tại đại học Princeton có cái 'lọ' rất hứa hẹn đó, ở trong một máy gọi là Tokamak, nhiệt độ có thể lên đến ba lần nhiệt độ bên trong mặt trời. Thế kỷ 21 (không phải làtạp chí *Thế Kỷ 21*) có lẽ sẽ có câu trả lời cho nan đề này.

Đọc đến đây, bạn đọc nào nóng lòng muốn làm bom khinh khí sẽ thắc mắc hỏi, 'vậy làm sao làm được bom khinh khí?' Thưa rằng muốn kiểm soát, xây dựng, làm theo ý muốn của mình thì khó chứ còn phá phách tan hoang thì tương đối dễ hơn nhiều. Hiện nay người ta dùng bom nguyên tử (bom dựa trên sự phân hạt nhân) làm 'ngòi' để cho nổ bom khinh khí; bom nguyên tử nổ trước, trong khoảnh khắc nào đó nó tạo điều kiện cho sự hỗn hợp hạt nhân. Do đấy, tội nghiệp cò con, bom khinh khí vẫn còn 'bẩn'!

Một lối thoát: cold fusion - hỗn hợp hạt nhân lạnh ...

Ta đã thấy phản ứng hỗn hợp hạt nhân cần có một nhiệt độ rất cao và những máy móc rất đắt tiền. Tại sao ta không vừa đi kiếm một cái gì giản dị hơn vừa bỏ túi bạc triệu (là ít), như tiến hành phản ứng hỗn hợp hạt nhân LẠNH?

Tháng 3 năm 1989, hai nhà hóa học, Martin Fleischmann thuộc trường Đại Học Southampton bên Anh và Stanley Pons thuộc trường Đại Học Utah, Hoa Kỳ, loan báo một tin khiến tóc của thế giới vật lý chổng ngược đồng loạt. Hai ông họp báo, tuyên bố làm một thí nghiệm rất tài tình, đã thực hiện được phản ứng hỗn hợp hạt nhân dưới nhiệt độ của phòng thí nghiệm. Phương pháp của các ông, được đặt tên *hỗn hợp hạt nhân lạnh* - cold fusion - đã sản xuất được năng lượng nhiều hơn là năng lượng đã dùng. Và máy móc của các ông không cầu kỳ hơn là mấy bình điện giải rẻ tiền thông thường mà ta từng biết. Tóm lại, đó là một hỗn hợp hạt nhân có thể thực hiện ngay trên mặt bàn.

Đây có thể sẽ là phát minh không phải của một mà của nhiều thế kỷ. Tiểu bang Utah và nhiều công ty khác đã trợ cấp hàng triệu đô-la cho công cuộc khảo cứu của hai ông, một đầu tư khôn ngoan vì sau khi các ông đăng ký lấy bằng phát minh (patent) tiền sẽ đến hàng tỷ tỷ tỷ...

Bài đã dài, nếu bạn đọc muốn đọc thêm, tôi sẽ viết về hỗn hợp hạt nhân lạnh trong một lần khác. Gợi ý bởi sáng kiến này: tại sao ta cứ cầu kỳ, kiếm tìm gan ruồi mỡ muỗi? Tại sao ta phải phân hạt nhân, chẳng hạn như uranium hay plutonium? Tại sao ta không phân hạt nhân của những thứ thông thường như muối để bàn hay đường trong bếp? Các bạn đã biết công thức $E = m c^2$ nổi tiếng của Einstein để tính năng lượng tương đương của vật chất, thí dụ như một ki-lô muối bể đáng giá bao nhiêu kilowatts đó. Một chỗ nào đó bên trên có nói phớt qua, phân hạt một chất như muối ăn khó xẩy ra nhưng biết đâu đấy, dưới ánh sáng của hỗn hợp hạt nhân lạnh, bạn có chút hy vọng. Việc quan trọng phải làm đầu tiên là kiếm người đầu tư. Và nếu thành công, xin bạn chớ quên là đã được mách nước lần đầu tiên từ những trang viết này.

08/2002

Chú Thích:

(1) Thước tính: slide rule - règle à calcul. Xin bạn đọc khoan dung, cho phép viết thêm vài dòng trong trường hợp có bạn trẻ nào lạc vào đây. Cách đây không lâu lắm, đời sống giản dị hơn, ngoài phố chưa có bán máy tính mười đồng, sinh viên kỹ sư Hoa Kỳ thường đeo lủng lẳng bên cạnh sườn một bao da dài, đó là cái thước tính. Thước tính được làm dựa trên hàm số lo-ga-rít, viết tắt là log: nếu 2 nhân với 3 bằng 6 thì log(2) cộng với log(3) bằng log(6). Thước tính gồm hai thanh thường là plastic, cạnh trượt bên nhau, trên đó khắc số 1, 2, 3, v.v. Những chỗ khắc 1, 2, 3, ... đáng lẽ tương ứng với chiều dài 1, 2, 3, ... đơn vị, chúng tương ứng với chiều dài log(1), log(2), log(3), ... Do đấy, khi cho cạnh thước trượt bên nhau, để chiều dài log(2) cộng tiếp chiều dài log(3) ta sẽ có chiều dài log(6), tức kết quả là 6!

BƯỚC ĐẦU BỊ ĐẨY RA KHỎI ĐẢNG*

Hồi ký **TRẦN ĐỘ** *(trích)*

LTS: *Dưới đây, là một phần chương II (Đại hội V) của tập hồi kí của Trần Độ, thuật lại quãng thời gian từ 1975 đến 1991, trong đó hai lần ông phụ trách Ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương đảng Cộng sản Việt Nam. Tác giả kể lại trong hoàn cảnh nào ông đã bị Lê Đức Thọ loại ra khỏi công tác văn hóa văn nghệ, nhưng ông Thọ lại thất bại trong việc đưa Trần Độ ra khỏi Trung ương tại Đại hội V của Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1982).*

...Tôi bước chân đến cổng 4 Nguyễn Cảnh Chân, đồng chí thường trực quen biết tôi chạy ra mời đon đả: Các anh đến đủ cả rồi, mời anh vào.

- Các anh nào nhỉ?

Tôi bước vào thì ồ, lạ chưa? Toàn là các khuôn mặt quen thuộc cả, đầy đủ toàn bộ các vị trong ban cán sự Bộ văn hóa mà tôi là Bí thư: Nguyễn Văn Hiếu, Hà Xuân Trường, Cù Huy Cận, Lê Thành Công, Nông Quốc Chấn, Mai Vi... Rõ ràng đây là một cuộc họp Ban cán sự mà tôi không hề biết... Tôi im lặng bước vào phòng, không chào hỏi ai, không bắt tay ai, cố gắng giữ vẻ bình tĩnh, tìm một chỗ ngồi ở cạnh cửa sổ. Ở Bộ văn hóa, mỗi lần có những cuộc họp gồm những nhân vật này, bao giờ tôi cũng ngồi ghế chủ trì, và những người vây quanh tôi bao giờ cũng vui vẻ, niềm nở. Còn bây giờ mọi người nhìn tôi bằng những cặp mắt khác. Thì ra thời thế đổi thay thì nhân tình thế thái cũng đổi thay. Trong lúc tôi đang cố đoán xem ai đứng ra triệu tập cuộc họp này và mục đích cuộc họp là gì, thì một cán bộ trong Ban tổ chức từ phòng bên bước ra vui vẻ nói:

- Xin các anh chờ cho ít phút nữa, anh Thọ đang có tí việc mắc bận. Thì ra người chủ trì cuộc họp hôm nay là ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban tổ chức - Lê Đức Thọ.

Té ra người ta triệu tập một cuộc họp Ban cán sự của một Bộ mà Bí thư của Ban cán sự ấy không được biết.

Nói là chờ ít phút nhưng cũng phải đến nửa tiếng. Mỗi người cầm trong tay một chén nước để trước mặt nhưng hầu như không ai uống. Họ ngồi gần nhau, thỉnh thoảng rỉ tai nhau một chuyện gì đó, cặp mắt hướng về chiếc cửa thông sang buồng bên, nơi trưởng ban tổ chức xuất hiện.

Hầu như ai cũng muốn mình là người đầu tiên được nhìn thấy Trưởng ban tổ chức Trung ương bước vào phòng.

Và cuối cùng thì Lê Đức Thọ bước vào phòng họp, dáng đi nhanh nhẹn, nụ cười mở rộng trên môi. Phải nói là anh Thọ có nụ cười khá hiền hậu, cộng với cách ăn mặc giản dị làm cho người ta ngay cái phút đầu tiên cảm thấy dễ gần gũi. Không ai nghĩ rằng, đằng sau nụ cười ấy, bên trong sự giản dị ấy là một con người quyền uy, nắm trong tay sinh mệnh chính trị của hàng triệu cán bộ đảng viên.

Khi anh Thọ bước vào, tất cả đều đứng dậy. Riêng tôi vẫn ngồi yên. Làm sao mà phải thế. Động tác này chỉ có thể dành cho Bác Hồ, hoặc chí ít là Tổng Bí thư. Hà Xuân Trường chạy đến bắt tay trước, rồi dẫn anh Thọ đi một vòng bắt tay từng người.

Khi đến gần tôi, tôi mới đứng dậy, anh Thọ bắt tay tôi và hỏi vui:

- Thế nào, người bạn tù Sơn La của tôi dạo này có khoẻ không?

Tôi vui vẻ đáp lại :

- Khoẻ lắm!

Đối với tôi, anh Thọ là một người có nhiều kỷ niệm tốt đẹp nhưng cũng có những tình cảm trái ngược nhau, mà bản thân tôi chưa phân tích một cách rõ ràng được. Về cơ bản mà nói, tôi phục và quý mến anh Thọ. Cho đến nay, khi tôi viết những dòng này, tình cảm quý mến vẫn hầu như nguyên vẹn, mặc dầu ở phần dưới đây, tôi sẽ kể lại toàn bộ sự việc Trưởng ban tổ chức Trung ương Lê Đức Thọ không muốn tôi tiếp tục ở Trung ương khóa V như thế nào.

Thực ra ngay trước Đại hội V tôi đã nghe nói nhiều về quyền hành của Lê Đức Thọ, về sự bất bình của người này người khác khi bị Lê Đức Thọ đối xử thế này thế khác nhưng tôi thì vẫn giữ

nguyên những tình cảm quý mến anh, bởi tôi cho rằng những điều tiếng này nọ đối với anh Thọ là khó tránh khỏi, khi anh ở cương vị một người phụ trách công tác tổ chức - một công tác cực kỳ phức tạp, liên quan đến sự tồn vong của một Đảng, động chạm đến quyền lợi sống còn đối với nhiều người. Nếu không có quan điểm toàn cục, khách quan thì sẽ sinh ra oán trách khi sự phân công bổ nhiệm không vừa ý mình.

Mà việc này thì làm sao tránh được.

Tôi biết anh Thọ vẫn thường quan tâm đến tôi. Gần đây khi nằm điều trị ở bệnh viện Chợ Rẫy, có cô cháu gái về đằng vợ anh Thọ là bác sĩ ở đó, kể cho tôi nghe câu chuyện chiếc áo anh Thọ mang từ Paris về, một số người trong gia đình muốn xin anh cũng không cho. Anh bảo: Cái này để làm quà cho thằng Độ. Cô bác sĩ ấy nói: " Cháu không hiểu do đâu mà Bác Thọ cưng chú đến thế ." Tôi kể cho cô bác sĩ ấy biết rằng tôi và anh Thọ quen nhau ở nhà tù Sơn La từ năm 1942, đã trải qua những ngày gian khổ sống chết có nhau : Dạo đó, tôi là một thanh niên hăng hái, mới 18 tuổi, trẻ đẹp có học thức. Anh Thọ là người kết nạp tôi vào Đảng...

Cũng như năm 1945, sau Cách Mạng tháng 8, anh Thọ gọi tôi lên bảo:

- Bây giờ có hai việc, cậu tự chọn lấy, một là làm Chủ tịch tỉnh Phúc Yên. Hai là về Hà Nội làm lính chiến đấu.

Và tôi đã chọn cuộc đời làm lính, rồi sau đó trở thành Chính ủy đầu tiên của Mặt trận Hà Nội. Tiếp đó làm lính suốt 30 năm trời.

Cuộc họp hôm nay, chính người kết nạp tôi vào Đảng cách đây 35 năm, chủ trì kiểm điểm tôi, một cách làm đã trở thành quen thuộc của cơ quan tổ chức, nhằm mục đích hợp lý hóa một vấn đề nhân sự.

Khi mọi người đã ngồi yên chỗ, anh Thọ tuyên bố lý do cuộc họp ngay, không rào đón gì cả :

- Hôm nay tôi mời các đồng chí trong Ban cán sự Bộ Văn hóa lên để tiến hành việc kiểm điểm đồng chí Trần Độ.

Trong lúc tôi đang bị bất ngờ trước lời tuyên bố của anh Thọ thì anh Thọ vẫn tiếp tục bằng cái giọng đều đều :

- Tôi biết các đồng chí trong ban cán sự cũng đã họp, đã kiểm điểm đồng chí Độ rồi, nhưng gần đây có nhiều dư luận về đồng chí Độ, trong đó có những vấn đề thuộc về quan điểm, phong cách nên tôi mời các đồng chí lên đây, tôi sẽ trực tiếp chủ trì để cuộc kiểm điểm đạt kết quả tốt.

Ông Lê Đức Thọ vừa dứt lời thì Hà Xuân Trường với quyển sổ đã cầm sẵn trên tay từ bao giờ :

- Tôi xin có ý kiến!

Thế là ông ta mở sổ ra, mắt thì nhìn vào sổ, tay thì vung lên nói luôn. Xem ra Hà Xuân Trường đã chuẩn bị rất kỹ và chờ đợi từ lâu cái giờ phút này.

Tôi nhớ hôm đó Hà Xuân Trường phát biểu khá dài, nhưng mạch lạc, từng điểm rõ ràng, có phân tích... Chứng tỏ bài phát biểu chuẩn bị khá công phu. Đặc biệt phần lên án khá nặng nề, nâng lên thành quan điểm hẳn hoi, cùng với những dẫn chứng rất cụ thể. Ví dụ: khi lên án Trần Độ có quan điểm sai lầm nghiêm trọng, nhất là muốn tách văn nghệ khỏi chính trị. Ông ấy dẫn chứng những câu tôi viết trong bài nào, những lời tôi nói trong cuộc nói chuyện hay hội nghị nào. Thậm chí có những câu, những lời bản thân tôi không còn nhớ tôi đã viết ở đâu, đã nói ở chỗ nào. Vì tôi viết khá nhiều, đi nói chuyện cũng khá nhiều và đọc diễn văn cũng khá nhiều. Chỉ biết rằng nói chuyện ở đâu, đọc diễn văn ở đâu tôi cũng đều được hoan nghênh.

Bây giờ Hà Xuân Trường đem trích ra từng câu, từng chữ ở nơi này, nơi khác trong một mạch văn có trước có sau, có thuận có nghịch... để đi đến kết luận: Là người lãnh đạo văn nghệ mà không giữ vững lập trường quan điểm của Đảng như đồng chí Trần Độ thì sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

Tôi nhớ Hà Xuân Trường còn cho những lời phát biểu của tôi về vấn đề tự do sáng tác trong văn nghệ rất gần với quan điểm của Garaudy, người đang bị Đảng Cộng sản Pháp và các nước xã hội chủ nghĩa lên án.

Hà Xuân Trường vẫn tiếp tục phát biểu say sưa, hết quan điểm thứ nhất đến quan điểm thứ hai, thứ ba, quan điểm nào cũng đi đến kết luận là Trần Độ thường có những biểu hiện xa rời sự lãnh đạo của Đảng, thậm chí có đôi lúc chế giễu sự lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa văn nghệ, như cho Ban Tuyên huấn của Đảng chỉ thích làm nhiệm vụ một người lính gác cần mẫn, chỉ nhăm nhăm gọt đầu cắt đuôi các tác phẩm văn nghệ, để cuối cùng còn hai chữ lập trường rồi hoan hỷ coi như hoàn thành nhiệm vụ...

Chưa hết, bản "tham luận" của Hà Xuân Trường còn phê phán Trần Độ về chuyện tóc tai, quần áo, nếp sống, thẩm mỹ. Chẳng là vừa qua tôi cũng thường hay phát biểu các vấn đề này và rõ ràng là tôi không tán thành việc phê phán quần loe, tóc dài là mất lập trường, là kém đạo đức.

Tôi nói: Bác sĩ Tôn Thất Tùng có bộ tóc rất dài, nhưng ai dám bảo Tôn Thất Tùng là kém đạo đức. Mà ngược lại đó là một con người làm việc rất giỏi, được phong là anh hùng lao động. Nhưng có những tên tướng cướp hẳn hoi tóc lại cắt rất ngắn, thậm chí có đứa để đầu trọc, thì lại là thằng có đạo đức hay sao...

Vấn đề quần loe, tóc dài một thời đã sôi nổi trong cuộc sống đời thường của đất nước và tốn biết bao thời gian để xử lý nó. Người ta không những lên án nó trong các cuộc họp, trong Nghị quyết, mà còn tổ chức những đội thanh niên cờ đỏ chận đường cắt tóc, cắt quần khách qua đường...

Cho đến hôm nay, nhìn lại, ta cảm thấy buồn và có pha chút thương hại cho một thời ấu trĩ. Đau lòng hơn khi ta nghĩ đến việc một số người nào đó tưởng mình có quyền lực trong tay, muốn cả một cộng đồng phải sống theo một khuôn mẫu theo ý riêng mình.

Bây giờ ai muốn mặc quần loe, loe mười lăm, hai mươi phân chứ loe ba mươi phân, bốn mươi phân cũng mặc, nếu anh muốn, và cho như thế là đẹp. Tóc cũng vậy, nếu anh muốn thì cứ để quá gáy, hoặc dài hơn cũng tùy anh.

Điều quan trọng là anh có được xã hội công nhận hay không.

Người phát biểu thứ hai là anh Nguyễn Văn Hiếu. Từ ngày về Bộ văn hóa, tôi và anh Hiếu luôn có mối quan hệ thân tình và hiểu biết lẫn nhau. Anh Hiếu là Bộ trưởng, tôi là Thứ trưởng. Về chính quyền tôi là cấp dưới của anh, nhưng là Bí thư Ban cán sự, nên tôi được anh Hiếu luôn tỏ ra tôn trọng. Tôi biết đây trước hết là sự tôn trọng đối với sự lãnh đạo của Đảng. Để đáp ứng lại, tôi cũng luôn luôn tôn trọng những ý kiến của Bộ trưởng, không bao giờ áp đặt, kể cả trong công tác cán bộ. Vì vậy mà khi thấy anh Hiếu giơ tay phát biểu trong một cuộc họp mà chủ đề là để kiểm điểm tôi, thực lòng tôi không thể đoán biết được anh Hiếu sẽ phát biểu như thế nào. Phải chăng đây là lúc có thể nói thẳng ra nhiều điều cần nói.

Khác với của anh Hà Xuân Trường, anh Hiếu nói từ tốn, điềm đạm, nhưng rất chân thành. Anh nói:

- Ban cán sự chúng tôi cũng thường họp để kiểm điểm lẫn nhau. Nhưng cũng xin nói thật là những cuộc họp như thế chúng tôi chưa nói hết được những ý kiến của mình, tuy đôi lúc cũng muốn góp ý với anh Độ ý này ý khác, nhưng vì anh Độ là Bí thư, thường chủ trì các cuộc họp nên chúng tôi cũng ngại nói. Vả lại thực ra anh Độ sống với chúng tôi, làm việc với chúng tôi rất tốt, rất chân thành và biết tôn trọng lẫn nhau. Anh am hiểu sâu sắc nhiều vấn đề văn hóa và thường có những ý kiến sắc sảo, có những chủ trương sáng tạo, mạnh dạn, được nhiều người, nhất là lớp trẻ trong các giới văn học nghệ thuật hoan nghênh, ủng hộ. Cho nên có thể nói trong Ban cán sự, trong lãnh đạo Bộ không có vấn đề gì căng thẳng và nghiêm trọng cả.

Giọng anh Hiếu toát lên một vẻ rất chân thành. Mắt anh nhìn bao quát cả phòng họp. Tôi ngồi nghe và cảm thấy càng quý mến anh nhiều hơn.

Tuy nhiên, do đây là một cuộc họp kiểm điểm có mục đích cụ thể, mà lại do người có uy quyền nhất trong Đảng chủ trì, nên anh cũng không thể không có một số ý kiến tỏ ra nghiêm khắc đối với người bị kiểm điểm. Tôi nghĩ như thế nên không hề ngạc nhiên hoặc phật lòng khi nghe anh nói: "Anh Độ có nhược điểm là hơi thiên về cảm tình, rộng rãi, độ lượng, đôi khi quá thoải mái làm cho công tác lãnh đạo có lúc chưa được nghiêm."

Sau anh Hiếu là anh Nông Quốc Chấn, thứ trưởng Bộ văn hóa. Tôi nhớ anh Chấn phát biểu có hai ý: "Thứ nhất là đối với anh Độ thì chúng tôi rất kính trọng vì quá trình tham gia cách mạng lâu, có nhiều cống hiến trước cách mạng cũng như trong Quân đội." Nhưng lại có ý kiến thứ hai là: "Chúng tôi chỉ phục thôi chứ chưa thật mến, vì phong cách của anh quá rộng rãi, khoan dung làm cho chúng tôi gặp khó khăn trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình..."

Như vậy là cả anh Hiếu - Bộ trưởng - lẫn anh Chấn - Thứ trưởng - không có phê phán về quan điểm, đường lối như Hà Xuân Trường.

Không khí đang hơi chùng lại thì đến lượt anh Cù Huy Cận, cũng là Thứ trưởng phát biểu ý kiến. Anh nói giọng khu bốn, sôi nổi, rất tự nhiên. Cũng như anh Hiếu và anh Chấn, anh Cận không có sổ tay chuẩn bị trước gì cả mà chỉ nói vo như trong một buổi gặp mặt nói chuyện bình thường. Anh nói: "Anh Độ mới về lĩnh vực văn hóa văn nghệ nhưng nắm bắt vấn đề rất nhanh, rất sâu do anh rất chịu khó học tập, nghiên cứu đặc biệt là rất say mê. Tôi thấy là người lãnh đạo phải như thế, chứ không thể cứ chung chung lĩnh vực nào cũng phán được nhưng lĩnh vực nào cũng chỉ lướt qua dăm câu, ba điều. Tôi đã nhiều lần nghe anh Độ phát biểu và lần nào tôi cũng học thêm được một điều gì mới mẻ. Điều này làm cho tôi vừa ngạc nhiên, vừa thú vị, bởi lúc đầu được tin anh Độ sẽ

sang lãnh đạo văn hóa văn nghệ tôi đã nghĩ bụng: không hiểu rồi ông Trung tướng từng xông pha trăm trận này sẽ làm ăn ra sao trong cái lĩnh vực này. Cho đến bây giờ thì điều hồ nghi ấy không còn trong tôi nữa." Cuối cùng anh Cận kết luận: "Tôi không nói anh Độ là người lãnh đạo văn hóa, văn nghệ tốt, nhưng có thể khẳng định rằng, anh Độ đang trên đường trở thành người lãnh đạo văn hóa văn nghệ tốt."

Kể từ khi nhận được giấy triệu tập lên Nguyễn Cảnh Chân, mà không biết lên để làm gì, rồi khi biết có cuộc họp ban cán sự Bộ văn hóa mà chính mình là Bí thư cũng không biết và cuối cùng nghe đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương tuyên bố mục đích cuộc họp là để kiểm điểm Trần Độ, tôi thấy một nỗi phiền muộn dâng đầy trong tâm hồn.

Sau 30 năm phục vụ trong Quân đội, tôi tự nguyện chuyển sang môi trường mới với hy vọng phục vụ Đảng được nhiều hơn trong một lĩnh vực mà tôi ưa thích. Hơn bốn năm qua, tôi đã đưa hết sức mình ra làm việc, tất nhiên không tránh khỏi vấp váp, thiếu sót mặt này mặt khác, nhưng nói chung là tôi đã toàn tâm toàn ý phục vụ hết mình.

Tôi còn nhớ trong phát biểu của mình, Cù Huy Cận còn nói đùa là: "Không biết có phải do tên anh là Độ hay không mà trong cuộc sống đời thường anh tỏ ra rất độ lượng, đầy lòng nhân ái, giải quyết việc gì cũng vừa có tình, có lý, mà chủ yếu là thuyết phục bằng tình cảm. Có lẽ vì thế mà một số người cho anh Độ là lỏng lẻo. Theo tôi thì đây là một đức tính cần có của một người lãnh đạo văn hóa văn nghệ. Thuyết phục con người bằng tình cảm chứ không phải bằng mệnh lệnh."

Lúc này tôi thấy cả Lê Đức Thọ và Hà Xuân Trường đều nhìn về phía Lê Thành Công. Và tôi thấy Lê Thành Công đứng dậy mở sổ ra phát biểu ngay: "Thời gian qua đồng chí Trần Độ có nhiều sai lầm thuộc về quan điểm..." Thế rồi Lê Thành Công nêu lên một loạt vấn đề mà ông cho là những sai lầm thuộc về quan điểm của tôi mà không thể nào nhớ hết.

Chỉ nhớ là ông ta nhắc lại vấn đề quần loe, tóc dài và quy cho tôi là tách rời thẩm mỹ với đạo đức. Còn những câu nói rất nghiêm túc của tôi, thì ông ta không nêu ra, chẳng hạn tôi thường dẫn một câu nói rất hay của Gorki là: "Đạo đức học tương lai chính là mỹ học." Tức là loài người bao giờ cũng có xu hướng vươn tới cái đẹp, đến một lúc nào đó, cái đẹp được thể hiện chính trong đạo đức của con người, hoặc nói như Sholokhov: "Đôi khi một cô gái mặt rỗ mà vẫn có sức hấp dẫn bởi cái đẹp bên trong của tâm hồn và trí tuệ." Cũng như thế đừng nên nhìn một người quần loe, tóc dài là một người xấu. Nhưng tôi nhớ nhất trong "bài phát biểu" của Lê Thành Công quy kết tôi có hai quan điểm sai lầm, mà có lẽ cho đến suốt đời tôi không thể nào quên được:

Quan điểm sai lầm thứ nhất là quan điểm "Văn hóa xóa thông tin." Ông ta phân tích là từ khi Tổng cục Thông tin sát nhập vào Bộ văn hóa thì đồng chí Trần Độ để cho văn hóa lấn át thông tin, bớt cả quyền hạn, bớt cả điều kiện làm việc, làm cho Thông tin chỉ là cái bóng mờ của Văn hóa, làm cho anh em thông tin rất bất bình.

Quan điểm sai lầm thứ hai Lê Thành Công quy kết là quan điểm tách rời thẩm mỹ với đạo đức, cho rằng thẩm mỹ không dính dáng gì đến đạo đức và lại xoay quanh vấn đề quần loe, tóc

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH

TÌM LẠI MÌNH

Bóng chiều vương bãi Thuận An
em đi nhặt mảnh nắng vàng cuối thu
khơi xa một thoáng sương mù
hàng dương gió gọi lời ru thuở nào
lặng nghe nhịp sóng xôn xao
tưởng như tiếng vỗ tay vào thời gian
cánh chim từ biệt mây ngàn
dòng xưa trôi dạt vào trang tự tình
em đi tìm lại chính mình
bỏ quên từ độ nhục vinh với người
bóng chiều lặng lẽ mồ côi
tiếng con chim biển như hơi thở dài
ngẩn ngơ một chút quan hoài
nẻo xa bãi cát chừng phai nhạt màu...

thắp tình rọi xuống đêm sâu
người đi bỏ lại vũng sầu lặng câm.

dài...

Lê Thành Công phát biểu xong thì hội nghị giải lao.

Tôi đến gần Nguyễn Văn Hiếu, kéo anh ra một góc hỏi nhỏ: "Anh nhận được giấy mời như thế nào?" Thế là anh Hiếu rút trong túi ra cái giấy mời đúng như là giấy mời của tôi: Ngày ấy, giờ ấy, đến 4 Nguyễn Cảnh Chân họp với Ban nhân sự. Tôi lại hỏi: "Thế anh có biết là mời tất cả ban cán sự không?" Anh Hiếu lại đáp: " Không hề biết một tý gì, chỉ khi lên đây mới té ra là họp Ban cán sự."

Sau đó anh Hiếu rỉ tai tôi, nói rất khẽ: "Chắc chắn là Hà Xuân Trường và Lê Thành Công biết việc này, vì cách đây ba hôm, Hà Xuân Trường có nói riêng với tôi là sắp có cuộc họp kiểm điểm Trần Độ."

Thế là đã rõ như hai với hai là bốn. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là cuộc họp nhằm chuẩn bị nhân sự mới mà người phải thay là tôi.

(...)

Khoảng một tháng sau cuộc họp ấy, anh Thọ gọi tôi lên gặp riêng tại văn phòng Trung ương số 4 Nguyễn Cảnh Chân.

Trước đây khi chuẩn bị đi B, ngoài việc được ăn cơm với Bác Hồ, được các đồng chí trong thường trực Quân ủy, các đồng chí Thủ tướng Tổng cục Chính trị chiêu đãi chia tay, tôi cũng được anh Thọ mời cơm riêng trong không khí gia đình. Có thể nói anh Thọ thật sự quan tâm và thương yêu tôi. Anh hỏi thăm tình hình gia đình, vợ con, có gì cần đề đạt... Nhưng tôi nói với anh Thọ là tôi ra đi rất yên tâm và phấn khởi, mọi việc về chính sách đã được các anh bên Tổng cục lo cho chu đáo. Là người đã từng nhiều năm ở chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Pháp nên hôm ấy anh dành thời gian nói cho tôi khá nhiều kinh nghiệm trong sinh hoạt và chiến đấu...

Hôm nay anh lại gọi tôi lên sau cuộc kiểm điểm và tôi biết rõ cuộc gặp này chắc không ngoài mục đích báo cho tôi biết là tôi sẽ không còn ở trong Trung ương nữa và tất nhiên cũng sẽ thôi giữ chức Trưởng ban văn hóa văn nghệ, theo cách thức mà cơ quan Tổ chức từ trên xuống dưới thường hay làm trước đại hội.

Hôm ấy tôi lên vẫn thấy anh Thọ niềm nở, thân mật.

Sau vài câu hỏi thường tình về gia đình, sức khoẻ, anh vào câu chuyện chính một cách rất tự nhiên :

- Cậu như thế là lỏng lẻo quá. Anh em người ta nói như vậy mà tớ cũng nhận thấy như vậy. Do đó nên không thể tiếp tục lãnh đạo văn hóa văn nghệ được. Mà không là Trưởng ban văn hóa văn nghệ thì cũng không có cơ cấu vào Trung ương. Hôm nay tớ thông báo cho cậu biết Bộ Chính trị không dự kiến giới thiệu cậu.

Anh Thọ vừa nói vừa nhìn thẳng vào mặt tôi và hỏi: "Ý cậu thế nào?"

Tuy đã biết cái kết cục của cuộc kiểm điểm sẽ dẫn đến kết quả hôm nay, nhưng một lần nữa tôi bỗng cảm thấy hụt hẫng. Con người ta thường có tâm lý như thế. Tuy biết chắc một chuyện không may nào đó sẽ đến, nhưng vẫn hy vọng là có thể nó không đến. Trong trường hợp này hy vọng của tôi là có thể không còn giữ chức Trưởng ban văn hóa văn nghệ nhưng vẫn là ủy viên Trung ương và sẽ được chuyển sang phụ trách một lĩnh vực khác.

Nhưng qua anh Thọ thì cùng một lúc tôi phải rút lui cả hai cương vị, có nghĩa là nghỉ hưu... Và đây quả là một điều tôi chưa từng nghĩ đến. Năm đó tôi chưa đến tuổi 60, sức khỏe đang hồi phục tốt, đang rất muốn làm việc, cống hiến, đặc biệt là trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ.

Tôi nói với anh Thọ:

- Tính đến nay, tôi đã 21 năm ở Trung ương, cũng có thể nghỉ để cho lớp trẻ hơn thay thế. Tôi không phải là con người tham quyền cố vị. Đã 40 tuổi Đảng, 30 năm tuổi quân, hai cuộc kháng chiến tham gia trọn vẹn, nghỉ cũng được rồi. Nhưng như anh phát biểu hôm kiểm điểm tôi là hiện nay đang có nhiều vấn đề mới đặt ra đối với sự lãnh đạo văn hóa văn nghệ và tôi đang cố gắng tìm tòi phát hiện những vấn đề mới ấy về đề xuất của Đảng... Vì vậy, tôi xin thẳng thắn phát biểu với anh, người làm công tác tổ chức của Đảng, nguyện vọng của tôi là còn muốn làm việc. Tuy nhiên quyền quyết định là ở các anh, tôi sẵn sàng chấp nhận ý kiến của tổ chức.

Mặc dù nghe tôi phát biểu một cách chân thành tha thiết như vậy, nhưng nét mặt anh Thọ vẫn không có một chút thay đổi. Xem ra việc đã được phán quyết rồi...

Cũng như chỉ mới cách đây một tuần, Trưởng ban Tổ chức Lê Đức Thọ đã gặp Bí thư Trung ương Đảng, chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Song Hào. Kết quả là Song Hào thôi giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị để ra làm Bộ trưởng Bộ thương binh xã hội, lý do là vì có một số "sai lầm về quan điểm."

Sau lần gặp đó, ở Hội nghị Trung ương về công tác nhân sự để trực tiếp chuẩn bị cho Đại hội V, trong danh sách dự kiến của Bộ Chính trị về Trung

ương mới không có tên tôi mà có tên Hà Xuân Trường. Nhưng có một điều bất ngờ đã xảy ra: Các tổ vẫn đề nghị tôi vào danh sách, đặc biệt là các đồng chí ủy viên Trung ương khóa IV thì rất nhiều đồng chí nhất trí ủng hộ tôi. Họ nói thẳng: "Tại sao lại rút tên Trần Độ. Trần Độ đang có sức khỏe, có năng lực. Nếu nói tiêu chuẩn của một ủy viên Trung ương là lòng trung thành với sự nghiệp của Đảng, là trình độ hiểu biết, là năng lực hành động thì Trần Độ rất xứng đáng." Đứng trước tình hình nhiều tổ, bất chấp dự kiến của Ban nhân sự, nhưng được núp danh nghĩa là dự kiến của BộChính trị, cán bộ của Ban Tổ chức Trung ương được chia nhau đi các tổ để giải thích vì sao Bộ Chính trị lần này không đề cử Trần Độ. Mặc dầu vậy, nhiều tổ vẫn giữ ý kiến đề cử Trần Độ vào danh sách.

Và thế là đích thân ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban tổ chức Trung ương Đảng, phải đến từng tổ để giải thích trường hợp này. Vẫn là cái lý do Trần Độ lỏng lẻo, không lãnh đạo Văn hóa Văn nghệ được nên không thể có trong cơ cấu, nhưng đặc biệt lần này anh Thọ có nói thêm một chi tiết liên quan đến một câu phát biểu của Hoàng Ngọc Hiến, mà chính bản thân tôi cũng không biết. Tôi còn nhớ rất rõ ý kiến của anh Thọ nói ở tổ tôi như sau: "Đúng, anh Độ là người có năng lực, tuổi còn ít, có sức khoẻ, làm việc tốt, có nhiều cống hiến. Thế nhưng anh Độ đã bị kiểm điểm về lỏng lẻo trong lãnh đạo văn hóa văn nghệ, gần đây có người phát hiện ra một sai lầm còn lớn hơn: Cụ thể là ở một hội nghị, có một văn nghệ sĩ phát biểu công khai rằng thần tượng Đảng đã đổ rồi, thần tượng Bác Hồ đã đổ rồi, thế mà anh Độ có mặt ở đấy vẫn cứ cho qua không nói gì. Đến mức như vậy thì làm sao để anh Độ tiếp tục lãnh đạo văn hóa văn nghệ được." Câu nói của anh Thọ có sức nặng đến mức như bà Định, xưa nay vẫn rất ủng hộ tôi, phải thét lên: "Chu cha! Thế thì hết biết! ", sau đó, bà Định còn láy đi, láy lại: " Thật quá lắm, quá lắm! "...

Riêng đối với tôi thì đây đúng là "Oan Thị Kính" vì Hoàng Ngọc Hiến phát biểu câu nói trên ở đâu, vào lúc nào tôi đâu có biết... Mãi sau này tôi đi hỏi Hoàng Ngọc Hiến, hỏi lại chị Lê Minh và một vài người khác thì thực chất việc đâu có phải như thế... Mà ý của Hoàng Ngọc Hiến là ta không nên thần thánh hóa Bác Hồ, thần thánh hóa Đảng, bởi vì không làm như thế thì uy tín của Đảng vẫn còn đó, uy tín của Bác Hồ vẫn còn đó... Nếu cứ tìm cách thần thánh, linh thiêng hóa Đảng và Bác Hồ thì lợi bất cập hại.

Trong nội dung phát biểu này không hề có ý gì xúc phạm đến Đảng, xúc phạm đến Bác Hồ.

Thế mà đồng chí Uỷ viên Bộ Chính Trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương lại dựa vào cái câu nói đó để phê phán tôi và đưa tôi ra khỏi danh sách dự kiến vào Trung ương khóa V thì thực là một việc đau lòng. Đau lòng không phải là việc tôi sắp bị mất chức ủy viên Trung ương, mà đau lòng do cái cách làm việc của cơ quan tổ chức, quy kết, bất chấp sự thật, chỉ nhằm mục đích đạt cho bằng được ý của mình. Như vậy là trong Đảng ta còn có một quyền lực tối thượng nào đó, nhưng lại nhân danh Bộ Chính trị, nhân danh Đảng quyết định tất cả...

Trong lúc đa số Trung ương ủy viên đều yêu cầu đưa Trần Độ vào danh sách ủy viên Trung ương khóa V thì Trưởng ban Tổ chức Trung ương Lê Đức Thọ vẫn tìm mọi cách kiên quyết gạt ra.

Nhưng do ý kiến đa số Trần Độ vẫn có tên trong danh sách và Trần Độ vẫn trúng cử ủy viên Trung ương chính thức.

Nhưng, như trên tôi có nói, Lê Đức Thọ là một con người quyết đoán không bao giờ chịu thua hoàn toàn.

Không đưa được tôi ra khỏi Trung ương vì đây là thuộc quyền của Đại hội, thì Lê Đức Thọ dùng quyền của cơ quan tổ chức, sau Đại Hội V, chỉ chưa đầy một tuần, bổ nhiệm ngay Hà Xuân Trường - uỷ viên Trung ương dự khuyết vào chức vụ Trưởng Ban văn hóa - văn nghệ Trung ương. Và kể từ đó, tuy trúng cử ủy viên Trung ương chính thức, nhưng tôi "bị treo giò," nghĩa là không được trao nhiệm vụ gì cả. Đây cũng là một trường hợp hiếm có...

Sau này có dịp đi các địa phương, gặp lại những bạn bè thân thiết cũ từng tham gia Đại hội V, họ kể lại cho tôi nghe là hồi đó chính họ cũng được một nhóm người đi vận động không bỏ phiếu cho tôi. Vận động một cách khá trắng trợn. Kể xong họ cười mỉa và nói : "Nhưng chúng tôi có chính kiến của chúng tôi chứ. Cái gậy chỉ huy mà không trung thực thì chỉ huy được một số người thôi, chứ không thể chỉ huy được tất cả."

Ở Đại hội V còn có chuyện to hơn chuyện của tôi, có thể nói là chuyện "tầy đình," so với chuyện của tôi thì đúng như trên tôi đã nói "chẳng là cái đinh gì." Đó là chuyện anh Giáp và anh Linh ra khỏi Bộ Chính Trị...

* *Tựa đề do Tòa soạn đặt*

GIA PHẢ

TRẦN TRỊ CHI

(Tiếp theo và hết)

Người đầu tiên sụm xuống là bố An, liền ngay khi ông đọc xong bức thư. Ông lặng câm suốt buổi chiều. Tâm tư cũng như ánh mắt cùng với chiều hôm lún dần, lẫn lộn trong bóng tối. Ông trăn trở một mình trong nghịch cảnh. Một bên là con ông và một bên là khói nhang bàn thờ. Lòng thương con vật lộn cùng bóng đêm. Và đêm đen đã thắng. Ông đành xuôi tay.

Tan hoang, bà được thì thầm biết giữa đêm đen. Một đêm tịch mịch của cả bà lẫn ông. Hơi thở bị tắc nghẹn trong lồng ngực. Cuộc đời bà sao bạc bẽo, rặt những thua thiệt, khổ đau. Ánh mắt bà muốn xé rách màn đêm. Đêm đen đồng loã với những mờ ám, dựng lên lời nguyền oan khiên đã dang tay đập vỡ cuộc đời của đứa con bà mang nặng đẻ đau.

Và khủng khiếp bổ dọc thân xác An vào sáng hôm sau.

"Thầy đi dậy học, dĩ nhiên cũng đã biết. Chúng tôi cũng phải được gặp các cụ bên nhà."

An rùng mình. Đòi hỏi đó là danh dự. Danh dự phải được mọi người tôn trọng và bảo vệ. Chính anh, cả bố mẹ anh, cùng lẫn mọi người không chừa một ai. Anh hiểu rõ anh lắm. Anh có thể chịu đựng được tất cả. Nhưng không thể tự hạ thấp mình xuống được. Tình huống đã tới đây, bố mẹ anh phải ra Nha Trang. Cho dù cha mẹ đôi bên gặp nhau rồi câu chuyện không đi đến đâu, cũng phải gặp. Món nợ này anh phải trả. Những ngày đầm ấm bên Bích Khê, ngay tại nhà nàng, là một lời hứa. Mọi lật lọng, thất hứa ở đây là điều cáng, là điều anh không thể có.

Mẹ rấm rứt, gập người dưới bếp. Bố cúi đầu, câm nín trong phòng. Em gái sụt sùi một xó. Hồng Đào đã được nghe giảng dậy về nàng Kiều, về người chinh phụ, về những nỗi khổ đau của người đời ở trong lớp. Với tuổi non dại, nàng học và tưởng đó là những chuyện của người xưa, chỉ có trên trang sách. Giờ đây nàng va chạm với đời thực. Hóa ra, khổ đau loài người không chỉ nằm trên trang sách mà đầy rẫy ở ngoài đời. Nước mắt người xưa là chuyện có thực, xẩy ra ngay trong nhà nàng. Oan trái không nằm trong tự điển. Oan trái là đây. Anh nàng và người con gái nàng chưa gặp mặt là nạn nhân.

Tất cả từ bức thư mời, lời lẽ cẩn trọng và thân tình. Không gì sai trái trong thư. Nhưng oan trái của chuyện tình đã được nhìn ra từ lá thư đó. Một cái tên, Công Tằng Tôn Nữ thị Bích Khê. Một giòng họ, Hoàng tộc nhà Nguyễn. Một lời nguyền oan khiên của dòng họ Trần nhà Trần Cửu An. Lời nguyền đã được thề độc trong giòng họ từ nhiều năm trước. Lời nguyền được truyền từ đời nọ sang đời kia. Cha dậy dỗ, dặn dò con cái về lời thề độc kia. An và Hồng Đào cũng đã biết có một một điều cấm kị. Chúng được biết từ hồi còn nhỏ. Điều cấm này nếu phạm phải thì sẽ bị khổ sở ghê gớm lắm. Nhưng điều cấm đó là gì thì chúng chưa được biết. Rồi chúng sẽ được biết đến sau này, khi đủ lớn, trong không khí trang nghiêm đầm ấm như trong những ngày giỗ tết chẳng hạn. Nhưng sáng nay thậm chí không có thì giờ để sửa soạn sự trang nghiêm cần có khi cả hai phải gấp rút được truyền cho biết đến lời thề xưa:

"Dòng họ Trần từ đời ông cha có oán thù với Hoàng tộc nhà Nguyễn. Hai dòng họ không thể thông gia với nhau được."

Tiếng sét của lời nguyền nổ. Mái ấm một gia đình trong giòng họ tan. Tiếng sét đã bổ dọc xác thân anh. Lời nguyền đã cưa ngang thân thể nàng. Lời thề độc là lưỡi cưa từng ngày, từng ngày đưa ngang qua xương thịt Bích Khê.

Một tuần sau ngày anh đi. Nàng mong ngóng, văng vẳng bên tai.

"Không lâu đâu."

"Tối đa là một tuần thôi."

"Ngủ một giấc trên xe lửa. Sáng ra anh lại về đây với cưng."

Nhiều tuần trôi qua, anh như bóng chim, chẳng thấy tăm hơi. Nàng bồn chồn, thao thức, âm vang trong dạ.

"Đúng một tuần."

"Anh đã mua vé khứ hồi cho anh và vé cho cả nhà."

"Anh đã thuê nhà cho bố mẹ và em gái anh."

Những tháng hè dần trôi. Thân xác nàng bềnh bồng nổi trôi trên ngọn sóng. Ánh mắt nàng lạc mãi tận đâu đâu. Mối tình lứa đôi ngày trước, giờ đây còn lại là tình yêu côi cút của riêng nàng.

Rồi hè hết. Nàng gục mặt trên mười ngón tay gầy. Nàng khóc. Nước mắt cũng chẳng còn. Máu. Máu chẩy. Và giòng máu rồi cũng cạn khô.

Niên học mới đã bắt đầu. Trung học Võ Tánh Nha Trang cũng không thấy bóng dáng giáo sư Trần Cửu An đâu. Bọn học trò ngẩn ngơ mong ông thầy dậy toán. Chúng tiếc nhớ thầy An. Trẻ. Tận tâm. Nhẫn nại với nụ cười hiền từ.

Cuối cùng nàng nhận được tin anh. Phong thư dán kín, qua bà chủ nhà, anh trọ năm ngoái. Bức thư được đưa tận tay nàng. Chỉ mình nàng đọc thư đó. Nàng khóc. Gục mặt trong lòng bàn tay. Lòng bàn tay vẫn khô ráo. Mười ngón tay gầy bấu chặt gương mặt tái xanh. Nàng nghiến miệng. Giòng máu mặn rỉ dần thay nước mắt. Lòng thẫn thờ, bải hoải. Nàng lịm người trong nỗi bẽ bàng, đắng cay. Nàng bơ vơ và hẫng hụt. Nàng một mình. Đêm ngày như nhau. Nàng một mình. Một mình với kỷ niêm riêng tư. Góc phố, phòng riêng cũng vậy. Nàng một mình. Một mình với tình yêu côi cút. Ngoài bãi nắng hay trong rừng dừa tối bóng. Nàng mất hết. Không nơi trú ẩn. Chẳng ai che chở. Chỗ nương vịn của con tim cũng chẳng còn. Nàng mất hết. Mất cả tình yêu côi cút, co ro.

Đã một lần nàng nghe anh thủ thỉ bên vai. Cô nữ sinh khờ dại, mềm yếu và luôn luôn hãi sợ đã can đảm cùng người yêu đứng dậy. Đôi lứa cùng một lòng tranh đấu cho mối tình chung. Từng sáng chủ nhật anh kiên nhẫn tại phòng khách với người cha. Suốt nguyên tuần nàng vật vã trong phòng riêng cùng bà mẹ. Lý trí và tình thương con giằng co trong lòng cha mẹ. Rồi lẽ sống cuộc đời đối mặt với mạng sống đứa con. Cán cân đã phải nghiêng lệch. Với quyết tâm tận cùng, nàng phá vỡ được bức tường cách ngăn.

Tất cả, nàng đã vì tình chung của đôi lứa. Giờ đây tình chung thành tình riêng. Tình yêu côi cút của riêng nàng cũng chẳng còn. Phong thư được viết từ Sài Gòn là nhát cuốc đào xâu nấm mộ ở Nha Trang. Mồ chôn một chuyện tình. Và cảnh chùa tịch mịch, lưng chừng núi, có thêm một bóng dáng được ẩn dấu trong manh vải tu hành. Người nữ tu còn trẻ lắm, chưa tới hai mươi. Sáng kinh nhật tụng, xen lẫn tiếng chuông ngân dài đưa lòng người về miền u tịch. Buổi chiều học kệ với vị sư già bên khung cửa sát vườn rau. Người nữ tu trẻ ngày ngày với kinh, kệ và luống rau nơi lưng núi đã bỏ lại dưới xa kia cha mẹ và mối tình riêng. Lá thư viết từ Sài Gòn đã được đốt cháy, chôn kín chuyện tình dưới lòng đất lạnh.

Từ lưng chừng núi, khách vãn cảnh chùa thường phóng tầm mắt ra với biển khơi. Ánh nắng chói chang dập dình vui đùa cùng sóng nước. Xa xa lấp loáng cánh buồm nâu bạc. Đời người dân chài vẫn phơi trần dưới nắng gắt, trên nước mặn.

Tấm lòng chất phác, hiền lành của người chài lưới. Đời sống đơn sơ, mộc mạc nơi xóm Bóng. Rồi cái lần ở Hòn Yến ngoài khơi. Tất cả đã một lần đậm nét trong lòng Trần Cửu An. Dấu vết đó như một cảm thông giữa anh với một cái gì khó tả, khó nói tới. Chỉ biết mỗi khi anh lao đao, sắp ngã thì hình như có một bàn tay nương anh đứng dậy. Còn nhớ, đã một lần anh rùng mình. Đã một lần anh quyết không tự hạ thấp bản chất con người anh, đánh đồng với đểu cáng. Đã một lần anh ước ao được biến mất vào hư vô. Bàn tay đó lại đã một lần nương anh đứng dậy. Từ đổ vỡ của đời anh, từ món nợ tình với nàng, từ danh dự phải được bảo vệ, anh đứng lên với một quyết tâm. Lần tìm cho ra câu chuyện dẫn tới lời nguyền độc địa của cha ông để lại.

Trần Cửu An bỏ dậy, xé bản khế ước với Bộ Giáo Dục.

Anh đi.

Trần Cửu An quyết tìm cho bằng được vì đâu có lời nguyền oan khiên? Dòng họ Trần nhà anh, thời xa xưa ở mãi ngoài đất Bắc, sao lại có chuyện đụng chạm với Hoàng tộc nhà Nguyễn dựng nghiệp ở đàng Trong?

Gia tộc họ Trần này, xưa, sinh sống nơi ruộng rẫy, đồng bằng con sông Hồng. Hầu hết, giòng họ đều di cư vào Nam năm 1954. Và từ dạo đó, con cháu phân tán khắp nơi. Một ít ở Sài Gòn hay các tỉnh. Ít khác nhập với dân đánh cá trong họ đạo, sinh sống ngoài Phước Tĩnh, gần Long Hải. Cũng có chi thuộc dòng họ lại nhập theo nhà thờ ở Hố Nai hay Long Khánh. Lại còn gia đình xuống tận Cái Sắn, giữa đồng bằng sông Cửu Long. Anh đi. Anh đi hết. Và cuối cùng, anh mò lên Đà Lạt, tới nhà ông bác, trưởng tộc. Anh đã định, Đà lạt là bước đầu tiên, nhưng rồi anh

đổi ý.

Bác Trần Trọng Huề, trưởng tộc, sinh 1903, hiện vẫn sống với cha già, cụ Trần Trọng Tín xấp xỉ tám mươi. Cụ là anh ruột của ông nội An, nay đã mất. Có lẽ khí hậu Đà Lạt và nếp sống khoan dung đã giúp ông của An sống lâu và vẫn còn minh mẫn. Ông có mảnh vườn nhỏ. Của riêng ông, không ai động vào. Trong khu vườn đó ông trồng đủ mọi thứ. Bất cứ cây gì ông có được, ông cũng hì hà hì hục đào đất, trồng trong đó. Thành thử, mảnh vườn trở nên um tùm và vô trật tự. Ngày ngày ông sống với mảnh vườn, trong đó có hai cây trà tươi. Ông không uống trà tầu, suốt ngày chỉ trà tươi thôi. Lá trà hái trong vườn, được vò nát rồi bỏ vào bình tích. Khi hãm, bao giờ lá cũng được tráng trước một lần nước thực sôi.

An nhấp ngụm trà tươi. Từ hồi di cư, giờ anh mới được nhâm nhi lại cái hương vị chan chát, sảng khoái này. Ông của anh ngước mặt, nhìn qua khung cửa kính, giọng xa vời cùng người cháu họ:

- Năm vua Tự Đức băng hà, 1883, ông còn nhỏ lắm. Mới có ba tuổi. Cụ của cháu, cụ Trần Trọng Nghĩa, mãi tới năm ba mươi tám mới có ông. Cụ có một chị gái và hai em trai. Đây này. . Ông đưa cho cháu cuốn ghi chú dầy, bìa cứng, bọc giấy dầu. Cuốn sổ đã được đem ra, để sẵn bên cạnh từ bao giờ. Ông nói tiếp:

- Cháu còn tỏ mắt, lúc rảnh đọc cuốn gia phả này thì mới rõ được tông chi họ hàng. Tổ tông dòng họ ta lập nghiệp tại làng Tương Nam, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định bên con sông Ninh Cơ, từ ngã ba bến đò Tân Đệ chảy theo hình vòng cung xuống tận Ninh Bình mà ra biển đông. Lời nguyền cũng được ghi lại trong cuốn gia phả này. Cháu tìm đọc trong đời cụ Trần Tam Vạn thì khắc thấy có ghi: "Dòng họ Trần tại làng Tương Nam, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, nguyện không cùng sống với Hoàng tộc nhà Nguyễn."

Cuốn gia phả được bác của anh, bác Huề, chép lại từ những năm 1930. Cầm cuốn gia phả trong tay, An không mở ra vội. Anh lắng tai nghe lời ông anh nói:

- Lời nguyền đó có từ lâu lắm, từ cái năm 1873 lận. Năm đó ông đã ra đời đâu. Cụ truyền lại cho ông khi ông đã lớn. Lời nguyền phải truyền lại cho ba đời. Đến đời cháu chỉ phải giữ, chứ không phải truyền lại cho ai nữa. . .

An ở với bác Huề, trưởng tộc, non tháng mới hết chuyện. Ông của anh thuật lại lời cụ thân sinh, cụ Trần Trọng Nghĩa. Lời nguyền năm xưa anh đã rõ. Câu chuyện oan khiên dựng lên lời nguyền được soi sáng thêm, khi đem so lại với cuốn gia phả. Cũng từ những ghi chép trong cuốn gia phả này, anh được biết thêm nhiều chuyện. Họ nhà anh, giòng trưởng, xuyên qua các đời, luôn luôn mang tên đệm là Trọng. Và giòng trưởng không theo đạo Thiên Chúa. Câu chuyện của lời nguyền một giòng họ gắn liền với lịch sử đất nước, thời Pháp xâm chiếm Việt Nam. Và chuyện lịch sử được ông của anh kể lại, rất khác với những gì anh biết qua các sách vở, được dùng để giảng dậy tại trường học.

An cũng chẳng buồn chú ý lắm tới sự khác biệt này. Mục đích anh lên đây là chuyện của đời anh. Nếu lời nguyền chỉ dành cho một đời thôi, thì đời anh đã khác hẳn.

- Cháu chỉ phải giữ chứ không phải truyền lại cho ai.

Còn truyền lại cho ai nữa cơ chứ? Lòng An đã quyết. Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, mở rộng vòng tay, đón nhận Trần Cửu An.

Có nhẽ, khi xưa nguyện thề, ông cha giòng họ cũng không tưởng được đời đứa cháu mai sau sẽ như vầy. Một giòng họ, đời nối tiếp đời, cắm rễ, khoanh tròn nơi đồng ruộng, đồng bằng con sông Hồng. Đám con cháu không thể đi quá xa như vậy được. Làm gì có thể có một chuyện tình như thế. Lời thề xưa có lẽ có một mục đích khác cơ.

Chẳng ai ngờ chuyện không tưởng vẫn là chuyện thường hay xẩy ra. Thế là tan nát một cuộc tình. Thế là đẩy lệch cuộc đời của đôi trẻ. Đáng lẽ là mẹ hiền sưởi ấm đàn con, nàng lại thầm lặng bên luống rau, trong màn sương chiều gai gai lạnh, nơi lưng chừng núi. Đáng lẽ là ông thầy hiền từ, nhẫn nại với đám học trò, chàng đã quay lưng lại với trường học, lao thân vào cuộc chiến, sống bên cạnh đổ vỡ, chết chóc, khóc than.

An trình diện đơn vị vừa lúc cuộc chiến tương tàn giữa hai miền Nam, Bắc rền vang tiếng súng. Súng đã nổ ở Trảng Bụp, Tây Ninh năm 1960. Máu đã loang tại thị xã Phước Thành. Tỉnh trưởng bị chặt đầu năm 1961. Chiến tranh hao mòn, phá hoại đã được miền Bắc chủ động. Từng ngày chiến cuộc lan rộng, loang lổ như hình da beo bao phủ khắp miền Nam.

Hơi gió lạnh, người dầu mặt dạn.
Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon.
(Chinh phụ ngâm)

Quê hương An giờ đây không chỉ là một nơi của miền cát trắng. Biển Việt Nam chỗ nào cát chả trắng? Quê hương anh là cả giải đất này.

Những khi dừng chân gần sông Bến Hải, anh vẫn băn khoăn. Bên kia cầu Hiền Lương cũng là quê hương của anh. Đồng bằng sông Hồng giờ ra sao nhỉ?

Đã hai lần đất nước Việt Nam bị phân đôi. Ngày trước hai giòng họ Trịnh Nguyễn tranh dành nhau. Bây giờ có thêm bàn tay của ngoại bang thò vào nữa. Kể từ ngày người Pháp xâm chiếm quê hương, đám con dân Việt bị lôi kéo, xé rách ra từng mảng.

Cũng đôi lần An về qua thành phố cũ. Nha Trang đã đổi khác rất nhiều. Trung học Võ Tánh lớn hơn xưa. Bóng dáng những tà áo nữ sinh trong sân trường chẳng còn nữa. Nữ Trung học Nha Trang đã được thành lập. Đường Độc Lập cũng khoác một bộ mặt khác. Đông đảo hơn và vội vã hơn. Cảnh êm đềm với những khuôn mặt hồn nhiên, nay đã đi đâu? Bãi biển đông người và lắm rác. Vẻ đẹp hoang sơ chỉ còn ở trong lòng. Ngôi nhà cũ, đã cũ, giờ còn cũ hơn. Không biết ông, bà có còn ở đó?

Đời An trải dài trọn cuộc chiến. Khởi đầu khi mái tóc còn xanh, đến cuối, năm 1975, anh đã bốn mươi, đầu vừa đốm bạc. Những tháng ngày chót của bom đạn, trên đường lui quân, đơn vị anh nghẽn lại dọc đường. Cây cầu trước mặt bị sập vì đoàn xe chở nặng quá. Anh phải điều quân trải mỏng lên núi, bảo đảm an ninh cho cả đoàn. Ngôi chùa xộc xệch lưng chừng núi như ngả hẳn về một bên. Mái sau của chùa bị sập, vết đạn vương vãi trên tường gỗ. Tưởng là chùa bỏ hoang, mà không phải. Vẫn còn vị sư già lặng yên trong trai phòng siêu vẹo. Những hoảng loạn, dồn dập ở con đường dưới chân núi chẳng làm sư cụ bận tâm. Để khỏi gây kinh động, An cho đóng quân ngoài khuôn viên chùa.

Gần trưa hôm sau con đường vẫn chưa thông. Tin tức cho biết cây cầu sập chiều qua vẫn còn chờ công binh tới. Vợ con lính từ khắp nơi dồn lên, khựng lại ở đây. Đoàn người di tản nhập lẫn vào đoàn quân. Rối loạn. Các đơn vị trưởng rất khó kiểm soát hàng ngũ của mình. Tình hình trở nên tồi tệ. Náo loạn nhỏ khơi bùng lên hỗn loạn lớn. Địch quân lại pháo kích thẳng vào đoàn người. Cuộc chiến đang cơn hấp hối, nhưng cuộc chiến vẫn chưa tàn. Máu vẫn đổ. Nhiều người vẫn chết. Nhiều người vẫn bị thương. Tiếng rên la nức nở làm chùng lòng người. Náo loạn như ngọn lửa cháy bùng. Binh sĩ rã ngũ, chạy ngược chạy xuôi, tìm người thân. Những người lính, cuối cuộc chiến không cần mệnh lệnh của sĩ quan chỉ huy nữa. Họ tuân theo lệnh của chính họ. Lệnh của sự sống còn. Họ phải bảo vệ vợ con.

An không vợ con và An bị bỏ lại lưng chừng núi. Mọi trách nhiệm mới đây còn nặng chĩu trên đôi vai, giờ tự nhiên được gỡ bỏ. Lòng anh nhẹ

SONG NHI

TỪ CHIẾN TRƯỜNG XA

Từ chiến trường xa... về gặp lại
không ngờ, rồi lại cách xa luôn
Trời hay Chúa, Phật làm ly cách?
để mãi thơ tôi nước mắt buồn

Mới đó... thoáng rồi hăm bảy năm
hồn tôi băng giá đến bao giờ?
chờ em, chờ mãi mòn con mắt
đất Mỹ bao thu bước hững hờ

Rồi một mai tàn trên đất khách
còn gì để nói nữa em ơi!
hai mươi mốt tuổi đi làm lính
bè bạn, tôi, em lắm ngậm ngùi

Sáng nay thành phố mù sương quá
chân bước mênh mang giữa nẻo trần
chao ôi! từ thuở đời trôi lạc
đi mãi không tìm thấy cố nhân.

như bấc. Hờ hững anh trở vào trong chùa.

- Nam mô a di đà Phật - Sư cụ lên tiếng kể - Gần hai năm trước, nửa đêm, già nghẹ tiếng cuốc xẻng quanh chùa. Ghé mắt qua khe cửa mới thấy. Người bên kia súng ống kinh khiếp, đông đảo, lao xao. Từ chùa họ bắn súng lớn đi xa. Già định trở lại trai phòng thì bom đạn nổ tứ phía. Mái chùa sập, úp trọn chỗ ni cô Diệu Hiền nằm. . . Mô phật.

Bom đạn chẳng chừa một ai. Đời An trải dài trọn cuộc chiến, mười tám năm anh kề cận với chết chóc, đổ vỡ, tan hoang. Ngôi chùa lưng chừng núi này cũng không thoát khỏi.

Ra khỏi trai phòng, ngồi kề bên triền núi, An phóng tầm mắt ra với biển khơi. Nắng chói chang, lấp lánh, nhấp nhô theo làn sóng bạc.

Quái lạ! Ngoài khơi vẫn dập dình một cánh buồm nâu bạc. Có lẽ nào người dân chài, lúc này, vẫn cong lưng trên sóng nước? Có lẽ nào những náo loạn, hốt hoảng đang diễn ra dưới chân núi ngay đây chẳng làm họ bận tâm? An nhắm mắt lại. Quả thật anh không thể nào tin được, lúc này vẫn còn có một cánh buồm dập dình ngoài biển khơi. Anh biết và hiểu được vì sao có những nhà sư, như sư cụ ngay đây, vẫn đang ẩn mình dưới mái chùa sập một nửa. Nhưng anh không hiểu và không lượng được sức sống của những người dân chài sống ven biển, những người quen biết của An nơi Xóm Bóng năm xưa. Mười tám năm đã trôi qua khi anh rời xa Xóm Bóng. Thành phố Nha Trang của anh ngày xưa cũng nằm ngay dưới kia, trong tầm mắt.

"Bây giờ nàng mới băm sáu."

Cùng với ý nghĩ lan man, An thò tay vào ngực áo, lần ra cuốn sổ lúc nào cũng ở ngay đó. Kẹp giữa cuốn sổ có một bức hình. Bức ảnh đen trắng, chụp toàn thân cô nữ sinh trong tà áo trắng, ngoài bãi biển.

Mười tám năm về trước, An còn nhớ, chính An chụp cho người yêu tấm ảnh này, ngoài bãi biển, gần ty Bưu Điện. Chiều thứ bẩy đó một buổi chiều lộng gió, tà áo trắng vờn trong ánh nắng. Những ngón tay gượng nhẹ mái tóc thề trong cơn gió lộng.

Ánh mắt xưa. Mắt tinh anh tuổi học trò. Hay mắt buồn thăm thẳm một đêm sao. Khoé môi cũ. Nụ cười vui.

Trời hỡi! Mười tám năm xưa. Nàng vẫn còn khờ dại bên anh.

Bây giờ, anh ngồi đây, một mình, không gì vướng bận.

Nàng đang ở nơi nao nhỉ?

Cánh buồm nâu bạc, nhấp nhô ngoài khơi nhòa dần và tan trong ánh nắng chói chang.

*

KẾT : Giám mục Puginier

- Năm vua Tự Đức băng hà, 1883, ông còn nhỏ lắm. Mới có ba tuổi. Cụ của cháu, cụ Trần Trọng Nghĩa, mãi tới năm ba mươi tám mới có ông...

Qua lời kể của ông và qua cuốn gia phả, An được biết. Thân phụ của Trần Trọng Nghĩa (1842 - 1904) là Trần Trọng Văn (1816 - 1867). Chị lớn của Nghĩa tên là Gái (1840 -1867), hai em trai Trần Nhị Sách (1845 -??) và Trần Tam Vạn (1846-1903).

Tổ tiên dòng họ Trần, cho đến đời Trần Trọng Văn và các con vẫn sinh sống tại làng Tương Nam, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, bên con sông Ninh Cơ.

Các giáo sĩ phương Tây sang Việt Nam truyền đạo đã lập nên các giáo khu Bùi Chu và Phát Diệm. Rồi từ đó, các giáo sĩ ngược dòng sông Ninh Cơ đi sâu vào nội địa. Các giáo khu Lộc Thủy, Ngọc Cục và Tương Nam tại các làng ven sông, thuộc tỉnh Nam Định, dần dần được thành lập.

Dân làng Tương Nam, lúc đầu, chỉ có một số ít theo đạo Thiên Chúa. Gia đình Trần Trọng Văn cũng có ba người con theo đạo. Nhưng cả ba chị em, con của Trần Trọng Văn lại không sinh hoạt với họ đạo Tương Nam tại làng; mà lại qua bến đò Mom Rô đến với họ đạo ở làng Ngọc Cục, bên kia bờ sông Ninh Cơ.

- Tổ tiên nhà ta là những nông dân cần cù cuốc bẫm - Ông Trần Trọng Tín nói với cháu như vậy - Đến đời cụ Trần Trọng Văn mới được cho đi ăn học. Của cải gia đình đổ cả vào đây. Nhưng đường cử nghiệp của cụ không gặp vận may, và làng ta có ông đồ từ đấy.

Chẳng tham ruộng cả ao liền,
Chỉ tham cái bút cái nghiên anh đồ.

- Trong gia phả cháu có thấy cụ đồ Văn?

- Dạ có.

- Cháu phải đọc cả phần ghi chú trong gia phả thì mới rõ các cụ ta sống và nghĩ như thế nào. Ông đã cho chép cả vào đấy. . .

Có lẽ đời sống bần cùng nơi xó làng, đã giúp ông đồ Văn hài hòa được nếp suy nghĩ của nhà Nho với cuộc sống trữ tình của người dân Việt

nơi đồng ruộng.

Người Việt sinh sống dưới mái ấm từng nhà. Bố mẹ nuôi dưỡng, yêu thương và gần gũi con cái. Khoảng cách giữa cha mẹ và con cái chỉ vừa đủ, chứ không quá cách biệt như chuẩn định của Khổng Nho. Từ tình tự gần gũi này, dân Việt, ngước mắt nhìn lên ông Vua của mình như một người cha trong gia đình. Vì thế ông đồ Văn, cũng như con dân Việt Nam thời đó, rõ được vận nước trong cơn ngặt nghèo và hiểu được nhà vua đang gặp lúc khó khăn.

Vua Minh Mạng và vua Tự Đức lúc đầu không phản đối việc buôn bán với người Tây phương. Nhưng người Pháp đã đòi hỏi quá đáng. Việc ngang ngược của tên lái buôn người Pháp Jean Dupuis, năm 1872, tại Bắc kỳ dưới đời vua Tự Đức và Dự thảo hoà ước, do Chaigneau trình lên vua Minh Mạng, xâm phạm đến chủ quyền và nền độc lập của Việt Nam. Minh Mạng từ chối không ký dự thảo đó. Nhưng nhà vua lại tìm cách ký hợp đồng với chủ tầu buôn người Mỹ tên là White. Những cố gắng này chứng minh rằng các vua nhà Nguyễn, lúc đầu, có tinh thần cởi mở khá rõ rệt chứ không chủ trương chính sách bế quan tỏa cảng (1).

Việc truyền giáo cũng vậy. Khởi sự các vua triều Nguyễn đối xử ân cần và có thiện cảm với các Giáo sĩ. Vua Gia Long rất biết ơn Giám mục Adran trong việc khôi phục lại ngai vàng (2). Khi Giám mục mất, chính nhà vua tự đọc bài điếu văn trước huyệt. Đến đời Tự Đức, khi mới lên ngôi, nhà vua cũng đã ra lệnh cho các quan lại địa phương phải khoan dung với các giáo sĩ trong những vụ phạm pháp nhỏ (3). Nhưng rồi các nhà truyền đạo chẳng e dè, mà lại để lộ ra ý đồ làm đảo lộn phong tục và luật lệ của người Việt Nam. Chính họ kêu gọi người công giáo Việt đừng thừa nhận quyền lực và luật pháp của nhà vua. Các nhà truyền giáo nói với các con chiên: Đức Giáo hoàng ở La mã mới là vị vua tối cao, duy nhất của họ. *Họ chỉ tuân phục quyền lực của toà thánh Vatican (4).*

Rồi những vụ nổi loạn chống lại nhà vua do chính các giáo sĩ chủ xướng (5). Họ tiếp tay hợp tác với quân xâm lược Pháp (6) để được chia lợi (7). Các nhà truyền giáo lại có những mưu đồ riêng tư (8), những chủ trương tàn bạo (9).

Vậy, đây không không còn là vấn đề truyền giáo nữa, mà đơn giản chỉ là mưu đồ làm cho xứ sở, đang bao dung các giáo sĩ này, bị mất ổn định, sớm mất vào tay giặc Pháp. Từ những bằng chứng rõ ràng đó, các vua nhà Nguyễn đã ban hành nhiều chiếu chỉ cấm đạo, đã kết án xử nhiều giáo dân và Giám mục. Cướp bóc. Nổi loạn. Dẹp loạn. Máu chẩy. Tang tóc. Dân Việt bị lôi kéo, hiềm khích, chống đối, lẫn nhau.

- Bế quan toả cảng và cấm đạo - An đã đem những gì anh nghĩ để hỏi lại ông của anh - Cháu được hiểu vì được giảng dậy trong trường rất rõ. Các vua nhà Nguyễn đã quá khắt khe, tàn bạo trong việc cấm đạo, đã thiển cận không cho người phương Tây ra vào buôn bán.

- Mấy anh của cháu ở nhà này cũng có hỏi ông như vậy. Ông đã bảo mấy anh của cháu. Những gì ông biết là do cụ Trần Trọng Nghĩa nói cho ông nghe đấy. Với lại cụ đồ Văn sống dưới cả ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. Lịch sử không thể bỏ qua những sử liệu, có được từ dân gian sống trong thời đó. Cháu coi lại cuốn gia phả rồi đối chiếu với niên biểu các nhà vua thì rõ...

Lúc này An không muốn lan man. Anh nôn nóng muốn rõ được ngọn ngành những gì đã xẩy ra từ đời trước, để đến bây giờ anh là nạn nhân. Lên đây. Gặp ông. Ăn dầm nằm dề ở nhà bác Huề, anh chỉ nghĩ tới chuyện đó. Câu chuyện của lời nguyền oan khiên. Nhưng ông của anh, phần thì tính khoan dung chẳng việc gì mà phải vội, phần thì có lẽ cũng muốn giữ cháu ở lại chơi lâu hơn. Ông cũng muốn có ai bên cạnh để sáng sáng có người cùng trò chuyện:

- Vua Tự Đức mất lòng dân. Nhà vua không xứng đáng với địa vị của đấng chí tôn.

"Trung quân ái quốc," cụ đồ Văn nói vậy. Vì đặt lòng yêu nước lên trên hết, nên người dân chỉ thờ vua, khi nhà vua còn giữ được nước. Nay vua Tự Đức để đất mất vào tay người Pháp. Vua phải ký những hiệp ước thua thiệt; phải bồi thường chiến tranh cho chính kẻ đi xâm lược, tới đây gây chiến. Rồi Vua lại bòn rút của cải, xương máu người dân để nộp cho Pháp và để xây Khiêm lăng cho chính nhà vua. . .

Dựa vào lời kể ông cha, ông Trần Trọng Tín còn cho An biết thêm về cuộc sống của dân làng Tương Nam trong những năm mất mùa hay lụt lội.

Con đê Văn Giang vỡ mười tám năm liền, kéo cảnh khó của ông đồ Văn xuống thật thê thảm. Từ rách mướp xuống tới chỗ không còn gì để mà rách nữa. Ông mất hết, trừ cái bút và nghiên mực.

Nhưng ông đồ vẫn khỏi phải lo. Việc trong nhà, việc làng xóm, xưa nay đã có người khác lo hộ

cho giới bút nghiên. Nếu thất bại, bọn vất vả đó phải cố mà vất vả thêm. Còn khi phú quí, giới chữ nghĩa nghiễm nhiên hưởng cho bằng hết. Thậm chí bất công! Và cũng thậm chí nực cười! Bởi vì, chỉ cần thòi ra vài chữ là đã được người đời tung hô. Chính lớp người trần lưng phơi nắng vì cuộc sống cũng thường tỏ ra sung sướng khi được gần gũi, hầu hạ bọn suốt đời chỉ thích nhìn trên đầu thiên hạ.

Bà đồ mất trong trận lụt năm ngoái thì đã có cô con gái lớn lo cho ông. Khi sinh ra cô, vì là con gái, không ai nghĩ đến chuyện phải đặt tên cho cô. Con gái thì gọi là gái chứ gọi là trai sao được? Từ đó Gái, là cái tên để chỉ và để gọi cô.

Ruộng vườn các cụ đã đổ hết vào chuyện đèn sách của ông đồ. Cũng như mẹ, cô Gái chỉ còn mỗi một đường để xoay. Buôn bán. Nhưng cô kiếm được nhiều hơn bà đồ khi trước. Một là vì cô trẻ đẹp lại nết na. Cô được nhiều người giúp đỡ. Hai là cô chịu khó đi chợ xa. Cô sang tận những làng công giáo lân cận. Những làng này có mức sống sung túc hơn. Giáo dân được các giáo sĩ cho công ăn việc làm (10).

"Muốn có gạo thì trở lại đạo."

Dân quê nói vậy. Và cô Gái cũng muốn vậy. Nhưng ông đồ Văn thì lại nghĩ khác. Còn khói nhang bàn thờ Tổ tiên thì sao? Ông bảo:

"Giấy rách phải giữ lấy lề."

Với lại nhà ông vẫn còn có cái cho vào miệng cơ mà. Chỉ tội cho cái Gái. Nó cực quá. Ông thật lòng thương con và nghĩ vậy. Nhưng ông lại không nghĩ xa hơn vậy được. Thay vì làm cái gì cho cô con bớt cực, ông chỉ thở dài ngao ngán. Cuộc đời ông chỉ rặt những thở dài. Thở dài từ đời vợ, thở dài sang đến đời con.

Quả là cô Gái có vất vả. Với lại thời buổi này, ngoại trừ ông đồ Văn ra, ai mà chẳng khốn khó? Nhưng so với nhiều người khác thì cô Gái vẫn được phần hơn. Bởi vì ngoài nhan sắc mặn mà và tính chịu khó, cô Gái còn thích giao thiệp rộng nữa. Quen biết nhiều người và người nào cũng mong được giúp cô. Thế là, từ từ cô đã có dư và tậu được mảnh vườn với luống rau, đàn gà, cạnh nhà. Rồi người ta lại còn đua nhau giúp cả em cô nữa. Trần Nhị Sách và Trần Tam Vạn cũng có được việc làm tại làng công giáo bên cạnh.

Có tiền, có thế, cô có thêm đồng minh trong nhà. Từ từ, tiếng nói của cô được mọi người lắng tai hơn, kể cả ông đồ. Từ từ, ý kiến của cô được mọi người chú trọng hơn, kể cả cậu em Trưởng nam Trần Trọng Nghĩa, Đích tôn của dòng họ. Cuối cùng mọi việc trong nhà đều do cô đặt để. Chỉ trừ duy nhất có một chuyện. Khói nhang bàn thờ không phải là chuyện của cô. Các bà, các cô, nếu muốn, chỉ có quyền chạy vạy sao cho đủ, để mua sắm nhang đèn và cỗ bàn mà thôi. Những khi có mặt Trần Trọng Nghĩa, Đích tôn của dòng họ, ông đồ vẫn thường nhắc nhở:

"Công ơn Ông bà, Tổ tiên không được quên. Việc cúng giỗ là để tưởng nhớ đến những người đã khuất. Khói hương bàn thờ là trọng trách của dòng Trưởng."

Nếu mọi chuyện trên đời cứ mãi mãi yên ấm, thì chẳng ai nghĩ tới ông Trời làm chi. Mà làm Trời cũng khổ. Những khi gặp họa, Trời là đấng đầu tiên và cũng là đấng sau rốt, người ta oán.

Chuyện như thế này. Chiều hôm ấy, cô Gái không về như thường lệ. Cả nhà chờ. Sẩm tối cũng không thấy bóng dáng cô đâu. Cả nhà lo. Mọi người túa đi tìm khắp nơi trong làng. Không ai biết gì. Tối đó, Nhị Sách và Tam Vạn phải mò sang các làng lân cận để kiếm. Thật lạ! Sáng hôm sau, lại cũng chẳng thấy hai cậu đâu. Rồi mấy hôm sau nữa, cả ba chị em vẫn mất tăm. Quái thật! Người đi không thấy về. Kẻ kiếm cũng biến mất luôn.

Thế là nhà ông đồ còn có hai người. Một ông đồ Nho và một cậu Đích tôn của giòng họ. Hai người này chưa bao giờ phải xoay trở điều gì; bây giờ gặp chuyện, cả hai bèn xoay ra nhìn nhau. Nhìn nhau mãi thì cũng thế thôi; họ bèn ngẩng mặt lên, trông Trời mà than. Vì thế người ta mới bảo, làm Trời cũng khổ.

Chuyện lạ nhà ông đồ, từ từ trở thành chuyện sửng sốt của cả làng. Có những thanh niên, thiếu nữ khác trong làng, mấy ngày sau, cũng biến mất như vậy. Mỗi ngày vài người của vài nhà khác nhau. Dân làng xôn xao, lo lắng, bàn tán, thì thầm cho nhau biết mỗi ngày vài chuyện lạ đang xẩy ra ngay trong làng (11).

Và cuối cùng, tin đồn được tung ra. Đó là quy luật của quần chúng. Người ta bảo rằng, Hoàng thân Lê Duy Minh, người có quyền kế vị nhà Lê, đã nổi lên ở tại Quảng Yên từ tháng chạp năm Quí Dậu 1861. Trai trẻ trong làng đã đi thỉnh cầu Người. Nay mai, Người sẽ về ra mắt đồng bào ta tại vùng này. Tin đồn lúc nào cũng sẵn có, có khi đúng, có khi sai. Và dân làng ngày ngày mong ngóng xem có gì xẩy ra như lời đồn đãi hay không?

Lần này thì tin đồn đúng.

Đầu tiên là đám trai trẻ trong làng đã ra đi từ

trước, nay lại trở về. Bọn chúng, béo tốt hơn xưa, mời cả làng lại để thưa chuyện:

- Hoàng thân Lê Duy Minh sẽ về ra mắt đồng bào ta tại làng công giáo Ngọc Cục, ngay bên kia bến đò Mom Rô.

Những người tung tin đầu tiên phấn khởi ra mặt. Họ hãnh diện là đã biết trước điều quan trọng, thì thầm cho nhau một tin khác, vinh dự hơn cho làng này. Sở dĩ Ông Hoàng phải về làng Ngọc Cục bên cạnh vì Người không muốn làm kinh động đến làng ta, làng của cụ đồ Trần Trọng Văn. Rằng Ông Hoàng sẽ cho con cháu của cụ đồ về, thay mặt Người ngỏ lời mời cha già. Ông Hoàng muốn được bàn bạc chuyện lớn với cụ. Tin này tới tai ông đồ. Ông ngẫm nghĩ, vui vui trong dạ. Các con ông đã chẳng là những người ra đi trước hết đấy ư? Chắc chắn phải có việc quan trọng.

Từ đó, ông đồ thấp thỏm chờ. Chờ các con, chờ Ông Hoàng giòng dõi nhà Lê. Sửa soạn cho cuộc gặp gỡ sắp tới, ông duyệt lại dòng lịch sử, ôn lại lý luận để có cái mà nói chuyện với người ta.

Bà Trưng nổi dậy, chống Tô Định. Bà Triệu đánh nhau với họ Ngô phương Bắc. Rồi Lý Nam Đế dựng nền độc lập. Đinh Tiên Hoàng thống nhất sơn hà khiến nhà Tống phải khiếp sợ. Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt đánh Tống. Rồi Trần Hưng Đạo phá tan quân Nguyên. Anh hùng áo vải Lê Lợi đuổi giặc Minh. Vua Quang Trung lẫy lừng, đại phá quân Thanh. Triều đại nào ở nước ta cũng thường bắt đầu bằng những chiến công hiển hách. Nhà Nguyễn lấy được ngai vàng chẳng có công trạng gì với dân với nước...

Dân làng chia làm hai dư luận. Có người bảo ông đồ học rộng hiểu nhiều. Cái học của ông đã khiến Ông Hoàng nể vì và trọng dụng. Người khác, dè dặt hơn, cho rằng số ông nhàn. Vợ mất thì lại được con lo cho. Cô Gái bây giờ đã là vợ một tay chân thân tín của ông Hoàng. Đám cưới cô được chính Giáo sĩ Tây ban phép lành trong nhà thờ. Chẳng ai chắc được là nhờ tài của ông bố hay nhờ sức của cô con. Nhưng ai cũng thấy rõ; đời ông đồ quả là êm đềm và đang đi lên. Làm thầy đồ, suốt đời ông sống bên bình trà. Bây giờ ra lo việc lớn, lúc nào cũng có bình trà ngay đó, để ông ôm. Hình ảnh Nguyễn Trãi bên cạnh người anh hùng áo vải Lê Lợi vẫn bàng bạc trong lòng người dân xứ Bắc. . .

Lực lượng nổi dậy của Ông Hoàng Lê Duy Minh, liên kết cả với đám giáo dân của Cai tổng Vàng, như ngọn sóng dữ cuốn trọn miền đông

CHU VƯƠNG MIỆN

BẮT CHƯỚC NGUYỄN BÍNH

ròng rã đêm nay đợi chuyến đò
đò ngang đổi chủ mấy tuần qua
thảo nào nhìn mãi toàn đò dọc
chú lái đò đưa đã hóa khờ

bán quách đò đi kiếm người yêu
còn ta ngó mãi mấy canh chiều
chú đi ta gửi lòng da diết
hoi hóp lá đa rụng quá nhiều

không đò ta chả bơi sang được
em còn ở đó đợi ta không
nước dâng mờ cả đồng cuống rạ
lạc mất con trăng buổi nước ròng

chú lái đò đưa chắc chán đời
chán thuyền chán bến chán luôn người
người từ cái thủa chưa quần áo
đến bây giờ cứ giống nhau thôi

Bắc Kỳ (12). Vua Tự Đức hoảng sợ, phải dốc toàn lực và cử cả Thống chế Nguyễn Tri Phương ra Bắc. Cuộc chiến giữa nổi loạn và dẹp loạn giằng co luôn mấy năm trời. Năm 1865, Lê Duy Minh bị bắt sống, giải về Huế. Người ta mới bật ngửa ra cái tên Lê Duy Minh là do các Giáo sĩ ngoại quốc đặt ra. Thì ra tên thực của hắn là Tạ văn Phụng, một người Công giáo, đã đăng lính trong hàng ngũ liên quân Pháp - Tây Ban Nha khi chúng tới đánh Quảng Nam (13). Phụng cũng đã được các giáo sĩ ngoại quốc đưa ra nước ngoài. Khi về nước, theo lời khuyên của Giáo sĩ, Phụng đổi tên, lấy họ Lê. Họ muốn lôi cuốn lớp người cũ, vẫn còn tưởng nhớ tới người Anh hùng áo vải đất Lam Sơn.

Tạ Văn Phụng bị bắt, giải về Huế và bị ghép vào tội lăng trì. Ông đồ Văn cùng cô con gái cũng bị xử chém. Trần Nhị Sách bị chết không rõ năm nào, trong đám loạn quân. Chỉ có Trần Tam Vạn là thoát, chạy về ẩn náu tại Kẻ Chợ trong giáo khu của Giám mục Puginier.

- Khi cụ đồ Văn và cô con gái bị xử chém, vẫn chưa thấy có lời nguyền. Mãi tới năm 1873, nghĩa là tám năm sau ngày cụ đồ Văn và cô con gái bị xử, lời nguyền mới được người con út của của cụ đồ Văn là Trần Tam Vạn, sống trong giáo khu của Giám mục Puginier, nhắn ra. Lời nguyền như sau:

"Dòng họ Trần tại làng Tương Nam, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, nguyện không cùng sống với Hoàng tộc nhà Nguyễn."

Ông Trần Trọng Tín đã cho An biết nguyên văn lời nguyền ấy, và ông nhấn mạnh đến tính chất thời cuộc của nó.

Thời cuộc lúc lời nguyền được đưa ra thật là rối. Vụ nhà buôn Jean Dupuis ngang ngược không chấp hành luật lệ thương chính của nhà nước Việt Nam, dẫn tới việc Francis Garnier đem quân ra Bắc. Ngày 5-11-1873 Francis Garnier tới Thăng Long thì sáu ngày sau, ngày 11-11-1873, hắn họp riêng với Giám mục Puginier. Kế hoạch đánh chiếm Bắc kỳ của Thực dân Pháp hoàn toàn phù hợp với ý đồ của Giám mục Puginier, người cai quản toàn thể giáo dân Bắc kỳ thời đó. Việc bắt cóc Nguyễn Tri Phương theo kế hoạch của Francis Garnier đã được Giám mục Puginier ngấm ngầm thực hiện. Đám tay chân cũ của Tạ Quang Phụng vẫn ẩn náu trong vùng Kẻ Chợ của Puginier được kích động để thành lập đoàn quân bí mật giúp Francis Garnier thực hiện ý đồ. Vụ xử bọn phản loạn Tạ Văn Phụng từ tám năm về trước được khơi lại. Cái án chém ngang lưng, xử cụ đồ Văn và người chị gái của Trần Tam Vạn, được nhắc nhở đến. Người của Puginier đã lợi dụng cái tang ấy để mớm cho Trần Tam Vạn đưa ra lời nguyền, căm thù các vua nhà Nguyễn. Đoàn quân bí mật của Puginier không thành công trong việc bắt cóc Nguyễn Tri Phương, nhưng đoàn quân này đã giúp Garnier rất đắc lực trong việc hạ thành Hà nội (14).

- Lời thề được đưa ra muộn như vậy là bởi Giám mục Puginier muốn nhắm tới một mục đích khác. Người ta đã mớm lời cho cụ Trần Tam Vạn để cụ đưa ra lời nguyền, gây lòng căm phẫn đối với các vua triều Nguyễn. Trước cái án chém ngang lưng của cha và của chị, cụ Trần Tam Vạn đã dễ dàng rơi vào âm mưu của họ. Thân sinh ra ông là cụ Trưởng tộc Trần Trọng Nghĩa không phải là người đưa ra lời thề. Có lẽ cụ Trưởng tộc của dòng họ cũng biết được ý đồ của riêng tư của Puginier, nên cụ đã cố gắng giới hạn lời nguyền trong có ba đời mà thôi.

Ông Trần Trọng Tín cho An biết thêm như vậy. Ông bùi ngùi cho nỗi oan khiên của đứa cháu rớt đúng vào đời thứ ba, đời chót lời nguyền phải giữ. Có ai ngờ đâu lời thề độc, do người ngoài mớm lời cho Trần Tam Vạn, lại nghiệt ngã đến như vậy. Thế là tan nát một cuộc tình. Thế là đổ nhào một mái ấm.

Mối tình Trần Cửu An và Công Tằng Tôn Nữ thị Bích Khê đã dầy công xây dựng, với ước mơ con cái đầy đàn, đã tan vỡ.

- Thưa ông, tại sao cụ Trưởng tộc Trần Trọng Nghĩa, biết rõ ý đồ đen tối của Puginier, đã không dứt khoát ngăn cản mà lại để lời nguyền lưu lại trong ba đời?

Ông của An đã không trả lời câu hỏi của anh. Có lẽ ông cũng chẳng biết nói sao, trong tình huống của cụ Trưởng tộc Trần Trọng Nghĩa.

Mà có lẽ Trần Cửu An cũng chẳng cần ông của anh trả lời điều anh nêu lên. Từ đổ vỡ cuả đời mình, An có được một bài học. Anh tâm nguyện rằng: "Chừng nào những mụn nhọt của lịch sử không được khơi ra để ngay thẳng nhìn nhận, chừng đó chúng ta không thể cùng một lòng để cùng nhau thoát khỏi đổ vỡ, đau thương."

*

MƯỜU HẬU : Cuốn sách viết từ năm 1956.

Cậu thí sinh thi vấn đáp Tú tài toàn phần, tại trung tâm "Trường Tiểu học Phan Đình Phùng" Sài Gòn, những năm đầu của thập niên 1960, đã

không học Sử như lời cô giáo mong.

Nhưng nếu Bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam chịu khó nghiên cứu về chính sách cũng như nội dung giảng dậy, để thiết lập chương trình giáo dục, sao cho đúng đắn và thích hợp với con em người Việt mình, thì câu chuyện của kỳ thi vấn đáp đó cũng không xẩy ra.

Đọc lời giới thiệu cuốn *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam* (1858-1897) của ông Nguyễn Xuân Thọ, bản tiếng Việt, xuất bản năm 1994 - của Giáo Sư Maurice Baumont, và lời cám ơn của chính tác giả, mọi người được biết tác giả cuốn sách đã được Bộ Ngoại Giao Pháp và Bộ Ngoại Giao Tây Ban Nha cho phép đọc và sao chép lại những tài liệu chưa từng được công bố. Có được những tư liệu đó, ông Nguyễn Xuân Thọ đã hoàn thành cuốn sách, cũng như đã thuyết trình và bảo vệ luận án Tiến sĩ của ông tại Đại học Sorbonne bên Pháp, tháng 7 năm 1956.

Than ôi! Từ ngày xưa, Bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam đã chỉ sao chép những gì sẵn có của ngoại quốc về chính sách cũng như về nội dung giảng dậy, để hoàn thành chương trình giáo dục cho con em người Việt mình. Nhiều sự thật lịch sử đã không được giảng dạy như chính chúng đã xảy ra, do tính ỷ lại vào tài liệu của ngoại quốc. Người Việt Nam không thể cứ bị lạc dẫn như thế, mà phải sống với sự hiểu biết những gì thật sự đã xảy ra trên chính quê hương mình.

CHÚ THÍCH:

Những chú thích được ghi lại dưới đây đã được trích ra từ hai sử liệu:

(A) Bộ VIỆT SỬ TÂN BIÊN của Phạm văn Sơn, do nhà xuất bản Đại Nam tái bản tại hải ngoại mùa xuân năm 1990.

(B) Cuốn BƯỚC MỞ ĐẦU CỦA SỰ THIẾT LẬP HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA PHÁP Ở VIỆT NAM (1858 - 1897) của Nguyễn Xuân Thọ, bản tiếng Việt, xuất bản năm 1994.

(1) (A) quyển 5, trang 297 và 298 - (B) trang 16 và 162

(2) (A) quyển 4, từ trang187 đến trang 191

(B) trang 4 và 26

(3) (B) trang 86: Ngay từ ngày 25-12-1859, Đô đốc Page đã viết thư cho bộ trưởng Hải Quân:

"*Những năm đầu mới lên ngôi, Vua Tự Đức có một thái độ khá ân cần với họ* (các giáo sĩ). *Nhà vua đã ra lệnh cho các quan lại có một thái độ khoan dung, rộng rãi với họ trong những chuyện làm trái pháp luật và những vụ phạm pháp nhỏ. Nhưng rồi các giáo dân, do các giáo sĩ lãnh đạo, đã ngày càng xấc xược ngạo mạn đến mức độ họ không thèm biết đến cả chính quyền địa phương. Họ công khai nổi loạn; họ tuyên bố người Kitô giáo không thể vâng lời những kẻ theo một tôn giáo khác...*"

(4) (B) trang 17

(5) (B) các trang: từ trang 86 đến trang 92; và từ trang 359 đến trang 365

* trang 92: Chính Palanca (người Tây Ban Nha) khi thông báo về việc ký hiệp ước 1862 cho chính phủ, đã viết về các giáo sĩ như sau:

"Các giáo sĩ Nam kỳ được coi như là những kẻ xúi dục dân nổi loạn,và những tên mật vụ chính trị của một triều đại nào đó... Một vài giáo sĩ và Giám mục Nam Kỳ có ý đòi hỏi những quyền được miễn sai dịch và các đặc lợi đặc quyền quá đáng cho bản thân họ và cho cả giáo dân...

* trang 360: Nói về các giáo sĩ Việt Nam, Charles Meyer viết:

Đi đầu hàng trăm người vũ trang, người ta thấy các linh mục Aguesse, linh mục Arsac, linh mục Klinger cùng nhiều linh mục khác, chỉ huy những cuộc hành quân trừng phạt, cướp bóc và đốt phá những làng mạc người lương (không theo đạo), cư xử hành động như những tên tướng cướp...

Puginier cũng thừa nhận có thể có những chuyện bạo hành..."

(6) (B) các trang: 90, 360, 362

trang 90 : Napoléon I: "Những tu sĩ ấy sẽ rất có ích cho ta tại châu Á, châu Phi, châu Mỹ. *Ta sẽ gửi họ đi thăm dò tin tức, tình hình tại các nước. Chiếc áo thầy tu sẽ bảo vệ họ...*"

(7) (B) trang 423: Các hội truyền giáo được sở hữu ở Bắc Kỳ khoảng 30.000 *ha ruộng (1 ha = 10.000 mét vuông). Muốn có công ăn việc làm, nông*

dân phải "trở lại đạo." Các giáo sĩ giảng dậy cho họ đức vâng lời và sự quy phục một chế độ phát canh phong kiến.

(8) (B) trang 361: Đáp lại yêu sách của Giám mục Puginier, Paul Bert trả lời *"Nếu các giáo dân muốn có một nền luật pháp riêng biệt, nếu từ chối đóng thuế, nếu muốn thành lập một tiểu quốc gia trong một đại quốc gia thì tôi thôi không chịu bảo vệ cho họ nữa."*

(9) (B) trang 436: Toàn quyền De Lanessan hỏi Giám mục Puginier *"Theo ý ông thì nước Pháp nên đối xử với tầng lớp sĩ phu như thế nào?"* Câu trả lời của ông ta rõ ràng và ngắn gọn: *"Phải thủ tiêu họ đi."*

(10) Xem chú thích (7)

(11) (B) trang 86: Cũng trong thư Đô đốc Page viết cho Bộ trưởng Hải Quân:

"*Họ* (các Giáo sĩ) *cưỡng ép bắt đi những em bé, những thiếu nữ ra khỏi gia đình để được Kitô hoá...*"

(12) (A) quyển 5, trang 146

(13) (B) trang 156 và trang 157

(14) (B) trang 176

MỘNG MỊ

XUÂN ĐỖ

Càng lớn tuổi, tôi cũng bị cái bệnh" kéo gỗ" thăm viếng trong đêm, mỗi khi vừa đặt lưng nằm xuống. Nhưng tôi cũng tự an ủi, vẫn chưa đánh bại được Sâm Ngáy, bạn tôi, có tiếng "huýt sáo canh thâu" mang một âm độ cao đến mức, tiếng còi xe lửa còn thua xa. Sâm cố vấn cho tôi chữa căn bệnh bất trị bằng hai cách, hoặc giải phẩu ống khí quản, hoặc giản dị hơn, khi ngủ nên nằm sấp, úp mặt xuống gối.

Tôi áp dụng phương pháp thứ hai, không những giản dị mà còn tránh được một cuộc giải phẩu mà tôi ngán lắm, vì sợ đau. Quả nhiên, có hiệu quả. Bà xã tôi, khỏi phải dùng bông nhét lỗ tai ban đêm. Nhưng nó cũng mang đến vài "biến chứng" nho nhỏ. Thứ nhất, nằm sấp, lúc đầu chưa quen khó chịu lắm và cũng "lấn cấn" lắm. Thứ hai, nằm sấp cứ đẩy giấc ngủ vào mộng mị hoài. Có những giấc mộng vui vui, khi thức dậy, hầu như quên rất nhiều chi tiết, nhưng miệng vẫn còn mỉm cười. Có những ác mộng, cứ ám ảnh hoài, khôn nguôi. Hoặc đôi khi cả hai trộn lẫn nhau, không có một biên giới rõ rệt nào.

*

Sâm đẩy tôi vào một cái sàng gỗ trong một góc chợ, bảo tôi ngồi đó chờ ông thầy, sắp đến để coi cho tôi một quẻ. Tôi cự nự :

- Nè cậu, cậu chơi cái trò gì đây? Tôi có bao giờ bảo với cậu tôi muốn đi xem bói đâu. Nếu cậu muốn biết công danh, sự nghiệp, tình duyên trong quá khứ, hiện tại, vị lai... của cậu... ra sao, thì cậu cứ coi bói đi. Tôi không ưa cái trò khỉ này. Bạn bè đừng chơi ép nhau!

Sâm biến đâu mất. Tôi đứng chịu trận trong cái chợ ồn ào. Mà cái chợ tên gì, tôi cũng chẳng biết tên. Tôi quay qua , hỏi bà cụ đang mua gà vịt, gian hàng bên cạnh:

- Thưa cụ, chợ này là chợ gì đây cụ ?

Bà cụ nhìn tôi một cái nhìn có lẽ cho tôi là một người mất trí, vừa ở nhà thương tâm thần, mới xuất viện. Bà cười khảy:

- Trời đất ơi! Cái anh này đi vào chợ Bến Thành, chờ coi bói, rồi hỏi chợ gì.

Nói xong bà cụ cười ha hả. Tôi ngượng quá, định tìm đường trốn ... xuống đất . Nhưng có tiếng nhiều người hân hoan nói :

- Thầy đến. Thầy đến.

Tôi cũng nôn nao muốn biết thầy là ai mà được nhiều người chờ đợi quá vậy.

Ơ kìa , thời buổi thế kỷ thứ 21 này mà vẫn còn có một người, mặc áo the thâm đen, giày Gia Định, tay xách cặp samsonai, mắt đeo kính đen kiểu mới nhất với mặt kiến nhỏ xíu hình bầu dục. Ông thầy uống ngụm cà phê sữa, lật qua lật lại cuốn sổ, có lẽ sổ ghi tên những người hẹn giờ gặp thầy. Ông hỏi cô thư ký trẻ măng, ăn mặc

thật đúng thời trang :

- Có Việt kiều nào ở nước ngoài về, có gởi email hẹn trước không? Cho họ ở xa, có lòng nhớ đến cố hương ngàn dặm, trở về mái nhà xưa, ưu tiên... đầu tiên.

Có nhiều tiếng xì xào phản đối thật... tiêu cực. Ông ta chỉ tôi, nói thật vui vẻ như bạn hiền lâu ngày mới gặp lại:

- You, my dear Việt Kiều, go first . Please, come here and have a seat. How are you today my dear friend? How did you feel , when back Mother's land?

Tôi hết kiên nhẫn, muốn đạp cho tên cha căng, chú kiết này một cái cho bỏ ghét. Nếu hắn ta đang ở Mỹ, là tên Mỹ... gốc mít, gốc rau muống, gốc giá sống, gốc "sỏi đá", ăn nói "lợn cợn" như vậy đã bực mình rồi, đã "mất gốc" rồi, cũng không đáng nói làm chi . Đàng này, hắn ta đang ở trên quê hương, đất nước Việt Nam, lại học đòi "mất gốc" ngay tại chính trên quê hương mình, thì thảm hại quá. Cái đất nước nhỏ bé, lại bị cái anh bạn "đồng chí" khổng lồ phương Bắc gặm nhấm biên giới và lãnh hải . Một xứ dân đông như kiến cỏ, luật lệ thì lè phè, chính quyền thì hèn nhát, chỉ biết tham nhũng , chỉ biết bám vào cái gốc Cộng Sản ... lỗi thời. Bỏ mẹ rồi. Tôi quạt tên thầy bói ngay:

- Xin lỗi ông , tôi gởi email hẹn ông khi nào? Tôi hoàn toàn không hiểu, ông muốn làm cái trò khỉ gì đây?

Hắn ta tỉnh bơ, cười nói :

- Này anh bạn ơi, đừng vội nóng. Anh không biết tôi là ai, chứ tôi biết anh rõ lắm. Này nhìn đây này.

Hắn ta vừa nói vừa cất cặp kính đen đang mang, bảo tôi như ra lệnh:

- Này, anh bạn, nhìn thử tôi là ai?

Tôi há hốc, trố mắt nhìn hắn ta. Trời ơi ! hắn là... tôi. Đúng là tôi rồi. Nhưng sao tôi trông già khú, lam lũ, rách rưới, ốm nhom, như một kẻ sắp chết đói. Tôi giận đến run tay chân, quát thật lớn:

- Đừng làm trò khỉ, ảo thuật vô duyên. Tôi không phải là cái... con ma ốm đói kia.

Nhưng càng nhìn kỹ, tôi càng run sợ. Cái con ma đói kia là ... tôi thực. Cũng khuôn mặt... của tôi, cũng cái mặt, cái mũi, cái cười... của tôi. Cơn giận càng làm tôi la to hơn:

- Tôi không phải là... anh, Tôi là... tôi.

- Có gì mà giận dữ. Tôi là... anh -kém - may - mắn. Còn anh là... tôi -may - mắn - hơn. Hoặc ngược lại .

Câu nói của hắn làm tôi rùng mình.

... Khoảng giữa tháng Tư năm 75, Sâm ở Sài Gòn, xuống Vũng Tàu trong công tác thanh tra thường le . Buổi chiều, tôi đón Sâm về nhà ăn cơm, để có nhiều thì giờ nói chuyện thân mật hơn. Chuyện trò lúc đó, trong một thời điểm dầu sôi lửa bỏng nhất của đất nước, chung qui vẫn là tình hình Việt Nam sẽ đi về đâu? Đi hay ở lại? Đi thì lúc nào đi? Bằng phương tiện gì và đi ở đâu?

Như thường lệ, mỗi lần bạn bè ở Sài Gòn ra Vũng Tàu tắm biển vui chơi, tôi mang về nhà nhậu nhẹt và nói chuyện tào lao cho vui . Hai món nhậu ngon, bắt bia nhất là tôm thẻ, tôm vỗ và cua. Tôm cua luộc và rang muối. Tôi không phải dân nhậu hủ chì , nhưng cũng hầu bạn được vài ba lon. Mấy rổ tôm, rổ cua, làm hết. Bia lon, bia chai và có cả courvoisier, tôi để chưng trong tủ kiến, mang ra, tên nào uống được, cứ tha hồ. Ăn uống no say tới mức, không còn ngồi đượ . Rồi đi tắm biển, chiều về, lại đói và ăn uống tiếp, cho đã, cho hết .

Thế mà, hôm đó, tôi, Bích Hải, Sâm gần như ngồi chống đũa. Mấy đĩa tôm, cua như còn nguyên, nằm nguội lạnh. Những ngụm bia chạy vào cổ họng tôi đắng chát, muốn buồn nôn . Sâm uống vài lon, nói mệt nhọc :

- Cậu muốn đi bằng máy bay Mỹ, đem gia đình lên ở nhà tôi, đi máy bay bên DAO. Lấy chỗ của gia đình tôi, đã ghi tên bên DAO rồi, vì trước đây bà xã tôi có làm bên đó.

Bích Hải lắc đầu :

- Đâu đượ . Chỗ của ông bà mà. Nếu ghi thêm được cho bọn tôi, thì tốt.

- Bọn tôi không đi .

- ?

- Ông Cụ tôi và đám em, ở Đà Lạt, vừa chạy xuống. Làm sao bỏ cha, em út để dẫn vợ con bỏ chạy? Hai cậu muốn đi, quyết định ngay, mai lên Sài Gòn, chờ lúc nào có lệnh thì đi. Tôi sợ quốc lộ 15, Vũng Tàu - Sài Gòn sẽ bị cắt bất cứ lúc nào.

Tôi nhìn Bích Hải. Yên lặng. Bỏ nhiệm sở đi Sài Gòn làm sao được. Hằng ngày chúng tôi phải yểm trợ bên Ty Xã Hội cứu giúp hơn nửa triệu người từ Miền Trung đổ vào. Bích Hải ngày nào cũng mong ngóng gia đình ở Đà Nẵng, có ai chạy vào được không. Chịu thôi . Không thể chạy về Sài Gòn được.

Tôi lắc đầu nói với Sâm :

- Thôi đành chịu. Bọn tôi nằm tại chỗ. Gần biển, có gì xảy ra , bọn tôi xuống ghe, chạy ra

khơi. Đi đâu? Thôi phó mặc cho số mệnh !

Và số mệnh xô đẩy chúng tôi, hai mươi bốn năm sau, năm 1999, mới gặp nhau lại.

Tên thầy bói thấy tôi lim dim, tưởng tôi ngủ, nói như quát:

- Ra xe , tôi đưa ông đi gặp lại... các bạn cũ của ông nữa .

Tôi giật mình, muốn đá cho tên thầy bói hỗn láo này một cú. Nhưng không hiểu sao, chân tôi như cứng ra , không nhúc nhích được . Tôi lại liu ríu, đi theo hắn ra xe, leo lên ngồi cạnh hắn thật ngoan ngoãn. Tôi tức... tôi quá. Hèn nhát chi dữ vậy. Sợ nó cái gì ?

Vù một cái, xe gì mà lạ thật, chạy như máy bay. Hạ cánh xuống bãi biển Vũng Tàu. Trời ơi! Tôi trở về chốn xưa, nơi tôi làm việc một thời tuổi còn trẻ. Bãi biển đẹp quá. Bãi cát trắng xóa chạy dài đến cuối chân trời. Trời trong xanh. Mây trắng bồng bềnh trôi. Gió thật mát. Tôi muốn chạy ra bãi, tắm một cái cho đã. Từ 75 đến nay, tuy có dịp đi Florida, qua California, xuống biển Long Beach ngồi nhìn ra khơi, nhớ về bên kia Thái Bình Dương là quê hương, nhưng chưa được tắm lần nào.

Tên thầy bói lại quát :

- Thôi đi, ông Việt Kiều ơi! Tôi không làm công việc đưa ông đi thăm thắng cảnh, đi du lịch trên quê hương đau khổ này. Tôi muốn ông gặp lại... ông ở các hang hốc cùng cực hơn. Đi. Nhanh lên.

Lại vù một cái, hắn bỏ tôi xuống một căn nhà tranh, vách đất. Tôi không biết ở đâu. Miền Trung, Cao Nguyên, ngoài Bắc hay trong Nam? Có tiếng người nói chuyện bên trong. Tôi bước vào, các bạn tôi đi lại bắt tay tôi. Tôi xúc động ôm từng người bạn cũ gần ba chục năm mới gặp lại. Người nào cũng lạ hoắc, tóc bạc, mặt mày nhăn nheo. Toàn là những ông già, bà cả. Nào đây là Bối, Thơ, Phòng, Bảy, Luật, Ái, Văn... và các bà vợ. Nghe giới thiệu tên mà chẳng nhận ra những khuôn mặt thân quen ngày xưa. Tôi ôm các bạn tôi ngậm ngùi. Nhìn kỹ lại, trời ơi! lại toàn là... tôi nữa.

Tức cái tên thầy bói này, lại... chơi tôi nữa, tôi tìm xem hắn ở đâu. À , hắn đang ngồi chễm chệ uống rượu. Tôi bước lên, nắm cổ hắn đánh cho hắn một trận. Mọi người xúm lại, lột trần tôi ra vừa cười, vừa khóc. Tôi đấm liên miên vào khoảng trống. Tôi cũng cười vang nhưng nước mắt chảy tràn trên má, trên mặt. Tôi đấm một quả thật mạnh, trúng ngay mặt hắn, chiếc gương đen, rớt xuống đất. Hắn hiện nguyên hình thằng ốm đói, khuôn mặt... tôi! Tôi và hắn ôm nhau cười rồi khóc. Và tiếp tục... đánh nhau túi bụi.

*

Bích Hải đập đập nhẹ lên vai tôi. Tôi tỉnh ngủ, Bích Hải hỏi:

- Anh mớ gì mà khóc, rồi cười vang, còn hai tay thì đánh xuống gối như thằng điên.

Tôi trở dậy, đi vào buồng tắm, hình như tôi quên rất nhiều chi tiết giấc mơ vừa qua./.

LĨNH HÀN

NƯỚC. MÂY. MƯA

Con suối cạn uốn mình trong rừng vắng
Nước đi đâu hay đã trở về nguồn.
Bay thành hơi quyện vào năm với tháng
Bốc thành mây tản mạn khắp muôn phương.

Mưa bụi bay trong mùa xuân xa vắng
Nhạt nhòa đi nhân ảnh của vô thường
Đồng bào tôi sống nhờ ơn mưa nắng
Tạ ơn trời cho nước nhuận ao chuôm.

Rặng Trường Sơn đôi vai gầy trĩu nặng
Nước Hồng Hà và sữa Cửu Long giang
Màu rực rỡ của phù sa lấng đọng
Đất tân bồi đã mở rộng giang san.

Ôi! Nước. Mây. Mưa, một trời hy vọng
Chu kỳ nào làm hạ giới thiên đường.

CUỐN TIỂU SỬ HỒ CHÍ MINH ĐẦY ĐỦ NHẤT

MINH VÕ

Tờ tuần báo Far Eastern Economic Review (Kinh Tế Viễn Đông) số ra ngày 8-8-2002 đã bị hạn chế phổ biến tại Hànội vì có đăng bài nhan đề: "Các nhà kiểm duyệt bàn cãi về tiểu sử ông Hồ". Đã có lời qua tiếng lại giữa hãng thông tấn Reuters và phát ngôn viên Phan Thúy Anh của Hànội về việc này. Chung quy cũng chỉ vì một cuốn sách của William J. Duiker mà Hànội đang tính dịch ra tiếng Việt để phổ biến trong nước. Chúng tôi xin cống hiến bạn đọc một vài ý kiến riêng về cuốn tiểu sử đặc biệt này.

Ngoài những lời tán tụng của một số sử gia Mỹ nổi tiếng như Douglas Pike, Marilyn Young, tờ Washington Post đã gọi tác phẩm Hồ Chí Minh (a life) của William J. Duiker là cuốn sách nói về Hồ Chí Minh "có lẽ đầy đủ và có uy tín nhất từ trước đến nay". Stanley Karnow, nhà báo lão thành trở thành sử gia tên tuổi với cuốn "Vietnam, a history" cũng viết: "Người ta đã viết nhiều về Hồ Chí Minh, nhưng chưa có cuốn nào bằng (equals) cuốn của W.J.Duiker."

Chữ bằng đây có thể có nhiều nghĩa. Hay, hấp dẫn, nhiều chi tiết mới mà các cuốn khác không có, hay nhiều trang nhất. Chúng tôi thiển nghĩ, độc giả cầm cuốn sách trong tay phải đồng ý ngay với Karnow là từ trước tới nay chưa có cuốn tiểu sử Hồ Chí Minh nào mà nhiều trang như cuốn này: đúng 700 trang khổ lớn.

Để viết cuốn này, Duiker đã để 20 năm để đọc, gặp gỡ những tác giả đi trước, những nhân chứng ở Mỹ, Úc, Âu và Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản. Ông nêu ra hàng chục tên tuổi trong chính giới và sử gia. Trong số này đáng kể nhất là những tổ chức và nhân vật Việt Cộng tại Hànội như viện Mác Lênin, Viện sử học, đại học Hànội, một số lớn những người mà tác gọi là những học giả và nhà nghiên cứu VC thường quan tâm tới Hồ Chí Minh hay tới cuộc "cách mạng Việt Nam." Một số tên tuổi các nhân vật trên đã được ông nêu đích danh như: Nguyên Huy Hoàn ở viện bảo tàng HCM, Trần Thanh, bốn nhà "sử học" Phùng Hữu Phu, Lê Mậu Hân, Phạm Xanh, Phạm công Tùng, và những Hà Huy giáp, Đặng Xuân Kỳ, Đỗ Quang Hưng, Ngô Phương Ba, Văn Tạo, Trần Hữu Đính, kể cả Lưu Doãn Hùynh thuộc viện liên lạc quốc tế (của Việt Cộng). Và nhiều nhân vật VC khác. Kết thúc lời Tựa (preface) tác giả đã tha thiết mãi mãi cám ơn bà vợ Yvone của ông đã tỏ ra kiên nhẫn chịu đựng ông Hồ đã trở thành "gần như một thành viên của gia đình."

Những lời trên cho thấy tác giả đã chẳng những sống với nhân vật của mình mà còn bắt cả vợ con chia sẻ tâm tư tình cảm của ông đối với ông Hồ. Say mê với tác phẩm như vậy, kể ra cũng xứng đáng để nhận lời khen của Karnow, Douglas Pike và Marilyn Young là những sử gia lớn của Mỹ.

Quả tình Duiker đã cảm phục ông Hồ lắm mới kết thúc tác phẩm bằng mấy câu sau: "Bất kể cuối cùng người đời phán xét về di sản của ông để lại cho dân tộc mình ra sao, ông Hồ đã chiếm được một chỗ trong ngôi đền thờ những anh hùng cách mạng đã từng đấu tranh mạnh mẽ để những người cùng khổ trên thế giới có được tiếng nói đích thực của họ." (SĐD trang 577)

Tác giả trách nhà cầm quyền Paris và Washington đã "bỏ lỡ cơ hội không nắm tay Hồ Chí Minh khi ông này giơ tay cho họ bắt, để đến nỗi đem lại hậu quả thảm khốc cho nhân dân Việt Nam và cho cả thế giới." (SĐD trang 574) Viết vậy là tác giả có ý trách và kết tội đích danh tổng thống Truman là người đã bác bỏ lá thư của Hồ Chí Minh xin Hoa Kỳ ủng hộ, khi ông ta mới chân ướt chân ráo về nước. Tác giả quá tin vào những báo cáo và tường thuật của mấy nhân vật trung cấp Hoa Kỳ đã có dịp tiếp xúc với Hồ Chí Minh vào những năm 45-46 như Archimedes Patti và Charles Fenn, là những người ngay thẳng, không có kinh nghiệm về sự giả dối của ông Hồ.

Vì tận dụng tài liệu của những người đi trước, lại được tài trợ để đến Việt Nam, sang Liên Xô lục lạo các kho tài liệu chính thống nên cuốn tiểu sử này có đưa ra nhiều điều mới mà các cuốn trước không có. Ngoài ra tác giả cũng có tham khảo một vài tác phẩm của những người quốc gia chống cộng hay những nhân vật bất đồng chính kiến trong nước cho nên có người nghĩ ông tương

đối khách quan. Nhất là ông luôn luôn có những phân tích sự kiện đưa ra nhiều giả thuyết của các bên thành ra cuốn sách nó mới dày như vậy. Những phân tích chi ly này nhiều khi làm cho cuốn sách trở thành nặng nề rườm rà, đôi khi những rườm rà mâu thuẫn đó khiến cho toàn bộ trở nên khó hiểu.

Vì dựa vào tài liệu của VC là chính, nên khi có tranh cãi, nghi ngờ thì thường tác giả nghiêng về phía lập luận của Việt Cộng hơn. Chẳng hạn trong việc có nghi vấn về việc nhà cách mạng lão thành Phan Bội Châu bị Pháp bắt, tác giả đưa ra rất nhiều lời biện bạch cho rằng người báo cho Pháp bắt cụ Châu là chính chân tay thân tín của cụ là cụ Nguyễn Thượng Huyền, chứ không phải Lâm Đức Thụ là kẻ cộng tác mật thiết với Hồ Chí Minh lúc ấy như sử gia Phạm Văn Sơn, hay cụ Hoàng Văn Chí và nhiều tác giả khác thuộc phía quốc gia đã viết. Nhà báo Việt Thường từng hoạt động lâu năm trong lòng chế độ (sau 1975 trở thành nạn nhân cs) quả quyết người âm mưu bán đứng cụ Phan chính là Hồ Chí Minh. Buiker không nói đến việc Lâm Đức Thụ sau này bị giết, có lẽ để giữ bí mật về việc này.

Trong lời giới thiệu, Karnow có khen Duiker "demystifies" nhân vật HCM, tức làm cho những huyền thoại, những bí mật của Hồ được sáng tỏ. Nhưng chính Duiker lại viết ở cuối đoạn mở đầu (trang 7): "Ngồi trên tòa cao của đền thánh dành cho các anh hùng các mạng, Hồ Chí Minh sẽ lấy làm thích thú được biết rằng, ít nhất trong cuốn tiểu sử này, cái dáng dấp huyền bí bao quanh ông sẽ vẫn còn nguyên vẹn (remains intact)."

Như vậy có nghĩa là tác giả đã thú nhận ngay từ đầu ông ta bất lực trong việc giải tỏa các thắc mắc, nghi vấn về tiểu sử của Hồ Chí Minh.

Cũng giống như nhà viết sử cộng sản "chính thống" Hồng Hà (Bác Hồ trên đất nước Lênin, trang 148), và còn chi tiết hơn Hồng Hà, Duiker nói khá kỹ về việc Hồ đã quen biết Mikail Borodin từ khi còn ở chung với nhau ở khách sạn Lux ở Liên xô và hai người thường nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh, sau đó được phái sang Trung Hoa làm việc với Borodin là trưởng phái bộ của Liên xô cạnh chính phủ Trung Hoa Quốc Dân Đảng tại Quảng Đông. Nơi trang 113 Duiker viết y chang Hồng Hà: "Only Borodin and his wife were aware of his identity" (Chỉ có vợ chồng Borodin biết căn cước thực của ông (Nguyễn Ái Quốc, tức Hồ Chí Minh, lúc ấy lấy bí danh là Lý Thụy). Thậm chí Duiker còn nói cả đến chuyện Hồ sống với người vợ hờ Tăng Tuyết Minh do vợ của Lâm Đức Thụ giới thiệu cho "Quốc" (tức Hồ) ngay tại nhà của Borodin. Ở đây nữa độc giả thấy liên hệ giữa Lâm Đức Thụ và Hồ khăng khít đến độ nào.

Nhưng chẳng lẽ Duiker không đọc sách của Trần Dân Tiên (bút hiệu của Hồ)? Vì ông không hề nhắc gì đến chuyện Trần Dân Tiên nói láo rằng Quốc đọc quảng cáo trên báo ở Quảng Châu nên tìm đến làm thông ngôn cho Borodin? Có đọc và đối chiếu lời nói láo này với các tài liệu chính sử khác như vừa kể mới thấy dụng tâm của Hồ là cố che giấu việc làm gián điệp, mật vụ cho Liên Xô của ông, vì chuyện này chẳng tốt đẹp gì cho việc gây uy tín là một nhà cách mạng yêu nước như ông ta muốn mình trở thành trước dư luận nhân dân trong nước.

Cuốn sách sở dĩ dày cộm một phần cũng vì tác giả kể hết các chi tiết ông thu lượm được từ nhiều nguồn tin khác nhau, lại còn thêu dệt thêm cho ra vẻ huyền bí hay thần thánh không khác gì những chuyện phong thần kiếm hiệp. Tỷ dụ khi nói về thời niên thiếu của Hồ, ông viết: ":Mẹ Cung (Hồ) cũng biết chút ít kiến thức văn chương Việt Nam và thường ru con ngủ bằng hát ca dao hay ngâm những vần thơ trích trong truyện Kiều cổ điển, một truyện tình thương tâm của cặp tình nhân vướng vào màng nhện luân lý cổ truyền." (trang 18). Nói về bà nội của Cung, tác giả viết: "Đến đêm, bà nội của Cung, trước khi đặt cháu lên võng thường đọc cho bé nghe chuyện những bậc anh hùng. *Cung thông minh và tò mò nên nhanh chóng hấp thụ kiến thức.*"

Cuối trang 18 tác giả còn nhắc lại chuyện ông cử Sắc, bố Cung, đã từ chối không nhận tiệc khao quân, mà đem phân phát thịt trâu cho dân nghèo. Cũng giống mẹ, ông cử nhà ta còn kể cho con nghe những chuyện thần thoại và những bậc anh hùng Việt Nam trong quá khứ. (trang 19)

Nơi trang 14, tác giả cũng đưa cả ông thợ rèn hàng xóm ra để chứng tỏ cậu bé Cung đã được tiêm nhiễm tinh thần dân tộc từ nhỏ như thế nào. Ông này đã kể cho Cung nghe, nào chuyện tranh đấu của phong trào Cần Vương, nào chuyện Lê Lợi, Mai Thúc Loan, chuyện Phan Đình Phùng.

Những mẩu chuyện về mẹ ru con ngủ bằng ca dao, truyện Kiều, bà nội kể chuyện các anh hùng dân tộc, chuyện ông bố cõng con trên đường vừa đi vừa kể chuyện thần thoại và anh hùng Việt Nam, và ông thợ rèn hàng xóm hun đúc lòng yêu nước của cậu bé bằng chuyện những anh hùng khởi nghĩa v.v. vừa nêu xem ra đã được tác giả cẩn thận đặt làm tiền đề cho kết luận ông viết nới trang 42 về nhiệt tình yêu nước của Nguyễn Tất Thành khi Thành lên đường vào mùa hè 1911 để cứu nước giống hệt luận điệu chính thống của VC từ trước tới nay. Ngày nay ai cũng biết là Quốc có gửi cho tổng thống Pháp và bộ trưởng

thuộc địa hai lá đơn giống hệt nhau để xin được nhập học trường thuộc địa như một học sinh nội trú "mong mỏi sẽ trở nên hữu ích cho nước Pháp đối với đồng bào tôi v.v." thư đề ngày 15-9-1911, nghĩa là ngay khi mới đặt chân lên đất Pháp tại hải cảng Marseille trên bờ Địa Trung Hải. Nơi trang 47 tác giả có cho đăng lại lá đơn này và giải thích rằng có lẽ Nguyễn Tất Thành muốn ngụy trang những ý định thực sự của mình bằng lá thư đó để có thể có cơ hội học hỏi thêm. Điều này chứng tỏ tác giả cũng đã biết những nghi nghờ và cáo buộc của những tác giả phía quốc gia thường đưa ra bằng chứng (lá thư) này để phủ nhận mục đích "cao cả" của Hồ là xuất dương để tìm đường cứu nước như các tác giả VC thường viết. Cũng rõ ràng là tác giả đứng hẳn về phía VC trong vấn đề này.

Nơi trang 26 tác giả còn ca ngợi Thành (Hồ) đã biết chê Phan Bội Châu, không thèm nhận lời ông này mời tham gia phong trào Đông Du. Không biết rõ lúc ấy Thành mấy tuổi, nhưng theo tác giả viết thì "chẳng bao lâu sau khi cụ Phan về nước," năm 1904, là năm Thành 14 tuổi tối đa. Nói tối đa vì nếu theo lời khai của Nguyễn Ái Quốc (Hồ) khi làm thông hành từ Pháp đi Nga thì ông sinh năm 1894, chứ không phải 1890).

Điều này cho thấy nếu thực vậy thì cậu Nguyễn Tất Thành đã có ý thức chính trị rất sớm vượt trội hơn các vị tiền bối Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, chứ không phải như Trần Dân Tiên (cũng Hồ) viết trong "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch" rằng khi đến Mỹ (khoảng 1913-1915, theo Duiker thì là năm 1913) ông ta chưa biết gì về chính trị. Điều này cũng được Duiker ghi lại nơi trang 51: "since he later told the US journalist Anna Louise Strong that during his visit to the USA he knew nothing about politics" (vì sau này anh bảo nhà báo Mỹ Anna Louise Strong rằng trong thời gian viếng thăm Hoa Kỳ anh chẳng biết gì về chính trị.)

Những gì bịa đặt thêu dệt thường khó tránh được sự mâu thuẫn, trái ngược khó hiểu. Đó là điều người đọc có thể nhận thấy không cần suy luận.

Đàng khác khi mà tác giả có quá nhiều tư liệu từ nhiều phía đồng thời muốn tận dụng tất cả những tư liệu đó để cho có vẻ phong phú và đầy đủ, thì cũng khó tránh được những quên sót và mâu thuẫn. Lấy ví dụ trường hợp Nguyễn Thị Minh Khai tác giả biết cả bà ta còn có người em là Nguyễn Thị Minh Giảng lấy Võ Nguyên Giáp, vậy là Hồ với Giáp là đồng hao hay anh em cột chèo. Đến cái bút hiệu TTLan của ông Hồ tác giả cũng biết đó là viết tắt của Trần Thái Lan là một tên khác của Nguyễn Thị Minh Khai. Ông còn nhấn mạnh rằng sự liên hệ tình cảm giữa Hồ và Khai vẫn còn là một trong những bí ẩn rắc rối nhất trong đời Hồ. Nhiều chỗ ông ghi rõ Khai là vợ Quốc, rồi lúc khác vợ cũ. Nhưng chỗ khác ông lại ghi Minh Khai là vợ Lê Hồng Phong. Ông còn ghi rõ là Lê Hồng Phong chính thức kết hôn với Minh Khai tại Liên Xô (tr 225).

Thực ra Lê Hồng Phong với Minh Khai từng đã hứa hôn. Rồi trên đường sang Liên Xô thụ huấn Phong đã để Minh Khai lại đi sau và đến thụ huấn sơ khởi với Quốc. Thế là Khai có bầu với Quốc. Sang đến Liên Xô vụ việc vỡ lở, Liên Xô cho Hồ và Khai thành hôn, có giá thú hẳn hòi. Giá thú này mới tìm thấy trong văn khố mật của Liên Xô cũ. Không thể chối cãi rằng Hồ chỉ lăng nhăng với Khai chứ không có giá thú. Thế nhưng trong một thời gian dài Hồ và đảng cứ nói dối đàn em và nhân dân rằng cô con gái mà Hồ có với Minh Khai là con của Lê Hồng Phong. Nhiều người còn đưa ra giả thuyết là có thể vì vừa mất sự lãnh đạo đảng và mất vợ vào tay Lê Hồng Phong cho nên Hồ thù và hãm hại Phong, vì khi ở Liên Xô về nước, Phong đã gặp Hồ ở Hồng Kông, mà ngoài hai người không ai biết, vậy mà vừa về đến nơi thì Phong bị Pháp bắt. Như vậy nghi cho Hồ hãm hại Phong không phải không có lý.

Thực ra không phải chỉ có Phong có mối thù với Hồ mà cả Hà Huy Tập cũng bị Hồ ghét, vì Tập thường phê bình Hồ và còn tố cáo với Q.T. 3 rằng Hồ chịu trách nhiệm về việc cả trăm đảng viên bị sát hại. Điều này chính Duiker cũng có ghi lại (trang 222).

Tóm lại nguyên về các cô vợ hờ vợ bé của Hồ mà tác giả nhắc tới và đưa ra nhiều chi tiết lý thú có đến nửa tá. NàoTăngTuyết Minh, Đỗ Thị Lạc, Nông Thị Xuân, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Thị Phương Mai, và cả chuyện ông Hồ xin một cán bộ cao cấp Trung Cộng giới thiệu cho ông một cô gái trẻ để hưởng tuổi già cũng được tác giả đưa vào sách với đầy đủ chi tiết. Đó là điều từ trước đến nay đảng vốn giấu. Chỉ có điều tác giả không nói đến những sự dã man, tàn nhẫn mà Hồ để cho xảy ra đối với các người mà ông từng đầu gối tay ấp.

Trước dư luận thế giới tự do, theo quan niệm tự do luyến ái, thì đó là những chi tiết lặt vặt trong đời Hồ, tác giả đưa ra cho vui và để chứng tỏ ông đọc nhiều, biết nhiều, chứ không có ý bôi xấu lãnh tụ "của ông".

Điều quan trọng là tinh thần yêu nước và tài ngoại giao của Hồ thì tác giả luôn luôn có nhận xét tích cực. Rất nhiều chỗ ông xác quyết Hồ là

người yêu nước, thương dân, có tính tình hiền hoà khoan dung. Những điều quá đáng mà đảng cộng sản gây ra cho nhân dân, không phải do ông Hồ chủ trương, mà là do đàn em lộng quyền.

Tác giả có trích lời Hồ nhắn với các ủy viên trung ương đảng theo đó ông tuyệt đối tán thành chính sách mặt trận thống nhất đã được thông qua tại đại hội 7 của QT3, trong đó có điểm 4 (trong số 6 điểm) như sau: "Chúng ta không thể nhượng bộ điều gì cho nhóm Tờ Rốt Kít. *Chúng ta phải làm tất cả mọi việc có thể được để lột mặt nạ của chúng là những con chó của Phát Xít và tiêu diệt chúng về chính trị.*" (trang 235)

Tuy nhiên chỗ khác ông lại bào chữa cho Hồ, bảo ông Hồ nói vậy chỉ để làm vừa lòng Stalin mà thôi.

Những liên hệ của Quốc (Hồ) với những nhân vật của QT3 như Manuilsky, Joseph Ducroux (bí danh Serge Lefrank), và Hilaire Noulens năng được tác giả nhắc đến cho thấy sự lệ thuộc của Quốc vào QT3 như thế nào. Ví dụ nơi trang 185 tác giả viết về cuộc họp ban chấp hành trung ương đảng tại Hồng Kông vào ngày 20 tháng 10 năm 1930, (Trong phiên họp này Hồ chủ tọa với tư cách đại diện QT3, và Trần Phú được bầu làm tổng bí thư đảng. *Chú thích của Minh Võ) ông đã ghi rõ là trước khi họp, Quốc và Trần Phú đã phải đi Thượng Hải thỉnh thị ý kiến và xin chỉ thị của Hilaire Noulens về những nghị quyết sẽ phải làm tại hội nghị.* Rồi trang 190 ông đã ghi sự việc Quốc phải báo cáo cho Hilaire Noulens ở Thượng Hải về kết quả của phiên họp đó. Trước đó tác giả cũng cho biết là hội nghị có nhiều ý kiến trái ngược với chủ trương của Quốc, nhưng Quốc tỏ ra nhường nhịn và thông cảm!

Sau khi thuật lại vụ xung khắc và tranh chấp giữa Quốc và Trần Phú về vấn đề liên lạc giữa QT3 và đảng CS Đông Dương mới thống nhất, tác giả nói đến việc Le Frank tới Saigon gặp Trần Phú và trao tiền làm qũy hoạt động.

Trước đó, nơi các trang 149 và 1950 tác giả đã viết về những lời phàn nàn của Quốc về việc thiếu chỉ đạo từ trên và thiếu phương tiện sinh sống, di chuyển. Trong thư Quốc viết gửi cho Dalburo có câu: "I am in a difficult situation have nothing to live, so told MOPRE but they say can't give me unlimited assistance, just 18 marks a week (that sum is not enough to live on). Và sau đó Moscow cho phép Quốc trở về Đông Dương với công tác phí đi dường và tiền phòng trong ba tháng.

Nơi trang 102-103 ông đã trích dẫn nguyên văn thư của Quốc xin tiền trong đó có câu: "After consulting with Chinese colleagues here, I estimate that I will require a budget of approximately US$ 100 a month, not including the transportation from Russia to China, I have not include taxes." (Sau khi tham khảo với các đồng nghiệp Trung Quốc ở đây, tôi ước tính là tôi cần có một qũy khoảng 100 Mỹ Kim mỗi tháng, chưa kể lộ phí từ Nga đến Trung Quốc, tôi cũng chưa kể thuế."

Hai sự việc nêu trên (báo cáo công tác và xin tiền, nhận tiền của QT3) cho thấy sự lệ thuộc của quốc vào QT3 như thế nào. Liệu những tay tổ ở diện Cẩm Linh có chi tiền cho Quốc để ông này tranh đấu cho nền độc lập của tổ quốc không? Hay là để bắt Quốc phải phục vụ cho mục tiêu bá chủ hoàn cầu của đế quốc Nga?

Vậy mà không hiểu sao tác giả vẫn cố bênh Quốc, từ đầu tới cuối luôn cho rằng ông là người yêu nước và tranh đấu vì chủ nghĩa dân tộc.

Người đọc thán phục tác giả ở chỗ ông biết rất nhiều và rất chi tiết. Đây là một trong nhiều bằng chứng: Nơi trang 135 tác giả so sánh cuốn sách ông Hồ viết nhan đề: "Con Đường Kách Mệnh" với cuốn "Kinh Bổn của người cách mạng" của Sergy Nechayev. Khi ông bảo hai cuốn sách này khá giống nhau là ông muốn cho người đọc hiểu ông đã đọc cả hai cuốn đó. Điều đó chứng tỏ sự nghiên cứu của ông kỹ lưỡng đến chừng nào. Ông viết "Nechayev nhấn mạnh đến vai trò của người làm cách mạng chẳng khác gì một dụng cụ mù quáng của mục tiêu cách mạng. *Anh ta phải tàn nhẫn, nham hiểm như Machiavel, trong khi cổ võ cho mục đích cách mạng. Anh ta phải tỏ ra tuyệt đối phục tùng đảng của anh ta. và sẵn sàng từ bỏ mọi liên hệ bạn bè và gia đình. Cũng phải sẵn sàng hy sinh những tiêu chuẩn đạo lý đã được nhìn nhận một cách phổ quát, để có thể nói dối, ăn gian vì lợi ích cách mạng. Nói chung cuốn sách đã được Lênin tán thưởng và trở thành thánh kinh của nhóm đa số (quá khích) của ông.*"

Nhưng sau đó tác giả lại bảo Quốc khác Lênin ở chỗ Quốc còn bị ảnh hưởng của luân lý Khổng Giáo như cần kiệm, thân thiện nhưng vô tư, cương quyết sửa sai, khôn ngoan, tôn trọng học vấn, nghiên cứu và quan sát, tránh hỗn xược và tự kiêu và sau cùng là rộng lượng.

Những người đã có chút kinh nghiệm với ông Hồ và các đàn em của ông thì nghĩ khác. Ông tàn ác và giả dối y như Lênin, và cái bảo là rộng lượng, khiêm tốn theo Khổng Giáo chỉ là cái mặt nạ. Điều này người ngoài không phân biệt nổi.

Tác giả đã từng kể lại rằng ngày 27-1-24 Hồ đã viết trên tờ Sự Thật (Prada) của Nga cộng như

sau: "Khi còn sống, người là cha, là thày, là đồng chí và cố vấn của chúng ta. *Nay (đã chết) người là ngôi sao dẫn đường đưa tới cách mạng xã hội. Lênin sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta. Người bất tử.*"

Và đây không phải lần đầu tác giả đưa ra bằng chứng Hồ tôn thờ Lênin đến mức độ nào.

Và cũng không phải Hồ yêu kính và trung thành với Lênin mà thôi. Nhiều người gần Quốc, còn gọi Quốc là "Staliniste"nữa. Nghĩa là theo đúng đường lối sắt máu của Stalin. Người xác quyết điều đó là Boris Souvarine. Nơi trang 95 Tác giả đã ghi: "According to Boris Souvarine, the French Communist who later left the revolution movement, Nguyen Ai Quoc had now become 'an accomplished stalinist'." *(Theo B.* S., một đảng viên Pháp Cộng sau này bỏ cách mạng, thì NAQ bây giờ đã trở thành kẻ theo chủ nghĩa Stalin thuần thành.)

Lênin ca tụng Nechayev, một thứ siêu Machiavel và Stalin một tên độc tài khát máu hơn Lênin nhiều. Vậy mà Hồ được mô tả là đồ đệ ruột của hai tên khát máu mà gian xảo cùng cực đó. Thì nên hiểu Hồ là người có lòng khoan dung, yêu nước, hay phải hiểu là Hồ gian xảo và bán nước? Những chết chóc, tù đày, đau khổ triền miên mà Hồ gây ra cho nhân dân Việt trong suốt nửa thế kỷ chưa đủ bằng chứng để xét đoán chính xác về con người này hay sao?

Để kết luận chúng tôi thấy W.J.Duiker đã hoàn tất một công trình đồ sộ hơn hẳn những tác giả trước ông, trong đó ông đã nói rất chi tiết về con người Hồ Chí Minh. Ông đọc nhiều hiểu rộng, tài liệu vô cùng phong phú nên khi nói về một người ông đã làm cho đọc giả biết về nhiều người khác, kể cả những hoàn cảnh xung quanh con người đó. Đọc cuốn tiểu sử HCM, độc giả biết thêm rất nhiều về chiến tranh VN, về tình hình quốc tế sau thế chiến hai, về tình hình nội bộ Liên Xô, về liên hệ Liên Xô - Đức Quốc Xã, về cuộc hôn phối cưỡng ép Quốc - Cộng Trung Hoa trong thời gian kháng Nhật và về một số hoạt động của các đảng phái quốc gia Việt Nam. Vấn đề gì tác giả cũng đào sâu, phân tách tỷ mỷ. Nhưng cũng chính vì phân tích và đào sâu vào chi tiết quá nên người đọc, khi nhìn lại một cách tổng hợp thì thấy tác giả mâu thuẫn ở nhiều chỗ trong nhận định của ông. Một phần theo ý chúng tôi, là vì ông chưa đặt cuộc chiến mà ông Hồ chủ trương và gây nên vào trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ cộng sản, hay cuộc trấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác Lênin. Ông có nhắc đến đề cương của Lênin về "chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thuộc địa," và ghi nhận đó là một chiến thuật, và cũng hiểu rằng Lênin có lúc hô hào liên kết với các giai cấp phi vô sản để đánh đổ chủ nghĩa đế quốc trong một quốc gia. Và ông cũng cho rằng đó chỉ là theo chiến thuật giai đoạn và có điều kiện. Nhưng ông không đào sâu về chiến lược sách lược toàn bộ cuộc đấu tranh đó nên không nhìn ra vai trò nô lệ của Hồ Chí Minh vào Liên Xô.

Ông cũng không đếm xỉa đến nỗi đau khổ cùng cực của nhân dân Việt Nam đã trở thành nạn nhân trực tiếp của ông Hồ, nên không thấy được những thủ đoạn giả dối đầu môi chót lưỡi của một chính trị gia gian xảo và tàn bạo. Nơi chương IX (trang 258) tác giả đã viết: "Môn học chính mà ông Hồ dậy các học viên đàn em của ông là tuyên truyền." Ông cũng biết đạo quân đầu tiên bé nhỏ của Võ Nguyên Giáp khi mới thành lập mang tên là trung đội (một đơn vị nhỏ bé vài chục người) "trung đội võ trang tuyên truyền giải phóng quân." Cho nên có thể nói cuộc chiến nằm trong hai chữ tuyên truyền. Mà tuyên truyền của cộng sản, theo các nguyên tắc đấu tranh cách mạng của Lênin — bị ảnh hưởng của sự vô luân của Nechayev— mà ông Hồ khâm phục và tuân thủ, là gian dối, dối gạt, giả hình, khẩu Phật tâm xà, miệng Nam mô A Di Đà mà bụng chứa một bồ dao găm. Chỉ có nhân dân Việt Nam đang đau khổ mới hiểu rõ được cái tâm địa đó của ông Hồ. Và nhân dân Việt Nam đã xét đoán về ông Hồ qua những phong dao tục ngữ, những vần "thơ ghế đá." Điều này tác giả không thể thấy, nếu ông chỉ tiếp xúc với nhưng khuôn mặt khoa bảng tại viện đại học Hànội, viện bảo tàng Hồ Chí Minh và đọc đại đa số những tác phẩm "chính thống" của cộng sản như ông đã trưng dẫn để cám ơn họ ở đầu sách.

Trước khi chấm dứt chúng tôi xin nêu ra đây một sự việc nó đã khiến tác giả bận tâm vừa xảy ra vào tháng 8 năm 2002 này để nhắc nhở tác giả cũng như những người tự cho mình là vô tư, bàng quang về thủ đoạn tuyên truyền của VC bất chấp sự thực. Đó là VC đã yêu cầu tác giả bỏ đi một vài chi tiết trong cuốn sách của ông để nó được phổ biến trong nước! Trong một bức thư của nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia gửi nhà xuất bản Hyperion Books, New York, Hànội đã viết họ muốn "bỏ đi một vài đoạn không phù hợp với những thông tin hiện có trong hồ sơ của chúng tôi." Tác giả liệu có thấy như vậy là họ muốn tác giả phải nói theo họ không? Mặc dầu ông đã lấy phần lớn tư liệu từ văn khố và từ các chứng nhân VC để viết cuốn sách đó, mà họ vẫn còn muốn kiểm duyệt sách của ông, trước khi cho đảng viên và nhân dân trong nước đọc?

21/8/02

Phỏng vấn cô Lê Trâm

F.O.B.: CUỘC TRIỂN LÃM CỦA THẾ HỆ TRẺ

THƠ THƠ *thực hiện*

F.O.B.: A MultiArt Show, do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) tổ chức, là một triển lãm nghệ thuật tổng hợp các loại hình đa dạng : hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh, installation 3 chiều, new genre, biếm họa, tranh tường, âm nhạc, kịch nghệ, thơ, phim và video. Đây là một sự kiện đáng chú ý trong sinh hoạt nghệ thuật, nhằm đề cao khả năng sáng tạo của thế hệ trẻ Việt Nam lớn lên tại Mỹ, để qua đó thế hệ này minh định lại bản sắc văn hóa và "căn cước" của chính mình.

F.O.B. là triển lãm đầu tiên, ngay tại thủ đô tị nạn Little Saigon, kết hợp các thể loại tạo hình và trình diễn, và qui tụ các nghệ sĩ Việt – Mỹ vào trong một chủ đề "Fresh off the Boat".

***F.O.B.** tìm hiểu cách người nghệ sĩ "tái tạo" lại chính mình. Họ giãi bày, biểu hiện, xác nhận mình -là- ai và mình- muốn- là - gì qua câu chuyện kể trong tác phẩm. Một cách nào đó, họ "trình diễn" cho công chúng xem con người thật đa dạng của họ.*

Bắt đầu chỉ bằng khái niệm tìm hiểu **con người F.O.B.**, thế nào là một người di dân chân ướt chân ráo ngỡ ngàng trên đất Mỹ; buổi triển lãm đã khai triển sâu rộng hơn, bao quát hơn thành cái nhìn của một cá nhân về chính mình. Mặc dù thành phần tham dự hầu hết là nghệ sĩ Việt Nam, tác phẩm của họ chứng tỏ đây là một hội tụ đầy màu sắc gồm các phong cách và quan điểm vô cùng phức tạp và đa dạng.

Triển lãm sẽ kéo dài ba tuần, từ ngày 7 đến 21 tháng 9, 2002 tại Phòng sinh hoạt Người Việt. Dưới đây là bài phỏng vấn cô Lê Trâm, người chủ xướng và điều hợp dự án **F.O.B.: A MultiArt show.**

Thơ Thơ (TT) : *Trâm có thể nói qua về ý nghĩa của F.O.B.?*

Lê Trâm (LT) : F.O.B. là viết tắt của "fresh off the boat", thường dùng để ám chỉ những người di dân với ngụ ý khinh miệt như thành phần quê mùa, thấp kém - nhất là khi họ có bề ngoài khác biệt, lạc lõng, chưa hòa hợp được với xã hội chung

Lê Trâm

quanh. Tiếng Việt mình có thành ngữ tương đương là "chân ướt chân ráo".

TT: *Lần đầu tiên Lê Trâm nghe thành ngữ F.O.B. là trong trường hợp nào?*

LT: Khi Trâm học tiểu học, và chữ F.O.B. hầu như chỉ dùng cho người Việt mà thôi. Trong trường Trâm cũng có các bạn gốc Á Đông khác, nhưng họ không bị gán cho thành ngữ đó. Có lẽ vào khoảng thời gian đó những người Việt Nam đến định cư ở Mỹ toàn là những thuyền nhân, nên câu "fresh off the boat" lại được đem ra áp dụng. Thành ngữ F.O.B. có từ ngày xưa khi người Ý di dân đến Mỹ bằng tàu thủy, rồi sau đó dùng để gọi người Trung Hoa vì họ cũng đến bằng đường biển. Người Việt Nam mình đến Mỹ bằng máy bay, nhưng lại cũng bị gọi là F.O.B.

TT: *Cảm giác của Lê Trâm khi nghe, khi biết người ta dùng những chữ đó để chỉ mình?*

LT: Đau lòng. Vì đó là cách gọi có tính cách kỳ thị và khinh miệt người Á Đông. Nhất là khi nghe thành ngữ đó từ miệng một người Việt để gọi chính đồng bào mình. Những người đó đã từng bị gọi là F.O.B., và bây giờ để chứng tỏ mình đã hội nhập họ muốn hướng mục tiêu chú ý vào một nạn nhân khác - những người mới qua còn bỡ ngỡ về nhiều mặt. Khi hạ thấp người khác là

F.O.B. cùng lúc họ muốn nâng giá trị của mình lên: "Tôi bây giờ đã biết ăn mặc, tôi nói tiếng Anh rất rành, tôi xem phim Mỹ, không xem phim Tàu nữa, tôi đã nhập cuộc rồi...".

TT: *Trong môi trường nào thì F.O.B. hay được sử dụng? Rất nhiều người Việt ở Little Saigon không biết đến thành ngữ này?*

LT: Những người nếu sinh hoạt chỉ tập trung quanh quẩn Little Saigon, họ được bảo bọc trong một cộng đồng khép kín và không phải đối mặt với thực tại đôi khi khắc nghiệt và bất công của môi trường sống đa văn hóa, cũng như những cạnh tranh gay gắt về nghề nghiệp trong một xã hội chủ yếu là người da trắng.

Thế hệ của Trâm và các bạn trẻ lớn lên tại Mỹ phải thường xuyên đối diện với những vấn đề này. Chữ F.O.B. được nghe nhiều nhất khi Trâm còn đi học. Ảnh hưởng của nó là làm mình thiếu tự tin, và sợ khác với mọi người, nhất là khác biệt về ngoại hình. Khi lớn hơn, mình từ từ vượt qua sự sợ hãi đó. Nhưng nếu đi làm, chung quanh mình toàn là người Mỹ, thì cái sợ có thể quay lại.

TT: *Vậy bây giờ, khi nghe đến F.O.B., thì "cái sợ" đó có còn không?*

LT: Có thể nó không còn ảnh hưởng tới riêng cá nhân Trâm nữa. Nhưng theo một nghĩa lớn hơn, trong tầm nhìn rộng hơn, nó vẫn làm Trâm đau lòng. Bởi vì người ta hạ thấp người khác chỉ vì bề ngoài khác biệt, người ta mất đi dịp tốt để tìm hiểu lẫn nhau chỉ vì tính kỳ thị.

TT: *Như vậy chương trình F.O.B. có phải là một cách phản ứng lại những tiêu cực bằng ngôn ngữ nghệ thuật?*

LT: Có thể nói như vậy. Tại sao chúng ta lại cho phép người khác gọi mình theo ý họ muốn? Tại sao chúng ta không định nghĩa lại chính mình theo ý mình? Qua F.O.B. Show, chúng ta sẽ "đòi lại", sẽ "lấy lại" chữ này theo nghĩa tích cực, theo ý chúng ta. F.O.B. sẽ là cách chúng ta nhìn về chính mình, F.O.B. có thể là Friends of Bolsa, Free of Bigotry, Funny Outrageous Barbies. Và F.O.B. cũng vẫn có thể là Fresh off the Boat, nhưng vấn đề ở đây là chính chúng ta tự khẳng định về mình.

TT: *Ngoài những khía cạnh tiêu cực như đã nói ở trên, thành ngữ F.O.B. có những ảnh hưởng tích cực nào đối với giới trẻ Việt Nam lớn lên tại Mỹ? Kinh nghiệm làm người F.O.B. với ý nghĩa tích cực của nó?*

LT: Trâm nghĩ chắc chắn là có. Chúng ta đều bắt đầu là F.O.B. tại một thời điểm nào đó- thời gian chúng ta bắt đầu một cuộc sống mới, xây dựng tất cả từ đầu, bỡ ngỡ và lạc lõng trong một thế giới xa lạ. Không phải ai cũng có được kinh nghiệm đó. Điều mà người Việt Nam chúng ta trải qua và cảm nhận, có thể là duy nhất; cũng như những sắc dân khác trong quá trình định cư ở Mỹ có những kinh nghiệm hội nhập riêng của họ. Và vì tất cả chúng ta đều là F.O.B., ý thức đó sẽ giúp chúng ta tìm đến với nhau, trao đổi học hỏi lẫn nhau, và tìm thấy an ủi bên nhau.

TT: *Qua một quá trình hội nhập: đi học, tốt nghiệp, đi làm, tạo cho mình một chỗ đứng vững vàng trong xã hội; bây giờ thế hệ trẻ này có còn cảm thấy lạc lõng không? Thế hệ này có băn khoăn về bản sắc dân tộc của mình, chẳng hạn mình là người mất căn cước, hoặc chúng ta mang trong người một lúc hai căn cước?*

LT: Nói chung là thế hệ Trâm là một thế hệ chuyển tiếp, cảm giác chung là mình quá Mỹ đối với người Việt Nam, và quá Việt Nam đối với người Mỹ. Có thể nói là không hoàn toàn thuộc về một nơi nào rõ rệt. Mức độ Mỹ – Việt thì tùy thuộc vào quan điểm của mỗi cá nhân và hoàn cảnh. Đây là vấn đề mà mỗi người phải tự tìm cách giải quyết, phải tự định hướng cho cuộc sống mình.

TT: *Tình trạng F.O.B. có làm cho đời sống tinh thần của chúng ta phong phú và đa dạng hơn?*

LT: Chắc chắn rồi. Nói hai thứ tiếng là một cái lợi rất lớn. Trâm vẫn nói đùa, ví dụ đi mua xe với "dealer" người Mỹ thì mình cứ việc bàn tính giá cả với nhau bằng tiếng Việt, họ đâu hiểu gì. Hoặc vào chợ Mỹ mình có thể dùng mật mã tiếng Việt để nói "lén" người khác (cười). Tất nhiên đó chỉ là những cái lợi vớ vẩn. Nói chung là mình nhìn được nhiều mặt của vấn đề, nhìn đời sống trọn vẹn hơn, không bị đóng khung trong một cách suy nghĩ. Điều này cũng thể hiện rất rõ trong phương diện nghệ thuật.

TT: *Nói về nghệ thuật, Trâm có thể giới thiệu các loại hình nghệ thuật trong triển lãm theo chủ đề F.O.B.?*

LT: Chủ yếu là nghệ thuật tạo hình và trình diễn.

Về nghệ thuật tạo hình sẽ có các tác phẩm hội họa, nhiếp ảnh, điêu khắc, tranh vẽ trên tường, tranh biếm họa, và installations. Về nghệ thuật trình diễn sẽ có ban nhạc sống Rock và DJ, kịch độc diễn ngắn, ngâm thơ, chiếu phim và video...

TT: *Installations tức là phối trí ba chiều?*

LT:. Người nghệ sĩ khi làm installations có thể dùng nhiều vật liệu, nhiều chất liệu khác biệt để sáng tạo; và tác phẩm được trình bày trong một phối trí của không gian 3 chiều. Một thí dụ đơn giản: thay vì treo ba bức tranh trên cùng một mặt phẳng như cách thông thường, thì người nghệ sĩ installations có thể gắn lắp ba bức tranh thành

một không gian để bao vây người ngắm. Hoặc khi ngắm một bức ảnh chụp người thưởng ngoạn sẽ đeo headphone để nghe một loại nhạc nhất định đi kèm với bức ảnh. Còn phức tạp hơn, installations có thể là phối hợp của nhiều loại hình nghệ thuật vào trong một tác phẩm. Chẳng hạn như một nghệ sĩ muốn diễn đạt chủ đề "ngày và đêm cuả một người tị nạn": anh ta sẽ dựng một khuôn hình người tị nạn rỗng với kích thước thật, anh ta sẽ khoét hai lỗ ở mắt, đóng một cái hộp làm màn ảnh trước mặt người tị nạn, và chiếu một khúc phim trên đó. Để thưởng thức tác phẩm này: chúng ta phải đứng vào hẳn vào trong khuôn hình để nhập làm một với người tị nạn; bấy giờ chúng ta sẽ nhìn theo ống kính của người tị nạn, nhìn bằng đôi mắt của họ, sống trong thế giới và suy nghĩ của họ.

TT: *Như vậy mỗi lần chỉ có một người được thưởng thức trọn vẹn tác phẩm?*

LT:Vâng. Để thưởng thức chúng ta dùng nhiều giác quan cùng một lúc, vừa nhìn, vừa nghe, vừa cảm nhận, tức là trong một tiến trình đến gần với tự nhiên hơn.

TT: *Còn graffiti art, tranh tường, sẽ được trình bày như thế nào?*

LT: Vì bị giới hạn về không gian, những tranh tường sẽ được chụp lại và chiếu slide trên tường sau lưng ban nhạc DJ.

TT: *Trâm có thể nói thêm về nghệ thuật spoken word?*

LT: *Spoken word* là thơ bằng tiếng Anh, được trình diễn trên sân khấu, có thể trên nền nhạc DJ . Cách đọc gần như nói có vần điệu theo kiểu Rap, âm điệu thôi thúc, gần gũi, quen thuộc như tiếng nói và âm thanh của đời sống, của giai cấp bình dân. Loại thơ này đọc lên mới thấy hết nét độc đáo, vì ý tưởng và nhịp điệu ăn khớp trùng lấp trọn vẹn với nhau, như là phát ra đột khởi tự linh hồn, hoàn toàn không gò bó.

TT: *Còn New Genres?*

LT: Là một lãnh vực trong bộ môn nghệ thuật lấy cảm hứng từ những vấn đề nghệ thuật, triết học, văn hóa và nhân bản; lấy kinh nghiệm từ những cuộc cách mạng kỹ thuật và chiến tranh thế giới – cùng tác động đảo nghịch, hủy hoại, tha hóa của chúng trên đời sống con người.

TT: *Ngoài âm nhạc, sẽ có trình chiếu phim ảnh? Và kịch nghệ ?*

LT: Sẽ có kịch độc diễn do từng kịch sĩ trong ban kịch Club O' Noodles thực hiện mỗi thứ bảy. Về phim và video, sau mỗi lần chiếu sẽ có đối thoại ngắn với đạo diễn về việc dựng phim, quá trình quay phim, cũng như những "câu chuyện" xảy ra đàng sau cuốn phim.

TT: *Như vậy, trọng tâm của F.O.B. là nghệ thuật hay chủ đề tư tưởng?*

LT: Chủ đề tư tưởng là chính, và dùng nghệ thuật để nói lên chủ đề. Chủ đề tư tưởng trong triển lãm F.O.B. là bản sắc cá nhân người nghệ sĩ, những identity khác nhau trong mỗi con người. Fresh Off the Boat chỉ là một trong nhiều identity khác nhau tổng hợp lại để tạo thành mỗi cá nhân đặc thù. Đối tượng chính của cuộc triển lãm này là giới trẻ Việt Nam - những người được đào tạo từ trường lớp Mỹ mang trong người nhiều căn cước đa dạng; và mở rộng ra cho cộng đồng người Việt cũng như cho tất cả những ai muốn tìm hiểu về nghệ thuật và nhân sinh quan của thế hệ này.

TT: *Một trong những mục tiêu đặt ra của F.O.B. là mang nghệ thuật lại gần với con người. Theo Trâm vừa nói thì nghệ thuật lại không phải là trọng tâm của F.O.B . Như vậy có mâu thuẫn gì không?*

LT : Nghệ thuật trong triển lãm này nhằm thu ngắn khoảng cách giữa người nghệ sĩ và khán giả, nhất là những người không qua đào tạo chuyên môn về nghệ thuật. Nhiều người không thích những triển lãm nghệ thuật vì tác phẩm trong đó quá trừu tượng, xa lạ, không làm họ rung cảm được. Đó cũng chính là kinh nghiệm của Trâm, trừ một đôi lần may mắn có dịp nói chuyện với chính tác giả, và được họ giải thích về tác phẩm cho mình. Chỉ những dịp đó Trâm mới cảm thấy mình liên hệ được với tác phẩm, hiểu được ý tưởng tác giả muốn gửi gắm cho mình.

Vì vậy trong triển lãm này sẽ có người hướng dẫn, giới thiệu và thuyết trình về các tác phẩm. Ngoài ra, bên cạnh mỗi tác phẩm sẽ là câu chuyện của chính nghệ sĩ nói về tác phẩm của mình, nhằm giúp chúng ta có cái nhìn sâu hơn , như mở một cánh cửa vào trong thế giới sáng tạo của họ. Có thể là cảm hứng dẫn đến tác phẩm. Có thể là một kinh nghiệm cá nhân đã ảnh hưởng lên tác phẩm. Có thể là một quan tâm, một nỗi đau, một bí mật, một quá trình phức tạp hoặc thú vị trong việc hình thành tác phẩm...

TT: *Tính chất chung của các tác phẩm trong triển lãm F.O.B.?*

LT: Điều Trâm muốn thực hiện là lôi kéo được khán giả vào thế giới của tác phẩm; để khuấy động, để đánh thức những ý tưởng và cảm xúc mãnh liệt nơi người thưởng ngoạn. Vì vậy khung cảnh của buổi triển lãm sẽ hết sức tự nhiên, thô sơ, nguyên thủy, tránh gọt giũa hoặc đánh bóng, để tạo ấn tượng trơ trụi của những người mới chân ướt chân ráo đến một đất nước xa lạ, trắng tay, không có gì ngoài một bọc quần áo làm hành lý.

TT: *Cám ơn Lê Trâm đã dành thì giờ cho cuộc phỏng vấn này.*

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

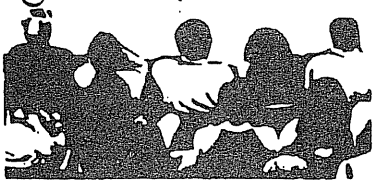

Vĩnh biệt nghệ sĩ Hoài Trung

Lễ vĩnh biệt nghệ sĩ Hoài Trung đã diễn ra vào trưa ngày Chủ Nhật Mồng 4 tháng Tám năm 2002 tại nguyện đường trong khu nghĩa trang Rose Hills với nhiều văn nghệ sĩ và thân hữu đến chia buồn cùng tang quyến.

Sau nghi lễ cầu nguyện theo Phật Giáo do Quí Thượng Tọa Thích Tuệ Minh, Thích Viên Lý, Thích Ân Huệ và Chư Tăng Ni, xướng ngôn viên Phạm Long đã sơ lược tiểu sử của nghệ sĩ Hoài Trung trong suốt hơn nửa thế kỷ phục vụ cho nền âm nhạc Việt Nam.

Kế đến giáo sư Nguyễn Đình Cường đã đọc điếu văn của Thượng Tọa Thích Viên Lý xem nghệ sĩ Hoài Trung như một người anh văn nghệ đầy tài năng cống hiến cho đời trong suốt mấy mươi năm qua. Nghệ sĩ Hoài Trung đã đạt được các mục tiêu Chân Thiện Mỹ trong suốt cuộc đời hoạt động của ông. Ông Phạm Thành, trưởng nam của cố nhạc sĩ Phạm Đình Chương và là cháu của nghệ sĩ Hoài Trung đã cho cử tọa nghe ba đoản khúc có tiếng hát của Hoài Trung. Nhiều người đã không cầm được nước mắt khi nghe tiếng hát trầm ấm sang sảng của ông vang lên.

Tiếp theo là các ông Vũ Quang Ninh, bà Minh Trang, ông Anh Ngọc, bà Kim Tước đã lên nhắc lại những kỷ niệm khó quên với nghệ sĩ Hoài Trung từ 40, 50 năm trước khi còn làm việc tại quê nhà.

Nghệ sĩ Hoài Trung tên thật là Phạm Đình Viêm sanh năm 1920 tại Hà Nội. Ông có tài ca diễn từ thuở thiếu thời và từng say mê các tài tử điện ảnh Hoa Kỳ như Fred Astaire, James Stewart...

Ông đi theo văn nghệ kháng chiến vào khoảng năm 1946-1948 và rất thành công trong hai lãnh vực ca hát và kịch nghệ. Ông cũng là một ca sĩ Việt Nam có giọng ténor và đã hướng dẫn các em trong gia đình trở thành những ca sĩ và đã tập họp thành ban hợp ca Thăng Long gặt hái rất nhiều thành công trong lãnh vực âm nhạc trên sân khấu cũng như qua các làn sóng điện của đài phát thanh từ năm 1951 ở Saigon.

Nghệ sĩ Hoài Trung cũng đã cộng tác với các đài phát thanh Pháp Á, đài Phát Thanh Quốc Gia, Đài Tự Do và Đài Mẹ Việt Nam. Ông cũng còn là một tài tử điện ảnh ở Saigon trước 1975.

Sau năm 1975, ông và gia đình di tản sang vùng Nam California và tái lập ban Thăng Long hải ngoại lúc đầu với Vũ Huyến và Mai Hương. Năm 1980, em của ông là nghệ sĩ Hoài Bắc tức là nhạc sĩ Phạm Đình Chương đã vượt biên thành công đến Hoa Kỳ và cùng với Mai Hương thành một ban hợp ca Thăng Long người nhà như trước 1975 và đã lưu diễn nhiều nơi kể cả Âu châu.

Nghệ sĩ Hoài Trung mất ngày 27 tháng Bảy tại West Covina sau một thời gian dài lâm bệnh, hưởng thọ 83 tuổi. Nghệ sĩ Hoài Trung mất đi trong sự thương tiếc của nhiều giới hâm mộ tài năng của ông trong cũng như ngoài nước. Lễ hỏa thiêu được tổ chức vào ngày Mồng 6 tháng Tám 2002 tại nghĩa tang Rose Hills.

Thuyết trình: Cuộc Khủng Hoảng Của Trí Thức Việt Nam

Một cử tọa hơn 200 người đã tham dự buổi thuyết trình về đề tài Cuộc Khủng Hoảng Của Trí Thức Việt Nam: Sĩ Phu Thời Xưa và Kẻ Sĩ Ngày Nay, diễn giả là Luật sư Lâm Lễ Trinh, do Viện Việt Học tổ chức tại thính đường của Viện vào chiều ngày Chủ Nhật 25 tháng Tám năm 2002.

Sau lời giới thiệu của cô Nguyễn Thị Kim Ngân điều hợp chương trình, Giáo Sư Nguyễn Khắc Hoạch, Viện Trưởng Viện Việt Học đã giới thiệu diễn giả Lâm Lễ Trinh như là một Công tử Cần Thơ rất ham học. Ông đã đậu Cử Nhân Luật tại Hà Nội rồi Tiến Sĩ Luật tại Paris, Pháp. Ông cũng từng giữ các chức vụ Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ thời Đệ nhất Cộng Hòa, Đại Sứ VNCH tại Ý và Trung Đông, Luật sư Tòa Thượng Thẩm Saigon, Giáo sư Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và Đại Học Kinh Doanh Đà Lạt.

Luật sư Lâm Lễ Trinh di cư sang Mỹ năm 1975 và đậu bằng Tiến Sĩ Luật Khoa và Tiến Sĩ Giáo Dục tại Hoa Kỳ. Ông Hiện là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tạp Chí Human Rights từ 1996 cho đến nay. Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch nói Luật sư Lâm Lễ Trinh là một người năng động, cởi mở

và áp dụng sở học vào thực tế với tấm lòng lúc nào cũng hướng về tương lai. Giáo sư Hoạch ví Luật sư Lâm Lễ Trinh như là Lưỡng Quốc Trạng Nguyên vì ông có bằng Tiến Sĩ Luật Khoa của Pháp và của cả Hoa Kỳ.

Luật sư Lâm Lễ Trinh đã đi thẳng vào đề tài Cuộc Khủng Hoảng Của Trí Thức Việt Nam: Sĩ Phu Thời Xưa và Kẻ Sĩ Ngày Nay.

Trước hết diễn giả đã đi vào định nghĩa và phân tích các danh từ Trí thức, Chuyên viên, Kẻ sĩ, Sĩ phu, Khoa bảng... theo dòng lịch sử từ cổ chí kim, từ Âu sang Á cùng những biến đổi của Trí thức theo dòng lịch sử. Theo ông, Sĩ phu là những người mang những sở học và hiểu biết của mình để phụng sự cho đất nước mà không màng đến danh lợi và Kẽ sĩ theo như Khổng Tử nói là người biết hổ thẹn khi làm quấy, biết cách cư xử đúng phép tắc đối với cha mẹ, bạn bè, biết Tri và Hành.

Tiếp theo Luật Sư Trinh đã giải thích bốn giai đoạn khủng hoảng trong lịch sử mà Trí thức Việt Nam đã trải qua, đó là:

1. Giai đoạn Việt Nam mất chủ quyền bị Tàu rồi Pháp đô hộ
2. Giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp
3. Giai đoạn thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa
4. Giai đoạn Cộng Sản Việt Nam thống nhất đất nước bằng chiến tranh.

Giai đoạn kháng Pháp có rất nhiều danh nhân làm nổi bật tinh thần kẻ sĩ Việt Nam về các lãnh vực văn hóa, quân sự, ngoại giao như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Phan Thanh Giản, Bùi Viện...

Luật sư Lâm Lễ Trinh nói đến tinh thần uyển chuyển của giới sĩ phu trong giai đoạn Tân Trào biết vận động các kiến thức Tây phương để đưa đất nước sang một cuộc chiến mới về văn hóa và giáo dục. Trong giai đoạn này, kẻ sĩ Việt Nam đã thực hiện được việc phổ biến Tây học vào Việt Nam như các ông Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh; xây dựng được nền Việt văn với Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Đông Hồ... và đưa chữ quốc ngữ trở thành phổ thông qua nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Diễn giả còn nhấn mạnh trong giai đoạn này nhiều sĩ phu Việt Nam tuy có bất đồng trong đường lối đấu tranh chống Pháp nhưng lại không bao giờ bất hòa với nhau, cả như trường hợp các nhà ái quốc Phan Bội Châu, chủ trương dùng bạo lực chống Pháp trong khi cụ Phan Chu Trinh muốn dùng đường lối hòa bình để dân chủ hoá đất nước. Hai ông vẫn giữ sự kính trọng lẫn nhau tuy không đồng ý về phương thức đấu tranh. Và đấy là một đặc điểm nổi bật của Kẻ sĩ Việt Nam.

Qua giai đoạn thứ thứ tư, Cộng Sản Việt Nam đã xem trí thức không bằng cục phân như Mao Trạch Đông đã nói. Một loạt các cuộc đấu tố trong Cải Cách Ruộng Đất, Trăm Hoa Đua Nở, Nhân văn Giai Phẩm, rồi sau 1975 biến cả nước thành một trại tù Goulag khổng lồ, Cộng Sản Việt Nam dùng bạo lực trù dập trí thức khiến cho dân tình chán nản, dân trí lụn bại, dân khí suy vi.

Về cuộc khủng hoảng của trí thức Việt Nam trong và ngoài nước, Luật sư Lâm Lễ Trinh nói rằng Cộng sản Việt Nam đã thành công trong việc thay đổi mọi vị trí tạo thành một cuộc khủng hoảng về nhân cách, về văn hóa và về luân lý...

Từ 1975 cho đến nay có đến ba triệu người Việt bị đẩy ra hải ngoại đã tạo thành một cơn địa chấn và trong số này có đến 60 phần trăm hiện đang sống tại Hoa kỳ trong một xã hội đa văn hóa, khác hẳn với nền văn hóa và xã hội Việt Nam. Điều này đã tạo ra một cuộc khủng hoảng trong những lớp người tỵ nạn thuộc thế hệ thứ nhất, mà đặc tính là hoang mang khi nhìn về tương lai Việt Nam, mất tin tưởng vào chính bản thân và ngờ vực cả mọi người chung quanh kể cả đồng minh Hoa Kỳ. Điều này còn thể hiện qua "văn hóa lưu vong" với nhiều bi quan yếm thế dẫn đến tuyệt vọng.

Diễn giả cho rằng đó là một hiện tượng, một tâm trạng không nên để cho nó ăn sâu để trở thành chướng ngại cho công cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ tại Việt Nam. Ông cho rằng trong quá khứ Kẻ sĩ Việt Nam dù đã có những lầm lỗi nhưng lúc nào cũng sẵn sàng tiên phong đứng ra nhận lãnh trách nhiệm. Trong số ba triệu người Việt hải ngoại hiện nay chúng ta có ít nhất là 300 ngàn chuyên viên thuộc mọi lãnh vực, mọi ngành nghề của giới trẻ. Những nhà trí thức Việt Nam cần phải phát huy, thể hiện và sử dụng khối nhân lực trẻ to lớn này một cách hữu ích cho đất nước.

Luật sư Lâm nói rằng trách nhiệm của giới trí thức hiện nay là phải tạo được một tinh thần Sĩ phu trong thế hệ thứ hai và đấy là hy vọng có thể phục hưng đất nước, sẽ quét sạch âm khí của Cộng Sản Việt Nam.

Giới trí thức cần phải đoàn kết, theo gương sáng của các bậc sĩ phu tiền bối. Có thể chúng ta có những ý kiến bất đồng nhưng chúng ta không bất hòa và nhất là không chống lại nhau. Có đoàn

kết được thì may ra chúng ta có thể giải quyết được "hội chứng chờ đợi" rất nguy hiểm vì nó có thể dẫn đến tinh thần vong bổn.

Ra mắt Đặc San Văn Học Nghệ Thuật Quảng Đà

Buổi ra mắt Đặc San Biên Khảo Văn Học Nghệ Thuật Quảng Đà đã được tổ chức tại nhà hàng Regent West vào buổi trưa ngày thứ Bảy Mồng 3 tháng Tám năm 2002 trong bầu không khí thân mật và văn nghệ của hơn hai trăm văn nhân nghệ sĩ và đồng hương Quảng Nam đến tham dự.

Nhà thơ Thái Tú Hạp nói rằng buổi ra mắt hôm nay cũng là một hạnh ngộ của những anh chị em văn nghệ sĩ Quảng Đà hải ngoại và đặc san văn học nghệ thuật Quảng Đà đã lên được chín số, mà ông cho rằng đây là con số hên.

Nhà văn Duy Lam kể các kỷ niệm về nhà văn Nhất Linh và cho rằng cuốn Người Quay Tơ của Nhất Linh là một cuốn sách quan trọng của Nhất Linh. Theo ông Người Quay Tơ tuy là tác phẩm đầu tay, nhưng trong đó Nhất Linh gói trọn triết lý về cuộc đời mà ông đã theo đuổi đến cuối đời.

Nhà thơ Du Tử Lê chỉ nói về bốn câu thơ lục bát của Phan Khôi mà ông cho là lột tả được tinh thần kiên cường trong chiến đấu chống sự bao vây mọi phía của xã hội cộng sản:

Làm chi cũng chẳng làm chi
Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao
Làm sao cũng chẳng làm sao
Dẫu có thế nào cũng chẳng làm chi.

Ông nói đó chính là tinh thần Phan Khôi, ông đã học hỏi tinh thần ấy qua bốn câu thơ giản dị, mỗi khi gặp những nỗi khó khăn chán nản trên đường đời.

Nhà văn Phạm Xuân Đài đã giới thiệu bốn văn hữu từ xa về là Lâm Chương, Phan Xuân Sinh, Hoàng Lộc và Đức Phổ. Tuy không có thì giờ đào sâu từng tác giả với các tác phẩm của họ, ông đã nêu được những nét tiêu biểu cho ngòi bút của mỗi người.

Tiếp theo là một chương trình thi ca ngâm thơ Bùi Giáng, hát nhạc của Trầm Tử Thiêng, Lê Trọng Nguyễn, Huỳnh Nhâm với một số nghệ sĩ tên tuổi ở miền Nam California.

Đặc San Quảng Đà kỳ thứ 9 năm 2002 in trên giấy trắng đẹp dầy 680 trang với một nội dung rất phong phú của nhiều văn nghệ sĩ đóng góp trong đó có một số lớn của các văn hữu Quảng Nam Đà Nẵng. Bìa của đặc san là một bức tranh sơn dầu của Họa Sĩ Hồ Thành Đức vẽ một phố cổ Hội An.

Họa sĩ Liên Hương triển lãm tranh

Khai mạc ngày 3 tháng Tám và kéo dài đến ngày 17/8/2002, phòng triển lãm tranh của họa sĩ Liên Hương tại Mimi Studio, thành phố Westminster Nam California đã thu hút nhiều người xem. Chủ đề của cuộc triển lãm: Người phụ nữ Việt Nam.

"Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong tôi bao giờ cũng vậy: sự tần tảo nuôi chồng con; chịu đựng gian khổ, mất mát đau thương trong chiến tranh; thăm nuôi chồng khi ở tù. Những hình ảnh người phụ nữ truyền thống trong suy nghĩ của tôi không bao giờ thay đổi. Tôi muốn giữ lại những hình ảnh đẹp này mãi mãi trong tranh và thơ của tôi." Họa sĩ Liên Hương cho biết những nét chính trong kỳ triển lãm này của chị như thế.

Tranh của Liên Hương chú trọng nhiều đến thể khối, màu sắc và nét cọ mạnh bạo. Chị không đi vào những chi tiết nhỏ, mà đặt bối cảnh, không khí tranh vào từng không gian rộng, được cố tình tạo chiều sâu bằng những mảng màu tương phản mạnh. Và cái còn lại là hình ảnh người phụ nữ Việt Nam tiêu biểu, chọn lọc.

Họa sĩ Liên Hương theo học hội họa tại Ottawa School of Art và University of Calgary (Canada) và tốt nghiệp cử nhân hội họa tại đây, sau đó cùng gia đình sang sinh sống tại Hoa Kỳ. Chị tìm đến thi ca và hội họa như một niềm vui tinh thần, sau những công việc mưu sinh hằng ngày.

Nghệ sĩ Nguyễn Thanh gặp thân hữu tại Quận Cam

Một số thân hữu và nghệ sĩ đã tham dự cuộc họp mặt với ông Nguyễn Thanh tức Thanh Hùng từ Texas sang, tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt vào tối ngày thứ Sáu 16 tháng Tám

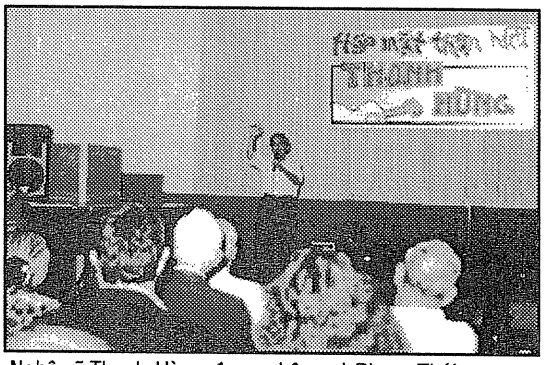

Nghệ sĩ Thanh Hùng đang nhập vai Phạm Thái

năm 2002 trong bầu không khí thân mật và thoải mái. Ông là một nghệ sĩ đầy tài năng rất gần gũi với sinh hoạt văn học nghệ thuật nhiều thập niên qua.

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu đã nhắc lại những kỷ niệm của một thời son trẻ cùng với Nguyễn Thanh có mặt trong rất nhiều sinh hoạt của sinh viên, học sinh hồi thập niên 1960. Thời gian này phong trào sinh viên học sinh có nhiều công tác xã hội cùng với nhiều chương trình văn nghệ sinh viên được diễn ra ngay trong các trại công tác, trại hè hay ngay cả trên sân cỏ trong khuôn viên các đại học. Thời gian này, giọng ngâm thơ sang sảng của Nguyễn Thanh đã đi vào lòng giới trẻ và được nhiều cảm tình của nhiều người. Ngoài ra, nghệ sĩ Nguyễn Thanh đã đóng rất nhiều kịch thơ.

Nhà văn Võ Phiến và Bà Margie Rice, Thị Trưởng Westminster cắt băng khánh thành trụ sở mới Nhật báo Người Việt.

Nhà báo Đỗ Ngọc Yến nhắc lại một số những kỷ niệm về những công tác xã hội đã cùng với Nguyễn Thanh tham dự và nói cuộc họp mặt này là để mừng Nguyễn Thanh đang vượt cái tuổi "thất thập cổ lai hy" và cũng để nhớ lại "những ngày xưa thân ái" với một số bạn bè cũ mà nay nhiều người tóc đã không còn xanh nữa.

Ông Nguyễn Thanh tên thật là Nguyễn Thanh Hùng, năm nay 71 tuổi đang cư ngụ ở Dallas, Texas đã lên sân khấu ngỏ lời cảm tạ các thân hữu dành cho ông một tình cảm đặc biệt. Ông cũng cho biết ông vừa có dịp trị bệnh cho một người bạn và ông cũng thố lộ là hiện ông đang làm..."thầy lang". Nguyễn Thanh có tài ngâm thơ, đóng kịch thơ, hát quan họ, hát chèo và vô số các làn điệu dân ca... Để đáp lại tri kỷ, nghệ sĩ Nguyễn Thanh đã xuất thần ngâm bài thơ Phạm Thái Khóc Quỳnh Như với sự phụ họa dương cầm của nhạc sĩ Nguyễn Hiền.

Nghệ sĩ Nguyễn Thanh vừa ngâm thơ vừa độc diễn vai Phạm Thái khóc người yêu Trương Quỳnh Như với một phong độ khiến cho thân hữu tưởng như mình đang ở trong khuôn viên đại học Saigon năm xưa.

Bài thơ đã chấm dứt, cử tọa như còn ngẩn ngơ với tiếng ngâm của Nguyễn Thanh. Cựu Đại tá Trần Văn Kha đã lên ngỏ lời cám ơn Nguyễn Thanh đã cho ông nghe lại một bài thơ trác tuyệt với sự diễn ngâm xuất sắc lúc thì hùng tráng, lúc thì bi phẫn, mà từ lâu ông không có dịp nghe lại.

Nguyễn Thanh cũng đã đọc một bài thơ mà ông mới sáng tác với nhan đề là Bái Tụng Quốc Tổ nói đến những công trình dựng nước và giữ nước của tiền nhân, đã được mọi người tán thưởng. Và bạn bè tiếp tục chương trình văn nghệ nặng tính chất hoài niệm thời tuổi trẻ qua đã lâu.

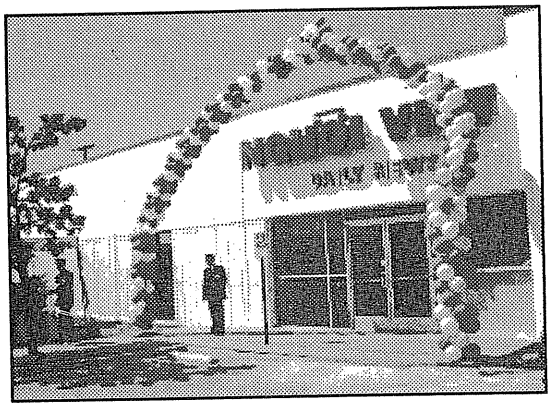

Trụ sở mới Nhật báo Người Việt.

Báo Thế Kỷ 21 dọn về trụ sở mới

Ngày 23 tháng Tám, 2002, báo Thế Kỷ 21 cùng với đài phát thanh VNCR và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ chính thức dời về trụ sở mới của công ty và nhật báo Người Việt, tại địa chỉ 14771 Moran Street, Westminster CA 92683 – USA.

Buổi lễ khai trương đã diễn ra vào lúc ba giờ chiều với khoảng chừng 400 khách khứa tham dự. Nhà văn Võ Phiến cùng bà Margie Rice thị trưởng Westminster đã được mời cùng cắt băng khánh thành trụ sở mới. Buổi lễ khai trương diễn ra trong hội trường rộng lớn nằm bên trong trụ sở, dịp này ban tổ chức đã vinh danh Ban Đại Diện Các Trung Tâm Việt Ngữ Nam Cali và Giải Khuyến Học, là những tổ chức đã có công lớn duy trì và phát triển Việt ngữ trong thế hệ thứ hai, thứ ba của người Việt Nam tị nạn trong suốt thời gian hai thập niên qua./.

Đón đọc

KỶ YẾU MÙA HÈ

VIETNAM CALIFORNIA RADIO

VNCR YEARBOOK 2002-2003

KỶ YẾU MÙA HÈ

Không thể thiếu
trong tủ sách gia đình

Xuất bản lần thứ 5

Phát hành: 29-08-2002

Bài vở hấp dẫn

Muốn nhận miễn phí xin gọi:
714-891-8162 &714-891-8172

TIN VUI CHO CÁC BỆNH NAN Y

THUỐC NGHỆ TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH NAN Y

Nhà phát minh VÂN NGUYỄN

Siêu linh dược - Thần dược **CỦ NGHỆ** đã chữa trị thành công cho hơn 800 bệnh nhân có kết quả. Dưới sự hướng dẫn kinh nghiệm thiên phú những khám phá và phát minh. Cô **VÂN NGUYỄN** từ một bệnh nhân trở thành Nhà Phát Minh đặc chế ra các sản phẩm từ **Củ NGHỆ** để trị và phòng ngừa các chứng bệnh nan y.

ĐẶC TRỊ:

Bao tử viêm loét, no hơi, đi cầu bón hay phân sống - Hôi miệng - Ho kinh niên - Suyễn - Viêm họng - Lở môi, miệng, lưỡi - Sưng nướu răng. Ngứa - Phong - Sunburn - Viêm mũi - Viêm lỗ tai. Mụn cám, Mụn mủ, Mụn nhọt ở các chỗ kín - Da mặt xanh - Da mặt sần - đỏ - Lỗ chân lông lớn. Tóc rụng - Da đầu nổi mụn nhọt, ngứa, gầu. Nhức đầu kinh niên - Đau nhức thấp khớp.

Các đại lý và công ty bán cùng giá.
Sản xuất độc quyền U.S Patent

Cô BÍCH VÂN sau nhiều năm tự chữa trị lành các chứng bệnh nói trên đã phát minh ra nhiều cách chữa trị mới rất hiệu nghiệm đã được nhiều người khen tặng.

THUỐC ĐƯỢC BÀO CHẾ THEO CÔNG THỨC MỚI RẤT DỄ UỐNG

Ngoài ra, Nhà phát minh còn sáng chế một dụng cụ đặc biệt tốt hơn thuốc Viagra cho ***các ông bị yếu sinh lý*** **"Patent Pending"**. Đây là tin vui, nếu như các thứ thuốc trên thị trường và Bác sĩ chuyên môn không hiệu quả! Hãy liên lạc và tham khảo trực tiếp.

Ai đau khổ lâu năm vì các chứng bệnh trên hãy gọi ngay: **CÔNG TY SKIN EXPERIENCE**

1615 Forest Hill Ct., Crofton, MD 21114

Cô BÍCH VÂN - Tel: (301) 858-9448 & Fax: (301) 858-9874

WEB www.SkinExperience.com

Đại diện Công ty ở CA: Hỏi JULIE (949) 380-2661

Các Đại Lý có bán thuốc Nghệ tại California: Nhà Thuốc Thiên Nhiên (562) 218-2328

Nhà Thuốc Vạn Hồi Xuân (714) 893-2922 * Chợ Vanco (714) 530-2999 / (714) 843-1818 / (714) 531-7272

VISA - MAS. - 100% Guarantee Money Back

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 531-2091

THUỘC TỔ HỢP Y TẾ HMO: AMVI MEDICAL GROUP
CHƯƠNG TRÌNH CALOPTIMA: AMVI/PROSPECT 27

Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa
Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn, Phòng Điều trị Khẩn Cấp & Quang Tuyến

Các bạn đi làm hay trong chương trình CalOptima xin hãy chọn các Bác Sĩ:

Bác Sĩ Gia Đình:
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Bùi Thị Lãm Thúy, M.D.
Trần Lauren Yến Châu, M.D.

Bác Sĩ Nội Khoa & Người Già
Nguyễn Hữu Hùng, M.D.
Nguyễn Anh Tuấn, M.D.
Nguyễn Hữu Vượng, M.D.

Bác Sĩ Sản Phụ Khoa
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Hoàng Thảo Christine, M.D.
Phan Tuấn, M.D.
Trần Du, M.D.

Bác Sĩ Nhi Khoa
Nguyễn Văn Lộc, M.D.
Hoàng Quý Minh, M.D.
Ngô Phước Liêm, M.D.

Bác sĩ Giải Phẫu Tổng Quát
Văn Kỳ Chương, M.D.

Bác Sĩ Đau Nhức & Gây Mê
Paul Phạm Việt Anh, M.D.

Bác Sĩ Tim Mạch
Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, M.D.

Bác Sĩ Đau nhức, Chỉnh Xương, Tai nạn Lao động
Hinh Chris, M.D.

* Trung Tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà không cần ở lại đêm.

* Trung tâm được công nhận bởi cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

* Đầy đủ các máy Siêu Âm, Máy Tâm Đồ, Máy Đo Tim, Máy Đo Độ Cứng của Xương để phòng ngừa và truy tầm triệu chứng rỗng xương, một trường hợp rất nguy hiểm cho quý vị.

* Chuyên trị các bệnh Nội, Ngoại thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Bệnh Người Già. Đau Nhức, Tê Thấp, Mất Ngủ, Tiểu Đường, Cao Máu, Cao Mỡ, Tai Mũi Họng, Bệnh Ngoài Da, Dị Ứng, Truy Tầm Ung Thư.

* Khám tổng quát định kỳ hàng năm, khám nhập học, nhập tịch, khám sức khỏe về VN kết hôn.
* Mời quý vị đón nghe Chương Trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group hàng tuần vào mỗi trưa thứ tư, từ 2:15 - 3:15 P.M. trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

Trung Tâm Y Tế Bolsa nhận Medi-Cal, Medicare, CalOptima, và các bảo hiểm PPO.POS, EPO sau đây:

* **AETNA**
* **BLUE CROSS/BLUE SHIELD**
* **BPS HMO**
* **CALIFORNIA CARE**
* **CIGNA**
* **FOUNDATION HEALTH**
* **HEALTH NET**
* **INTERVALLEY HEALTH PLAN**
* **MAXICARE**
* **ONE HEALTH PLAN**
* **PACIFIC CARE**
* **PRO-PATIENT**
* **PRUDENTIAL/PRUCARE/PRU PLUS**
* **SECURE HORIZON'S**
* **TOWER HEALTH**
* **UNITED HEALTH**
* **UNIVERSAL CARE**

AMVI Medical Group, affiliated with Fountain Valley Regional Hospital & Medical Center a TENETH HEALTH SYSTEM

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 53

GIẢI PHẪU THẨM MỸ & CHỮA TRỊ DA

NGỌC NỮ LADY BELLE *Beauty Clinic*

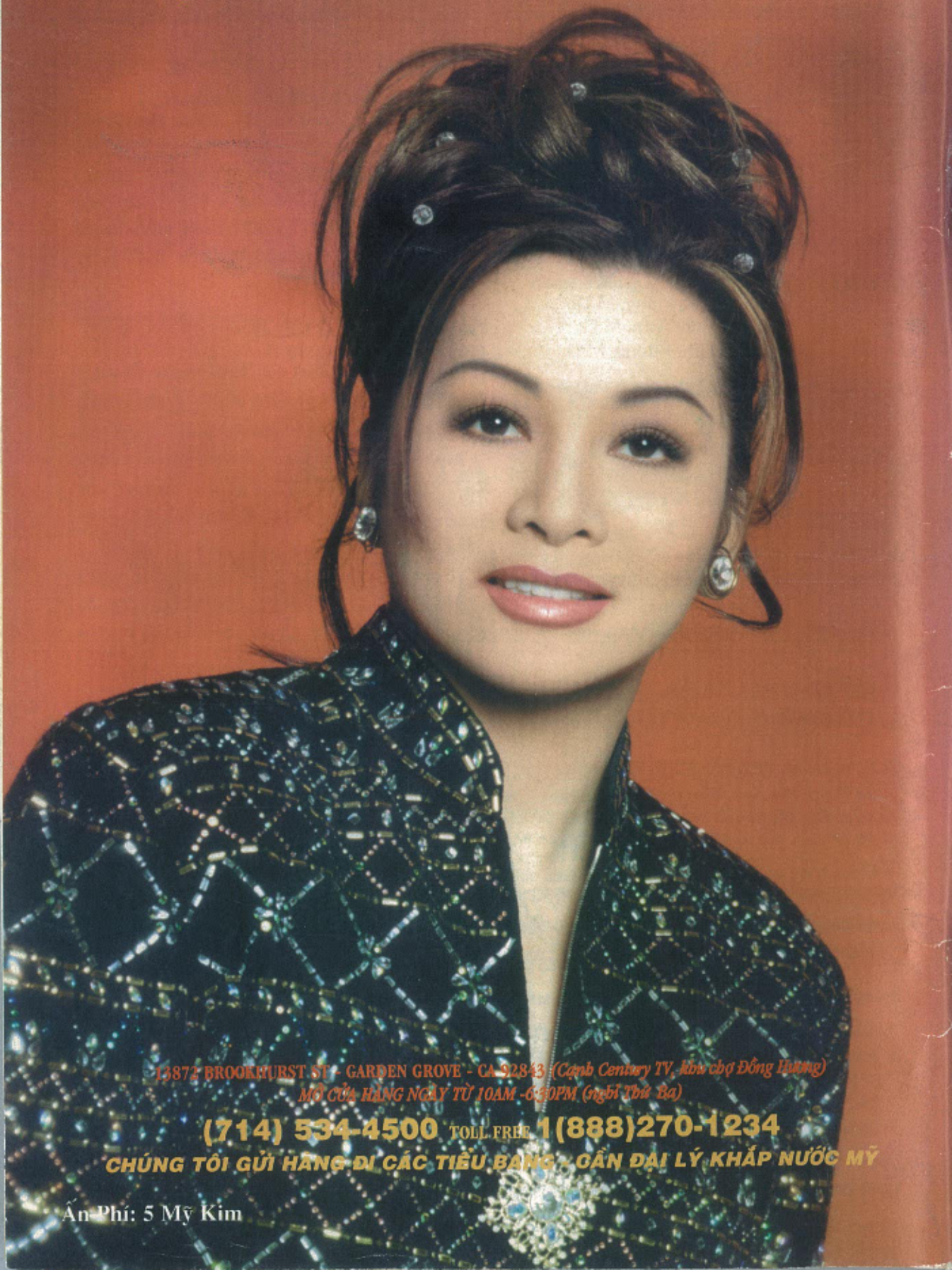

13872 BROOKHURST ST - GARDEN GROVE - CA 92843 *(Cạnh Century TV, Khu chợ Đông Hương)*

MỞ CỬA HÀNG NGÀY TỪ 10AM - 6:30PM (nghỉ Thứ Ba)

(714) 534-4500 TOLL FREE **1(888)270-1234**

CHÚNG TÔI GỬI HÀNG ĐI CÁC TIỂU BANG - CẦN ĐẠI LÝ KHẮP NƯỚC MỸ

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim